



Kỷ Niệm

-NHỊ CHU-NIÊN

văn mùa Giáng-sinh



TẬP SAN VĂN-CHƯƠNG TU-TUO

NĂM THỨ HAI • SỐ 48 • RA NGÀY 15

đọc trong số này

TÁC GIẢ SAINT - EXUPÉRY :

1. 15 thế và sự nghiệp St-Ex . 7. cô đơn và hành động, nguyên
quốc-hùng . nhận định, pierre de boisdaffre . 19. thành phố
hàng tử bé và con chim chết giữa đường bay, bưu ý . 24.
nhận xét về St-Ex, nguyên ngọc diễm . 30, không một tiếng
nguyên-tử quốc-hùng . 49, p. h. simon, St-Ex trong văn học
vũ đình lưu dịch . 57, andré maurols giới thiệu và nhận định
lê huy oanh dịch . 65. ảnh tượng trong " Le Petit Prince ", trần ti

• ĐỌC VĂN SAINT - EXUPÉRY :

66, cậu hoàng con, trần thiện đạo dịch . 75, bay đêm, lê huy o
89, phi cơ chở thư miền nam, phở diễm dịch . 99, giá trị còn
bồi xuân báo & hồ sĩ khướ dịch . 112, thư tuổi trẻ, p. d. t
115, thư gửi tương X . . . bưu ý dịch.

• THƠ VĂN MÙA GIÁNG-SINH :

122, nghĩa, thơ nguyễn thảo nguyễn . 123, những ngày phục si
lâm ong . 124, đêm giáng sinh trên bờ sông, thơ từ kế
enc molnár, chuyện ru ngủ, truyến soạn, trần phơ-a-ak

THƯỜNG-XUYỆN :

đồng thư, truyện dài, thanh tâm tuyên . 163, chêm treo ngi
tử kểu . 169, quét sân đình, chuyện phiếm, mỡ lòng vòn.

VĂN

Tòa soạn và Trị-sự

số 38, Phạm Ngũ Lão, Sài Gòn

Điện-thoại : 23595

biểu, bưu-phieu
VỤYEN BÌNH VƯƠNG

Thư bài vở, 2
TIAN SHINE



Xuất-bản do Nghị-định số 64/BTT/ND, ngày
nhà in riêng của báo VĂN - Quản lý: Nc - Đình Vươ

Sau quốc nạn, đời sống,
bị tù, về oim tay lư



thần gửi bạn đọc,

Mở đầu thư, tôi xin VẤN
xin mạn phép bạn đọc được
ngỏ lời chân thành cảm ơn
các cộng tác viên đã cố
gắng hết sức để hoàn thành
số báo đặc biệt này trong
một thời gian kỷ lục.

Một lời cảm ơn khác xin được gửi tới quý
vị dịch giả Bùi Xuân Bào, Trần Thiện Đạo...,
quý vị giám đốc nhà sách Khai-Trí, cơ sở xuất
bản Giao-Điềm đã vui lòng cho phép VẤN trích
đăng nhiều đoạn trong các bản dịch văn
Saint-Exupéry chưa được xuất bản như : Cậu
Hoàng Con, Bay Đêm, Phi-cơ Chở Thư Miền Nam...

Sự giúp đỡ tận tình và bất vụ lợi của quý
vị đã là một khích lệ lớn lao khiến chúng tôi
vững tâm hơn, mạnh dạn hơn khi bước vào năm
hoạt động thứ ba. Chúng tôi tự nguyện sẽ cố
gắng, cố gắng mãi, cố gắng không ngừng để tờ
VẤN mỗi ngày một tiến, đáp ứng đúng nhu cầu
của bạn đọc, những bạn đọc ham đọc, hiếu học
và ưa suy nghĩ, những bạn đọc đã tận tình
ủng hộ chúng tôi trong hai năm qua.

Hai số tiếp sau, 49 và 50, sẽ hợp chung
thành một số : GIAI-PHẦM XUÂN BÌNH-NGỌ. Quy
tụ hơn bốn chục cây bút viết và vẽ,
chúng tôi hy vọng số Xuân Bình-Ngọ
là một giai phẩm đúng nghĩa,
hình thức tới nội dung.



Il en a eu beaucoup comme
l'écritelle, vous avez dit que
pour un individu dans les
préoccupations étaient les plus
élevées, il a eu un rôle social,
un rôle moral, une influence.
Il a suit pour faire comprendre
aux gens ce qu'ils ne voulaient
pas comprendre. Il s'est attaché
aux problèmes, les plus intimes
et au particulier, d'une façon
que je crois merveilleuse à
celui de la femme. Enfin
Il en peut y ait réussi ou
non chercher, ce nous fournis
non un nouveau jeu de lot
mais une nouvelle. Soit

Kỷ niệm chuyến về Cali
của các em Trâm, Hoài Thư

— Thanh Tâm

thân thể và sự nghiệp 18/7/2011
SAINT - EXUPÉRY

(1900 - 1944)

Antoine Marie-Roger de Saint-Exupéry mở mắt chào đời tại một thành phố kỹ nghệ, nơi gặp gỡ của hai dòng sông Saône và Rhône miền Đông-Nam nước Pháp, đồng bằng và núi non, đường bộ và đường xe lửa chằng chịt : thành phố Lyon. Antoine được 4 tuổi thì cha chết. Trước khi bé Tonio đến trường, gia đình dời chỗ ở hai lần, lần nào cũng sống trong lâu đài nằm cạnh dòng sông của những người trong quý tộc.

Tonio khoái vẽ và thơ, hơn một lần phá rối những cuộc vui chung bằng những lời giảng vẽ hình vẽ máy móc, tàu bay, làm chị em chán ngấy, hay giữa đêm đánh thức mẹ để đọc thơ mình làm cho mẹ và cả nhà nghe.

Năm 12 tuổi, lần đầu tiên Antoine được một phi công đưa đi xem một phi trường, và cũng năm này khởi sự học vĩ cầm để sau này Antoine yêu Mozart.

Học hành không mấy kết quả, nhưng qua được tú tài, năm 17 tuổi, thì Antoine lại đề tang cho đứa em trai. Những năm trung học vừa qua, Antoine chưa hết lặn lội : trong kỳ

thi sát hạch vào trường Hải-quân, được điểm cao nhất về Toán nhưng trượt Pháp-văn vì không đồng ý với đề thi và nộp giấy trắng. Saint-Exupéry ghé vào trường Mỹ-thuật, bộ môn Kiến-trúc, được vài tháng, phải lên miền Bắc thi hành quân dịch. Tại đây, Saint-Exupéry tỏ rõ ngay có năng khiếu về máy bay : buổi đầu tiên, sau một tiếng rưỡi đồng hồ học tập, Saint-Exupéry cất cánh một chiếc phi cơ lạ.

Sau này ông học lái và lái ở nhiều nơi : Casablanca, Toulouse, Dakar, tiếp đến một giai đoạn bay khắp Nam-Mỹ cùng với nhiều bạn nổi danh như Mermoz, Guillaumet...

Saint-Exupéry người vạm vỡ, cao lớn (1m84), mắt lộ, mặt vui trẻ và linh hoạt, ham thích thể thao : bơi lội, xe hơi và nhất là đánh cá bằng thuốc nổ.

Ông là người hoạt động, những tác phẩm để lại đếm được trên đầu ngón tay không biểu lộ ý hướng viết văn bằng sự trình bày một quan điểm hay một triết lý sống và sống động.



Tác phẩm đầu tiên, *Courrier Sud*, là một thành công lớn in ra 1.030.000 cuốn, năm 1928), phóng thành phim năm 1937.

Vol de Nuit, André Gide đề tựa, được giải thưởng Fémina năm 1931, dựng thành phim « Night Flight » ở Mỹ.

Terre des Hommes, Giải thưởng lớn Tiểu-thuyết của Hàn-âm-viện Pháp, 1939, lấy tên là « Wind, Sand and Stars » ở Mỹ, trở thành « Book of the month », một best-seller.

Saint-Exupéry lấy vợ, một góa phụ, năm 31 tuổi. Cuộc đời riêng này, Saint-Exupéry hầu như không nói tới, trong tác phẩm cũng như ở ngoài đời.

1934 : một chuyến bay đi Sài-gòn, bị thất bại.

Đại úy Saint-Exupéry, năm 38 tuổi, được tin người

bạn thân đồng ngũ Guillaumet bị hạ chết, và cùng năm, bị thương vì máy bay, lần này là lần thứ năm, Saint-Exupéry sẽ không bao giờ lành hẳn với vết thương này.

Những lúc nghỉ bay, Saint-Exupéry đề nhiều thì giờ thỏa mãn những năng khiếu thứ : tìm tòi về toán, lý. Saint-Exupéry gặt hái nhiều kết quả cụ thể ở lãnh vực này, được cấp những chứng chỉ về sáng kiến hay phát minh và bán lại. Thí dụ ông đã chế ra một thứ máy giác họa (goniographe) để vẽ góc, hữu ích cho người đi bề ; phối hợp hình học và lý học về gương quay để đặt ra một khí cụ đọc những độ chia ở xa. Ông dựa trên đặc tính của tam giác vuông và tính theo đại số lượng giác đặt ra một cái máy kẻ đường « appareil traceur de route ». Nhiều sáng chế khác đặc biệt về hàng không của ông giúp phi cơ hạ cánh dễ dàng trong trường hợp sân bay bị che mờ. Năm 1940 ông nghĩ ra một bộ máy đọc nhất đặt vào trong phi cơ để kiểm soát các bộ phận. Nếu Saint-Exupéry đáng được kể trong số những người tiên phong mở đường bay trong buổi đầu của ngành hàng không thì ông cũng đã góp công không ít trong việc kiện toàn cơ thể phi cơ. Người ta còn kể lại có một giáo sư Đại-học Alger cho rằng Saint-Exupéry là một thiên tài toán học, muốn đề nghị Saint-Exupéry chứng minh những định lý Fermat (là những định lý chưa được chứng minh thỏa đáng từ thế kỷ 17).



Bị buộc giải ngũ vì tuổi tác (40 tuổi), Saint-Exupéry sang Mỹ, ở gần 3 năm và cho in 3 tác phẩm tiếp theo :

1942. *Pilote de Guerre* xuất bản một lượt ở Pháp và ở Mỹ (« Flight to Arras »). Ở Pháp, sách phải qua sự kiểm duyệt của Đức, chỉ bị bỏ mấy chữ phải bỏ : « Hitler est un idiot ». Cuốn này được Hội Không-quân Pháp truy tặng Giải thưởng Văn-chương. Năm sau, 1943, sách bị chính phủ Vichy Pháp cấm lưu hành theo lời yêu cầu của Lực-lượng Chiếm-đóng Đức, tuy nhiên cũng trong năm này sách ra lậu.

1943. *Lettre à un Otage*, và hai tháng sau, *Le Petit Prince*.

Trong thời gian này, Saint-Exupéry không ngớt đấu tranh đòi trở lại phi trường. Ông được như nguyện nhưng chẳng được bao lâu trong một buổi hạ cánh, Saint-Exupéry đã đề phi cơ chạy lõ ra khỏi sân. Hội-đồng Tư-lệnh Không-quân Đồng-minh vin vào đó, với lại gặp buổi một hai bang giao Pháp Mỹ không êm xuôi, quyết định đề Saint-Exupéry nghỉ bay.

Hoạt động tê liệt trở lại, ông quay trở về Alger giam mình vào phòng nhỏ chữa bản thảo của một tác phẩm khác, *Citadelle*.

1944. Nhờ một sĩ quan khác can thiệp, như cá gặp nước, Saint-Exupéry trở lại phi đội chỉ thân của mình, và tất cả di chuyển đến Corse. Thiếu tá Saint-Exupéry được ban đặc ân thi hành năm phi vụ cuối cùng. Ông tuân lệnh nhưng không bỏ lỡ một cơ hội nào để « ăn gian ».

Ngày cuối tháng bảy 1944, từ Corse, Saint-Exupéry cất cánh lúc 8 giờ 30. Một rưỡi trưa người ta chưa thấy ông về. Nghĩa là phi cơ của ông chỉ còn đủ xăng cho một giờ bay, 2 giờ 30 : mọi người đều biết Saint-Exupéry không bao giờ về nữa.

Di cảo của Saint-Exupéry :

Citadelle tác phẩm dài nhất (500 trang), được giải thưởng. (*Prix des Ambassadeurs 1950*).

Lettres de jeunesse.

Carnets.

Lettres à sa mère.

Un sens à la vie.

Những bài viết khác : nhiều phóng sự về Tây-ban-nha, Nga-sô ; hai bài đề tựa cho sách của Maurice Boudet và Ann Morrow Lindbergh ; truyện ngắn đầu tiên viết năm Saint-Exupéry 25 tuổi : *L'aviateur*.

NGUYỄN-TỬ QUỐC-HÙNG

cô - đơn và hành - động

« The man of the crowd », đã hai lần bị bỏ quên. Người đương thời không đọc Edgar Poe. Hậu thế nếu có đọc Poe thì lại quên « The man ». Phải quên cái yếu điểm của mình đi. Con người cũng nghi vậy. Trong câu truyện trên, Poe tả một người luôn luôn chạy đi tìm sự hiện diện của loài người. Chỉ có thể sống được trong đám đông, nhờ hơi thở của đám đông. Trong sức ấm của nhân loại. Con người là như thế. Yếu tính là hướng về đồng loại : « La personne ne saurait être seule : elle ne saurait être elle-même que par une sorte d'exode et de générosité » (1). Lịch sử của con người là lịch sử một hành trình hướng về sự hiện diện.

Một hành trình tuyệt vọng. Con người chạy trốn cô đơn nhưng hành lý của con người trong cuộc chạy trốn đó vẫn lại là hai chữ cô đơn. Thân phận con người là cô đơn thì con người chỉ có thể hành động, dù cho đó là hành động chạy trốn cô đơn, trong cô đơn mà thôi. Hình như đã từ lâu thi sĩ đã tìm thấy cho con người một hình ảnh đích thực, đầy thi vị, một thi vị lóng lánh định mệnh tàn khốc. Hình ảnh lạc lõng một tinh cầu lang thang trong

(1) Maurice Blondel : l'Être et les Êtres : con người chỉ có thể trở thành chính mình bằng một cuộc hành trình và bằng tình thương.

31/7/1944.

1 giờ 30 trưa. Chiếc Lightning P. 38 của St-Ex chưa về. Những giây phút chờ đợi bắt đầu. « *Les secondes s'écoulaient-Elles s'écoulaient vraiment comme du sang* » (5).

« Chờ đợi là đi trước thời gian và kéo thời gian lùi lại. Là cho thời gian một mật độ và sự cô đặc mà nó không có » (6) Marcel Brion đã nói rất đúng. Chờ một người không đến... Mỗi phút trôi qua mang đi mất một cái gì. Ta chờ, hi vọng càng mong manh và bỗng nhiên ta biết là đã muộn, không biết muộn từ bao giờ...

2 giờ 30. *Dernière limite de l'essence : il est impossible qu'il vole encore.*

Et la paix se fait. (7)

Yên tĩnh trở lại và St-Exupéry sẽ không bao giờ trở lại Bastia-Borgho nữa.

Năm 1938, St-Ex đã viết : « Đêm hôm đó, không những Lécivain đã không hạ cánh xuống Casablanca mà cũng không bao giờ hạ cánh tại một nơi nào khác cả. » (8)



(5) « Những giây phút trôi đi. Trôi đi như những giọt máu, » *Vol de Nuit, Oeuvres*, trang 131.

(6) « Attendre c'est devancer le temps, mais aussi le reculer. C'est attribuer au temps une densité et une consistance qu'il n'a pas. » in « Le monde absurde et diabolique de Dino Buzzati », báo *Le Monde* số ra ngày 13/11/1965.

(7) *Vol de Nuit, Oeuvres*, trang 131.

(8) « ... que Lécivain non seulement n'avait pas atterri à Casablanca, mais que jamais il n'atterrirait plus nulle part ». *Terre des Hommes, Oeuvres*, trang 147.

Trở lại năm 1943. Lãnh thổ Pháp còn nằm dưới gót giày người lính Đức mà St-Ex thì đã 44 tuổi. Người ta không lái máy bay lúc đã bốn mươi tư tuổi. Tuy nhiên nhờ sự can thiệp tận tình của con trai Roosevelt, St-Ex được trở lại phục vụ tại Oudjda, Algérie, trong phi đoàn 2/33. Được ba tháng, đến tháng Tám 1943, St-Ex lại bị sắp vào hạng « trừ bị ».

St-Ex vận động với tất cả bạn bè, người quen thuộc và cuối cùng ngày 10/5/1944, đại tướng Eakers cho phép thiếu tá Saint-Exupéry được thi hành 5 phi vụ trên đất Pháp.

Ngày 30/7/1944. Con số 5 phi vụ đã hết từ lâu và ngày mai St-Ex sẽ thi hành phi vụ thứ tám của mình. Phi vụ cuối cùng và trưa mai lúc 12 giờ 30 khi St-Ex hạ cánh người ta sẽ cho chàng biết bí mật về cuộc đổ bộ trong tháng Tám. Luật lệ đã định sẵn. Một phi công biết bí mật trọng đại nói trên nếu chẳng may bị bắt sống trên đất địch rất có thể sẽ không chịu nổi sự tra tấn... Bộ chỉ huy phi đoàn 2/33 đã quyết xin cho thiếu tá Saint-Exupéry được biết ngày giờ và thể thức cuộc đổ bộ để có thể cấm chàng bay. Bảo vệ chàng chống lại chính mình. Tối hôm đó St-Ex ngồi trầm ngâm trước sự vụ lệnh phi vụ : khởi hành 8 giờ 45. Chụp hình vùng Lyon-Annecy từ 10.000 thước cao. Thời khắc biểu : bờ biển Pháp giữa Nice và Hyères : 9 giờ 30. Annecy-Lyon : 10 giờ 45. Trở về Bastia : 12 giờ 15. Đủ ét-xăng cho 6 giờ bay.

Sáng hôm sau, 31/7/1944, 8 giờ 45, chiếc Lightning P.38 (9) cất cánh...



Đã hơn hai mươi năm người ta chưa tìm được mảnh vụn nào của chiếc phi cơ. Chìm sâu trong lòng Địa-trung-hải nước trong suốt hay chôn vùi dưới băng tuyết trên một đỉnh

(9) Kiểu máy bay do thám, đàn anh của loại U 2 hiện nay.

hoang lạnh của núi Alpes. St-Ex không lưu lại một dấu vết nào nhưng để lại rất nhiều bạn. Và các bạn đã tìm tòi, cố giải thích...

Đối với tướng Gavoille (10) thì rất giản dị ! Không có gì huyền bí cả. St-Ex đã quá già và quá nặng nề để lái một chiếc P. 38 quan sát trên cao độ. Chỉ cần một giây đáng trí là chiếc máy bay sẽ đâm thẳng xuống với tốc lực siêu thanh và tan nát. Ông còn viết « Cũng như chàng Hoàng-tử nhỏ bé, một hiện thân khác, St-Ex đã tan biến trong không gian. »

Đại tá Leleu (11) kết luận ngược lại, cho rằng bí mật vẫn bao trùm cái chết của St-Ex : « Dù sao chăng nữa thì nguyên nhân của thảm kịch vẫn chưa tìm thấy và sự huyền bí sẽ tiếp tục bao quanh những phút cuối cùng của Saint-Exupéry. »

Jules Roy (12) lại đưa ra giả thuyết cho rằng nguyên nhân cái chết của St-Ex là do sự trục trặc của máy cung cấp dưỡng khí : trong khoảng thời gian hơn một tháng trước đó, St-Ex đã hai lần bị tai nạn nói trên, ngày 15/6/1944 làm St-Ex phải trở ngay về phi đạo và ngày 14/7/1944 đã làm St-Ex bất tỉnh.

Cho đến ngày 15/3/1948, mục sư Herman Korth, ở Aix-la-Chapelle viết một bức thư cho Gaston Gallimard :

« Thưa ông,

Nhờ đọc quyển tiểu sử của giáo sư Kellerman mà tôi được biết những tin tức về cái chết của người phi công tên tuổi.

Sau đó tôi đã tìm lại quyển nhật ký của tôi năm 1944, tôi thấy đã có ghi đêm 31/7/1944 những dòng sau đây : « Một phi cơ quan sát bị bắn cháy rơi xuống biển sau một trận không chiến — Đã lưu ý Ajaccio mà không kết quả... » (13)

(10) Người chỉ huy phi đoàn thời đó.

(11) Sĩ quan chỉ huy hành quân của phi đoàn 2/33.

(12) Một bạn thân của Saint-Exupéry.

Tài liệu nói trên đã rọi một ánh sáng vào cái chết của Saint-Exupéry. Nhưng điều đó thực có cần lắm hay không ?



Chàng hoàng tử nhỏ bé đã trở về tinh cầu B 612. Saint-Exupéry « chắc hẳn đã ẩn mình sau sự nghiệp giống như người thợ gặt, sau khi đã buộc các bó lúa, nằm nghỉ ngoài cánh đồng ». (14)

Saint-Exupéry tan biến đi trong cái chết giàu sang tột bậc : St-Ex đã nói điều cần phải nói.

Mermoz, Fabien, Saint-Exupéry... « mỗi hiện hữu rung động, nứt ra để trao cái hạt của mình » (15) và... không một lời than, không gây một tiếng động...

Saint-Exupéry không tự tử. *Un pilote ne se suicide pas* (Jules Roy). Nhưng Saint-Exupéry đã chọn cái chết đó. Roger Caillois đã hiểu điều ấy khi so sánh St-Ex với nhà thơ xứ Cuba José Martí (16)... « Parfois littérature oblige. » (17)

NGUYỄN-TỬ QUỐC-HÙNG

(13) Thư này có đăng trên báo Nouvelles Littéraires ngày 7/6/1962.

(14) Trong *Terre des Hommes*, khi nói về cái chết của Mermoz (máy bay rơi ở Đại-tây-dương, không vết tích), Saint-Exupéry viết : « Mermoz, décidément, s'était retranché derrière son ouvrage, pareil au moissonneur qui, ayant bien lié sa gerbe, se couche dans son champ. » *Oeuvres*, 157.

(15) Chaque existence craque à son tour et livre des graines. G. Prouteau trích trong « Les Dieux meurent le matin ».

(16) *Oeuvres*, bài Tựa, trang XX và XXI.

(17) « Đôi lúc, văn chương bắt buộc. »

PIERRE DE BOISDEFFRE

viết và ghi chú

Antoine de Saint-Exupéry

Saint-Exupéry chào vĩnh biệt

Giải ngũ vào tháng tám 1940, sau khi đã tham dự chiến cuộc Pháp, Antoine de Saint-Exupéry đã sang Mỹ vào mùa thu. Ông phải ở Mỹ hơn hai năm, xuất bản ở đây *Pilote de Guerre* (mà bản dịch — *Flight to Arras* — trong sáu tháng đã dẫn đầu những sách best-seller của Mỹ), *Lettre à un Otage* và *Le Petit Prince*. Năm 1943, ông đi Algérie để tái tham chiến. Nhưng ông phải rất nhiều khó khăn — vì đã 44 tuổi — để được thu nhận làm phi công, và mãi đến 16 tháng Năm 1944, cuối cùng mới có thể đến lại cùng những người thoát nạn của phi đội ông hồi năm 1939, toán 2/33 thân yêu của ông. Suốt năm 1943, ông đã đề công vào *Citadelle*, khởi công từ hơn bảy năm.

Ở Pháp, kiểm duyệt Đức ban đầu đề cho xuất bản cuốn *Pilote de Guerre*, chỉ bỏ bốn chữ này: « Hitler est un idiot ». Cuốn sách hữu ích, nó phản ứng chống lại bệnh chủ bại đang thịnh hành. Saint-Exupéry đã chẳng nói trong sách thế này là gì: « Tôi không bao giờ chối nhận đồng bào... Nếu họ làm nhục tôi đây mình, tôi gói nhục đó lại trong lòng, và tôi lặng thinh... Có thể tôi mới

không ly khai khỏi một bại trận thường hay hạ nhục tôi. Tôi là người nước Pháp, nước Pháp ngày trước đào tạo những Renoit, những Pascal, những Pasteur, những Guillaumet... Nó đào tạo luôn những kẻ bất tài, những nhà chính trị cùng những đấng gian lận. Nhưng đối với tôi, biên hộ cho những người này mà chối bỏ họ hàng với những người kia có vẻ dễ quá. Sự bại trận phân hóa... Hiểm họa chết là ở đây : tôi không tiếp tay cho sự phân hóa để đổ cái trách nhiệm về tai họa lên đầu những kẻ tư tưởng khác tôi, trong số đồng bào tôi. Không có cái gì sinh lợi từ những sự truy tố vắng mặt quan tòa như thế... »

Nghĩa là nước Pháp đối với ông không phải là « một nữ thần trừu tượng », không phải một khái niệm của nhà viết sử, nhưng là một khối thịt sống. « Tôi là người của Guillaumet. Tôi là người của toán 2/33. Tôi là người của nước tôi... Làm sao tôi có thể không hy vọng ? » Ở Alger, nỗi thất vọng của ông đậm đà : ông muốn bay và người ta từ chối ; ông mơ ước một nước Pháp đồng tâm nhất trí thì ông lại gặp những tranh luận lối đó, những chấp nhất, những say máu mà ông cực kỳ chán ngán. Giống như Bernanos, ông « đau bệnh nước Pháp » ; và người ta tìm thấy trong *Thư gửi tướng X* rất hay của ông một số đề tài ít lâu sau sẽ là những đề tài của Bernanos trong *Nước Pháp chống người máy* : « Tôi buồn cho thế hệ tôi rỗng hết chất người... Tôi ghét thời đại tôi hết sức. Con người chết khát thời này. »

« Ô ! Thưa Đại-tướng, chỉ có một vấn đề... Trả lại cho con người một ý nghĩa tinh thần, những âu lo tinh thần. Mưa móc lên đầu họ thứ gì như thánh ca. Nếu tôi có đức tin, chắc chắn qua khỏi thời đại của cái « việc cần thiết và bạc bẽo » này, tôi chỉ chịu đựng nỗi Solesmes mà thôi. Người ta không còn sống nhờ tử lạnh, chính trị, tổng kê và trò ô chữ nữa, ông thấy đấy. Không chịu được nữa... Mỗi việc nghe một bài hát quê của thế kỷ 15 là đo được triển dốc đi xuống. Chỉ còn tiếng nói của người máy quảng cáo. Hai tỷ người chỉ còn nghe mỗi người máy, chỉ còn hiểu mỗi người máy, hóa thân làm người máy... »

Những lời đó không cần bình phẩm ; những lời đó là lời diễn đạt của một tâm hồn trong sạch.

Nói rằng Saint-Exupéry là một anh hùng chưa đủ : Saint-Exupéry là một anh hùng không tí vết. Ông đã không tìm cách để lại « một vết sẹo trên mặt đất », dù là nhờ vào người đồng loại. Ông không dính máu ở hai tay, ông đã liên tiếp bênh vực những người Tây-ban-nha cộng-hòa và những người Do-thái bị hãm hại, luôn cả những người Pháp lạc đường. Ông không tìm danh vọng cho mình và vì thế không có gì làm mờ danh vọng ông. Thiên tài của tuổi thơ nhập vào người ông cũng như đã nhập vào người Bernanos ; nó làm ông trở thành một trong những nhà văn Pháp nhiều nhân tính hơn cả, và cho tác phẩm ông một vẻ hồn nhiên và thân ái.

Thông điệp của Saint - Exupéry

Nếu sự vinh biệt của Saint-Exupéry (1) chỉ gặt hái được một tiếng vang hoán cảnh vào mùa hè 1944 — niềm tôn kính đối với chính thân thể và đối với sự hy cũng như đối với văn nghiệp và còn hơn đối với văn nghiệp nữa — sự vinh biệt đó ngược dòng thời gian đáng được mặc tính chất một lời cảnh cáo. Sự xuất bản của di cảo *Citadelle* đã phải đưa ra ánh sáng một « triết lý » chứa đựng trong truyện ngụ ngôn *Le Petit Prince* trước kia.

Tiếng gọi được nghe đầu tiên là tiếng gọi của sa mạc (2). Như Psichari và cha Foucaud của ngày qua, Saint-Exupéry rũ bụi bặm dính vào giày xuống những thành phố của chúng ta. Ông có thể ký thêm vào bản kháng nghị của một Philippe Diolé chống lại cái « khung cảnh bja đặt gồm đường phố, công trường và nhà cửa » mà văn minh đã đặt xen vào giữa người với ngoại giới. « Không phải riêng

(1) Về thân thể và văn nghiệp, có thể tra cứu : R.M. ALBÉRÈS : *Saint-Exupéry* (1946 ; Albin Michel, xuất bản với phần bổ sung, 1961). JULES ROY : *Passion de Saint-Exupéry* (Gallimard, 1950). JEAN-CLAUDE IBERT : *Saint-Exupéry* (Editions Universitaires, 1954), LUC ESTANG : *Saint-Exupéry par lui-même* (Le Seuil, 1958).

(2) Xem tiểu luận của JEAN HUGUET : *Saint - Exupéry ou l'Enseignement du Désert* chẳng hạn.

khung cảnh được chế tạo, kiến thiết ở thế kỷ 20 này, mà chính ngay tình cảm và đời sống nội tâm nữa. Nhiều cuộc sống trọn đời nằm giữa tàu ngầm mê-trở và rạp chiếu bóng và chỉ còn được nuôi dưỡng bằng những hình ảnh đóng hộp hay những tiếng nói đã thu vào máy hay bằng những cảm xúc giả tạo... Phải đi vòng qua mặt tất cả cái thực tại giả dối đó để tìm lại cái thực tại đích thật (3). Saint-Exupéry không những đã vay mượn của sa mạc cái khung cảnh và mấy trường hợp điển hình về nghị lực đàn ông trong những cuốn sách đầu tiên (*Courrier Sud* và *Vol de Nuit*) mà còn suy tư ra, từ sa mạc, một luân lý và một siêu hình học. Chiếc máy bay đối với ông không chỉ là một cái máy mà là một dụng cụ để phân tích cho phép ông đo mình và đo trái đất. Saint-Exupéry trước hết là người của Cap Juby, của Hàng-không bưu-chính, người phi công bay đêm, kể đến phi công chiến tranh được cuộc bay dạy cho tình huynh đệ đích thật, tình huynh đệ của nghề nghiệp, ở đây mỗi người lao trọn mình vào phần việc của nó, ở đây không thể có một thỏa ước với mục đích đạt cho bằng được, ở đây là phải thắng (đem thư tin đến đúng giờ hẹn, thám sát mục tiêu) hay chết. Đời sống tập đoàn đã khám phá ra giúp ông phẩm tính cao cả của những liên hệ nhân loại. Nhưng, trong cảnh im vắng của những trạm nghỉ bay, ông cũng đã suy tư về con người cùng văn minh của nó; ông muốn thiết lập văn minh, không dựa trên ngôn ngữ mà dựa trên hành vi. (Ở Saint-Exupéry có ít phần lãng mạn hơn ở Malraux; cái mà Saint-Exupéry tán dương chính là hành động hơn là phiêu lưu, là hy sinh, không là cái chết phi lý). Sự thích trật tự của Saint-Exupéry tiếp nối cái thích cụ thể của ông; ở ông tuyệt nhiên không có sự dễ tính đối với hư vô chủ nghĩa hay đối với phản kháng hay đối với cách mạng nữa. Người anh hùng theo ý ông là một người thợ kiến trúc, và nếu có thể, một người xây dựng vương quốc. Không ai bằng Saint-Exupéry khinh miệt những người yêu tự do một cách quá đáng « cái giống cầu, tưởng mình tự do vì đã tự do thay đổi ý kiến, tự do chối bỏ (và làm sao chúng nó biết chối bỏ vì chính chúng nó tự

(3) *Le plus beau désert du monde* (Albin Michel). Nên ghi nhận rằng những nhà văn hiện sinh (Sartre, Simone de Beauvoir), trái lại, chỉ muốn biết có thành phố.

xét xử lấy ? » Với những người như thế, ông đem cái thần bí của Nội Thành ra đối lại, Nội Thành « bùng bít những kho tàng mà loài người từ thế hệ này sang thế hệ khác ủy thác cho nhau bằng mật hiệu » (4). Chính cái thần bí đó, ông đem nó ra đối chọi một cách khinh miệt với những kẻ đã « để con cái lớn lên không uốn nắn. »

Từ hành động, Saint-Exupéry lên tới luân lý, rồi tới sự chiêm ngưỡng. Ông ngừng khảo sát vật vô tri để chú tâm vào « cái ý nghĩa đã liên kết vật vô tri, đi từ chủ trương nay đây mai đó đến sự mọc rễ. Ông cảm đoán rằng một nền văn minh phải bao hàm trật tự và sống lâu. Ông định nghĩa nó như « một di sản làm bằng tin ngưỡng, tập quán và kiến thức, tích lũy chậm chậm theo dòng thế kỷ... bấy nhiêu thứ tự chứng minh lấy. » Ở chóp đỉnh cơ sở, ông đặt một người cầm đầu, người này đem sự độc đoán của mình ra đối chọi với sự rã mục dần dà của vật vô tri. « Tôi thống trị và tôi chọn lựa... Tôi là sự sống và tôi tổ chức. Tôi thiết lập những thác bằng đối chọi với những quyền lợi của hồ ao. Không đáng kể nếu bọn nhái kêu gào bất công. » Những lời tuyên bố đi ngược lại với cả một nền luân lý mới, những lời tuyên bố xây dựng luân lý không phải căn cứ trên quyền lợi tập thể mà trên quyền lợi của những người tốt nhất. Bởi vì Saint-Exupéry không nhìn nhận « những quyền lợi của đá đối với ngôi đền, không nhìn nhận những quyền lợi của từ ngữ đối với bài thơ, không nhìn nhận những quyền lợi của người đối với vương quốc. »

Như vậy, cái lý tưởng quý phái ấy đã được đem ra đối chọi với những triết học hiện đại — những triết học dù mang tên mác xít, hiện sinh hay nhân vị — sự siêu việt của một đấng Thượng-đế vô danh, không nhập thế, không phúc đáp, không ai đạt tới — giống như Tuyệt-đối : « Ngoan cố, tôi lên tới đấng Thượng-đế để hỏi xem cái lý của mọi vật... Nhưng ở đỉnh núi, tôi chỉ khám phá thấy một khối đá hoa cương đen nặng — cái đó là đấng Thượng-đế... Tôi đã không sờ đấng Thượng-đế nhưng một đấng Thượng

(4) *Citadelle*.

để để cho sờ vào không còn là một đấng Thượng-đế... lần đầu tiên tôi đoán rằng sự cao cả của lời cầu nguyện hệ tại trước hết ở chỗ nó không được trả lời và trong sự qua lại đó không có cái xấu xa của một sự mua bán len vào. Và tình yêu khởi sự chỉ khi nào không chờ đợi của cho» (5).

Dù sao chúng ta cũng không nên tin rằng Saint-Exupéry đề nghị dùng làm gương những hệ thống chính trị hay tôn giáo hy sinh con người cho một quyền thế ảo. Ông biết rằng «trật tự và trật tự truất hữu của con người cái khả năng thiết yếu là biến cái ngoại giới và bản thân». Ngày qua, văn hóa ki-tô-giáo, thừa kế của Chúa, đã ban cho mỗi người một nhân phẩm bất khả nhượng. «Nhân bản» mới đã phá sản: «Ngày một ít, quên Con Người, chúng ta đã giới hạn vấn đề chúng ta vào những vấn đề của đơn vị người.» Đá đã chối người thợ kiến trúc và đi hoang trong hư vô. Saint-Exupéry đã kiêu hãnh trả lời cho sự vô trật tự đó: «Nội thành, ta sẽ xây đắp người trong lòng con người!»

Lối dụng ngôn của *Citadelle* — lối của những kinh Ả-rập — làm người ta ngạc nhiên. Người ta đã trích ra những đoạn nói lạc đề vô tận, những chỗ nặng trĩu. Thật vậy, ngôn ngữ *Citadelle* là một lớp vỏ nặng (chúng ta không nên quên rằng Saint-Exupéry đáng lẽ đã phải lược bỏ cho cuốn sách, cuốn sách đã được đọc chép chứ không phải viết); bên dưới những chữ không chắc chắn tư tưởng đang còn dò dẫm. Tuy nhiên, điều vi von không phải là không có cái lớn, cũng như những hình ảnh không phải không đẹp. Nói điều này làm một nhà phê bình lớn không bằng lòng (6): tác giả không phản bội con người, trong *Citadelle*. Và chính văn si đã cố gắng hiển cho ta cái gì quý nhất của ông, cái nỗ lực của một tư tưởng «Không hy vọng gì ở con người nếu nó làm việc cho đời sống riêng tư thay vì cho sự bất diệt của nó.»

Đối với những ai tưởng nhớ một con người Saint-Exupéry khác — giản dị hơn, nhân loại hơn, và tràn đầy tính dễ mến và

(5) *Citadelle*.

(6) Marcel Arland.

bồn nhiên — thì sự xuất bản *Những lá thư* đã đến gọi lại con người thật của ông trong khung cảnh thân tình — tiềm mặc hoài nghi, nhưng lẫn thiên tư của tuổi thơ nữa. Sự xuất bản đó không nghịch lại với cái phẩm tính của nhà văn, *Những lá thư* điểm tuyệt gửi cho Renée de Saussine đã báo hiệu nhà văn khai sinh, « Samson hoan hỷ làm tên thị đồng bị giữ trong bầy của người săn chim. »

PIERRE DE BOISDEFFRE

BỮU Ỡ trích dịch

(trong *Une histoire vivante de la Littérature d'aujourd'hui*. Ed. Perrin, 1961)

ĐANG BÁN TỚI NGÀN THỨ BA

JEAN-PAUL SARTRE

KÍN CỬA

TRẦN THIỆN-ĐẠO giới thiệu, dịch và chú giải

GIAO ĐIỂM xuất bản

thành phố con tin
hoàng tử bé
và con chim chết giữa đường bay

BÛU - Y viết

« Tôi chẳng phải là chim
« Sao biết đường bay mới

Một ngọn củ phong, một hòn đạn đầu chực sẵn... kéo nó xuống biển sâu, con chim đang trên đường về soi bóng trong hồ nước Annecy quê hương nó. Như con sơn dương trong bài thơ Prévert tách đàn phiêu du trong một rừng bất trắc, đến giờ không thấy nó trở về, họ hàng tụ lại ăn, con nào con nấy buồn lắm ; bọn chúng đoán biết nên không chờ nó, cũng không vì nó mà quên làm những việc hằng bữa ; kể từ đó chúng bớt đi một đứa giang hồ.

Từ Nam lên Bắc nước Pháp, Algérie, Nam Mỹ, Bắc Mỹ, trong đêm và tuyết và những tầng mây cao thiếu dưỡng khí, con người đó đã cho tôi hiểu ra rằng đôi cánh phi cơ giúp chàng thắng hóa bình diện sống thường nhật, tình cảnh cô độc giữa không gian khiến con người yêu quý bạn hữu và khi cái chết thường xuyên sát nách, con người mới thiết tha với mặt đất. Saint-Exupéry thu góp và để lại nhiều kỷ niệm của những năm, những nơi, những người đã đi vào đời chàng. Những người ngoại cuộc vẫn tìm thấy những niềm gắn gũi,

nên có lúc nào tưởng đến Antoine, thay vì nghĩ rằng đó là người của một thứ nhân bản quốc gia hay hoàn cảnh, tôi nghĩ : Antoine là một người anh em.

Tôi an nghỉ trong sự suy nghĩ cuối cùng này. Và tôi muốn đóng ngoặc hình ảnh một Nội Thành, một hình ảnh thân cận của Saint-Exupéry nhưng kỳ thật nó đã làm hại những kích thước lớn của Saint-Exupéry. *Citadelle* là tác phẩm nặng nhất về lượng và được chiêm nghiệm trường kỳ nhất của Saint-Exupéry, nhưng đồng thời là tác phẩm xáo trộn nhiều nhất những ý nghĩ tôi sẵn có về người mà tôi không thể quên là đã có lần dùng nụ cười để giải tan hận thù giữa dân Tây-ban-nha nổi da xáo thịt hồi 36-39, đã đau đớn cho quê hương bị trùng vây cũng như đã đau đớn cho đám người Do-thái bị tắm nã. Bởi vì, quan điểm thiết lập xã hội ngày mai của Saint-Exupéry là một xã hội giới hạn mà những phần tử cấu tạo phải được thanh lọc, nghĩa là một xã hội của những người được ưu đãi, hay nói tắt một tiếng, xã hội quý phái : đây không phải là tiếng nói của người anh em, đây phải là tiếng nói của huyết thống quý phái. Tôi sẽ không dừng lại lâu ở nhận xét này, nó cũng chẳng làm tôi biến đổi cái hình tượng phiến diện và thân thuộc về người đó trong tôi.



Tách ra khỏi toàn khối tác phẩm là hai bức thông điệp mà Saint-Exupéry viết ra từ hai miền rất đáng yêu : miền đau khổ và miền thần thoại, là hai miền đồng đảo anh em và bạn bè, hai miền kết hợp tình yêu và tuổi nhỏ, vô định kiến và vô kỷ thị, hai miền làm bằng chất tinh ròng kết quả của bao cô đơn, bao u hoài, bao vết thương, bao tang tóc, bao chết hụt, đó là *Thư gửi một con tim* và *Hàng tư bé* : ở đây không còn là truyện, nghĩa là không có nhân vật hay có rất nhiều nhân vật, « truyện » hay « thư » chỉ là cái cốt.

Nếu xảy bất gặp giữa sa mạc con suối nhỏ như tóc hay giữa vườn một đóa hoa nhung đen vương giả, người nào đó không thể không nghĩ rằng mình đang mê. Chàng phi công ngộ nạn hồi hộp vô cùng khi giữa sa mạc bỗng xuất hiện, như phép lạ, một đứa

bé. Hoàng tử bé xuất hiện từ một hành tinh bất khả tri, viễn du qua những hành tinh khác và gặp một ông vua, một gã kiêu căng, một bọm rượu, một tay áp-phe, một phu thắp đèn, một nhà địa lý. Mỗi hành tinh chiếm riêng một cõi, và mỗi người chiếm riêng một hành tinh. Tất cả đều một mình và tách biệt. Cuối cùng, hoàng tử viếng Trái Đất nhưng khi đặt chân lên đây, rất đổi ngạc nhiên vì không gặp ma nào. Chỉ gặp một con rắn, rắn bảo : đây là sa mạc, nhưng nếu cậu có gặp người cũng thế thôi, cậu sẽ không bớt lẻ loi. Và gặp một con chồn, chồn bảo : muốn đánh bạn với ai, chỉ có cách là thuần hóa kẻ ấy, nghĩa là tạo ra những giếng mối. Và cuối cùng gặp chàng phi công ngộ nạn. Hai người rất mừng rỡ. Nhưng sau đó, ông hoàng tí hon phải từ biệt bạn để trở về hành tinh của mình. Thế nhưng có con rắn độc đã chặn đường không cho nó hồi hương và cơ thể nó biến tan vào lòng đất. Một thế giới thần kỳ, thế giới trù phú nhất, cao nhất hay sâu nhất của con người. Em đến không hiểu từ đâu, em ra đi không hiểu bằng cách nào, chỉ biết em mang đến theo em một ngôn ngữ, một khí hậu, một bản sắc người, hoàn toàn mới, và mở ra một kỷ nguyên kỳ diệu : sa mạc trước kia khô trơ tuyệt vọng bây giờ đẹp ra vì đã có tình bạn và niềm hy vọng và cô đơn được san sẻ, những con thú như chồn trở nên thân thiện, hoa hồng quên dùng đến gai... Về Đẹp đối thoại với Hồn Nhiên. Thêm đôi mắt của Trái Tim. Nhưng ! thực tế đã lộ ra đây : rắn, hình ảnh của Ngộ Nhận kinh tởm. Tại sao hoàng tử bé phải trở lại hành tinh của mình để phải thiệt thân ? Chỉ vì hành tinh kêu gọi, vì ở hành tinh quê hương có đóa hoa hồng chờ em trở về. Em thấy mình có chút trách nhiệm với đóa hoa "rất yếu và rất đại", của em, không thể quên một lời tự hứa. Người phi công thoát nạn, rời sa mạc, lên đường về. Dù mắt mắt, anh cảm thấy bớt cô đơn và tâm hồn giàu có, vì kể từ nay, giữa những vì sao của bầu trời, đã có một vì sao bạn nháy mắt với anh.

Thực tế giết những người đang trí. Nó sùng sỏ buộc con người đối đầu với nó. Thi sĩ và vong mạng như Saint-Exupéry vẫn phải nhìn vào thực tế. Con người của Antoine bị phân đôi. Thư gửi cho một người bị bắt làm con tin không phải là một bức thư,

con tin vô danh và vô chỉ định, bức thư không gửi hay có thể gửi cho người nào đó đồng hương trong số bốn mươi triệu người đang sống trong cái thế con tin trong vòng kiểm tỏa của ngoại nhân. Thư gửi cho người Pháp có tên là Léon Werth, nhưng có thể xem như gửi đồng thời cho người bạn Do-thái năm mươi tuổi, hay gửi cho anh, cho tôi. Tác giả viết bức thư khi tha hương ở Mỹ, thư có ý nghĩa những lời tâm sự gửi về quê hương, lời của một người đứng trước sự im lặng đầy hăm dọa của khoảng cách ngăn. Những kỷ niệm bằng vàng. Những kinh nghiệm của những năm đã sống. Những linh cảm rất cảm động. Những thất thanh rất người. Bao nhiêu hình ảnh đã đi qua đời Antoine để vào hồi chung kết còn để lại những cảm giác chông chênh trong ký ức. Những kẻ tị nạn xao xác trong tàu. Con tàu như xao xác theo. Sa mạc im lặng. Nhưng im lặng không phải là hư vô, và chàng tình ý nhận ra im lặng giữa trưa không giống im lặng buổi tối, hay im lặng huyền bí khác im lặng âm mưu, và vượt lên trên tất cả các thứ im lặng, là những điểm loé sáng ở chân trời : đó có thể là ngôi nhà tuổi nhỏ hay hình ảnh một người bạn. Lá thư thật cảm động, mặc dầu chỉ gọi lại những kỷ niệm con. Một kỷ niệm bé nhỏ hơn cả và phù ảo hơn cả, là : một buổi ngồi với bạn bè ở một cái quán nhỏ ra trên sông Saône, trong cảnh thanh bình của quê hương lại gặp buổi trời đẹp, cao hứng gọi hai người lính thủy lạ mặt đến ngồi chung bàn, tác giả thấy lòng rộn ràng sung sướng vô cùng, không hiểu rõ vì sao, nhưng chắc chắn mình đang rộn ràng sung sướng :

Mặt trời lặn. Giải mặt ấm tắm hàng dương bên kia bờ lặn đồng bằng cho đến tận chân trời. Chúng tôi thêm vui mãi, vẫn không hiểu vì sao. Chúng tôi yên tâm vì mặt trời chiếu thật sáng, vì giòng sông chảy, vì bữa ăn là bữa ăn, vì những người lính thủy đã đáp lời mời gọi, vì người thiếu nữ giúp việc dọn cho chúng tôi với nét tính dễ thương đầy sung sướng tưởng như nàng đang chủ tọa một buổi lễ kéo dài bất tuyệt. Chúng tôi tràn đầy thanh thần được chen chân vào một nền văn minh tối hậu xa lánh hỗn loạn. Chúng tôi đang hưởng thụ một thứ trạng thái hoàn hảo, trong đó bao nhiêu ước vọng được thành tựu cả, chúng tôi không còn gì nữa mà gửi gắm. Chúng tôi cảm thấy mình tinh khiết, thẳng thắn, sáng láng và bao dung. Chúng tôi không thể nói.

cái chân lý nào đã hiển hiện ra với chúng tôi. Nhưng cảm giác vượt lên trên chúng tôi chính là cảm giác của xác thực. Của một sự xác thực có phần kiên cố.

Cũng thời gian này, như một sự cảm ứng, một người bạn đàn anh của Saint-Exupéry đã hạ bút viết trong tập Nhật-ký : " Những ngày sáng đẹp giữa hè, tôi không ngừng nhủ đi nhủ lại rằng chỉ do người mà trái đất đẹp thế này, trái đất buồn thảm ở đấy chúng ta nuốt chửng nhau ! ». André Gide, cũng như Saint-Exupéry, cũng như chúng ta, những kẻ đã nhiều mất mát, luôn luôn tranh đấu để cầm giữ những gì còn lại, sống vì chúng nó và cho chúng nó, những hiện diện mong manh và dễ tiêu trầm.

Saint-Exupéry đã tự đánh tráo thực tế và mơ mộng. Hoàng tử bé nếu không mở ra cho chàng một thiên đường hiện thực thì ít nữa đã ban cho chàng chiếc cầu bắc ngang qua vực cô đơn. Saint-Exupéry mơ hồ nghe thấy vì sao bạn nháy gọi, đã ra đi, và cũng như hoàng tử bé, Saint-Exupéry không đi hết đường về quê hương.



Con chim chết giữa đường bay. Con sơn dương ngã gục giữa rừng. Hoàng tử bé không tái ngộ đóa hoa hồng.

.

Những con chim còn lại không ngót vẽ đường bay trên đầu lũ con tin và những hoàng tử bé.

BỬU - Y

VĂN số 49 & 50
GIAI-PHẨM XUÂN BÌNH-NGỌ

NGUYỄN NGỌC-DIỂM

một vài nhận xét về Saint-Exupéry

I

Năm 1926, một buổi sáng, tại Toulouse, Saint-Exupéry đến gặp Didier Daurat, giám đốc hãng hàng không Latécoère, xin một chân phi công.

Năm 1926, Paris đang say sưa trong bầu không khí điểm ảo, kiểu cách, tràn đầy nữ tính của Jean Cocteau. Trong khi những người con nuông (1) của thế kỷ đang thi nhau tìm cảm giác mới lạ trên những chiếc xe đua lộng lẫy hay trong những hộp đêm hợp thời trang ngạt ngào hương phấn, Saint-Exupéry ra đi khai thác những đường bay mới trên những chiếc máy bay mỏng manh, chưa có máy vô tuyến điện, cánh làm bằng giấy bồi. Toulouse-Dakar, Paris-Saigon, Casablanca-Tombouctou.

Những chuyến bay đêm hiểm nghèo giữa muôn ngàn vì sao lạnh. Những chuỗi ngày dài đằng đẳng tại trạm Cap Juby, một bên là đại dương, một bên là những cồn cát bao la. Năm ngày lang thang

(1) Les enfants terribles, tên một tác-phẩm của Cocteau.
(terrible = quá thê, quá sức)

trên sa mạc Libye, họng khát bỏng, chân rã rời, mắt hoa ảo ảnh. Theo bước Ernest Psichari, André Malraux, Saint-Exupéry đi vào cuộc sống phiêu lưu. Để chiếm hữu trái đất. Tất cả trái đất. Từ New-York tới Saigon, từ Dakar tới Terre de Feu. Qua Đại-tây-dương. Vượt rặng núi Andes. Để chinh phục không gian. Máy bay là cái cây, phi công là người làm ruộng, Saint-Exupéry lên trời vạch luống, lấy những vì sao làm hạt giống. Và nhất là để làm chủ mình. St-Ex đem thử thách, gian nguy làm thước đo sức mình (2), dùng hành động để khám phá mình và tự thể hiện.

II

Thế giới Saint-Exupéry là thế giới của phiêu lưu, hành động, nghĩa là của đàn ông. Không có chỗ cho phái yếu. Trong tác phẩm cũng như trong cuộc đời St-Ex, phụ nữ đóng một vai trò nhỏ (3). Bóng dáng yếu kiều của người đàn bà trong cuốn *Courrier-Sud*, mờ dần với *Vol de Nuit* để rồi biến hẳn trong *Terre des hommes*, *Pilote de guerre*. Độc giả biết đến « họ » vì « họ » là người yêu của phi công, vợ phi công. Vợ Fabien, người yêu của Jacques Bernis... Đối với St-Ex, đàn bà là những bông hồng đẹp chụp trong lồng kính, đằm đằm, yếu đuối, phức tạp và đa sự. Ở xa, hình ảnh người đẹp nuôi giấc mơ lãng tử nhưng khi đứng bước gang hồ. Nhưng ở gần, biết bao nhiêu phiền phức, xáo trộn, khổ đau. Những nam nhân vật

(2) L'homme se découvre quand il se mesure avec l'obstacle, (*Terre des hommes*, trang 9, Gallimard, 1939)

(3) Đây là một đặc-điểm chung cho cả văn-chương thế-kỷ 20. Xưa kia, phái nữ vẫn là mối bận tâm thường xuyên của văn sĩ Pháp. Từ *La Princesse de Clèves* tới *La Chartreuse de Parme*, *Madame Bovary* qua *Manon Lescaut*, *La Nouvelle Héloïse*, đàn bà luôn luôn là trọng-tâm của tác-phẩm. Ngày nay, có lẽ dưới ánh sáng sỗ sàng, sống sượng của khoa học, đàn bà đã mất đi ít nhiều bí mật, nghĩa là ít nhiều quyến rũ. Và có lẽ bây giờ con người có nhiều băn khoăn siêu hình hơn, thấy có nhiều việc cần thiết phải làm hơn là việc phân tách tâm lý phụ nữ.

của St-Ex rất vụng về trong địa hạt yêu đương, nên thường thất bại trên tình trường. Chàng phi công Jacques Bernis yêu Geneviève và mong chia sẻ với nàng cuộc đời gian truân nhưng đầy hứng thú của mình. Chàng đã tưởng tìm thấy ở nàng người bạn đồng hành lý tưởng can đảm và trung thành, dịu dàng nhưng cương quyết như những người bạn chàng để lại bên trời Phi. Nhưng một đêm, lạc đường, trời lại mưa, hai người phải vào tạm trú ở một quán trọ bên đường. Quán thì thiếu tiện nghi, bà chủ lại đa ngôn, và những người bồi phòng tò mò. Những việc nhỏ này không làm chàng khó chịu. Nhưng Geneviève... Ngày mai, không một lời trách móc, không một lời cáo biệt, nàng lặng lẽ bỏ đi. Bernis đánh cam phận : « Có lẽ nàng vẫn yêu ta ; nhưng thôi không nên đòi hỏi quá nhiều ở một người con gái bé bỏng. » (4).

Mười lăm năm sau, Saint-Exupéry viết cuốn *Le Petit Prince*. Một hôm, trên hành tinh của ông hoàng nhỏ, không biết từ đâu bay tới một hạt giống. Hạt giống nảy mầm rồi một bông hồng xuất hiện. Ông hoàng nhỏ không nén được sự thần phục của mình :

— Trời ơi đẹp quá !

— Thật ư ! bông hoa nhỏ nhẽ trả lời. Tôi cũng sinh ra một lúc với mặt trời đấy !

Ông hoàng nhỏ đoán nàng chẳng khiêm nhượng nào, nhưng sắc đẹp của nàng mới dễ cảm lòng người làm sao !

Tính tự-kieu của bông hồng làm khổ ông hoàng nhỏ không ít. Hoa lại hay đa sự nữa :

— Tối đến, phải để tôi vào lồng kính đấy nhé... Góm, ở đấy sao lạnh thế ! Bình phong đâu ?

Rồi nàng ho lên mấy tiếng để ông hoàng nhỏ hối hận. (5)

(4) Sans doute l'aimait-elle toujours, mais il ne faut pas trop demander à une petite fille. (Courrier-Sud. Paris, Gallimard, 1929, trang 132)

(5) *Le Petit Prince*, New-York, Reynal and Hithcock, 1943, trang 30-31)

Không chịu nổi tính đồng đánh của hoa hồng, ông hoàng nhỏ bỏ đi. Cũng như Jacques Bernis, ông hoàng nhỏ không tìm thấy lối vào vũ-trụ huyền-ảo của phái đẹp.

III

Vì thật ra Saint-Exupéry không muốn thu hẹp thế giới trong phạm vi hai người. Yêu nhau không phải là nhìn nhau, để tìm trong mắt nhau hình ảnh của mình, lớn hơn và đẹp hơn. Không phải thứ tình yêu Narcisse, yêu người mà chính yêu mình. Thế giới Saint-Exupéry là thế giới của những người cùng nhìn về một hướng. Của tình bạn. Tình bạn không úy mị, hẹp hòi, ích kỷ như tình yêu trai gái. Tình bạn là nhu cầu khẩn thiết trên trái đất căn cõi này. Trong một thế giới nay đã trở thành sa mạc, chúng tôi khao khát những người bạn. » « Đối với tao, mây chỉ là một thằng bé như trăm ngàn thằng bé con khác. Và tao không cần mây. Và mây cũng không cần tao. Đối với mây, tao chỉ là một con cáo như trăm ngàn con cáo khác. Nhưng nếu mây làm thuần tao, chúng ta sẽ cần nhau. Đối với mây, tao sẽ là con cáo độc nhất trên thế gian này. Và đối với tao mây sẽ là người độc nhất trên thế gian này. »

Tình bạn làm cho đời đẹp biết bao ! Không có thú cô đơn. « Cái thú thực sự là cái thú ngồi cùng bàn ; nước uống không đủ quyền lực làm say mê nếu nước chẳng phải là tặng phẩm của người thiện chí ». (7) « Nếu mây làm thuần tao, đời tao sẽ vô cùng sáng lạn. Tao biết được một bước chân khác mọi bước chân. Những bước chân khác làm tao chạy tụt xuống đất. Bước chân của mây gọi tao ra khỏi hang như một điệu nhạc ».

(6) Dans un monde devenu désert, nous avons soif de camarades. (Pilote de guerre. Paris, Gallimard, 1942, trang 196)

(7) Le plaisir véritable est plaisir de convive. L'eau n'a point de pouvoir d'enchanter, si elle n'est d'abord cadeau de la bonne volonté des hommes. (Terre des hommes, trang 40)

Tình bạn cho mỗi vật một ý nghĩa mới, giúp ta khám phá thêm vũ trụ. « Máy hãy nhìn kia ! Máy thấy đằng xa những cánh, cánh đồng lúa mì không ? Tao không ăn bánh mì. Lúa mì đối với tao vô ích. Nhưng cánh đồng lúa không gọi cho tao gì hết. Và như vậy thiệt là buồn. Nhưng tóc máy màu lúa vàng chín. Khi máy làm thuần tao rồi thì thật là tuyệt ! Lúa màu vàng sẽ làm tao nhớ đến máy. Và tao sẽ yêu tiếng gió thổi vào ruộng lúa... » (8).

IV

Thế giới của tình bạn ; nhưng cũng là thế giới của mọi người. *Terre des hommes*. Vì tất cả mọi người đều là anh em. « Chúng ta đều liên đới với nhau, do một hành tinh chở đi, đoàn thủy thủ của một con tàu. (9) Mỗi người chúng ta đều mang hình ảnh của Nhân-loại. Chúng ta là những viên đá của một giáo đường mỗi người một nhiệm vụ, người để xây bàn thờ, kẻ dùng làm ống xối, nhưng chúng ta đều có một mẫu số chung : chúng ta là thành phần của giáo đường. Một cây có thể hiện qua cành, lá búp, hoa, nụ, quả ; nhưng cành lá, búp, hoa, nụ, quả đều vẫn là cây. Vũ điệu flamenco không phải của riêng người Tây-ban-nha mà là của tất cả dân tộc trên hoàn vũ.

Năm 1935, trên đường bay sang Đông-dương, phi cơ của Saint-Exupéry liệt máy, rớt xuống sa mạc Ai-cập. Cát, mặt trời, cát. Hỏa ngục trần gian. Và khát. Nước bọt, nước mắt cũng đã cạn khô. Vào ngày thứ năm, một người Ả-rập hiện ra trên lưng lạc đà, oai nghiêm như một vị thủy thần, tiến về phía Saint-Exupéry và Prévot, người thợ máy. Thoát chết !

« Hỡi người Bédouin xứ Libye, hình ảnh bạn sẽ mãi mãi xóa nhòa trong ký ức của tôi. Tôi sẽ không bao giờ nhớ khuôn mặt

(8) *Le Petit Prince*, trang 68, 69.

(9) *Nous sommes tous solidaires, emportés par la même planète, équipage d'un même navire* (*Terre des hommes*, chương VIII).

của bạn. Bạn là Người và bạn hiện ra trước mắt tôi với bộ mặt của tất cả mọi người. Bạn không cần nhìn chúng tôi mà bạn đã nhận ra chúng tôi. Bạn là người anh em thương mến. Và, đến lượt tôi, tôi sẽ nhận ra bạn ở tất cả mọi người. Tất cả những bạn tôi, tất cả những kẻ thù của tôi. Bạn bước về phía tôi, và tôi không còn một kẻ thù nào ở trên đời này nữa. » (10)

Khởi đầu Saint-Exupéry dùng hành-động làm phương tiện tự thể hiện, coi phiếu lưu như một thứ tâm thuật của nhà khổ hạnh. (11) Khi hành nghề, ông gặp gỡ những người bạn đồng nghiệp, cùng chí hướng : Reine, Mermoz, Guillaumet, sau này trở thành 'những người bạn lớn. Rồi vượt khỏi ái tình hẹp hòi trai gái, nói rộng tình bạn, Saint-Exupéry giang tay đón tất cả nhân loại. Từ chỗ khám phá mình, khai triển mình để hưởng mình, Saint-Exupéry đã đến chỗ cảm thông và trao đổi với mọi người. Từ cá-nhân chủ-nghĩa Saint-Exupéry đã đi đến nhân-bản chủ-nghĩa vậy. (12)

NGUYỄN NGỌC-DIỂM

(10) Quant à toi qui nous sauves, Bédouin de Libye, tu t'effaceras cependant à jamais de ma mémoire. Je ne me souviendrai jamais de ton visage. Tu es l'Homme et tu m'apparais avec le visage de tous les hommes à la fois. Tu ne nous as jamais dévisagés et déjà tu nous as reconnus. Tu es le frère bien-aimé. Et à mon tour, je te reconnaitrai dans tous les hommes. Tous mes amis, tous mes ennemis en toi marchent vers moi, et je n'ai plus un seul ennemi du monde. (Terre des hommes, chương VII).

(11) Ascèse.

(12) Đây cũng là con đường của André Malraux. Trong Les Conquérants, La voie royale, Malraux lấy mạo hiểm để chiếm hữu mình. Qua cuốn La condition humaine, ông đã biết dùng cách mạng để giải phóng đồng loại.

NGUYỄN-TỬ QUỐC-HÙNG

không một tiếng động

« *Il tomba doucement comme tombe un arbre. Ça ne fit même pas de bruit, à cause du sable.* (1) Saint-Ex cũng thế. Ngã xuống nhẹ nhàng, như một cái cây. Không gây ra một tiếng động...

... *je n'ai pas retrouvé son corps* (2). Chàng Hoàng-tử nhỏ bé đã tan vào không gian. Ở đâu? Lúc nào? Không ai biết. Đã 21 năm. Nhưng chúng ta, chúng ta biết, biết rằng St-Ex đã trở về tinh cầu của mình (3) cùng một đoàn chim. « *Je crois qu'il profita d'une migration d'oiseaux sauvages.* » (4).



LND : Tất cả chú thích về tác phẩm của St-Ex đều căn cứ vào « *Antoine de Saint-Exupéry — Œuvres* » Bibliothèque de la Pléiade.

(1) *Le Petit Prince, Œuvres*, trang 493.

(2) Tôi không tìm thấy thi thể chàng. *Le Petit Prince, Œuvres*, trang 493.

(3) *Le Petit Prince, Œuvre*, trang 493 : « Mais je sais bien qu'il est revenu à sa planète... »

(4) « Tôi cho rằng chàng đã đi nhờ theo một đoàn chim di cư ». *Le Petit Prince, Œuvres*, trang 436.

vũ trụ, trần trường và cô độc. Hình ảnh dòng sông Ngân-hà với một chuỗi linh hồn lấp lánh trôi theo dòng thời gian như những ngọn nến trên tay trinh nữ chấp chờn theo một chuyến xe tang, ánh sáng yếu ớt không đủ xuyên khoảng không ngăn cách đến tinh cầu kế cận (2). Những tia sáng mong manh trong đêm tối vô tận là những cố gắng tuyệt vọng của linh hồn mỗi mòn thông cảm với tha nhân. Tuyệt vọng như tiếng nói của loài cá. (3) Cũng hình ảnh đích thực đó lại xuất hiện trong thơ Carson Mc. Cullers: những linh hồn nặng nề chán chường như chiếc đồng hồ buổi chiều đông, tinh cầu cô độc với gió lạnh len lõi bao quanh:

« All unrelated, and with air between » (4).

Sống kiếp người là sống kiếp cô đơn; cô đơn từ niên thiếu:

*« We are the insulted, brother, the desolate boys
Sleepwalkers in a dark and terrible land
Where solitude is a dirty knife at our throats
Cold stars watch us, chum
Cold stars and the whores. »* (5).

Số kiếp lạnh lẽo đó bám vào ta cả trong cái chết. Sống trong bơ vơ đời dẫn, chết trong đơn chiếc, băng giá. Bơ vơ giữa thiên nhiên.

(2) Sully Prudhomme: *La voie lactée* (1869)

*« Un deuil blanc mené par des vierges
Qui portent d'innombrables cierges
Et se suivent languissamment »*

(3) Rainer Maria Rilke: Sonett 90-II.

(4) Khi Carson Mc Cullers sang thăm Paris, được mời diễn thuyết tại Sorbonne, nữ văn-sĩ chỉ đọc một bài thơ ngắn có câu trích ra đây. Các tiểu thuyết của G. Mc Cullers xoay quanh chủ đề: Cô đơn.

(5) Kenneth Patchen: *Street corner college*

*« Các bạn, chúng ta là những kẻ cô đơn, bị nguyên rủa
« Những kẻ mộng-du đời dẫn trong một thế giới ghê sợ
« Nơi đó cô đơn là một con dao dơ bẩn kề vào cổ ta
« Chỉ có những ngôi sao nhìn ta
« Những ngôi sao và những con diêm »*

« Và em cảm thấy cô đơn giữa vẻ đẹp huy hoàng của vũ trụ » (6) và cô độc hơn bao giờ hết trong cái chết : Thực ra, chết cái chết của tôi là điều duy nhất mà không ai có thể làm thay tôi cả » (7). Số kiếp của con người hiện thân qua chàng Manfred từ già ánh sáng mặt trời : « Ta chết cô độc cũng như ta đã sống cô độc. Chính mình ta hủy hoại đời ta ». (8)

Niềm cô đơn có lẽ đã xuất hiện cùng một lúc với loài người. Đã từ lâu nhưng không đều đặn, lúc thì cay nghiệt, đau đớn lúc thì lắng dịu hòa hoãn. Cảm giác « *Tedium vitae* » của Lucretius (9) đã là hiện thân siêu hình của cô đơn.

Nhưng đã có những thời con người sống với lý trí, tôn sùng lý trí, dùng lý trí giải thích và sắp đặt lại vũ trụ theo lý tưởng hòa hợp, trật tự và vững bền. Trong những khoảng thời gian « an ninh » giả tạo đó con người đã sống hòa đồng với một vũ trụ hợp lý, hợp lý như là cái lý trí thiên cận của con người. Sống trong khung cảnh mà bản chất quen thuộc, không còn bơ vơ lạc lõng, niềm cô đơn sẽ lắng xuống, bị tạm quên đi. Chìm đi như những lượn sóng ngấm cuộn mình trong sức mạnh vô biên, chìm sâu dưới lòng biển cả mặt nước phẳng lặng chói lóa ánh nắng mặt trời.

Cũng đã có những thời mà con người sống với lòng tin nhiệt thành, một thứ nhiệt thành si mê. Ánh sáng toát ra từ sự hiện hữu và hiện diện của Thượng-đế trong lòng người tin đồ đã xua đuổi bóng tối cô đơn ra tận ngoài giới biên của vũ-trụ. Con người sống an hòa với Thượng-đế, bình yên trong ánh sáng của lòng tin. Nhưng bóng tối cô đơn không phải đã tan biến hẳn, chúng lần quất ngoài thềm của vũ-trụ, hăm dọa, kiên nhẫn như bóng tối lạnh lẽo bao quanh ánh sáng vàng vọt một ngọn bạch lạp chập chờn giữa thánh đường u tịch.

(6) Hölderlin : Wenn aus der Ferne : « Nếu từ xa »

Bài thơ này làm vào thời kỳ tác giả đã mất trí.

(7) « Introduction aux Existentialismes », Emmanuel Mounier. Paris Gallimard, 1962 — trang 64.

(8) Byron — « Manfred », 1817.

(9) « Chân chương cuộc sống » trong « De Naturae Rerum ».

Trong những thời đại đó con người, nhờ bằng vào sự thiên cận của lý trí, vào sự lừa dối ngây thơ của lòng tin đã gượng gạo tự dối lòng, quên đi cái tàn tật của mình, đã chạy trốn cái thân phận con người cô đơn của mình.

Có một lúc nào đó con người bỗng lại nhận ra rằng mình cô đơn, không biết tự bao giờ, một thứ cô đơn cay nghiệt, không thể thoát khỏi nhờ hiện diện thể chất của tha nhân : « Inconnu, je me mêlais à la foule : vaste désert d'homme », (10) Vũ-trụ cũng biến đổi, kénh kiêu và xa lạ :

*« Elle me dit : Je suis l'impassible théâtre
Que ne peut remuer les pieds de ses acteurs
Mes marches d'émeraude et mes parvis d'albâtre
Mes colonnes de marbre ont les Dieux pour sculpteur
Je n'entends ni vos cris, ni vos soupirs, à peine
Je sens passer sur moi la comédie humaine
Qui cherche en vain au ciel ses muets spectateurs »* (11)

Thượng-đế chỉ còn là một hình ảnh xa xôi, lãnh đạm độc ác, uy nghiêm một cách bất tiện trong bức tường cẩm kiên cổ : « Lãnh đạm trước những tiếng kêu của con người, bỏ rơi thế giới loài người như một bào thai thiếu thốn », (12). Bằng hình ảnh đó con người lại ý thức được thân phận cô đơn của mình. Niềm cô đơn đã được các thi sĩ lãng mạn sống và diễn tả. Thế kỷ 19 là thế kỷ mà tình cảm cô đơn đã sống lại và đã chiếu vào văn chương bằng những hình ảnh rõ ràng. Từ Chateaubriand đến Vigny, từ Kleist đến Wordsworth đều đã khơi sâu mối cô đơn của nhân loại, đã tả tình cảm đó bằng những nét độc đáo. Nhưng cô đơn lãng mạn là một thứ cô đơn nhẹ nhàng. Nhẹ nhàng vì lãng mạn. Có lẽ đã phải chờ đến thế kỷ 20 con người mới hoàn toàn ý thức được cái đau đớn của thân phận cô đơn của mình, mới cảm thấy cái lạnh lẽo sắc bén của cô đơn hơn bao giờ hết.



(10) Chateaubriand : René.

(11) Vigny : La Maison du Berger.

(12) Vigny : Le Mont des Oliviers.

Cô đơn của con người thế kỷ XX có những sắc thái đặc biệt, khác những màu sắc siêu hình. Con người đạt đến tận cùng bản chất của cô đơn. Trong *Homo Viator*, Gabriel Marcel đã nói đến « Cô đơn và tuyệt vọng » (13). Ta cũng có thể tự hỏi phải chăng Cô đơn và Tuyệt-vọng thực ra chỉ là một. Thế kỷ của Tuyệt-vọng hay thế kỷ của Cô-đơn đó là hình ảnh duy nhất của thế kỷ chúng ta. Con người thế kỷ là hình ảnh một người bỗng chợt thấy một bàn tay nắm lấy mình quăng vào một vũ trụ xa lạ, hỗn độn, mệnh mông, bên tai còn văng tiếng nói đã xa vắng « Mi hãy tự lo lấy thân ». Hình ảnh một chiếc thuyền bồng bềnh trên đại dương, không địa bàn, một đêm tăm tối không trăng sao. Hình ảnh bi thiết đó của con người là sự kết hợp của một cuộc ám sát, hai lần ly dị và một chuyến vượt ngục thất bại. Ám sát Thượng-đế. Ly dị với vũ trụ và ly dị với những giá trị cổ truyền. Thất bại trong việc trốn khỏi ngục tù cô đơn của bản thân, Tình-yêu, Nghệ-thuật hay Hành-động cũng chưa bao giờ hoàn toàn giải thoát con người ra khỏi bức tường cô độc.



Thực ra cuộc mưu sát Thượng-đế đã được âm mưu từ lâu rồi. Nó bắt đầu bằng hình ảnh một « Deus etiosus », một Thượng-đế xa vắng, chìm trong im lặng và lạnh nhạt. Nó đã được sắp đặt bằng cuộc Cải-tạo, bằng công trình của thời Phục-hưng, bằng cuộc cách mạng thế kỷ 18. Những biến cố lịch sử trên đã đưa một lý tưởng của tiến bộ, khoa học đã thay cho lòng tin. Nietzsche chỉ là kẻ thừa hành của một tất yếu lịch sử, cầm dao kết liễu Thượng-đế. Thần tượng của chúng ta hiện nay là những Prométhée, Maldoror, Jara-throusta, Job... những anh hùng của cuộc nổi loạn chống Thượng-đế. Bây giờ thì Thượng-đế đã chết. Trước xác chết con người bàng hoàng, ngơ ngác, trống rỗng. Khóc lên tiếng khóc yếu hèn:

« *To try to become like God*
Is far from becoming God » (14)

(13) Gabriel Marcel : *Homo Viator* trang 78.

(14) Theodore Roethke : « What can I tell my bones ». (Tôi có thể nói gì với xương của tôi)

Vô lý nhưng là sự thật : con người cần Thượng-đế tuy « *Thượng-đế chẳng bao giờ nghĩ đến lỗi người* » (15) Đứng trước « *bầu trời trống rỗng và câm lặng, một ngực tù nghiêng nát trán ta bằng sức nặng ghê hồn* » (16) con người thấy mình cô quạnh, nỗi cô quạnh mà Berdiaeff gọi là « *Lòng thương về Thượng-đế* » « *Cette solitude est l'expression de la nostalgie de Dieu, de Dieu comme sujet et non comme objet* » (17). Lỗi lầm của chúng ta là đã không sớm biết : « *Con hiền Ngài như chưa bao giờ con hiền lỗi người* » (18). Bây giờ thì đã muộn và niềm cô độc cay nghiệt chỉ là sự trả thù của nạn nhân sau khi gục ngã. Không còn lạc quan hăm hực (19), con người chỉ còn tiếng kêu thảm thiết yếu đuối : « *Que Dieu revienne, que Dieu revienne* » (20). Cô quạnh trong niềm tiếc thương Thượng-đế con người cô độc trống rỗng, thiếu linh hồn, mơn tiếng thét bị thương của Faust : « *Hãy trả linh hồn lại cho ta* » (21). Thác thời gian cuốn trôi con người vào lòng định mệnh. Ánh sáng thánh đường không cháy lại lần thứ hai. Tuyệt vọng điên cuồng đi tìm những huyền thoại thay thế : « *ils s'affolent dans des mystiques de remplacement, nation, race, masse* » (22) bản chất huyền thoại là giả tạo. Những tên đầu cơ huyền thoại Hitler, Mussolini, Staline đã chết, trở về với cát bụi như huyền thoại trở về mây khói. Bây giờ chỉ còn mòn mỏi đợi chờ trong trống rỗng siêu hình. Chờ đợi định nghĩa như là một thiếu thốn trong đó mọi hy vọng đều bị gạt bỏ. « *En attendant Godot* » (23) Godot thay vì God, chỉ là nét liêm sỉ cuối cùng của loài người. Tên sát nhân mất kho vì đau đớn đập phủ miếng vải trắng lên xác trần truồng của người yêu. Con người không

(15) Rainer Maria Rilke do Katharina Kippenberg nhắc lại trong « R.M. Rilke một nhân chứng » trang 75.

(16) Hoelderlin : *Mémors Klagen um Diotima*.

(17) Nicolas Berdiaeff : *Vème Méditation sur l'Existence*.

(18) Hoelderlin : *Da ich ein Knabe war*.

(19) Dostolevsky : *Anh em Karamazov* : « Nếu không có Thượng-đế thì tất cả đều được cho phép ».

(20) Salacrou : « *Un homme comme les autres* » Acte III.

(21) C. Marlowe : « *Faust* ».

(22) Emmanuel Mounier : *Introduction aux Existentialismes*, trang 70.

(23) Samuel Becket : « *Trong khi chờ Godot* », kịch.

còn gì để nói nữa, tất cả đối thoại đều là độc ác. Chỉ còn chờ đợi, đợi cái gì không bao giờ đến (24). Godot hay God. Chỉ còn chờ đợi và cô đơn, *cette solitude qui est l'expression de la nostalgie de Dieu*. Đó là thân phận con người siêu nhân thế kỷ XX, thừa hưởng từ bàn tay đầm máu của người điên giết Thượng-đế.

Bi đất cô đơn mệnh mỏng chưa dứt. *Ce n'est pas tant la mort de Dieu qui fait la solitude du monde ; il ne faut pas oublier l'autre rentement* (26). Thế kỷ XX đã bắt đầu với động từ "déraciner", (25). Mất gốc vì con người đã chối bỏ tổ tiên, tách rời ra khỏi di vãng để rơi vào hoang vu của cô độc. Từ bỏ lý trí, tàn phá các giá trị cổ truyền, con người không còn là đứa con của lòng đất nữa mà trở về địa cầu như một kẻ xa lạ ngượng ngùng. Trong điên cuồng của tàn phá con người chỉ còn là "Der Geist der Stets verneint" (27), Mephisto của Goethe, con người đã đạt đến hư vô, đã vồ lấy hư vô trong một cơn điên chiến thắng của tàn phá. (28) Trong cơn gió lốc tất cả đều sụp đổ. Không còn gì cả, nhân bản cổ truyền La-Hy, đạo đức Thiên-chúa-giáo, lý trí. Tất cả chỉ còn là hình ảnh điêu tàn của những giáo đường Incas trong rừng hoang vu xứ Pérou. Cái khoa học mà kẻ ngu si vẫn coi như là chiến thắng của nhân loại cũng đã sụp đổ, tan nát, sụp đổ vì đã thất bại trong việc mang lại cho con người giải đáp những ưu tư siêu hình. Boutroux rồi Poincaré đã đập những nhát búa cuối cùng. *Le dernier géomètre est mort*. Nhà toán học hình học cuối cùng đã chết. Chết mang đi kỳ vọng của con người vào chân lý tuyệt đối của khoa học. Không còn chân lý tuyệt đối vì vũ trụ không còn trung tâm nữa. Phải chăng Deisenberg rồi Planck, rồi Einstein đã chứng minh là mỗi hệ thống đều phải có những dụng cụ đo lường cho riêng mình. Không thể có một mẫu đo lường chung cho cả vũ

(24) R. M. Albérès : « L'aventure intellectuelle du XXe siècle » trang 345.

(25) Maurice Barrès : « Les Déracinés » tiểu thuyết, 1902.

(26) R. M. Albérès : « L'aventure intellectuelle du XXe siècle » trang 34.

(27) « Tinh thần chối bỏ tất cả sáng tạo », tiếng Goethe dùng để tả Mephisto.

(28) Karl Jaspers : « Rencontre internationale à Genève », 1949.

trụ. *Il n'y a point d'étalon universel de mesure* (29) Kết quả là con người đã bị đuổi ra khỏi trung tâm của vũ trụ như đã bị đuổi ra khỏi vườn địa đàng. *Plus de sol sous son pas : océan. Plus d'espace sous son regard : Nuit* (30). Hình ảnh của con người hiện tại là một hình ảnh bi thảm, bơ vơ giữa một vũ trụ thù hận, độc ác. Từ xác chết của Thượng-đế, từ đến đài lý trí hoang phế, từ một vũ trụ, một lịch sử bí hiểm bóng một con người hiện ra đặt dờ trong kinh hoàng và cô độc, cái bóng của trống rỗng và chỉ là trống rỗng. Đã xé bỏ những « Đồng tiền giả », mỗi con người phải tự tạo ra cho mình những đồng bạc mới. « Không có một phương pháp nào, một lý thuyết nào có thể áp dụng cho tất cả mọi người » (31). Mỗi cá nhân là một trung tâm của vũ trụ, có nhiệm vụ soi sáng vũ trụ bằng những giá trị tự mình đặt ra. Mỗi con người là nguồn giá trị độc nhất cũng như những tinh cầu là nguồn ánh sáng độc nhất của vũ trụ. Không thể trông cậy vào kẻ khác, vào Thượng-đế, vào những hệ thống có sẵn của dĩ vãng. Hình ảnh con người giữa sa mạc, tất cả những dấu chỉ đường, những mốc định phương hướng đều đã bị đập đổ, vùi lấp, chỉ còn những đôi mắt menh mông sâu vào hoang lạnh. Đi về đâu. Hướng đi của mỗi cá nhân phải tuyệt đối tự do mình tạo ra. Lựa chọn ở đây như thế đồng nghĩa với cô đơn, cô đơn tận xương tủy. Đáng lẽ N. Berdiaeff đã phải viết thêm « *La solitude est aussi l'expression de la nostalgie des valeurs passées* ».

Cô độc trong đời sống tâm linh, cô độc trong suy tư, con người hiện đại lại còn cô độc trong sáng tạo. Ta không phủ nhận là từ ngàn xưa người nghệ sĩ đã sống trong cô độc « *He is a limb torn off from society* » (32). Bản chất của nghệ sĩ là vong thân, cái vong thân của kẻ thiên khai hình tượng của chân lý. Muốn đạt được cái thiên chức của mình người nghệ sĩ phải tự tách mình ra khỏi đám đông hỗn độn. *The artist, thought he may employ the crowd, is very careful to isolate himself* » (33) Thiên chức đó là đau khổ « *Malade*

(29) R. M. Albérès : « L'aventure... » trang 218.

(30) René Huyghe : « L'art et l'âme » trang 452. (1962.)

(31) Gide : « Les Faux Monnayeurs ».

(32) Frank Kermode : *Romantic Image*, trang 7.

(33) J. Joyce : *The day of the Rabblement* (1901).

de sa différence avec la foule (34) nhưng là lẽ sống của người nghệ sĩ. Từ ngàn năm trước *The artist* đã là *a solitary man* (35) nhưng ở thế kỷ chúng ta tình trạng đó còn bi đát, đau đớn hơn ngàn lần. Người nghệ sĩ Hy-lạp hay thời Phục-hưng sống trong một vũ trụ trong sáng, đôn hậu; Người nghệ sĩ hiện đại chỉ có một ý chí hướng về cô đơn, về độc đáo, về sáng tạo, chấp nhận một cuộc đấu tranh bất tận và tàn khốc chống một thiên nhiên thù hận, vô nhân. Chà đạp tất cả lễ lối, phép tắc, thoát khỏi vòng nô lệ của thực tại nghệ thuật thế kỷ XX chấp nhận cô đơn, tàn phá *"tabula rasa"* đảo lộn vũ trụ thành *"massa confusa"*, trở về hỗn loạn nguyên thủy để sau đó xây dựng lại, sáng tạo ra một vũ trụ mới, trật tự, liên hệ, ràng buộc và giao cảm thân ái với con người như vũ trụ của huyền thoại những huyền thoại sơ khai của nhân loại đã mờ đi trong bóng tối của thời gian. Tranh lập thể của Picasso hay Braque chỉ là hình ảnh một vũ trụ đã bị đập nát như những mảnh gương vỡ nằm trên mặt đất. Từ Cézanne nghệ thuật đi vào một con đường mới. Cái cảm giác *Unproblematic sense of being at home in the world* (36) của người nghệ sĩ không còn nữa. Woringer trong *Abstraktion und Einfühlung* (37) đã so sánh rất đúng nghệ thuật hiện đại và nghệ thuật nguyên thủy. Con người thuở sơ khai thấy chung quanh mình một vũ trụ huyền bí đen tối, hăm dọa. Sự hãi hoang mang xâm chiếm những tâm hồn giản dị ấy và từ đấy một khuynh hướng chối bỏ cái thiên nhiên quái đản, kỳ bí. Những khối, những đường nét kỳ hà xuất hiện để đáp lại khát vọng con người muốn có một vũ trụ thẳng thắn và vừa tầm tri thức của mình. Những băn khoăn, ưu tư trước những vấn đề tâm linh, nỗi hoang mang, sợ sệt trước vực thẳm chóng mặt của thời gian và không gian, đã là nguồn gốc của nghệ thuật Bizantin, nghệ thuật Ai-cập và kiến trúc Gothique. Người nghệ sĩ Ai-cập *"trăm tư trước sự đều đặn của thời gian, năm, tháng, của dòng sông, trước sa mạc buồn bã, trước bộ mặt lăm lè của vũ trụ"* (38) và mơ ước một nghệ thuật trừu tượng thể hiện một

(34) Albert Béguin, do Frank Kermode « *Romantic Image* » trang 5.

(35) J. B. Yeats trong thư gửi cho con.

(36) Herbert Read : *A concise history of modern painting*, trang 121.

(37) Luận án của Woringer, 1908.

(38) Elie Faure : *Histoire de l'art*.

lý tưởng toán học kỹ hà « vững bền và chính xác như những nguyên lý chi phối sự tuần hoàn của vũ trụ và nhịp điệu của bốn mùa » (38) Byzance đã kéo dài thể giới cổ điển La-Hy đến cuối thời Trung-cổ. Nghệ thuật của Byzance thoát thân từ nghệ thuật Hy-lạp nhưng nơi những tác phẩm điêu khắc Byzance « vẻ trong sáng của nghệ thuật dorien và nét tươi cười của nghệ thuật ionien không còn nữa. Une inquiétude effrayante habite leurs prunelles fixes et autour d'elles, au lieu de la lumière du grand jour et du limpide espace, l'obscurité des chapelles accumulent ces phosphorescences magiques qui traînent sur les tas d'ordures et les eaux empoisonnées. » (38) Người nghệ sĩ hiện đại bán khoán và hải hùng muốn mang vào nghệ phẩm những « values of necessity and regularity » (39). Năm 1911, khi Kadinsky, Franc Marc, Münter và Kubin lập ra nhóm *Der blaue Reiter* (40) lấy tên theo tên một bức họa của Kadinsky từ năm 1903 — và tung ra một bản tuyên ngôn đồng tên thì nghệ thuật đã chính thức đi vào con đường mới. Trước miếng lụa trắng người họa sĩ run lên vì cô độc. Không một tia sáng, không một hải đăng. Chỉ có màu trắng, trắng tinh khiết, màu của cô đơn.

Ám sát Thượng-đế. Ly dị với giá trị cổ truyền, ly dị với vũ trụ. Những bức tường kiên cố ngục tù giam hãm con người trong lạnh lẽo hải hùng. Và con người mơ một lần giải thoát, thoát khỏi khắc nghiệt của cô đơn. Giấc mơ của đấng Christ tại Jardin du Mont des Oliviers. Mong ước hiểu như là một khát vọng, mầm tuyết vọng gặm nhấm tự trong tim. Chưa bao giờ người bộ hành lạc bước giữa sa mạc, máu bốc thành hơi, đã uống nước ốc đảo trong ảo ảnh chân trời.

Có những người tìm theo ảo ảnh của ái tình. Nhưng ái tình chỉ là huyền thoại, tình của chú Cuội với chị Hằng trên cung Quảng. Không còn ai biết ái tình là gì cả.

*« Nobody knows what love is anymore
Nobody knows what happened to God
After midnight, the lesbians and fairies*

(39) Herbert Read, trang 123.

(40) « Người kỵ mã áo xanh ».

*Sweep through the street of the old lenderloin,
Like spirochetes in a softening brain » (41)*

Ái tình đã chết cũng như Thượng-đế đã chết. Chỉ còn lại phần thể xác nhầy nhụa. Huyền thoại ái tình chỉ còn là một xâu chuỗi kết bằng hiệu lăm đối trá. Zvevo, Pirandello, Moravia là những nhân chứng hùng hồn tuyệt vọng, dang tay xóa bỏ giấc mơ đẹp của loài người. Văn chương Ý của thế kỷ XX là những tia nắng làm tan lớp sương mù sau đó nhân loại mơ tưởng một thế giới thần tiên : chỉ có bùn và những cơn vật nhớp nhúa. Bản chất con người không thể có ái tình. Hình ảnh nhân loại là nàng « Bạch-Tuyết » (42) của Rimsky Korsakov : Suốt mùa đông giá lạnh nàng mòn mỏi chờ đợi tình yêu. Mùa xuân đem Miskir đến cho nàng. Nàng đón chào người yêu, tim rộn rã hạnh phúc. Nhưng sức ấm của tim nàng mà lửa ái tình mang lại làm tan nàng Bạch-Tuyết khao khát tình yêu, tan thành những giọt nước trong suốt róc rách trên sườn núi, khóc cho thân phận người trinh nữ ai thương, ngàn đời sống trong giá lạnh không bao giờ được biết hương vị của tình yêu.

Có những người bầu vịu lấy nghệ thuật như cơ hội tuyệt vọng cuối cùng. Virgile dẫn Dante ra khỏi địa ngục vẽ với nàng Béatrix nhưng có những địa ngục muôn đời không có lối ra. Nàng Ariane của P. Ducas chưa bao giờ giải thoát được những tù nhân của Barbe Bleue cũng như nghệ thuật cũng chưa bao giờ hoàn toàn, tuyệt đối giải thoát con người khỏi ngục cô đơn. Người ta đã đặt nhiều hy vọng vào khả năng của nghệ thuật như là một ngôn ngữ. Và ảo vọng ấy đã có từ lâu :

« Poema loquens pictura, pictura tacitum poema » (46). Những người nuôi ảo vọng không phải chỉ có mình Cicéron. Giáo-hội cũng đã dùng nghệ thuật để truyền bá lòng tin, mang tình yêu Thượng-đế vào lòng người khác : « Điều mà Thánh-kính dùng ngôn ngữ để dạy ta, điều đó những hình tượng làm cho ta cảm thấy bằng mắt

(41) Kenneth Rexroth « For — a masseuse and prostitute. »

(42) Opera của Rimsky-Korsakov.

(46) Rhétorique à Hérennius.

sắc và làm hiện ra trước mặt ta. » (47) Nhưng đấy cũng chỉ là một sự hiểu nhầm, hiểu nhầm về bản chất của nghệ thuật. Nghệ thuật không phải là những toa xe lửa chở thư cho các hãng buôn, cũng chẳng có thể là những luồng sóng điện truyền tin hiệu giữa hai tinh cầu biệt lập. Nghệ thuật chỉ là « a mere geometric decoration » (48) và Jackson Pollock đã không nhầm khi cả quyết « the painting has a life of its own ». (49) Một họa phẩm sống một đời sống riêng biệt, biệt lập với những cảm giác hay cảm nghĩ của người nghệ sĩ. Liên hệ giữa nghệ sĩ với tác phẩm là liên hệ giữa Jupiter và chàng Oreste xấc xược của les Mouches. Nghệ sĩ sáng tạo ra nghệ phẩm nhưng sáng tạo ra nó tự do và đối với mỗi nghệ phẩm cũng như đối với con người « l'existence précède l'essence ». Một họa phẩm bằng mỹ tính của nó gây ra nơi mỗi người chúng ta một xao xuyến, một cảm giác nhưng họa phẩm không hề và cũng không thể diễn tả cảm giác, xao xuyến đó. Một nghệ phẩm không diễn tả gì cả. Nó đẹp, đẹp như những vì sao lấp lánh, đẹp nhưng im lặng, lạnh lùng.

Có những người muốn chiến thắng định mệnh khắt khe của mình bằng hành động. Hành động coi như cố gắng cuối cùng để xuyên qua bức tường khe khắt của cô đơn. Trong số những người đó có những phi công dũng cảm đến khiếm tốn của những chuyến bay đầu tiên của nhân loại. Hành động của họ có một ý nghĩa hệ trọng đặc biệt. Ý nghĩa đó được diễn tả lại cao cả và bình dị trong những tác phẩm của Saint-Exupéry.



Bắt đầu là những thú nhận ai oán : « J'ai ainsi vécu seul » (50) Và như thế tôi đã sống cô đơn. Cô đơn ngay từ tuổi niên thiếu, giữa những người thân. Cùng với năm tháng sẽ là những cuộc phiêu

(47) Concile de Constantinople.

(48) Kandinsky do Herbert Read trong « A concise history of Modern Painting »

(49) Do Herbert Read trong « A concise History... »

* Những ghi chú sau đây đều căn cứ vào Saint-Exupéry, Oeuvres, Coll. la Pléiade

(50) Oeuvres, Le Petit Prince, trang 412.

lưu tìm hơi ấm của đồng loại. Phiêu lưu trên những cánh chim di cư lộng gió, qua những tinh cầu lẻ loi và chật hẹp. Chật hẹp không có chỗ cho tình thương chân thành, cho thông cảm, cho kính trọng một hiện diện. Không có con người « *Pour les rois, le monde est très simplifié. Tous les hommes sont des sujets* »... chỉ có những thần dân... «...pour les vaniteux, les autres hommes sont des admirateurs » (52)... chỉ có những kẻ ngưỡng mộ. Trong sa mạc, chàng Hoàng tử cảm thấy hơi cô đơn... « *on est un peu seul dans le désert... — On est aussi seul chez les hommes, dit le serpent* » (53). Cô đơn không phải vì vắng mặt, vì khiếm diện, nhưng cô đơn vì không có cảm thông, vì không kính trọng và chấp nhận hiện diện của tha nhân... và lần đầu tiên, trên chiếc tàu nhung nhúc hành khách, chõng chát lên nhau, dường như tôi bắt đầu hiểu sa mạc... (54) Vì sa mạc không ở Sahara, không ở Juby, le désert n'est pas là où l'on croit (55) sa mạc nằm trong lòng những thành phố đông đảo ồn ào. Và cuộc hành trình qua sa mạc tiếp tục với năm tháng, đi lẫn về trong thất bại của già nua... *Vaste me parut ma solitude* (56) Những lời thú nhận thất bại. Cuộc vượt ngục đã thất bại và con người đã thất bại trong sứ mạng làm người.

Sứ mạng là cảm thông. Con người cần cảm thông với đồng loại như người lữ hành trong sa mạc cần nước uống. Môi dán chặt vì khô, mắt mờ đi trong cơn loạn trí, máu bắt đầu sôi trong huyết quản vì sức nóng mênh mông của mặt trời, của cát bỏng, của dầu óc quay cuồng... chúng tôi cần uống... *nous demandons à boire mais nous demandons aussi à communiquer* (57) khát cả sự hiện diện của tha nhân. Con người dùng cây đề so sức mình cùng thiên nhiên, dùng phi cơ để chiến thắng không gian, dùng ngôn ngữ để vượt khoảng không vô tận giữa các tâm hồn. Hình ảnh những chim bồ câu trắng

(54) Oeuvres, Le Petit Prince, trang 439.

(52) Oeuvres, Le Petit Prince, trang 444.

(53) Oeuvres, Le Petit Prince, trang 462.

(54) Lettre à un Otage, Oeuvres, tr. 294.

(55) Lettre à un Otage, Oeuvres, tr. 296.

(56) Citadelle, Oeuvres, tr. 594.

(57) Terre des hommes, Oeuvres, tr. 223.

mong manh và ngây thơ trong sứ mạng nặng nề, mang trên cánh tình thương của nhân loại. Nhưng hình ảnh đó cũng chỉ là huyền thoại. Con người đã bị phản bội và lừa dối. Dụng cụ ngôn từ đã phản bội ta trong sứ mạng cao đẹp của cảm thông. Thượng-đế đã lừa dối ta khi cho ta cái ảo tưởng của một phương thức liên lạc dễ dàng. « *Les mots du langage ne charrient rien qui soit digne d'intérêt* » (58). Tất cả ngôn ngữ chỉ là trống rỗng. *L'homme disposait d'un langage vide* (59). Tiếng nói của loài người vô nghĩa như tiếng rít của gió lồng lộn trong sa mạc. Tất cả hoài bão con người đặt nơi ngôn ngữ chỉ là ảo tưởng và lừa dối. Ngôn ngữ chỉ có thể là nguồn gốc cho các sự hiểu lầm chứ chưa thể là phương tiện của cảm thông.

Hy vọng nơi ngôn ngữ lóe lên rồi phụt tắt, tan biến như ảo ảnh dưới nước chốn chân trời, trả lại con người cho tuyệt vọng cô đơn sa mạc. Nhưng giữa sa mạc mênh mông ảo ảnh kế tiếp và trùng điệp vùng chân trời. Người lữ hành đổi hướng và quay về Thượng-đế, tìm hiện diện của Thượng-đế để giảm nỗi khao khát của nội tâm. *Dieu n'est pas mort mais Dieu est silence*. Đối với nhân loại Thượng-đế đã chết chưa, vấn đề không đặt ra nữa, vì Thượng-đế chỉ là im lặng, im lặng của thánh đường, lìm lìm như khối đá hoa màu đen bóng. *Mais le bloc de granit ruisselant d'une pluie luisante me demeurait impénétrable* (60). Thượng-đế chỉ là Thượng-đế khi còn im lặng. Một dấu hiệu của hiện diện, một ý định đối thoại, sẽ là ảnh phản chiếu khát vọng của con người bị cô đơn hành hạ, khát vọng chuyển lên bằng lời cầu nguyện. *L'apprentissage de la prière est l'apprentissage du silence* (61) Và lời cầu nguyện chỉ thực có giá trị cầu nguyện khi không được trả lời và khi không thể có hy vọng được trả lời. Câu trả lời ở đây chỉ có thể là hình ảnh con người trong gương. Người và hình ảnh của người, vẫn vòng luẩn quẩn của cô đơn, dù rằng gương đó là khối đá hoa đen bóng, loang loáng ánh nước mưa. Vì

(58) La Citadelle, Oeuvres, trang 563.

(59) La Citadelle, Oeuvres, trang 764.

(60) La Citadelle, Oeuvres, trang 683.

(61) La Citadelle, Oeuvres, trang 643.

bản chất của mình Thượng-đế phải cảm nín và cũng lại trả con người về với nỗi đau đớn oán hờn của cô độc miên man.

Lại một lần nữa ảo ảnh biến đi trước mắt người lữ hành lạc bước trong sa mạc mênh mông, ảo ảnh Thượng-đế. Và người lữ hành lại đổi hướng, nhìn về vũ trụ, thiên nhiên. Thiên nhiên của sa mạc là thiên nhiên khô cằn, không nhân tính. Vũ trụ xa lạ, hoang mang. Những đồi cát mênh mông, liên miên bất tận của sa mạc Sahara, những đỉnh núi tuyết trinh nữ ngàn năm không in vết dấu chân người. Thế giới ấy, vũ trụ ấy không phải là thế giới của con người lạc loài giữa những tinh cầu xa lạ... *nous nous sentimes perdus dans l'espace interplanétaire, parmi cent planètes inaccessibles, à la recherche de la seule planète véritable, de la nôtre, de celle qui, seule, contenait nos paysages familiers, nos maisons amies, nos tendresses.* » (62) Và con người sẽ mãi mãi còn là người lữ hành lạc loài, chơi vơi giữa không gian của vũ trụ, tìm về tinh cầu nơi đó có phong cảnh quen thuộc, có tình triu mến, một tinh cầu nhỏ bé nằm chìm trong ngàn triệu tinh cầu trần trướng, xa lạ. Chàng Hoàng-tử nhỏ bé tìm về với bóng hồng yếu đuối kiêu hãnh vì có bốn cái gai. Chắc con người chỉ tìm thấy bóng hồng của mình khi thời gian đã dừng cánh.

Hai lần thất vọng. Người lữ hành quay lại sau lưng nhìn quá khứ. Tìm lại dấu vết đi qua. Gió bão sa mạc đã đem từng đồi cát phủ lấp vết chân nhỏ bé của con người. Quá khứ không còn vết tích gì nữa, mọi vật đều trống rỗng vì không chứa đựng giá trị nào đến từ quá khứ... « *bỗng nhiên các cử chỉ và các sự vật đều mất tất cả ý nghĩa. Và chung quanh chúng tôi chỉ còn trống rỗng* » (63). Tất cả những truyền thống, luật lệ, giá trị tự ngàn xưa, không còn gì cả. Con người chống lại trật tự và luật lệ truyền thống, phá bỏ « *xiềng xích* ». Họ cảm thấy hương vị của chiến thắng. Nhưng khi truyền thống và luật lệ không còn nữa, hương vị chiến thắng cũng nhạt dần rồi tan biến, chỉ còn chơi vơi và trống rỗng của cô độc. Họ ngáp dài.

(62) *Terre des Hommes, Oeuvres*, trang 151.

(63) *Vol de Nuit, Oeuvres*, trang 129.

và biến thành những cái bóng không hình hài, perdu dans une semaine sans jours ou dans une année sans fêtes (64). Và loài người pleure le palais... où tous les pas avaient un sens. (65)

Chỉ còn lối thoát cuối cùng. Những thanh niên khao khát hoàn thành sứ mệnh làm người, vượt khỏi cô đơn. Họ lao đầu vào hành động. Lawrence, Malraux, Saint-Exupéry.

Con người hành động tìm thấy sức ấm của bạn đồng đội, thấy tình ban chân thành và thiêng liêng. Hành động là cùng nhìn về một phía, hướng về một ngôi sao sáng chói, một lý tưởng chung cho cả nhân loại. Hiểu như thế chỉ trong hành động mới có tình thương chân thành, hơi ấm của nhân loại. *Liés à nos frères par un but commun qui se situe en dehors de nous, alors seulement nous respirons et l'expérience nous montre qu'aimer ce n'est point nous regarder l'un l'autre, mais regarder ensemble dans la même direction.* (66) Chính cả đối thoại cũng không đưa đến tình thương chỉ trong những giây phút hành động mới là những giây phút của cảm thông tuyệt đối. Cảm thông không những vì ánh sáng của một lý tưởng chia sẻ mà còn vì tình nồng nhiệt, cảm động chỉ có trong những phút giây nguy hiểm của hành động. Chỉ trong hiểm nguy con người mới khám phá ra sự hiện diện đầy đặc và chắc chắn của đồng đội, của tha nhân. Chúng tôi đi sát cạnh nhau, chìm trong im lặng riêng biệt, hay chúng tôi trao đổi những lời nói vô ích và trống rỗng. Nhưng đây là những phút giây nguy hiểm. Lúc đó chúng tôi sát cánh cùng nhau. Chúng tôi khám phá ra là chúng tôi cùng chung một cộng đồng. Tâm hồn chúng tôi mở rộng ra đón chào những tâm hồn khác. Chúng tôi nhìn nhau với nụ cười tươi tắn. Chúng tôi cảm thấy như một tù nhân được trả tự do ngay ngất trước vẻ bao la của đại dương. (67) Những giây phút hiểm nguy là những giây phút siêu thoát, giúp con người thoát khỏi cô độc của bản thân. Trong hành động nguy hiểm tâm hồn con người mở rộng đón chào hiện diện nhưng ý nghĩa của

(64) Citadelle, Oeuvres, trang 520.

(65) Citadelle, Oeuvres, trang 530.

(66) Terre des Hommes, Oeuvres, trang 254.

(67) Terre des Hommes, Oeuvres, trang 459.

hành động còn cao đẹp hơn thế nữa. Đối với Saint-Exupéry : hành động còn có nghĩa là trao đổi và hợp tác. Người phi công không phải là những toréador, dẫn thân vào những hiểm nguy vô nghĩa. Tự riêng nó sự khinh thường cái chết không có một giá trị cao quý. Một thanh niên vừa dùng súng bắn vào đầu để tự tử, đằng sau cái bộ mặt tài hoa thanh nhã, sau cái hành động điên cuồng và kiêu kỳ đó rất có thể chẳng có gì ngoài ra một bộ óc dẫn đạo và hình ảnh của một cô bé xinh xắn nhưng hoàn toàn ngu ngốc. Hành động và nguy hiểm chỉ có ý nghĩa và chỉ cao đẹp khi nó là trao đổi và hợp tác. Trong những tác phẩm của Saint-Exupéry chữ hành động thường khi được thay thế bằng chữ nghề nghiệp hay sự nghiệp. Điều đó không phải là không có nghĩa. Hành động hiểu nghĩa như trên bắt buộc con người độ sức với thiên nhiên, bám chặt vào thiên nhiên và như thế phối hôn cùng vũ trụ. *Le travail t'oblige d'épouser le monde. Celui qui laboure rencontre des pierres, se méfie des eaux du ciel ou les souhaite, et ainsi communique et s'élargit et s'illumine.* (68) Mỗi vật đều lại có ý nghĩa và sa mạc bừng sáng, xoay chiều theo những lực tuyến và hướng đi của con người lại được vạch rõ thẳng tắp và sáng ngời như tia sáng buổi bình minh. Và khi đó cô đơn, bơ vơ không còn nữa. *La solitude, Seigneur, n'est fruit que de l'esprit s'il est infirme. Il n'habite qu'une patrie, laquelle est sans des choses... Faites simplement que j'apprenne à lire. Alors, Seigneur, c'en sera fini de ma solitude* (69). Xứ sở của cô đơn là một vũ trụ vô nghĩa. Hãy cho con đọc biết ý nghĩa của vạn vật, vũ trụ sẽ bừng sáng như muôn triệu đèn bạch lập và bóng tối cô đơn sẽ dần tan biến. Và con đường đọc nhất dẫn đến đọc biết ý nghĩa của vạn vật đó là cuộc phối hôn giữa con người và vũ trụ bằng hành động, bằng làm việc. Hành động sẽ làm con người ăn sâu vào sa mạc, bám chặt vào lòng đất. Không còn lang thang lạc lõng. Gió sa mạc không còn thổi con người trôi giạt lạc loài nơi chân trời vô định. *Le vent les promène. Ils manquent de racines, ça les gêne beaucoup.* (70) Bông hoa nhỏ nhão, ba cánh, giữa sa mạc đã hiểu thân phận con người. Họ không có rễ và điều đó đã làm họ đau đớn nhiều.

(68) Citadelle, Oeuvres, trang 675.

(69) Citadelle, Oeuvres, trang 779.

(70) Le Petit Prince, Oeuvres, trang 464.

Hành động không những tạo ra liên lạc giữa con người với tinh cầu từ trước đến giờ vẫn trần trụi xa lạ. Hành động còn mang con người trở về với cộng đồng nhân loại. Con chiến lạc bước đã được đem trở lại cùng dân. Tự riêng mình con người là cô đơn và vì thế tự do sức riêng của mình con người sẽ không bao giờ thoát khỏi cô đơn. Tầng đá tự mình nó không bao giờ có hy vọng thoát khỏi thân phận làm đá. *Toujours seul, enfermé en moi en face de moi. Et je n'ai point d'espoir de sortir par moi de ma solitude. La pierre n'a point d'espoir d'être autre chose que pierre. Mais, de collaborer, elle s'assemble et devient temple* (71) Bằng hành động, bằng hợp tác con người tạo ra cộng đồng và chiến thắng cô đơn. Hành động gắn liền các viên đá để dựng thành một giáo đường. *La grandeur d'un métier est, peut-être, avant tout d'unir des hommes : il n'est qu'un luxe véritable et c'est celui des relations humaines.* (72) Con người chỉ có ý nghĩa khi là đầu mối những giây liên lạc, chỉ thực hiện được sứ mạng làm người trong khuôn khổ một cộng đồng có trật tự và tôn ty. Hành động vừa có nghĩa là gia nhập, vừa có nghĩa là củng cố cái trật tự và tôn ty đó. Người đàn bà ngoại tình bị trời chặt, trần trụi giữa sa mạc, da khét cháy vì cát nóng, mặt trời hút máu trong huyết quản. Khi hoàng hôn xuống, buông ra tiếng thét tuyệt vọng. không phải vì hành hạ của đói khát, không phải vì sợ hãi đêm tối mệnh mông của sa mạc, nhưng vì những giây liên hệ với cộng đồng đã bị chặt đứt. Tiếng khóc thì thầm của chiếc lá đã rời cành, của khối đá bị tách khỏi nền móng thành đường. Chiếc lá chỉ sống khi còn trên cây, tầng đá trong giáo đường. Thân phận con người cũng thế. Hình ảnh người bị bệnh cùi, cô đơn vì không còn là phần tử của cộng đồng, không cần thiết cho kiến trúc của cộng đồng. Cộng đồng là trật tự, kiến trúc chứ không phải chỉ là một tập hợp. Hành động do đó nếu coi như gia nhập và kiến tạo cộng đồng phải là hành động trật tự, phải là những nghi thức, long trọng và không biến đổi. *Toi l'homme, qui as besoin d'aimer, qui n'existes qu'à travers l'arbre qu'avec*

(71) Citadelle, Oeuvres, trang 703.

(72) Terre des Hommes, Oeuvres, trang 158.

les autres tu composes (73). Vì chỉ khi ý thức được mình là một phần tử nhất định và độc nhất của cộng đồng con người mới cảm thấy trách nhiệm. Trách nhiệm của mỗi tầng đá đối với cả kiến trúc của thánh đường. Trách nhiệm của chàng hoàng tử nhỏ bé với bông hồng. Trách nhiệm của Guillaumet với bạn bè, thân quyến. Trách nhiệm của *Le grand Cald* : *Je suis responsable de tous les actes de tous les hommes* (74). Đến đây thì cô đơn không còn nữa vì ý thức trách nhiệm đã chính là đối ngược với cô đơn.



Sinh ra cùng với thế kỷ, Saint-Exupéry đã là con người của thế kỷ. Saint-Exupéry đã sống tất cả những đọa đầy bản khoản của con người thế kỷ 20. Nếu cho rằng văn chương lãng mạn là văn chương của cô đơn và hành động phiêu lưu thì St-Ex đã chính là người đã mang không khí lãng mạn vào văn chương thế kỷ XX. Lãng mạn trong đời sống và lãng mạn trong tư tưởng. Nhưng nếu lãng mạn thế kỷ XIX là lãng mạn tình cảm và tâm lý thì lãng mạn của St-Ex lại là một lãng mạn siêu hình. Cô-đơn và Hành-động được đặt trên một bình diện mới, gắn liền với thân phận và sứ mệnh làm người. Tất cả tư tưởng nhân bản của Saint-Exupéry đều nằm trong việc giải quyết vấn đề cô đơn. Con người cô đơn chưa thực hiện được sứ mạng làm người, chưa trở thành *Người*. Hành động giải thoát con người bằng cách đem con người về với vũ trụ, về với cộng đồng, giúp con người thực hiện sứ mạng làm người. *Je n'ai plus de sens si je suis seul* (75). Tư tưởng nhân bản của Saint-Exupéry là chiến thắng Cô-đơn bằng Hành-động.

NGUYỄN-TỬ QUỐC-HÙNG

(73) Citadelle, Oeuvres, trang 807.

(74) Citadelle, Oeuvres, trang 855.

(75) Citadelle, Oeuvres, trang 809.

P.H. SIMON

SAINT - EXUPÉRY

trong văn - học - sử Pháp

Nhân bản hào hùng của Saint-Exupéry

Saint-Exupéry viết cuốn tiểu thuyết đầu tay là *Courrier-Sud*, ông ghi lại những kỷ niệm của thời kỳ niên thiếu và những cảm tưởng của ông khi ông làm trưởng trạm giao liên hàng không ở sa mạc Mauritanie. Hai năm sau, năm 1931, ông trở nên một nhà văn có uy tín với cuốn *Vol de Nuit*, được giải thưởng Fémina, cuốn này khai thác kinh nghiệm về nghề hàng không của ông khi ông làm trưởng ban phi hành đường hàng không Nam-Mỹ. Như vậy, ông là một nhà văn không thuộc loại văn sĩ chuyên nghiệp, mà là một phi hành gia, ông làm một nghề nguy hiểm nhất và cũng tân tiến nhất ; qua nghề nghiệp của ông, ông liên lạc với cuộc sống, rèn lấy một phong độ tinh thần, một quan niệm đạo đức. Saint-Exupéry cho rằng nghề nghiệp là cơ hội để ông đem áp dụng trí cương quyết vào việc chiến thắng sự vật, mở con đường tốt đẹp nhất để tìm

(*) « Histoire de la littérature française au XX^e siècle ». Paris, Armand Colin, 1967 ; tome 2 : pp. 127-432 & 156-158.

hứng thơ văn : « Chính người nông dân lý hội được thi tứ của lòng đất chứ không phải tiểu thuyết gia ». Ý kiến của ông có thể không đúng hẳn, nhưng đó là sự phản ứng rất cần trước một trào lưu văn chương « trí thức » quá, chỉ chú trọng đến những khái niệm trừu tượng và xúc tích. Những tác phẩm của Saint-Exupéry cũng có giá trị tài liệu và thi tứ : Trong *Courrier-Sud* và *Vol de Nuit* còn có chút ít « chuyện », còn có gút, đến như *Terre des Hommes* thì không cần nữa ; tác giả chỉ nói ra những điều mình đã làm, đã thấy, đã đau khổ, tác giả kể lại những chuyện thể thảm của các bạn phi hành, Mermoz chết trong đêm Đại-tây-dương hay Guillaumet mất tích trong sương tuyết núi Andes, ông tung ra những hình ảnh phong phú hoàn toàn mới mẻ. Với khả năng diễn tả ngang với những nhà văn có thiên bẩm, ông ngồi trong chỗ của phi công mà khám phá ra những phong cảnh trên trời hay dưới đất mà người phàm trần chưa hề trông thấy, ông được thấy trăng sao và chân trời dưới những góc cạnh nhìn khác xưa kia Chateaubriand, Flaubert hay Loti chưa hề được biết tới. Có những trang sách ông viết đem lại cho người đọc một cảm tưởng rất thoải mái về khái niệm trình nguyên. Trong khi những người khác tìm mùi vị tân kỳ trong một thể văn lọc lõi và phá thể. Ông rút trong kinh nghiệm của ông một tia sáng tinh sương để đem tập trung vào những câu văn cồ điển, trong sáng, trung thành với sự vật. Hành động có kỷ luật thói quen mạo hiểm và nhịp sống gấp rút gây ra vì máy móc đã tạo cho ông những đặc điểm như : sự kiện chuẩn xác, ý tưởng xác thực, tả cảnh tiết chế. Văn thể của ông chỉ đầy tràn sinh lực trong những phần minh thuyết : lúc ấy là lúc ông ở xa nghề nghiệp của ông. Kỹ thuật tân kỳ như tàu bay và máy truyền thanh ngoài việc mở rộng khung cảnh đời sống còn tạo ra những hoàn cảnh mới. Kessel đã khai thác tình trạng mới mẻ này khi viết cuốn *L'Equipage*. quyền tiểu thuyết đầu tiên nói về phi hành, nhưng Kessel chỉ tìm về thơ mộng, còn Saint-Exupéry tìm về bi thảm. Thiết tưởng còn gì bi thảm hơn, cảm động hơn đoạn tả sự đợi chờ hồi hộp trước máy thâu tín, trong cuốn *Vol de Nuit*, đoạn văn ấy cho ta theo dõi từng phút sự hấp hối của một phi đoàn xa xôi ngoài 3000 thước, bị thất lạc trong đêm dày và bão táp.

Nhà văn kiểm phi công khám phá ra một thế giới chưa ai khai thác, một bút pháp và một tính chất bí hiểm độc đáo. Nhưng, đáng đề ý nhất là quan niệm đạo đức ngoại lệ của ông. Luôn luôn đi bên cạnh cái chết, can đảm vận dụng những sinh lực phi thường, thói quen uốn mình vào kỷ luật và ý thức mãnh liệt về trách nhiệm làm cho ông tự nhiên có khuynh hướng tô điểm nét vẻ anh hùng khí khái của các nhân vật trong tiểu thuyết. Đó là chủ thuyết của cuốn truyện *Vol de Nuit* mà André Gide đã giới thiệu bằng một bài tựa sôi động, có những đoạn như sau :

« Tôi thiết tưởng cái làm cho tôi khoái trá trong câu chuyện cảm động ấy là tính chất cao quý. Những yếu hèn, thoái bộ, đối bại của con người thì chúng ta đã biết cả, văn chương ngày nay đã có thừa khôn khéo để tố cáo. Nhưng chúng ta cần người chứng minh cho ta những hành động vượt mình của những ý chí cương quyết. »

Lời nói của Gide chỉ có thể làm ngạc nhiên những người không cảm thấy ý thức cao trọng về phẩm cách con người được ông xác định qua sự nghiệp văn chương của ông. Gide đã nhận định rất đúng rằng trong truyện *Vol de Nuit*, không phải là người phi công anh hùng cố gắng hiến đời sống mình mà chính là viên trưởng đoàn phi công đã chiếm lấy đời sống của phi công : đó là vị trưởng đoàn Rivière, vấn đề cao cả của con người được đặt ra trong lương tâm Rivière : có đáng hy sinh hạnh phúc và đời sống của người khác để đạt được sự cao cả ấy chăng ? Rivière bắt buộc những người ấy bay đêm trên núi Andes qua những trận bão ở nơi hoang vu mông quạnh gần kề với cái chết để cho đường liên lạc không vận của mình thành công. Tác giả xem thấy những khuôn mặt ấy kề bên vợ họ dưới ánh đèn tổ buổi tối trong gia đình và tác giả tự hỏi : « nhân danh cái gì mà ta có quyền chia rẽ họ ? Luật pháp đầu tiên trên trái đất này là để bảo vệ những hạnh phúc như thế mới phải. » Tuy nhiên, tác giả đã tự bào chữa mà cho rằng những hạnh phúc đó mong manh, phải thúc đẩy con người đi tìm những hạnh phúc vững vàng hơn và có tính cách trường tồn, không tiêu tan theo cái chết : « Có lẽ còn có cái gì bền vững hơn và phải cứu vãn, có lẽ Rivière làm việc để cứu vãn phần vĩnh cửu đó trong con người ? Nếu không, thì không có gì giải thích được

hành động của ông ta 4. Đó là điểm cao trọng : Rivière ép buộc người ta vượt hạnh phúc ti tiện của thường nhân để tìm sự vui sướng cao đẹp của người anh hùng, ông ta nghiêm nghị ép buộc phi công tự chống lại sự hèn yếu của chính mình. Saint-Exupéry đặt căn bản suy tư trên một quan niệm mãnh liệt về số phận con người phải chết và ý cương quyết tạo lập một sự nghiệp vượt được cuộc đời hữu hạn của mình, trong quan niệm đạo đức của người chinh phục và làm nên nghiệp lớn. Nói đến những tảng đá lớn mà người Incas đã chở lên đỉnh núi, trả giá bằng bao sinh mạng, bao đau khổ của thổ dân xứ ấy, ông không ngần ngại mà viết :

« Người lãnh đạo một dân tộc, không xót thương cho người đời đau khổ, mà xót thương không bỏ quên người đời phải chết. Không phải xót thương một cá nhân chết, nhưng xót thương cho cả một giống nòi bị chôn vùi dưới cát bụi. Bởi như vậy cho nên dân tộc Incas ít ra cũng phải nghĩ đến cách xếp đặt những tảng đá kia cách nào cho khỏi bị chôn vùi dưới cát sa mạc. »

Quan niệm về cuộc sống cao siêu thật, nhưng không khỏi làm cho người đời áy náy. Nietzsche ở đằng sau ông không xa với một quan niệm sai lầm về sự tôn thờ cái « *volonté de puissance* » (tiềm ý về quyền lực) có thể có ảnh hưởng khốc hại đến lịch sử. Nếu hành động anh hùng cần phải hy sinh hạnh phúc, nhất là hạnh phúc của người khác, thì cũng phải ước lượng kết quả của sự hy sinh ấy ; không chắc gì nên hy sinh một dân tộc để xây một kim tự tháp làm vinh dự cho một bạo chúa. Khi Rivière muốn nói đến mục đích mà ông theo đuổi, ông chỉ dùng những danh từ mờ mịt như « thời cục », « đời sống », những danh vị vô hồn ấy đã sớm trở thành những thần tượng đẫm máu, những cớ để biện hộ cho tính kiêu ngạo háo thắng của ông. Trong con mắt ông lấp lánh lưỡi gươm thép của các ông tướng sứt lúc nào cũng sẵn sàng hy sinh mạng người để thỏa mãn quan niệm của họ về sự cao cả.

Về phương diện thành công nghệ thuật, tập văn tuyển *Terre des hommes* không bằng cuốn *Vol de Nuit*, một kiệt tác về văn kể chuyện, giản dị, mãnh liệt, tràn đầy ý tưởng. Trong cuốn ấy Saint-

Exupéry nhắc lại vấn đề chính yếu ông nêu ra, nhưng nghiêng về những quan niệm gần với con người hơn. Cuốn sách ấy còn mô tả một nghề nghiệp anh dũng, ông đứng về cạnh khía nhìn của người tự nguyện chấp nhận sự nguy hiểm để hành động chứ không phải người sai khiến và bắt buộc người khác phải theo ý mình. Ai nói đến hy sinh hạnh phúc? Một đạo đức luận về nghị lực và phiêu lưu có phải là một đạo đức luận cao trọng hơn cả không? Có một niềm vui sướng nào so đo được với cuộc chinh phục một ông trời ở trong mình ta chăng? « Hỡi các bạn, xin các bạn chứng giám cho tôi: khi nào thì chúng ta thấy sung sướng? » Niềm vui sướng của người anh hùng không cùng một thước đo với cái vui sướng của cảnh sống « bình ổn, trưởng giả, thô lậu, trong những nền nếp và nghi thức ngọt ngào. » Nhưng niềm vui của người anh hùng không phải là niềm vui ích kỷ. *Vol de Nuit* dạy ta rằng có lẽ có một « bồn phận lớn hơn sự yêu mến ». *Terre des Hommes* trả lại người anh hùng cho tình yêu và hạnh phúc. Trước hết tình yêu cuộc đời: cuộc đời nguy hiểm của người phi công làm cho họ nghi đến liên lạc với sự vật, trả lại cho họ một « sự thực quẽ mùa »: khi họ lạc lõng trong đêm trên lưng chừng trời, họ trông thấy những đốm lửa ở dưới đất, mỗi đốm lửa tượng trưng cho một số mệnh người, họ sẽ hiểu hơn ai hết rằng mặt đất có giá trị thế nào đối với loài người. Và lại cũng còn tình yêu đối với người khác, đối với những người ấy, ngày nay phi cơ chỉ là một khí cụ để phổ tải, ngày mai sẽ là khí cụ để làm việc. Nhất là còn có tình yêu giữa bạn bè, còn có sự hy sinh tính mạng chung trong những bước nguy nan chung để cùng phụng sự một lý tưởng:

« Sự cao cả của một nghề, có lẽ trước hết là đoàn kết được mọi người... Khi ta thấy mình ràng buộc với anh em vì cùng theo đuổi một mục đích ở ngoài chúng ta, bấy giờ chúng ta mới thờ nhẹ nhõm, kinh nghiệm cho ta biết rằng yêu nhau không phải là ngồi nhìn nhau mà cùng nhau nhìn về một hướng nào. »

Và đời sống nguy hiểm nói rộng tình liên kết đến những trường hợp ta cùng nhau chống lại tử thần: một người Baudouin xứ Lybie cho Saint-Exupéry uống nước và cứu ông thoát chết, ông

cúi chào như chào một người Bạn, một người Đồng-loại : « Anh là Người... Anh cao quý và từ thiện... Tất cả các bạn tôi, tất cả các kẻ thù của tôi, ở anh đều đi lại với tôi, và tôi không còn một kẻ thù nào ở trên đời này nữa ».

Như vậy anh hùng tính của St-Exupéry có hai nét chính : một đẳng là sự toàn thiện của tâm hồn, kết quả ngoài đời không quý giá bằng kỷ luật mình tự đặt cho đời sống nội tâm. Đẳng kia là ý hướng thiên về tình yêu người và quý sự vật chứ không phải sống quay về chỉ biết có mình mà thôi. Theo cả hai ý nghĩa ấy, ông nhân bản hóa con người, bởi vì ông kiến tạo người anh hùng rồi làm cho người anh hùng gần với người đời. Ông đã vượt qua Nietzsche hay hội nhập tư tưởng của Nietzsche vào tư tưởng nhân bản. Quan niệm quý phái về con người có khuynh hướng thực hiện một mẫu người siêu đẳng ở đây không tiêu hủy tính chất nhân văn mà trái lại làm cho tính chất nhân văn thêm phong phú, vì người anh hùng đã trở lại phục vụ dân tộc, và mọi người có thể theo gót người anh hùng đó.

Bức thông điệp cuối cùng của Saint-Exupéry

Saint-Exupéry viết rất nhiều trong những ngày đen tối ông sống đời phi công bên Mỹ-châu, từ trận đánh tháng Năm 1940 đến ngày giải phóng, trước khi ông chết một cách bí mật trong cuộc bay trinh sát trên núi Alpes. *Pilote de guerre*, *Lettre à un otage*, *Lettre au général X*, *Le Petit Prince*, và một số tài liệu đồ sộ sau này xuất bản dưới nhan đề *Citadelle*, đó là những tài liệu chính để theo dõi sự tiến triển của một người suy tưởng không ngừng tăng tiến, khai triển và vươn lên chỗ cao đẹp của nhân loại vinh cửu. Tư tưởng Saint-Exupéry diễn tiến xung quanh hai phạm trù : Đời Sống và Tinh-thần. Tinh-thần vượt Đời Sống. Tinh-thần là tiềm lực của sáng tạo và của tình yêu, tinh-thần ở trên trí tuệ, vì trí tuệ giới hạn trong sự tìm hiểu và sự tổ chức. Trong con người, tinh-thần không thể có một mình, tinh-thần phải dựa vào một thể xác, « Nếu không có thức ăn, thì không có loài người », Nhưng Tinh-

thần đem lại cho đời sống con người sức mạnh, sự can đảm và ý nghĩa cao trọng nhất. Tinh-thần không có gì mâu thuẫn với tình cảm, mà trái lại được nuôi dưỡng bằng tình cảm : « Người ta chỉ nhìn rõ khi có trái tim ». Đó là lời khuyên nhủ « Cậu Hoàng Nhỏ » trong một bài thơ bằng văn xuôi hồi ấy in ra bán rất chạy. Điều quan trọng là làm sao để cứu rỗi con người, nhất là khi con người đang bị đe dọa bởi một quan niệm sống quá thiên về vật chất.

Xem như thế thì nhà văn này đã thể tục hóa những tư tưởng Ki-tô-giáo. Tuy ông có hoài bão tôn giáo, nhưng ông không có lòng tin đạo : « Nếu tôi có đức tin thì tôi chỉ chịu đựng được tu viện dòng Bénédictins ở Solesmes ».

« Quan niệm văn minh của tôi dựa vào sự tôn thờ loài người qua cá nhân... Quan niệm văn minh của tôi thừa hưởng của Thượng-đế, muốn cho loài người bình đẳng với Người, anh em với Người. Quan niệm văn minh của tôi chủ trương sự tự trọng, nghĩa là sự tôn trọng Người qua chính mình ».

Người ta có thể chỉ trích triết lý của Saint-Exupéry chú trọng quá đáng về danh từ, lạm dụng những danh từ trừu tượng viết hoa. Có khi người ta sợ rằng khái niệm nhân bản của ông dễ thiên về những hình thức nhân bản của Nietzsche, của Maurras (thí dụ, khi ông đề cao đế quốc, đặt đế quốc ở trên nhân quyền và xác định giá trị của con người bằng cái gì tùy thuộc vào họ chứ không căn cứ vào bản chất chân thực của họ). Ông cũng có thể thiên về một thứ « thẩm mỹ tình cảm » (khi ông xác định văn minh bằng hương một cây xấp, nụ cười một người thiếu nữ, điệu nhạc của Haendel, người ta có thể hy sinh tính mạng vì một khái niệm văn minh như vậy chăng ?)

Những nhược điểm ấy cũng như phong thái văn nghệ được màu sắc thánh kinh và tiên tri của ông có làm giảm phần nào giá trị của một sự nghiệp văn chương trong đó lý tưởng sống thiếu vẻ bình dân được dung hòa với tình thương yêu rộng rãi, lời ca ngợi hành động tiến tới nhu cầu cảm thông với loài người và sự vật, tới những phút trầm tư huyền bí.

Giữa lúc có một tư trào hiện sinh reo rắc quan niệm tự do không mục đích và không khuôn phép, rất cần có một nhà văn viết như sau :

‘ Anh có thể gọi được là tự do quyền đi trong chỗ trống rỗng ? Khi mà trong đời sống có sự bó buộc thì tự do của con người tăng thêm... Bởi vì tôi nhận ra rằng loài người cũng giống một cái thành. Họ phá tường để được tự do, nhưng khi phá rồi chỉ còn có thành trì đồ nát, mở ra trước những ngôi sao. Bấy giờ họ bắt đầu thấy khắc khoải... Thành trì kia ời, ta sẽ xây người trong tâm hồn người đời. ’

Trong giờ phút những khủng hoảng trầm trọng của lịch sử đang đè nặng lên loài người, sự nghiệp văn chương của ông xác nhận những giá trị lý trí và tình cảm, sáng suốt và khôn ngoan, trên đó đã xây dựng tất cả cái gì đáng coi là gương mẫu của nền văn minh Tây-phương.

PIERRE-HENRI SIMON

VŨ - ĐÌNH - LƯU dịch

NHÀ XUẤT BẢN **GIAO - ĐIỂM** ĐÃ PHÁT HÀNH

TRẦN PHONG - GIAO

ngồi lại bên cầu

tập truyện

*Một thư không ngày tháng... một hạnh phúc bình dị...
một niềm tin đánh mất... một cuộc tình trên gác xếp...
nỗi buồn một đêm mưa... một lời thú tội kể trong đêm...*

130 trang

giá 40 đồng

ANDRÉ MAUROIS

ANTOINE DE SAINT-EXUPÉRY

LÊ HUY OANH dịch

Phi hành gia, phi công dân sự và phi công chiến trận, tiếp sau Vigny, Stendhal, Vauvenargues, và cùng với Malraux, Jules Roy, và một vài quân nhân hay hàng hải gia khác, Antoine de Saint-Exupéry là một trong số những tiểu thuyết gia và triết gia về hành động hiếm hoi mà xứ sở chúng ta đã tạo ra. Ông đã không như Kipling chỉ là một kẻ ngưỡng mộ những con người hành động; ông đã, như Conrad, chia sẻ mình dự vào những hoạt động mà ông tả. Trong mười năm ông đã bay khi thì trên vùng Rio del Oro khi thì trên vùng núi Andes; ông đã bị lạc trong sa mạc và đã được các tay chúa tể của những vùng cát cứu thoát. Ông đã từ trên trời rơi xuống biển Địa-trung-hải và xuống những núi non ở xứ Guatemala. Ông đã giao chiến trên không vào năm 1940 và một lần nữa vào năm 1944. Những nhà chinh phục vùng Nam. Đại-tây-dương như Mermoz, Guillaumet, đều đã là bạn của ông. Do đấy trong mỗi tiếng đều vang lên sự xác thực: do đấy cũng có một sự khắc kỷ sống động, bởi vì sự hành động làm nảy sinh ra cái phần tốt đẹp nhất của con người.

Nhưng Luc Estang, người đã viết một cuốn sách hay hơn về Khảo về Saint-Exupéry qua chính ông, đã có lý khi nói rằng đối với Saint-Exupéry sự hoạt động đã không hề tự nó là một cửu cánh bao giờ. « Phi cơ, không phải một cửu cánh, chính là một phương tiện. Không phải vì chiếc phi cơ mà người ta liều mạng sống của mình. Cũng không phải vì cái cày mà người nông dân cày đất ». Và Luc Estang viết thêm : Cũng không phải để khơi những luống đất, nhưng để gieo hạt giống vào chúng. Hoạt động đối với phi cơ cũng như cái mà sự cày đất đối với cái cày. Muốn có những mùa gặt như thế nào thì cần phải có những cuộc gieo giống như thế nào ? » Tôi tin rằng câu trả lời sẽ là muốn gặt hái những con người thì phải gieo những quy luật về đời sống. Tại sao ? Bởi vì con người không hiểu một sự việc nào mà họ đã để thân xác mình tham dự vào. Do đấy nảy sinh ra sự lo âu này, sự lo âu mà tôi đã chứng kiến tại Alger năm 1943, của Saint-Exupéry khi người ta không cho phép ông bay nữa. Ông mất sự tiếp xúc với trái đất bởi vì người ta đã từ chối ông bầu trời.

I

NHỮNG TRẠM TẠM DỪNG

Rất nhiều chứng nhân đã kể lại cái cuộc đời ngắn ngủi và đầy đủ này. Ở đoạn đầu có Antoine de Saint-Exupéry, một đứa trẻ « khỏe mạnh, vui vẻ, thẳng thắn », mười hai tuổi sáng chế một cái phi-cơ-xe-đạp, loan báo rằng nó sẽ bay lên và rằng quần chúng có lẽ sẽ kêu lớn : « Saint-Exupéry vạn tuế ! » Học sinh bất thường, tỏ ra có một thứ thiên tài, nhưng hình như hơi không hợp với các lớp học. Gia đình cậu gọi cậu là Vua Mặt Trời, vì cái vương miện vàng hoe của mớ tóc. Các bạn hữu cậu gọi cậu thẳng Chọc-Trắng bởi cái mũi cậu dọa nạt những ngôi sao. Thật ra cậu đã là Ông Hoàng Nhỏ, chủ tể và đăng trí, « bốn hờ, với một chút rối loạn thần kinh ». Suốt đời ông, ông sẽ vẫn được ràng buộc vào thời kỳ

thor ấu của mình, luôn luôn thần phục, tò mò, làm trò quỷ thuật, với sự thành công, cốt để tất cả phải kêu lên : « Saint-Exupéry vạn tuế ! ». Điều này sẽ tới. Người ta sẽ chỉ nói như thế này hơn : « Saint-Ex, Antoine hay là Tonio », bởi vì ông dự vào cuộc sống, sâu kín của tất cả những người biết ông hoặc đọc ông.

Chẳng bao giờ ý hướng của phi hành gia được xác định hơn thế, chẳng bao giờ khó thực hiện hơn thế. Ngành không quân đã chỉ thầu nhận ông như một phi công trừ bị. Mãi đến năm ông 27 tuổi ngành hàng không dân sự mới cho ông làm phi công dân sự rồi làm trưởng trạm giữa vùng ly khai ở Maroc. « Ông Hoàng Nhỏ trở thành một ông quan lớn ». Ông cho xuất bản cuốn *Chuyến Phi Cơ Miền Nam* (*Courrier Sud*) và sáp nhập bầu trời vào văn chương, điều không ngăn cản ông vẫn cứ là một phi công hiệu dụng và can đảm, giám đốc cơ quan Phi-bưu ở Buenos Aires, bên cạnh Mermoz, Guillaumet. Những tai nạn của ông thì nhiều và trầm trọng. Ông sống sót quả là một phép lạ. Năm 1931, ông cưới nàng Consuelo, góa phụ của nhà văn Tây-ban-nha Gomez Carillo ; nàng là người Nam-Mỹ mà tính ngông làm cho « ông hoàng nhỏ » say mê. Những tai nạn xảy ra liên tiếp. Saint-Exupéry khi thì bị xẻ thành từng mảnh trong một vụ phi cơ rớt kinh khủng, khi thì lạc lõng trong sa mạc, sau lúc bắt buộc phải hạ cánh. Trong cái khát hành hạ của sa mạc, ôi, cái nhu cầu được gặp lại Đất Của Những Con Người !

1939. Chiến tranh. Dầu rằng các y sĩ khẳng khẳng tuyên bố là ông bất lực trong việc bay (sau nhiều lần bị gãy xương và bị chấn động) cuối cùng ông cũng đạt tới chỗ được sung vào toán thám thính 2/33. Trong lúc nước Pháp bị xâm chiếm, sau những chiến trận, toán 2/33 được gửi tới Alger và bị giải ngũ. Cuối năm ấy tôi thấy Saint-Ex tới Nữu-ước. Ở đó ông viết cuốn *Phi-công Chiến-trận* (*Pilote de Guerre*) tác phẩm đạt được sự thành công rất lớn ở Hoa-kỳ, và ngay cả ở Pháp, bấy giờ đang bị chiếm đóng. Tôi đã kết làm bạn thân thiết với ông ta và có lẽ sẽ sẵn lòng nói như Léon-Paul Fargue : « Tôi đã rất yêu hân và sẽ khóc hân mãi mãi. » Làm sao không yêu ông được ? Ông vừa có sức lực vừa có sự hiền dịu, trí thông minh và trực giác. Ông ưa tự bao phủ bằng những nghi

thức và những vẻ bí mật. Cái thiên tài không chối cãi được về toán học của ông liên hợp với sở thích trẻ con về trò chơi. Hoặc ông thống ngự một cuộc truyện trò, hoặc ông mơ màng đến một hành tinh nào khác.

Tôi đã ở nhà ông tại Long Island, trong một ngôi nhà lớn mà ông và Consuelo đã thuê trong thời kỳ ông viết cuốn *Ông Hoàng Nhỏ* (*Le Petit Prince*). Ông làm việc ban đêm. Sau bữa ăn chiều, ông nói chuyện, kể chuyện, hát hò, làm trò bằng những quân bài, rồi đến khoảng nửa đêm, trong khi những kẻ khác đi ngủ, ông ngồi vào bàn viết. Tôi ngủ. Tôi khoảng hai giờ sáng những tiếng gọi ở cầu thang đánh thức tôi dậy : « Consuelo ! Consuelo !... Anh đói... Hãy tới chiến trứng cho anh. » Consuelo xuống. Bị đánh thức dậy, tôi tới nhập bọn với họ và Saint-Exupéry lại nói chuyện, nói rất hay. No nê rồi, ông lại bắt tay vào việc. Chúng tôi thử ngủ. Không được lâu bởi vì hai giờ sau ngôi nhà lại vang những tiếng gọi ầm ỹ : « Consuelo ! Anh buồn chán. Hãy tới đánh với anh một ván cờ. » Rồi ông đọc cho chúng tôi nghe cái ông vừa viết và Consuelo, chính nàng cũng là thi sĩ, đã gọi cho ông nhiều đoạn tài tình.

Khi tướng Bèthouart tới Hoa-kỳ để nhận lãnh khí giới, ông có yêu cầu Saint-Exupéry và cả tôi tái nhập quân ngũ Pháp. Saint-Ex rời Nữ-ước vài ngày trước tôi và khi tôi xuống phi cơ ở Alger, tôi thấy ông chờ đón tôi. Ông có vẻ như buồn khổ. Ông, kẻ cảm thấy rất mạnh những sợi dây kết hợp những con người với nhau, ông, kẻ luôn luôn tự cảm thấy có một chút trách nhiệm đối với vận mệnh của nước Pháp, ông đã gặp những người Pháp chia rẽ nhau. Hai bộ tham mưu khinh chống nhau. Được thăng « thiếu tá trừ bị », ông không biết người ta có sẽ cho phép ông bay chăng. Năm bốn mươi bốn tuổi, với một sự nấn nỉ dai dẳng, ông yêu cầu được lái một chiếc P 38, loại phi cơ bay nhanh được chế tạo cho những quả tim trẻ hơn. Cuối cùng ông đạt được nguyện vọng, nhờ sự can thiệp của một người con trai của tổng thống Roosevelt. Trong thời kỳ chờ đợi ông đã viết sách (hay là làm thơ), cuốn sách sau đây được mang tên là *Thành-trị* (*Citadelle*). Được hứa hẹn làm chỉ huy phi cơ, ông tới sung vào toán 2/33 thân yêu của ông, cái toán trong cuốn *Phi-công Chiến-trận*, nhưng các cấp trên của ông, lo

ngại, mặc cả với ông về những phi vụ công tác. Người ta chỉ hứa cho ông năm phi vụ : ông kéo nài thêm được ba phi vụ nữa. Trong phi vụ thứ tám, bay trên nước Pháp lúc bảy giờ bị chiếm đóng, ông không trở về. Ông cất cánh hồi 8 giờ 30 ; đến 13 giờ 30 ông không trở lại. Các bạn hữu ông trong phi đội, tụ tập nhau tại phòng-ăn-chung, nhin vào đồng hồ của họ. Ông chỉ còn đủ xăng để bay một giờ nữa. Đến 14 giờ 30 không ai còn chút hi vọng nào. Tất cả mọi người giữ vẻ im lặng một hồi lâu. Rồi viên trưởng phi đội nói với một phi hành gia : « Anh sẽ tiếp tục sứ mệnh của thiếu tá Saint-Exupéry ». Việc này kết thúc như trong một cuốn tiểu thuyết của Saint-Ex và người ta tưởng tượng rất đúng là ông, bị cạn xăng, và có thể là cạn cả hy vọng, đang bay lên như một trong những vai chính của ông lên phía phi trường nào đó trên cõi trời, đẩy những phi hiệu bằng các ngôi sao.

II

NHỮNG LUẬT LỆ CỦA SỰ HÀNH ĐỘNG

Những luật lệ trong thế giới anh hùng thì bền bỉ và chúng ta phải hy vọng tìm thấy chúng trong tác phẩm của Saint-Exupéry, gần như những luật lệ tương tự mà chúng ta đã biết trong các tân truyện của Kipling.

Cái luật đầu tiên của sự hoạt động chính là kỷ luật. Tại sao, ở Ấn-độ, vài ngàn lính Anh đã có thể cai quản hàng triệu người ? Có phải vì họ được vũ trang mạnh hơn không ? Cái đó hẳn không đủ. Binh đội Ấn-độ đã giữ được từ lâu cái xứ rộng lớn ấy, Kipling trả lời chúng ta, bởi vì những dân tộc ở Ấn chia rẽ nhau trong khi trong binh đội Anh, người lính tuân lệnh người cai, người cai tuân lệnh người đội, người đội tuân lệnh người đội nhất và cứ thế lên đến viên tổng chỉ huy, viên này tuân lệnh vị Phó-vương. Cái gì đúng với quân đội thì cũng đúng với tất cả mọi hoạt động tập thể. Đối với

một phi hành gia phụ trách việc chở thư từ, chỉ có một sự việc trên đời này quan trọng hơn những ý tưởng, những mối tình và đời sống của hắn : đó là thư từ.

Kỷ luật đòi hỏi người thuộc hạ phải kính trọng người chỉ huy ; nó cũng đòi hỏi người chỉ huy phải xứng đáng được kính trọng, và chính y phải tôn trọng những luật lệ. Cái nghề chỉ huy thật là khủng khiếp. « Ôi, lạy Chúa, con đã sống có quyền thế và cô độc », Moïse của Vigny đã nói. Ông Rivière, viên chỉ huy của các phi công trong cuốn *Bay Đêm (Vol de Nuit)* đã tự ý giam mình trong một sự cô đơn. Ông yêu những người của ông với một tình yêu âm thầm. Làm sao ông sẽ có thể là bạn hữu của họ một cách bộc lộ khi ông có bốn phận phải cứng rắn, đòi hỏi, khắc nghiệt ? Đối với ông, trừng phạt là điều khổ tâm, và đôi khi ông còn biết cả rằng sự trừng phạt thì bất công, rằng con người không thể hành động cách khác. Nhưng chỉ có sự khắt khe của kỷ luật bảo vệ đời sống của các phi công khác và sự điều hòa của công việc. « Quy luật, Saint-Exupéry viết, giống như những lễ nghi của một tôn giáo, tuy có vẻ vô lý nhưng đặt những con người vào khuôn khổ. » Đôi khi cần phải có một kẻ chết để cứu nhiều kẻ khác. Người chỉ huy phải nhận lãnh cái trách nhiệm ghê gớm là chọn vật hy sinh, và nếu phải hy sinh một người bạn, người chỉ huy, than ôi, không có quyền do dự, cũng không có quyền để người ta thấy sự lo âu của mình « Hãy yêu những kẻ dưới quyền chỉ huy của anh, nhưng đừng nói với họ là anh yêu họ. »

Viên chỉ huy phải cho các thuộc viên của mình cái gì để đổi lấy sự vâng lời của họ ? Y cho họ « những chỉ thị » ; đối với họ, y là một ngọn hải đăng trong đêm tối của hành động. Từ trong tâm trí của y tỏa ra những chùm khắc nghiệt mà những tia sáng của chúng hướng dẫn người phi công. Đời sống là một cơn giông tố ; đời sống là một khu rừng rậm. Nếu con người không vật lộn chống lại những cơn sóng hoặc những sợi dây leo thì nó sẽ bị mất tích. Luôn luôn bị kích thích bởi một ý chí mãnh liệt là cái ý chí của nhà chỉ huy, con người thắng rừng rậm. Kẻ biết vâng lời thấy sự nghiêm khắc của người điều khiển là hợp lý, nếu sự cứng rắn ấy

cho đời sống một bộ áo giáp vững vàng, chắc chắn. « Những con người yêu công việc của họ bởi vì tôi cứng rắn », Rivière nói.

Người chỉ huy còn cho những kẻ dưới quyền điều khiển của mình cái gì nữa ? Ý cho họ sự chiến thắng, sự vĩ đại, sự lâu bền. Nhìn một ngôi đền của người Incas trên núi, ngôi đền độc nhất còn sót lại từ những nền văn minh đã mất, Rivière tự hỏi : « Nhân danh một sự khắc nghiệt nào, hoặc một tình yêu kỳ lạ nào mà người lãnh đạo những dân tộc khi xưa đã ép buộc quần chúng kéo ngôi đền này lên núi, và như vậy đã buộc họ phải dựng lên cái vịnh cứu của họ ? » Về điều này, một Người Thiện-chí nào đó có lẽ sẽ trả lời : « Giả thử ngôi đền này được xây dựng và không ai phải khổ sở trong việc xây dựng nó thì có phải là hơn không ? » Nhưng người là một con vật cao thượng và nó yêu sự vĩ đại hơn là cái tiện nghi, hơn là hạnh phúc. Giữa những kẻ thi hành công việc, ở tầng cấp hành động chứ không ở tầng cấp điều khiển, những luật lệ của cái thế giới anh hùng chỉ huy tình bạn. Những dây liên lạc của nỗi nguy hiểm chung, của sự hy sinh chung, của kỹ thuật chung, để ra cái đó rồi nuôi nấng nó.

« Đó là cái luân lý mà Mermoz và những tay khác đã dạy chúng ta. Trước tất cả mọi điều, sự cao cả của một nghề nghiệp có lẽ là kết hợp những con người. Chỉ có một sự mỹ hảo đích thực đó là sự mỹ hảo của những mối liên lạc của loài người. » Làm việc cho những của cải vật chất chẳng ? Thật là sự lừa bịp lớn ! Như vậy con người chỉ thu được một thứ tiền tệ bằng tro mà thôi. Tiền tệ đó không kiếm được gì cho kẻ muốn sống. « Nếu tôi tìm trong số những kỷ niệm của tôi những kỷ niệm đã để lại cho tôi một cái ý thích lâu dài, nếu tôi làm bảng thống kê về những giờ đã trải qua, thì chắc chắn là tôi sẽ thấy lại những cái giờ mà không một tài sản nào có thể kiếm cho tôi. » Người giàu có những thực khách và những tên ăn bám, người quyền thế có những tên nịnh bợ, người hành động có những bạn đồng chí cũng là những thân hữu.

« Chúng tôi nếm cùng một sự nhiệt thành nhẹ nhàng này như ta thường gặp trong một buổi lễ được sửa soạn linh đình. Thế nhưng chúng tôi hoàn toàn nghèo. Chỉ có gió, cát và những ngôi sao.

Một kiểu khắc nghiệt như các tu sĩ dòng Trappe. Nhưng trên cái giải cát ánh sáng tỏa lờ mờ này, sáu hay bảy người không có chút của cải nào ở đời, họ chẳng chỉ có những kỷ niệm của họ, chia xẻ với nhau những kho dựn vô hình... Sau hết chúng tôi đã gặp nhau. Người ta đi hồi lâu bên nhau, bị giấu kín trong sự im lặng của chính mình, hay là người ta chỉ trao đổi với nhau những lời vắn vơ. Nhưng lúc này đến giờ nguy hiểm. Lúc này người nọ tựa vai người kia. Người ta khám phá ra rằng người ta thuộc cùng một đoàn thể. Người ta mở rộng lòng khi khám phá ra được những lương tâm khác. Người ta nhìn nhau với một nụ cười rộng lớn. Người ta giống như tên tù được giải thoát đang thán phục sự bao la của biển cả... »

Được kết hợp với những người khác trong một phi đoàn, trong quân đội, trong một xưởng thợ hay một toán người, con người lại tìm thấy mình khi quên mình đi. « Được ràng buộc vào các anh em chúng tôi bằng một mục đích chung ở bên ngoài chúng tôi, chỉ có lúc ấy chúng tôi mới thử và kinh nghiệm cho chúng tôi hay rằng chúng ta yêu nhau không phải là người nọ nhìn người kia nhưng là cùng nhìn về một hướng. Chỉ có những người bạn đồng tâm khi họ được kết hợp với nhau trong cùng một đoàn leo núi, vươn tới cùng một đỉnh núi... » Bởi vì các bạn của nó tin cậy ở nó, và bởi vì nó muốn xứng đáng với sự tin cậy ấy, con người, trong toán vượt qua con người một cách quá đổi.

Và ngay cả khi xa toán, nó cũng sẽ mang theo trong tim nó cái nhu cầu về sự đồng ý và sự chấp thuận. Bị lạc trong vùng tuyết, kiệt lực, Guillaumet có lẽ muốn nằm xuống và chết : « Nhưng các đồng bạn tôi tin rằng tôi đang bước đi ; Tất cả họ tin cậy ở tôi. Và tôi là một thằng khốn kiếp nếu tôi không biết đi... » Và chẳng chính cái tình thân hữu này, cái tình bạn này cũng có sự khắc nghiệt của chúng : « Khi một người bạn chết, cái chết của y vẫn còn có vẻ là một hành động trong kỷ cương của nghề nghiệp. » Và dầu vậy không một người bạn mới nào sẽ có thể thay thế người bạn đã mất. « Người ta không bao giờ tự tạo ra được những người bạn cũ. »

(Xem tiếp trang 137)

TRẦN THIÊN-ĐẠO

ấn tượng trong *Le Petit Prince* của Antoine de Saint-Exupéry

Antoine de Saint-Exupéry viết quyển *Le Petit Prince*, (Cậu Hoàng Con), năm 1940 ở Alger, Algérie, Bắc-Phi. Xuất bản lần thứ nhất năm 1943 ở New-York, Liên-quốc Mỹ, cũng như hai tập *Pilote de Guerre*, (Phi công thời chiến tranh), và *Lettre à un otage*, (Thư cho một con tin). Đến sau trận Thế-chiến thứ Hai, nhà Gallimard, Paris, mới tái bản quyển *Le Petit Prince* năm 1946.

Tác giả viết quyển này sau một thời gian cố ý từ bỏ mọi ràng buộc vật chất và tinh thần để sống một cách tự do cởi mở (2), ta cũng cần nhớ rằng tự do cởi mở không có nghĩa là phóng túng bừa bãi; và sau một kinh nghiệm bản thân :

(1) Antoine de Saint-Exupéry : LE PETIT PRINCE, Gallimard, Paris, 1946. Avec des aquarelles de l'auteur, với nhiều tranh thủy mặc của tác giả.

(2) Xem : A. de Saint-Exupéry avait demandé à sa femme cinq ans de vacances, afin de pouvoir agir selon ses impulsions. A. de Saint-Exupéry xin bà vợ cho mình nghỉ năm năm, để được tự do phóng túng tùy hứng. (Gisèle d'Assailly : *En parlant de Saint-Exupéry*, in *Gazette des Lettres*, 21/12/46).

tháng chạp 1935, máy bay do ông cầm lái lâm nạn rớt xuống sa mạc xứ Libi ở Phi-châu, đói khát và hy vọng suốt năm ngày ròng mới được cứu cấp.

Quyển *Le Petit Prince*, với các hình vẽ cổ ý ngây ngô do chính tay tác giả phác họa, với cách hành văn trong trẻo và dễ hiểu, bề ngoài có vẻ là một cuốn sách dành cho trẻ em, nhưng thực ra, sau tấm màn rực rỡ màu mè đó, có ẩn mấy cảm nghĩ và suy tư của tác giả. Người đọc đã trưởng thànhắt nhận thấy rằng cuộc phiêu lưu của cậu hoàng con tượng trưng cho cuộc phiêu lưu của con người đi tìm bản ngã của mình: trong im lặng bao la giữa bãi sa mạc mênh mông, con người cố gắng tìm lại thực chất của mình để mà tự mình vươn lên trên mọi cám dỗ, mọi quyến rũ hồng sáng mắt-ra và trông thấy được ở đâu là lý tưởng cao cả của mình.

Ta hãy đi sâu vào một chương quan trọng và then chốt trong *Le Petit Prince*, chương XXIV, để tìm hiểu ẩn tượng nói trên và tự chương đó cố gắng nhìn tron quyển sách. Dưới đây là chương XXIV.



Máy bay tôi bị trục trặc đã tám ngày rồi. Tôi vừa lắng tai nghe chuyện người bán thuốc, vừa uống hết giọt nước chứa cuối cùng. Tôi liền nói:

— Cậu ơi! Cậu kể chuyện nghe hay thật, nhưng máy bay tôi vẫn chưa chữa xong, mà nước chứa thì đã cạn. Giá tôi có thể bước thật chậm, thật chậm đến một máy nước thì tôi cũng sẽ lấy làm sung sướng nhường nào!

— Bạn tôi, con cáo...

— Cậu này, có phải là chuyện cáo đàn...

— Tại sao vậy?

— Vì ta sắp phải chết khát...

Cậu không hiểu lý luận của tôi nên trả lời:

— Có được một người bạn là tốt lắm, đầu ngay lúc sắp chết đi nữa. Riêng tôi, tôi rất lấy làm sung sướng có được một người bạn cũ...

Tôi nghĩ rằng cậu chưa thấy cái nguy tai sắp đến. Cậu chưa bao giờ phải chịu đói khát. Cậu chỉ cần một chút một trời là đủ...

Nhưng mà cậu nhìn tôi rồi trả lời đúng theo ý tôi :

— Tôi cũng thấy khát nữa... ta đi tìm giếng nước đi...

Tôi khoát tay một nhọc : đi tìm giếng nước giữa sa mạc bao la này là một điều vô lý ! Song, chúng tôi cũng cùng bước đi...

Chúng tôi bước đi giờ này sang giờ khác thật lâu thì trời vừa mờ tối, tinh tú bắt đầu chiếu sáng. Tôi trông thấy chúng nó như ở trong mộng : tôi bị cảm vì khát nước. Các lời nói của cậu hoàng con bỗng nhẩy múa trong đầu tôi. Tôi liền hỏi cậu.

— Thế cậu, cậu cũng khát nước nữa à ?

Nhưng cậu không trả lời câu hỏi của tôi. Cậu chỉ nói :

— Nước cũng có thể ngon ngọt cho cõi lòng nữa.

Tôi không hiểu lời nói của cậu, nhưng tôi vẫn im bất... Tôi biết rằng không nên hỏi cậu làm gì.

Cậu có vẽ một nhọc. Cậu ngồi xuống nghỉ. Tôi cũng ngồi xuống kế bên cậu. Rồi, sau một hồi im lặng khá lâu, cậu lại nói :

— Tinh tú trông đẹp thật, nhờ một đóa hoa ta không nom thấy...

Tôi trả lời « tất nhiên », rồi lặng lẽ nhìn sóng cát gợn dạt dưới ánh trăng. Rồi cậu lại tiếp :

— Sa mạc đẹp quá chừng !

Thật vậy. Xưa nay tôi vẫn thích sa mạc. Tôi ngồi trên một đụn cát. Tai không nghe thấy gì cả, mắt không trông thấy gì cả. Thế mà vẫn có một cái gì lặng lẽ nhẹ tỏa chung quanh...

Cậu hoàng con nói :

— Chính vì sa mạc ẩn giấu đâu đó một cái giếng nên nó càng thêm đẹp...

Tôi hết sức ngạc nhiên thấy mình bỗng dưng hiểu được vẻ rục

rữ ở sa mạc ấy. Hồi tôi còn nhỏ ở trong một ngôi nhà cồ, người ta có thuật lại rằng có một kho tàng qui báu chôn trong ấy. Tất nhiên là không ai tìm được nó, mà có lẽ cũng không ai bỏ công tìm nó làm gì. Nhưng nhờ nó mà mọi vật trong nhà huỳnh như rực rỡ thêm. Vì ngôi nhà của tôi có ẩn một vật bí mật trong lòng... Tôi bèn nói với cậu hoàng con:

— Những gì khiến cho ngôi nhà, sa mạc hay tỉnh tú trở nên đẹp đẽ, mắt người không thấy được!

— Tôi rất vui lòng thấy chủ đồng ý với bạn cáo của tôi.

Rồi cậu hoàng con ngủ thiu thiu. Tôi liền ôm cậu vào lòng mà tiếp tục cuộc hành trình, lòng xúc động vô cùng. Tôi tưởng chừng như mình đang đỡ một bảo vật mỏng manh. Tôi tưởng chừng như không có vật gì mỏng manh hơn cậu trên quả Địa-cầu này. Do ánh sáng trắng, tôi nhìn vâng tran nhợt nhạt, đôi mắt khép kín, mở tóc cuốn theo chiều gió ay, rồi bảo thầm: những gì tôi đang trông thấy chỉ là cái vỏ bề ngoài. Điều trọng yếu hơn, mắt người không thấy được.

Lúc mới cậu hé mỉm một nụ cười, tôi lại bảo thầm: « Điều khiến tôi vô cùng xúc động ở cậu hoàng con đang đắm trong giấc ngủ này, chính là lòng trung thành đối với một đóa hoa, chính là hình ảnh một đóa hoa tỏa sáng trong lòng cậu hết như một ngọn đèn, cả lúc cậu đang ngủ... ». Và tôi tưởng chừng như cậu còn mỏng manh hơn nữa... Cần phải che đèn lại: chỉ mỗi một luồng gió cũng đủ dập tắt...

Vừa đi vừa nghĩ thầm như vậy, tôi tìm được một giếng nước lúc trời rạng đông.



Đọc xong trọn chương này, ta thấy gì? Máy bay bị trục trặc nằm ỉ đã tám ngày trời, nghĩa là bảy ngày, thứ hai, thứ ba... chúa nhật, đã qua, bảy ngày lễ ra, theo đạo Cơ-đốc, thế giới đã được sáng tạo trọn vẹn. Con người thấp thỏm chờ đợi sự hoàn tất đó, vậy mà hôm nay đã ngày thứ tám rồi,

máy bay vẫn còn bị trục trặc chưa chữa xong : con người vì vậy mới sinh ra lo âu và thất vọng. Chiếc máy bay bị trục trặc tượng trưng cho thời kỳ con người bối rối tinh thần, tự vấn về thực chất của mình, và nhờ vậy mới nhận thực được lòng mong muốn vươn đến tính cách tuyệt hảo của mình. Thời kỳ này thực trọng yếu trong đời sống con người, vì nó chứng minh rằng con người khác với súc vật : súc vật và cả những người chỉ biết có vật chất, thường được thỏa mãn trong giới hạn vật chất mà thôi (3), và do đó, không còn chịu cố gắng vượt bậc nữa. Chính nhờ thời kỳ đó mà con người bắt đầu tự xét mình, tìm kiếm cho mình một lối sống có phần thanh cao và lý tưởng hơn lối sống hàng ngày.

Những giây phút trục trặc đó chính là khởi điểm của suy tư. Nhưng chỉ là khởi điểm. Cần phải có hoàn cảnh thuận tiện để xét mình được phân minh và thấu đáo. Mà có hoàn cảnh nào thích hợp cho việc này hơn là sa mạc lộng lẫy và quạnh hiu, vì con người bắt buộc phải lánh xa mọi liên hệ, dẫu lòng lẻo đến đâu, thường ngày mới hòng trăm mặc suy tư được (4), mới hòng lột xác được. Trong im lặng và cô đơn của sa mạc, con người mới nhận thấy mình trống rỗng, mới nhận thấy mình khao khát được hoàn tất. Nói cách khác, chính nhờ ở im lặng và cô đơn mà con người cảm thấy một sự thiếu thốn, một khoảng trống cần được lấp đầy, và vì vậy con người mới nỗ lực suy tư tìm kiếm cho mình một lý tưởng thích hợp với lòng ao ước tuyệt hảo của mình.

Thực ra, không phải ở sa mạc, con người mới tìm cách lấp khoảng trống đó. Nhưng trong cuộc sống rộn rịp, tấp

(3) Trong phạm vi nghệ thuật, Albert Camus đã viết : «... deux dangers contraires qui menacent tout artiste : le ressentiment et la satisfaction. »... hai tai họa đối lập hằng đe dọa mọi nghệ sĩ : oán hận và mãn nguyện. (*l'Envers et l'Endroit*, préface, p. 13).

(4) Xem : ... « tôi muốn xa lánh mọi liên hệ tình cảm, xã hội, để dễ suy tư. » (Đặng Tiến : Nữ tính trong thơ Bà huyện Thanh-quan, VĂN IV, 2/64, trang 3). Gặp gỡ ngẫu nhiên hay là ảnh hưởng ?

hằng ngày, con người thường lấp nó bằng giao động không ngừng, nghĩa là bằng mọi trò nhân tạo, bằng những say mê mỗi ngày mỗi mới, đúng hơn, mỗi ngày mỗi đổi thay. Chuyện tên lái buôn bộc lộ rõ ràng lí tưởng thiền cận của nhóm người quá mắt trước cuộc sống vật chất :

« Hân bán một thứ thuốc làm cho đỡ khát rất hiệu nghiệm. Mỗi tuần chỉ cần nuốt một viên là khỏi phải uống nước nữa ! »

Những con người biết suy tư không thề bằng lòng và thỏa mãn trong lí tưởng thiền cận đó. Họ mơ ước một lí tưởng cao thượng, tế nhị hơn. Đối với họ không có gì cứu vớt họ ra khỏi ảnh hưởng của cuộc chạy theo các đòi hỏi vật chất đó ngoài những lúc họ cảm thấy có một niềm khát khao tuyệt hảo thúc đẩy họ đi tìm giếng nước : giếng nước tượng trưng cho mục đích hay cứu cánh của những con người biết suy tư. Mà khát khao nói trên càng thấm thía thấu thịt da, không thề làm lơ được nữa, khi con người đã uống cạn nước chứa, nghĩa là đã nhận thấy rằng mọi mơ tưởng ngày xưa của mình đều hóa thành ảo mộng. Và một khi con người nhờ niềm khát khao đó thúc giục, cố gắng tìm kiếm giếng nước, thì sớm, muộn rồi cũng đi đến đích : cậu hoàng con và bạn cậu, sau một thời gian mệt nhọc trên sa mạc bao la, đã tìm được một giếng nước, trong như lọc, mát rười rượi và có đầy đủ vật dụng để kéo nước lên mà uống.

CẬU HOÀNG CON

Một độc giả không quen suy tư, dẫu không nhìn thấy ấn tượng có trong quyển sách, chắc cũng không cho rằng cậu hoàng con là một nhân vật hiện thực miêu tả rập theo thực tế sống động hằng ngày. Thực vậy, cậu hoàng con không phải là một nhân vật (5) có nhân tính, do đó, ta

(5) Nhân vật hiệu theo nghĩa một sáng tạo văn chương.

không thể lấy những yếu tố thuộc về con người mà đánh giá hay kiểm chứng hành động hoặc hành vi của cậu ; cậu chỉ là một sáng tạo vượt ra ngoài mọi định nghĩa thông thường.

Vậy cậu hoàng con là gì, biểu tượng cho sự việc hay tư tưởng gì ?

Cậu hoàng con là một nhân vật (5) do óc tưởng phóng túng của tác giả sáng tạo trong thời gian ông đi ẩn dật, lánh xa mọi liên hệ với cuộc sống thực tế để có cơ hội thuận tiện xét mình, nhìn thấu tâm hồn mình. Cậu hoàng con chính là bản ngã của tác giả, bản ngã của con người. *Cậu hoàng con chính là bản ngã của chúng ta.*

Chúng ta ít khi trọn vẹn là chúng ta ít khi trọn vẹn được là chúng ta trong cuộc sống quá ư hối hả, tới tấp, phần vì phải lo kiếm sống, phần vì phải chung đụng với mọi lớp người. Chúng ta dầu muốn dầu không cũng tùy hoàn cảnh, tùy lớp người gặp gỡ mà vô tình hay cố ý thay đổi thái độ, xoay xở quan điểm ; chúng ta bị ảnh hưởng bên ngoài chi phối không chừng, lay động không ngừng, làm sao mà có thể lúc nào cũng trọn vẹn là chúng ta thực sự được ? làm sao mà bản ngã thực sự của chúng ta lúc nào cũng biểu lộ một cách toàn diện được ? Cho nên, những lúc chúng ta thực thụ là chúng ta, những lúc mà bản ngã của chúng ta hiện diện được trọn vẹn thật là ít ỏi ngẫu nhiên, thoáng thoát, ngắn ngủi biết chừng nào ! Mà chính các khoảnh khắc vô chừng đó mới đem lại cho ta một số câu hỏi bắt ta phải tìm cho được lối thoát ra khỏi những bối rối tinh thần trước những lo âu do cuộc đời sinh ra. Chính các khoảnh khắc tế nhị đó mới là bước đầu cho một cuộc lột xác lành mạnh, không thể có được nếu con người cứ vẫn đắm mình trong bùn lầy thực tế. Và khi chúng ta có được các khoảnh khắc ngắn ngủi đó tức là chúng ta đang thực hiện lấy mình một cách toàn diện nghĩa là chúng ta hoàn toàn là chúng ta. Cậu hoàng con chưa bao giờ phải đói khát, cậu chỉ cần một chút mặt trời là đủ : bản ngã của chúng ta chỉ cần có được các khoảnh khắc đó

là đủ để thực hiện lấy mình. Dầu vậy, chúng ta cũng cần phải biết nhận thức rõ ràng rằng không phải tự nhiên mà có được các khoảnh khắc đó ; phải có cơ hội, và khi đã có cơ hội, phải biết nắm lấy nó ; rồi khi có được các khoảnh khắc quý báu đó, phải biết bảo vệ nó. Vì nó luôn luôn cần được cho dầu hết như một ngọn đèn cheo leo, mà ngọn đèn cheo leo nào lại không vàng vọt yếu ớt, chỉ một luồng gió nhẹ thoảng cũng đủ khiến nó điêu đứng, cũng đủ dập tắt nó đi.

BÀI HỌC ÀN TRONG LE PETIT PRINCE

Cậu hoàng con cảm thấy mình sắp hết sứ mạng bên cạnh bạn mình : bạn cậu đã khởi sự chữa máy, mà khởi sự việc gì tức là vạch đường vẽ lối dẫn đến mục tiêu dẫn đến thành công ; bạn cậu ắt sẽ tìm thấy chỗ hư trong động cơ, ắt sẽ chữa máy được. Cho nên cậu buồn : chữa máy xong, bạn cậu sẽ từ giả sa mạc, từ giả cậu mà đi vĩnh biệt. Cho nên, cậu buồn rười rượi tưởng chừng như nước mắt hòa lẫn với nước giếng mát lòng. Vì cậu đã học được bài học vừa đáng cay vừa cao cả trong cuộc gặp gỡ giữa cậu và con cáo. Con cáo đã dạy cho cậu hiểu và biết rằng tình thương thực sự, tình yêu, tình bạn, chỉ có thể nảy sinh giữa người với người khi mỗi cá nhân nhận thức được tính cách vị tha của tình thương đó, nghĩa là thương yêu, cảm mến vì đối tượng của mình hơn là vì mình. Chính vì vậy mà tình thương mới gây nên đau khổ, chính vì giữa cậu hoàng con và bạn cậu có sợi dây thân ái khiến cậu mới cảm thấy buồn đến chảy nước mắt : con người dày dạn đứng đứng trước giây phút từ giả từ, trước khoảnh khắc chia tay chắc hẳn phải là một kẻ khô khan tấm lòng, một kẻ không có tình thương.

Cậu hoàng con đã học được bài học tình thương do bạn cáo của cậu dạy cho. Nhưng chính cậu là người đã gián tiếp bằng lời nói, đã trực tiếp bằng bước đi, dạy cho

bạn cậu một bài học khác về hành động. Giữa sa mạc vắng tanh không một bóng người trừ cậu hoàng con và bạn cậu, không một thành phố, làng xã trừ chiếc phi cơ chết máy, vậy mà cậu vẫn đương nhiên thốt ra câu này :

— « Tôi cũng thấy khát nữa... ta đi tìm giếng nước đi... »
 chừng như việc đi tìm giếng nước là một việc hết sức quen thuộc đối với cậu vậy. Tất nhiên là bạn cậu không làm sao hiểu nổi lời nói tự nhiên đó, vì bạn cậu suy theo lý lẽ thông thường trong thâm tâm cho rằng đi tìm giếng nước giữa sa mạc bao la quả là một hành động vô lý đến phi lý. Tuy vậy bạn cậu cũng theo cậu bước đi. Bước đi... Bây giờ bạn cậu mới vỡ lẽ : thì ra điều quan trọng, chính yếu của mọi hành động nằm trong việc khởi sự bước đi, trong sự bắt tay vào việc. Bởi vì cứ khư khư đứng chững một chỗ chờ cho mưa rào đổ xuống để lấy nước uống — cũng như chánh khách trùm chần chờ thời, chờ kẻ khác đem lại dâng cho mình một chính thể hợp ý — tức là cam lòng chịu chết khát ; và khởi sự bước đi, bắt tay vào việc tức là hi vọng tìm được giếng nước, đi trên con đường dẫn về mục đích, phản kháng chống lại số phận ngặt nghèo hiện tại, tức là sống vậy.

Song, lẽ dĩ nhiên là con đường đi tìm giếng nước đó không phải chỗ nào cũng suông sẻ, nó thường khúc mắc gập ghềnh, nhưng một khi con người không ngại khó khăn, quyết tâm tiến tới thì nó bao giờ cũng thích hợp và cân xứng với tâm sức của mình.



Kết luận bài này, người giới thiệu cảm thấy cần phải nhấn mạnh rằng quyển *Le Petit Prince*, tuy là một tác phẩm vượt bậc, vẫn chưa hẳn hoàn toàn là một kiệt tác. Vì dụng ý luân lý của Antoine de Saint-Exupéry không từ động tác câu chuyện toát ra mà ngược lại, chính động tác câu chuyện bị dụng ý luân lý của tác giả chi phối — người ta đã từng chứng kiến sự thất bại nặng nề của một loại văn chương chủ

yếu nhằm giáo hóa đại chúng ở miền nào. Có lẽ chính để che đậy hay giấu giếm phần nào dụng ý đó, nên tác giả đã phải cho động tác và sự việc xảy ra ở một nơi vắng bóng con người « ở một chỗ cách xa nơi có người ở muôn ngàn dặm ». Cái tài của tác giả, đầu vậy, cũng bộc lộ rõ ràng ở chỗ ông thành công trong việc lôi cuốn và hấp dẫn người đọc sách ông, đầu khó tính đến đâu; nhưng đồng thời, người đọc sang suốt đời khi cũng tạo, cung bậc thế nào về tính cách lộ liễu của dụng ý luân lý của tác giả, mà chính tác giả lại muốn nhấn mạnh về điểm này.

Antoine de Saint-Exupéry, xuyên qua cuộc hành trình phiêu lưu của *Cậu hoàng con*, muốn nhắc lại cho ta nhớ đến các giá trị chân chính mà vì bận rộn ngụp mình trong cuộc sống vật chất ta không còn đủ thì giờ để nghĩ đến hay quên lửng đi. Thế giới ngày nay, thế giới của phóng xạ, của những chiếc *vostoc*, *telstar*, nghĩa là của tiếng ồn và tốc độ, cái thế giới mà cho đến tình cảm cũng không thoát khỏi tính cách giả tạo, quả thực không còn dính dáng gì đến giá trị chân chính của con người nữa. Thế giới ngày nay đầy dẫy tràn trề các thứ giá trị ngắn ngủi, khả diệt, nghĩa là các thứ giá trị vật chất. Mà giá trị chân chính của con người phải là giá trị tinh thần. Và quyền *Le Petit Prince* nhắc lại cho ta nhớ đến giá trị tinh thần đó. Tác giả của nó quả không phải đã làm một việc vô bổ.

TRẦN THIỆN-ĐẠO

NHÀ XUẤT BẢN SÁNG - TẠO ĐÃ PHÁT HÀNH

QUỲNH - HƯƠNG

của

ĐOÀN QUỐC SỸ

• đọc văn Saint - Exupéry •

b a y đ è m

(VOL DE NUIT)

Cuốn **Bay Đêm** (Vol De Nuit) là một trong những tác phẩm nổi tiếng nhất của nhà văn phi công Saint-Exupéry. Xuất bản lần đầu tiên vào năm 1931, cuốn này rất được hoan nghênh và được tặng giải thưởng văn học Fémina.

Cuốn **Bay Đêm** kể lại một câu chuyện bi đát nhưng hào hùng trong ngành hàng không thời đó:

Đề cạnh tranh với ngành hàng hải và ngành hỏa xa, một công ty hàng không ở Nam-Mỹ, do ông Rivière làm giám-đốc, bắt đầu tổ chức những chuyến bay đêm cho các phi cơ chở thư của công ty. Vào thời kỳ ấy, phi cơ hầu còn thô sơ mỏng mảnh nên những chuyến bay đêm rất nguy hiểm; vì vậy việc bay đêm bị nhiều người chỉ trích, viện cớ là người ta phải tôn trọng sinh mạng của những phi công và các nhân viên phi hành. Nhưng Rivière cương quyết đương đầu với mọi nỗi khó khăn. Là một người chỉ huy can đảm, đầy nghị lực, rất ý thức về bổn phận, ông truyền sức mạnh tinh thần của ông cho các người làm việc dưới quyền ông, hàng đêm tung những đoàn phi hành vào bóng tối. Vốn dĩ là những người đầy nhiệt huyết, biết tôn trọng bổn phận, các phi công, trong đó có Fabien, đã hăng hái, vui vẻ đảm trách các chuyến bay đêm, vận dụng mọi khả năng kinh nghiệm, sức lực của họ để đương đầu với bão tố, với đêm tối, với những rặng núi cao hơn cả độ cao mà phi cơ có thể đạt tới, với những sự trục trặc của máy móc phi cơ.

Một lần kia, chiếc phi cơ chở thư do phi công Fabien lái thực hiện một chuyến bay đêm, đã mất tích trong một cơn giông bão. Sau khi xảy ra vụ này người ta nghĩ là Rivière sẽ phải ngưng kế hoạch bay đêm. Nhưng không, mặc dầu tâm hồn nặng trĩu một nỗi thương cảm đối với những kẻ mất tích, ông giám-đốc đó vẫn cương quyết thực hiện việc bay đêm. Fabien chắc chắn đã tử nạn, nhưng Rivière vẫn thần nhiên ra lệnh cho một chiếc phi cơ chở thư khác bay vào đêm tối đúng giờ đã định.

Mấy chương của cuốn **Bay Đêm** mà chúng tôi trích đăng dưới đây diễn tả tâm trạng hốt hoảng đau đớn của cô vợ viên phi công Fabien khi thấy phi cơ của chồng mình tới giờ mà chưa về tới. Một cuộc « chạm trán nảy lửa » nhưng rất cảm động giữa hai tâm trạng : của người vợ và của người chỉ huy. Giữa lúc ấy, Fabien và người coi máy vô tuyến điện đang chiến đấu một cách gần như tuyệt vọng trong cơn bão tố để bảo vệ phi cơ, bảo vệ việc bay đêm, và bảo vệ chính sinh mạng của họ. Họ gần như mất liên lạc với các trạm vô tuyến điện. Xăng sắp cạn. Ở dưới đất, những nhà chuyên môn giàu kinh nghiệm tiên đoán : trong vòng trước ba chục phút nữa, cái phi cơ bị lạc trong bão tố kia sẽ rớt xuống đất...

XIV

Vợ của Fabien gọi điện thoại tới.

Vào cái đêm của mỗi lần phi cơ trở về, nàng vẫn tính toán sự di chuyển của chiếc phi cơ chở thư từ Patagonie : « Chàng cất cánh từ phi trường Trelew... » Rồi nàng ngủ lại. Một lát sau nàng lại tỉnh : « Bây giờ có lẽ chàng tới gần thành phố San Antonio, chàng hẳn đang ngó thấy những ánh đèn của thành phố ấy... » Lúc bấy giờ nàng đứng dậy, vén rèm cửa sổ ngó ra ngoài và phán đoán bầu trời : « Tất cả những đám mây này gây trở ngại cho chàng đây... » Đôi khi vầng trăng đi dạo như một mục tử. Đến đây, thiếu phụ trẻ tuổi lại trở vào giường nằm, yên lòng với vầng trăng và những vì sao ấy, với hàng ngàn những sự hiện diện ấy chung quanh chồng

nàng. Khoảng một giờ đêm, nàng cảm thấy chàng đã tới gần :
 « Chắc hẳn chàng không còn ở xa nữa, chắc hẳn chàng đã trông thấy
 Buenos-Aires... » Bấy giờ, nàng lại đứng dậy, sửa soạn cho chàng
 một bữa ăn, một tách cà-phê thật nóng : « Ở trên ấy lạnh lắm
 đấy... » Nàng luôn luôn đón chàng với cái kiểu như chàng vừa từ
 trên một đỉnh tuyết xuống : « Anh có lạnh không ? — Không em ạ
 — Nhưng cũng cứ sưởi cho ấm... » Tới khoảng một giờ một khắc
 thì tất cả đã sẵn sàng. Lúc bấy giờ nàng gọi điện thoại.

\ Đêm nay, cũng như những đêm khác, nàng hỏi :

— Phi cơ của Fabien đã hạ cánh chưa ?

Nghe tiếng nàng nói viên thư ký hơi bối rối :

— Thưa, ai đấy ạ ?

— Simone Fabien đây.

— A, xin bà đợi một phút.

Không dám nói gì cả, viên thư ký đưa ống nghe cho ông trưởng
 phòng :

— Ai đấy ạ ?

— Tôi là Simone Fabien đây.

— A, bà. Bà muốn hỏi chi ?

— Chồng tôi về tới chưa ?

Im lặng một lát, một thứ im lặng không thể giải thích được,
 rồi người ta trả lời gọn lỏn :

— Chưa.

— Về chậm sao ?

— Vâng.

Rồi lại im lặng nữa.

— Vâng... về chậm.

— Thế ạ !

Đó chính là tiếng « thế ạ » của một thân thể bị thương. Một
 sự chậm trễ có sao đâu... có việc gì đâu... nhưng nếu nó kéo dài...

— Thế ạ !... khoảng mấy giờ thì chồng tôi về tới ?

— Máy giờ ông nhà về tới ư ? Chúng tôi... Chúng tôi không biết.

Giờ đây nàng vấp vào một bức tường. Nàng chỉ đạt được cái tiếng vọng của chính những câu hỏi của mình mà thôi.

— Xin ông hãy cho tôi biết chồng tôi hiện đang ở đâu ?...

— Ông nhà đang ở đâu ư ? Bà cứ chờ đấy...

Sự làm lơ ấy khiến nàng lảo đảo. Ở đó, sau bức tường này, hẳn có chuyện gì đã xảy ra.

Người ta minh xác :

— Chồng bà rời khỏi sân bay Commodoro hồi mười chín giờ ba mươi.

— Sau đấy rồi sao ?

— Sau đấy ư ?... Rất chậm trễ... Rất chậm trễ vì thời tiết xấu...

— Thế ạ ! Thời tiết xấu...

Cả một sự bất công, cả một sự gian xảo trong cái vầng trắng nhàn hạ giãi trên bầu trời Buenos-Aires kia ! Thiếu phụ trẻ tuổi chợt nhớ ra rằng từ Commodoro đến Trelew phi cơ phải bay mất ngót hai tiếng đồng hồ.

— Và chồng tôi bay về Trelew cách đây sáu tiếng ! Anh ấy có gửi điện tin cho các ông ! Anh ấy nói gì vậy ?

— Ông nhà nói gì ư ? Dĩ nhiên là trong cái thời tiết như thế này... Hẳn bà cũng hiểu... Chúng tôi không nghe thấy tin điện của ông nhà.

— Thời tiết như thế này !

— Vâng, thôi, bà cứ an lòng, nếu chúng tôi biết thêm điều gì sẽ gọi điện thoại cho bà.

— Thế ra ông không biết gì ư...

— Chào bà...

— Không ! không ! Tôi muốn nói với ông giám-đốc.

— Ông giám-đốc đang bận lắm, thưa bà. Ông ấy đang họp...

— A, tôi bất cần, hợp hay không tôi bất cần ! Tôi muốn nói với ông ta.

Viên trưởng phòng lau mồ hôi :

— Bà chờ một phút...

Hắn đẩy cửa phòng Rivière.

— Bà Fabien muốn nói chuyện với ông.

« Đó, Rivière, đó chính là cái điều mà ta sợ. » Những yếu tố tình cảm của tấn thảm kịch đã bắt đầu xuất hiện. Ông nghĩ tới chuyện bác khước chúng : các bà mẹ và các bà vợ không được vào những phòng mổ. Cũng như thế, người ta phải chặn đứng sự xúc động trên một con tàu đang lâm nguy. Sự xúc động ấy không giúp cho việc cứu các người trên tàu. Dầu vậy ông cũng nhận lời :

— Cảm sang phòng tôi.

Ông lắng tai nghe cái tiếng nói nhỏ nhẹ xa vời, run run kia, và ông biết ngay rằng ông không trả lời cái tiếng nói ấy. Sự đương đầu của cả hai chắc hẳn sẽ vô ích, hoàn toàn vô ích.

— Thưa bà, xin bà cứ bình tâm ! Trống nghề nghiệp của chúng tôi, thường xảy ra luôn luôn những trường hợp phải chờ đợi lâu các tin tức.

Ông đã tới cái biên giới nơi mà vấn đề được đặt ra : không phải vấn đề một sự hiểm nguy đặc thù nhỏ nhất mà chính là vấn đề hành động. Không phải người vợ của Fabien mà chính là ý nghĩa khác của cuộc đời dựng lên trước mặt Rivière. Ông chỉ có thể nghe, chỉ có thể ái ngại cho cái tiếng hát buồn thảm đến thế nhưng là tiếng hát thù địch. Bởi chưng cả sự hành động lẫn hạnh phúc cá nhân đều không chấp thuận sự chia phần : chúng tranh chấp nhau. Cả thiếu phụ này, nàng lên tiếng nói nhân danh một thế giới tuyệt đối, và nhân danh những bòn phận, những quyền lợi của nàng. Đó là cái thế giới của ánh đèn trên bàn buổi tối, một xác thật đòi hỏi cái xác thật dành cho nó, một quê hương xứ sở đòi hỏi những hy vọng, những sự âu yếm, những kỷ niệm. Nàng đòi hỏi tài sản của nàng và nàng có lý. Và ông nữa, Rivière, ông cũng có lý, nhưng ông không thể nào chống đối được cái chân lý của người đàn bà

này. Dưới ánh sáng của một ngọn đèn tầm thường trong gia đình, ông khám phá ra cái chân lý của chính mình, cái chân lý tàn nhẫn và không thể phát biểu được.

— Thưa bà...

Nàng không nghe nữa. Ông cảm thấy hình như nàng đã ngã phục xuống ngay chỗ nàng đứng sau khi đã mỏi như đôi tay đâm vào tường.



Một hôm Rivière và một viên kỹ sư đang cúi xuống săn sóc một người bị thương bên một cây cầu đang xây cất, viên kỹ sư nói với ông : « Cây cầu này có đáng giá một bộ mặt bị đè đập nát chẳng ? » Những nông dân hưởng sự lợi ích của con đường này, được nhờ có cây cầu mà đi gần hơn một quãng, chắc hẳn không ai chấp thuận cái việc gây tàn tật cho bộ mặt ghê sợ kia. Dầu vậy, người ta vẫn xây cất những cây cầu. Viên kỹ sư đã nói thêm rằng : « Quyền lợi chung được tạo thành bởi những quyền lợi riêng : nó không biện minh cho cái gì khác nữa. » — « Và, dầu vậy, Rivière trả lời viên kỹ sư một lúc sau, nếu đời người không có giá, thì chúng ta luôn luôn hành động dường như có một cái gì vượt cao hơn đời sống con người trên phương diện giá trị... Nhưng đó là cái gì ? »

Và tim Rivière thất lại khi ông nghĩ đến đoàn phi hành. Sự hành động, ngay cả cái việc xây dựng một cây cầu, cũng đều phá vỡ những hạnh phúc ; Rivière không còn thể nào không tự hỏi : « Sự hành động nhân danh cái gì ? »

Ông nghĩ : « Những người có lẽ sắp sửa mất tích này có thể sống sung sướng được. » Ông thấy những khuôn mặt cúi xuống trong thánh cung vàng rực của những ngọn đèn đêm. « Ta đã nhân danh cái gì để lôi kéo họ ra khỏi thánh cung ấy ? » Ông đã nhân danh cái gì để lôi kéo họ ra khỏi hạnh phúc cá nhân ? Cái luật đầu tiên há chẳng phải để che chở những hạnh phúc đó sao ? Nhưng, chính ông đã phá vỡ chúng. Và dầu vậy, một ngày kia những thánh cung vàng son cũng theo định mệnh mà phai tàn như những ảo ảnh. Sự già

qua và sự chết sẽ tàn phá những hạnh phúc của họ một cách tàn nhẫn hơn sự tàn nhẫn của ông. Có thể có một cái gì khác, một cái gì bền vững hơn cần được cứu vãn ; phải chăng chính để cứu vãn phần đó của con người mà Rivière làm việc ? Nếu không thì sự hành động sẽ không biện minh cho cái chi hết.



‘ Yêu, yêu mà thôi, quả là một ngộ cụt ! ’ Rivière hẳn đã có cái ý thức âm thầm về một bồn phận rộng lớn hơn ý thức về tình yêu. Hoặc cũng có một sự âu yếm đấy, nhưng khác hẳn những âu yếm khác. Ông nhớ tới câu : ‘ Phải làm cho chúng trở nên trường cửu... ’ Ông đã đọc câu ấy ở đâu nhỉ ? Cái mà bạn theo đuổi cho chính bạn đang tàn. ’ Ông nhớ lại ngôi đền thờ thần mặt trời của những người thuộc bộ lạc Incas thuở xưa tại xứ Pérou. Những phiến đá này đứng thẳng trên núi. Nếu không có chúng thì sẽ còn lại gì từ một nền văn minh rực rỡ, một nền văn minh, bằng sức nặng những phiến đá của nó, đè nặng xuống con người ngày nay như một sự hối hận ? ‘ Nhân danh một sự khắc nghiệt nào, hoặc một tình yêu kỳ lạ nào mà người lãnh đạo những dân tộc khi xưa đã ép buộc quần chúng kéo ngôi đền này lên núi, và như vậy đã buộc họ phải dựng lên cái vịnh cứu của họ ? ’ Trong cơn mơ mộng, Rivière còn gặp lại những đám quần chúng của những thành phố nhỏ bé, vào buổi tối, đang quay chung quanh những quán âm nhạc của họ : ‘ Cái loại hạnh phúc này, cái giây thăng ngựa này... ’ Ông nghĩ. Người lãnh đạo các dân tộc thuở xưa nếu có thể là đã không thương xót cho sự đau khổ của con người thì ắt hẳn đã thương xót — bằng tình thương bao la — cái chết của con người. Không phải thương xót cái chết cá nhân, nhưng thương xót cái giống giống mà biển cát sẽ xóa dấu vết. Và nhà lãnh đạo ấy đã điều khiển dân tộc của mình dựng lên ít ra cũng những phiến đá mà sa mạc có lẽ sẽ không chôn vùi được.



XV

Mảnh giấy gấp tư này có lẽ sẽ cứu chàng đây : rằng cần chặt, Fabien mở nó ra.

« Không thể nào bắt liên lạc được với Buenos-Aires. Ngay đến nhấc máy tôi cũng không làm nổi nữa vì những tia lửa bắn cả vào những ngón tay tôi. »

Giận dữ, Fabien muốn trả lời, nhưng hễ bàn tay chàng rời những căn lái để viết, thì tựa như có một lớp sóng mạnh mẽ tràn sâu vào thân thể chàng : những cơn xoáy nâng chàng lên cao, nâng năm tấn kim khí lên cao làm cho nó trông tránh, nghiêng ngả. Chàng đành không viết.

Những bàn tay chàng lại nắm lại trên đám sóng khiến nói dịu lại.

Fabien thở mạnh. Nếu vì sợ trận bão mà người coi vô tuyến điện cuộn giấy ăng-ten thì khi về tới nơi chàng sẽ đập vỡ mặt y. Cần phải bắt liên lạc với Buenos-Aires bằng bất cứ giá nào. Phải coi như là ở cách đây một ngàn năm trăm cây số người ta có thể quăng một sợi giây thừng vào cái vực thẳm này. Vì thiếu một điểm ánh sáng le lói, thiếu một ánh đèn quán trọ — ánh đèn gần như vô ích nhưng, giống như một ngọn hải đăng, có thể chứng tỏ trái đất — nên ít ra cũng phải có một tiếng nói, một tiếng thôi, tới từ cái thế giới đã không còn tồn tại nữa. Viên phi công giờ cao nắm tay và đu đưa nó trong ánh đèn đỏ để làm cho kẻ ngồi sau kia hiểu cái sự thật thảm hại này ; nhưng người kia không biết tới cái sự thật ấy, vì y đang mãi cúi vào cái khoảng không gian bị tàn phá, cúi xuống những thành phố bị chôn vùi, những làn ánh sáng tắt ngấm.

Có lẽ Fabien sẽ nghe theo tất cả mọi lời khuyên, miễn là những lời khuyên ấy vọng tới tai chàng. Chàng nghĩ : « Nếu họ bảo ta quay tròn thì ta quay tròn và nếu họ bảo ta đi thẳng về phía Nam thì... » Ở một nơi nào đó có những giải đất bình yên ấy, êm đềm dưới những bóng trắng lớn. Ở đây

kia, các bạn hữu của ta biết rõ những giải đất bình yên đó ở chỗ nào. Am hiểu như những nhà bác học và đầy quyền lực, họ đang cúi xuống những tấm bản đồ dưới bóng những cây đèn đẹp như những đóa hoa. Còn chàng, chàng không biết gì khác ngoài những cơn xoáy đang đẩy về phía chàng ngọn thác đen của nó. Người ta không thể bỏ rơi hai gã đàn ông giữa những cây nước và những ngọn lửa trong những đám mây này. Người ta không thể. Chớ gì người ta ra lệnh cho Fabien. Lấy hướng hai trăm bốn mươi... để chàng sẽ lấy hướng theo lời họ. Nhưng chàng chỉ có một mình. Đối với chàng hình như chất liệu cũng nổi loạn. Mỗi lần nhào lên nhào xuống, động cơ lại rung chuyển mạnh đến nỗi toàn khối phi cơ đều run rẩy như giận dữ. Fabien cố sức trấn áp chiếc phi cơ, đầu thụt sâu vào phòng máy đối diện với chân trời giả, bởi vì, ở ngoài kia, chàng không còn phân biệt nổi đâu là trời, đâu là đất. Chàng đã lạc vào một bóng đêm nơi mà tất cả đều bị trộn lẫn, một thứ bóng đêm khi vũ trụ vừa được tạo thành. Nhưng những cây kim của những phi cụ chỉ vị trí máy bay giao động mỗi lúc một nhanh, trở thành khó theo dõi. Bị những cây kim lừa bịp, viên phi công bối rối không còn biết rõ độ cao của phi cơ nên sa lầy dần trong cái bóng tối ấy. Chàng đọc cái chiều cao « năm trăm thước » của mình. Đây chính là mức độ cao của những ngọn đồi. Chàng cảm thấy chúng đang dồn về phía chàng những đợt sóng làm chóng mặt của chúng. Chàng cũng hiểu là tất cả những khối ở mặt đất, mà chỉ một chút xiu cũng đủ làm cho phi cơ tan nát, hình như bị lôi rời ra khỏi cái chống đỡ cho chúng, bị tháo tung từng mảnh và bắt đầu quay lộn sưa quanh chàng. Chung quanh chàng bắt đầu diễn ra một thứ khiêu vũ vào chiều sâu ; nó xiết lấy chàng mỗi lúc một chặt hơn.

Chàng phải quyết định. Rủi ro có xuống quá đà, chàng sẽ hạ cánh bất cứ chỗ nào. Và để tránh ít nhất là những ngọn đồi, chàng thả chiếc hỏa châu chiếu sáng độc nhất của chàng. Hỏa châu bùng cháy, quay lộn trong không khí, soi sáng một bình nguyên và tắt ngấm trong ấy : đó là mặt biển.

Chàng nghĩ rất nhanh : « Lạc rồi. Sửa lại bốn mươi độ mà ta vẫn bị dạt đi. Đây là một cơn lốc. Đất ở đâu ? » Chàng rẽ và bay

thẳng về hướng Tây. Chàng nghĩ : « Bây giờ không có hòa châu, ta tự giết ta mất. » Điều này ắt phải tới. Và bạn chàng ngồi đằng sau kia... « Chắc hẳn y đã cuốn giấy ãng-ten. » Nhưng viên phi công không còn giận y nữa. Ngay chính cả chàng, nếu chàng chỉ mở bàn tay ra mà thôi thì đời sống của họ sẽ lập tức mất tiêu như một hạt bụi nhỏ bé. Chàng giữ trong bàn tay cái trái tim đang đập của bạn chàng và trái tim chàng. Và bỗng nhiên những bàn tay chàng làm chàng hoảng sợ.

Trong những cơn gió xoáy đập thành linh vào phi cơ, để làm giảm bớt những cái lắc của tay lái gỗ hầu để nó khỏi cưa đứt những giây cáp giúp việc điều khiển máy bay, chàng dùng hết sức lực bám chặt lấy nó. Chàng bám lấy nó hoai. Và lúc này chàng không còn cảm thấy đôi bàn tay mình nữa, đôi bàn tay đã bị sự cố gắng làm cho thiếp đi. Chàng muốn cử động những ngón tay để dò phản ứng của chúng vì chàng đã không biết chúng có tuân theo ý muốn của chàng hay không. Một cái gì khác lạ ở đầu cánh tay chàng. Những lớp da mỏng mềm và không có cảm giác. Chàng nghĩ : « Ta phải cố gắng tưởng tượng là ta đang xiết chặt... » Chàng không biết rằng ý nghĩ có vươn tới những bàn tay chàng không. Và khi chỉ tri giác được những cái giật nảy của tay lái nhờ những cái đau nhói ở hai vai, chàng nghĩ : « Cái tay lái này sẽ trốn khỏi ta. Những bàn tay ta rồi sẽ mở ra mất... Nhưng chàng hoảng sợ vì đã tự cho phép nghĩ những câu đó, bởi vì lần này chàng tưởng là cảm thấy những bàn tay mình, văng theo cái mãnh lực bí ẩn của ảnh tượng, thong thả tự mở ra trong bóng tối để trao nộp mạng chàng.

Dẫu sao, hình như chàng vẫn còn có thể vật lộn để cố giành lấy một sự may mắn : không có một định mệnh tự bên ngoài tới. Nhưng có một định mệnh nội tại : đến một cái phút mà người ta tự thấy mình có thể bị tổn thương ; lúc bấy giờ những lời lầm lũi kéo bạn như một cơn chóng mặt.

Và chính ở cái phút ấy trong đầu chàng vụt loé ra vài ngôi sao thấy qua một vết nứt của cơn giông tố như một cái mối nguy hiểm trong một cái nơm cá.

Chàng phán đoán sáng suốt rằng đó chính là một cái bẫy : người ta thấy ba ngôi sao trong một cái lỗ, người ta bay lên phía

chúng, tiếp đẩy người ta không thể xuống được nữa, người ta ở lại đó để cần những ngôi sao.

Nhưng cơn đói ánh sáng của chàng gay gắt đến độ chàng bay lên.

XVI

Nhờ có những chuẩn điểm mà các ngôi sao hiển cho chàng, chàng vừa bay lên vừa sửa cho máy bay bớt lắc. Cái sức hấp dẫn nhót nhót của các vì sao lôi kéo chàng. Chàng đã cực nhọc từ lâu để chạy đi tìm một đợt ánh sáng, đến độ chàng không còn có thể rời bỏ nơi cái đợt ánh sáng mờ hồ nhất. Với hy vọng tìm được ánh lửa của một nơi trú, có thể chàng phải lượn vòng cho đến chết chung quanh cái dấu hiệu mà chàng khao khát. Và này đây, chàng bay lên phía những cánh đồng ánh sáng.

Chàng lên từ từ, theo đường xoáy tròn ốc, trong cái giếng mở ra rồi lại đóng lại ở bên dưới chàng. Theo với đà chàng bay lên, những đám mây mất dần lớp bùn bóng tối của chúng. Chúng tạt qua chàng như những đợt sóng mỗi lúc một trong trắng hơn. Fabien nổi lên.

Sự kinh ngạc của chàng lên tới cực độ : tia sáng chói lọi đến độ làm loé mắt chàng. Chàng phải nhắm mắt lại trong vài giây. Có lẽ chưa bao giờ chàng tin rằng những đám mây trong đêm tối lại có thể làm người ta loé mắt. Nhưng vầng trăng đầy đặn và tất cả những vì tinh tú khác đã biến đổi chúng thành những đợt sóng sáng loé. Ngay trong cái giây đồng hồ nó nổi lên, phi cơ đột nhiên đạt tới một nơi êm tĩnh gần như lạ thường. Không có những đợt khi vận chuyển làm nó nghiêng ngả. Như một con thuyền vượt qua con đê, phi cơ vào những vùng nước dành riêng. Nó lạc vào một vùng trời xa lạ và khuất nẻo như vịnh nước của những hòn đảo hạnh phúc. Bên dưới phi cơ, cơn bão tạo thành một thế giới khác đầy ba nghìn thước, xao động với những cơn gió mạnh, những cột nước, những tia chớp. Nhưng cái thế giới ấy quay về phía các ngôi sao một bộ mặt bằng pha-lê và tuyết.

Fabien nghĩ rằng chàng đã đạt tới những cõi ảo huyền kỳ lạ, bởi vì tất cả trở nên sáng rực. Hai bàn tay chàng, quần áo chàng, cánh phi cơ của chàng thấy đều sáng rực. Bởi chưng ánh sáng không từ các vì sao chiếu xuống nhưng tỏa ra từ những đám mây trắng xóa bên dưới và chung quanh chàng.

Bên dưới chàng, những đám mây này gửi trả lại tất cả cái màu tuyết mà nó nhận được từ mặt trăng. Những đám mây bên phải cũng như những đám bên trái, thấy đều cao như những ngọn tháp. Một giòng sữa ánh sáng đang lưu thông, trong đó, cả đoàn phi hành tẩm mình vào. Khi quay lại, Fabien thấy người coi máy vô tuyến mỉm cười.

— Dở lắm rồi ! Y kêu lên.

Nhưng tiếng nói mất hút trong tiếng phi cơ bay, chỉ còn những nụ cười cảm thông với nhau mà thôi. Fabien nghĩ : « Ta thật là điên nên mới cười : chúng ta đang lâm nguy. »

Dẫu vậy, hàng ngàn cánh tay của bóng tối đã buông chàng ra. Người ta đã tháo những sợi giây trời chàng, cũng như tháo giây trời cho một tù nhân mà người ta để bước đi một mình, trong một lúc, giữa những bụi hoa.

« Đẹp quá », Fabien nghĩ vậy. Chàng bay lang thang giữa những vì sao chững chắt với cái mật độ của một kho tàng, trong một thế giới nơi không có ai, tuyệt đối không có ai ngoại trừ chàng, Fabien và bạn chàng là sống động thôi. Giống như những tên trộm của những thành phố trong thần thoại, bị giam hãm trong bốn bức tường của kho tàng mà không thể nào ra nổi. Giữa những viên châu ngọc giá lạnh ấy, họ lang thang, giấu sang vô cùng nhưng đã bị lên án.

XVII

Một trong những vô tuyến điện viên ở trạm Commodoro Rivadavia thuộc vùng Patagonie bỗng nhiên có một cử chỉ đột ngột

khiến tất cả những kẻ đang thức để nghe ngóng một cách bất lực trong trạm đều quây quần chung quanh y và cùng cúi xuống.

Họ cúi xuống mảnh giấy trình trắng và được ánh đèn soi từ lâu. Bàn tay người coi máy vô tuyến hãy còn phân vân, và cây viết chỉ chao đi chao lại. Bàn tay của người coi máy vẫn còn giữ những chữ bị cầm tù, nhưng những ngón tay đã rung lên.

— Báo hả ?

Vô tuyến điện viên gật đầu. Y không hiểu những tiếng ào ào trong máy là tiếng gì. Rồi y ghi một vài dấu hiệu loảng ngoảng. Rồi những tiếng. Rồi người ta chấp thành bức điện văn như sau :

‘ Bị kẹt ở ba ngàn lẻ tám thước trên cơn giông tố. Chúng tôi đang bay thẳng vào phía tây nội địa, bởi chúng tôi đã bị gạt ra biển. Bên dưới, mây dày đặc. Không biết chúng tôi có vẫn còn đang bay trên biển chăng. Hãy báo cho biết giông tố có lan vào nội địa không. ’

Vì những trận bão nên người ta phải chuyển tiếp bức điện tín này tới Buenos-Aires, theo lối truyền từ trạm nọ sang trạm kia. Bức điện văn tiến đi trong đêm tối như ngọn lửa mà người ta lần lượt thắp lên.

Buenos-Aires cho lệnh trả lời :

— Bão chính ở nội địa. Các anh còn bao nhiêu xăng ?

— Nửa giờ nữa.

Từ trạm này sang trạm khác câu đó được chuyển đến Buenos-Aires.

Người ta định ninh là trong vòng trước ba mươi phút, đoàn phi hành sẽ đi sâu vào một cơn lốc và có lẽ sẽ bị cơn lốc ấy đưa giạt xuống tận mặt đất.

ANTOINE DE SAINT-EXUPÉRY

LÊ HUY OANH phiên dịch

LƯU Ý BẠN ĐỌC :

Trong hai năm qua, hàng ngàn độc giả đặt mua báo Văn dài hạn đã được hưởng nhiều tiện lợi như : báo giao tận nhà đều đặn, món quà văn nghệ đầu năm, không phải trả tiền những số đặc biệt...

Ngay từ bây giờ, quý bạn hãy đặt mua báo dài hạn năm 1966, vì chúng tôi sẽ khóa sổ vào cuối tháng 12 năm 1965. Đừng đặt mua chậm trễ bị lỡ như nhiều bạn đã lỡ dịp trong năm qua.

— **Giá báo dài hạn năm 1966** là 240\$00, tại Sài-gòn và các tỉnh Nam-phần (không phải gửi báo bằng máy bay).

— Tại Trung-phần, Cao-nguyên và các tỉnh Nam-phần bắt buộc phải gửi báo bằng máy bay, thêm khoản cước phí phụ là 60\$. Như vậy, cả tiền báo và cước phí tính chung là 300\$00.

— **Quà tặng :** Quý bạn chọn một trong hai cuốn sách sau : a) *Bữa cỗ ngày sinh nhật*, truyện Mai-Thảo.

b) *Anh hùng thối mặt*, truyện Trần Phong-Giao dịch.

(Riêng các bạn trả 300\$ sẽ được tặng thêm tập thơ *Trường Ca* của Lý Minh.)

Mỗi kỳ phát hành, báo sẽ được gửi đến quý bạn đều đặn. Rủi ro bị thất lạc số nào, chúng tôi sẽ gửi bù số đó.

Riêng với những bạn đọc trong quân-ngũ, xin đặt mua theo địa chỉ dân-sự vì báo gửi về các KBC thường hay bị thất lạc.

Tiền mua báo xin gửi bằng bưu-phiếu Cũ tên ông Nguyễn-dinh Vương, hoặc gửi bằng bưu-chi-phiếu chuyển về trương-mục số : 9 42 , Chánh-trung-khu Chi-phiếu Sài-gòn (gửi bằng thiệp-phiếu, mẫu số CH 1418, hỏi xin tại bưu cục nơi bạn ở, hoặc biên thư cho chúng tôi).

Cũng xin lưu ý bạn đọc là chúng tôi chỉ nhận đặt mua dài hạn trọn năm, chứ không nhận nửa năm hoặc ba tháng.

phi cơ chở thư miền nam

(COURRIER SUD)

Courrier Sud là tác phẩm đầu tay của Saint-Exupéry. Ông đã cho xuất bản cuốn này sau khi từ Cap Juby (ở gần biên giới Maroc thuộc Tây-ban-nha) ... trở về Pháp vào năm 1930.

Đây là một cuốn sách đặc biệt và đầy hứa hẹn nhưng lúc đầu, không mấy ai biết đến : nó gồm những chương hay chương dở, ghi lại rất nhiều kỷ niệm của một chàng thanh niên làm nghề phi hành. Nhân vật này đã bày tỏ những thắc mắc của mình đối với cuộc sống, với tình yêu và với tôn giáo.

Trong **Courrier Sud**, Saint-Exupéry đã sử dụng một lối hành văn cô đọng nhưng ngắn gọn, đôi khi lơ lửng, nhịp nhàng đọc lên nghe như thơ xuôi. Tác giả đã tỏ ra tài tình khi sử dụng những hình ảnh tuy đơn sơ, chính xác, nhưng phảng phất những vẻ tân kỳ.

Đoạn văn sau đây trích trong cuốn **Courrier Sud** ở phần 2, chương I, có thể được coi như một bài thơ ca tụng tình yêu trong một cuộc sống trôi nổi, hào hùng.

Ở đây, kiều nữ Geneviève sẽ hiện ra như một bà hoàng giữa một vùng đất phi nhiêu đầy những cây bồ đề, cây sồi và những bụi dương xỉ : Nàng là hiện thân của tình thương yêu và gã phi công lang bạt kia đã gặp nàng... Một mối tình với những kỷ niệm của nó...

của em, em nghe giọng ếch kêu, em lấy sự tin tưởng của em trong tất cả cuộc sống đó đang vươn lên và chung quanh em, trong sự bình thản của đêm tối và trong em, từ gót chân tới gáy cho cái số phận không sao diễn tả được vậy mà chắc chắn.

Và khi trăng đã lên cao, và đến giờ đi ngủ, em đóng cửa sổ lại và ánh trăng chiếu sáng qua khung cửa kính. Và chúng tôi bảo em là em đã đóng bầu trời như đóng một tủ kính, trăng cùng một nhóm các ngôi sao đã bị nhốt trong đó. Vì chúng tôi đã tìm mọi hình thức tượng trưng, bằng mọi cạm bẫy để lôi kéo em, dưới những hình thái ở bên ngoài, tới đáy của những biển mà chúng tôi gọi là nỗi lo lắng của chúng tôi.



... Tôi đã tìm thấy nguồn gốc. Tôi cần phải có năng đề ngưng nghỉ cuộc hành trình. Năng hiện có nơi đây. Những người khác... có những người đàn bà mà chúng ta bảo phải vứt họ ra xa, trong các ngôi sao, sau tình yêu. họ chỉ là một sự xây dựng cho con tim. Geneviève... cậu còn nhớ chứ, chúng bảo năng sống động. Tôi đã tìm thấy năng như người ta tìm thấy ý nghĩa của sự vật và tôi đi bên cạnh năng, trong một thế giới mà sau cùng tôi đã khám phá ra phía bên trong...

Năng tới hẳn thay mặt cho các sự vật. Năng làm trung gian, sau cả ngàn vụ ly dị, cho cả ngàn hôn nhân. Năng đã trả lại hẳn những cây hạt dẻ này, đại lộ này, máy nước này. Mỗi sự vật lại ấp ủ mối bí mật ở phía trong, đó là linh hồn năng. Khu vườn này không được chăm nom, tia xén đối với một người Mỹ, nhưng chính tại đó người ta đã thấy sự hỗn độn trên các lối đi, những lá khô, cái khăn tay đánh rớt nơi đó đã ghi dấu chân của cặp tình nhân. Và khu vườn đó đã trở thành một cạm bẫy.

ANTOINE DE SAINT-EXUPÉRY

NHÃ-ĐIỀN dịch

giá trị con người

(TERRE DES HOMMES)

Được xuất bản năm 1939, **Terre des Hommes** được trình bày dưới hình thức một chuỗi thuật sự và chứng liệu xen vào bằng những suy tư luận lý. Saint-Exupéry thuật lại ông đã được H. Guillaumet hướng dẫn vào nghi thức nghề nghiệp như thế nào. H. Guillaumet là người được đề tặng cuốn sách ; Saint-Exupéry nhắc nhở những hành vi can đảm của các bạn Mermoz và Guillaumet ; ông nói rõ cho chúng ta tình chót bi thảm của những chuyến phiêu lưu xảy đến cho ông. Ông dẫn giải rằng, nếu phi cơ chỉ là một dụng cụ, nó cũng là một khi cụ kỹ diệu dùng làm phân tích ; nhờ ông mà người ta khám phá ra mặt đất và người ta hiểu ra rằng mặt đất mới chính là chỗ ở của loài người. Trong chương cuối của tác phẩm này, Saint-Exupéry trưng những nguyên tắc làm điểm tựa cho nhân bản của ông. Đối với ông giá trị duy nhất, chân lý duy nhất chế ngự lý trí là chân lý mà con người mang trong bản thân, con người là biểu tượng lý tưởng của tất cả những gì làm nên chúng ta. Lý tưởng không phải chứng minh, nó biểu tỏ trong hành động của những cá thể kết hợp bằng một sự ước vọng, bằng một niềm tin tưởng, bằng một nụ cười, tất cả cho họ cảm tưởng đánh đổi một cái gì hơn chính họ. Saint-Exupéry thích những đức tính của tình yêu mở đường cho đức tin hơn là những đức tính của trí tuệ đưa đến ngờ vực. Được viết ra bằng thứ tản văn có một vẻ

đẹp thật cổ điển, **Terre des Hommes** làm sáng tỏ cho con người về cái ý nghĩa phải gán cho thân phận con người và thế giới hiện đại một cách hợp thời.

Cũng như những tác phẩm khác, tác phẩm dưới đây tạo thành một chứng liệu trữ tình không tìm đâu thấy chứng hiệu trùng hợp nào khác trong văn học Pháp. Antoine de Saint-Exupéry là một trong những khuôn mặt đẹp đẽ nhất mà nước Pháp kể tới từ buổi đầu thế kỷ này. Với tình khi cao đẹp cũng như với những năng khiếu viết văn, ông đã thấu đạt thuở sinh tiền cái vinh quang chính đáng nhất, và vinh quang đó càng gia tăng kể từ khi ông qua đời.

Trong chương dưới đây, **Con tàu và trái đất**, trích từ bản Việt-dịch **Giá trị con người**, bạn đọc sẽ tìm thấy khía cạnh vũ trụ (*aspect cosmique*) trong nhân bản thuyết của Saint-Exupéry.

IV

CON TÀU VÀ TRÁI ĐẤT

I

Phi cơ dành là một thứ máy móc, nhưng cũng là một dụng cụ phân tách vô giá. Dụng cụ ấy giúp chúng tôi biết rõ được mặt thực của quả địa cầu. Từ bao nhiêu thế kỷ nay, đường sá thật đã dối lừa ta nhiều lắm. Ta giống như nữ vương nọ ngự đi thăm bốn thần dân để xem mình trị vì mà họ có ca tụng chẳng. Nhưng bọn nịnh thần sắp đặt quang cảnh hai bên đường cho đẹp mắt, và thuê người chực sẵn để nhảy múa mà lừa dối nữ vương. Ngoài hai bên

vệ đường đi, bà không nhìn thấy được gì xa hơn nữa, không biết chi thêm về vương quốc của mình, cho nên nữ vương không hay rằng trong vùng đồng ruộng ở xa, những dân chết đói đang nghiền rủa bà.

Chúng ta cũng vậy. Chúng ta đi trên những đường sá quanh co. Đường ta đi nhất thiết tránh những đất khô khan, tránh đá và tránh cát. Đường muốn làm vừa lòng những đòi hỏi của người, đường chỉ nối mạch nước này qua mạch nước khác. Chúng chỉ đưa kẻ nông dân từ vại lúa mình ra bờ ruộng tốt, chúng từ ngưỡng cửa các trại trâu bò dắt súc vật đến vườn nào cỏ béo. Chúng chỉ chạy quanh các làng mạc mà thôi, vì trai làng này thường gả nghĩa với gái làng kia. Thẳng hoặc có con đường nào băng qua sa mạc, nó cũng cố ngoằn ngoèo tìm cho được những quãng có bóng cây.

Thế nên chúng ta bị đường sá phỉnh phờ, giống như bị một từ tâm lừa dối, vì bao giờ cũng đi trong những giải đất phì nhiêu, qua những vườn hoa quả tốt, trên nhiều bãi cỏ xanh, khiến ta từ bao nhiêu lâu giữ chặt trong đầu một hình ảnh quá chừng tươi đẹp của cái ngục đang giam hãm chúng ta. Trái đất này ta thường lầm cho là mẫu mớ hiền hòa lắm.

Nhưng mắt ta đã sáng hơn rồi, một tiến bộ, nhưng một tiến bộ chưa cay. Nhờ có phi cơ, ta biết con đường thẳng. Chỉ mới cất cánh lên chúng tôi cũng đã rời khỏi ngay những con đường đang xô đi tìm các đồn điền, các nơi nhiều súc vật, hay loanh quanh nối liền các đô thị lại với nhau, Thoát vòng cương tỏa của những nhu cầu quen thuộc và không còn cần có nước mạch như lệ thường, chúng tôi ngang nhiên bay tìm những mục đích xa xôi. Ngay khi ấy, từ quãng không trung, theo một hướng đi thẳng tắp, chúng tôi vụt nhận ra được cái cơ sở chính yếu ở hạ tầng, chỉ là đá, là cát, là muối mà thôi, nhưng trên đấy nhiều khi, đây đó, sự sống cứ hiện hiện như thường, dù chỉ như chút rêu phong lọt sống trong kẽ đá của một dền dài hoang phế.

Chúng tôi bấy giờ biến thành những nhà hóa học, những nhà sinh-vật-học, đi tìm xem các văn hóa đang trang hoàng những tầng thung lũng thấp, đề đôi lúc, gặp chỗ nào phong khí tốt, trở nên trù

mặt đến lạ lùng. Chúng tôi bấy giờ đứng trong khung vũ trụ để nghiên cứu con người, quan sát nó qua mảnh cửa kính tròn như qua một thứ dụng cụ nào khoa học vậy. Và chúng tôi xem lại lịch sử của chúng ta.

II

Người phi công đi về phía eo bờ Magellan, bay ngang qua một vùng đá từ trong một núi lửa cũ chảy ra, hơi xé phía Nam Rio Gallegos một chút. Những chất đá ấy phủ nặng trên quảng đồng bằng nơi đây một lớp dày hai mươi thước. Rồi ngang một vùng đá thứ hai thế nữa, ngang một vùng đá thứ ba như thế nữa, và từ đấy trở đi, mỗi một mỏm đất nhỏ, mỗi một ngọn đồi nhỏ, không cần quá hai trăm thước cao, cũng đã có riêng một miệng lửa bên hông. Không phải là những ngọn hỏa diệm sơn ngạo nghễ như ngọn Vésuve đồ sộ, mà chỉ là những miệng lửa rải rác ngay giữa một đồng bằng.

Nhưng ngày nay yên tĩnh phủ khắp nơi đây. Ngang qua đấy, một sự yên tĩnh như thế phải làm cho ta kinh ngạc, trong một khung cảnh lỗi thời. Ngày xưa nó chính là nơi trăm nghìn ngọn núi rầm rộ đua nhau hút lửa từ đáy lòng sâu để tung lên các nẻo. Mà bây giờ, bay ngang qua đấy, ta chỉ còn thấy một vùng lặng lẽ, điểm nhiều đỉnh núi già bằng đen.

Nhưng vào càng xa hơn, có nhiều núi lửa già hơn đã bắt đầu thấy cỏ. Có nơi đã thấy mọc một vài cây, từ trong nghé núi, giống như một cành hoa nào bỗng nở được trong một chậu xưa. Dưới một màu ánh sáng giống hết lúc hoàng hôn, một lớp cỏ ngắn phủ đều, khiến cho giải đất bằng đượm vẻ xinh tươi như một mảnh vườn có tay người chăm sóc, và trong cảnh phẳng phiu này, phải nhìn kỹ mới thấy các miệng lửa không lồ có nhỏ cao lên chút ít. Một con thỏ chạy dài, một con chim vỗ cánh, sự sống như đã tìm đến nảy nở trên giải tinh cầu mới nào đây đã chất chứa được rồi một lớp đất hoa màu.

Rồi lúc sắp đến Punta Arenas, các miệng lửa sau cùng đã

lấp cạn hẳn đi. Một giải cỏ đều phủ khắp các nơi, ngay cả hai bên triển các hỏa diệm sơn nữa, khiến chúng bây giờ cũng thành ra tươi mát vô cùng. Đất đã phẳng phiu, triển dốc không còn nhô cao lắm nữa, nên ta đã quên rồi nguồn gốc của các hỏa diệm sơn này. Bãi cỏ non xanh phủ các sườn đồi đã xóa hẳn được cả một cảnh trời đen tối.

Và đây, về phía trời Nam, chúng ta vừa đến nơi trong cái thành phố xa nhất thế giới mà, nhờ tình cờ gặp được chút đất bùn con, người ta đã dựng lên ở quãng giữa những vùng đất lửa và một giải băng dương. Gặp dấu hiệu của sự sống cạnh ngay bên những vùng đá chết đen sì như thế, ta mới nhận thức được sức mạnh kỳ diệu của con người! Thật lạ lùng! Không ai biết được vì đâu và bằng cách nào, trong một ngày đẹp đẽ nhất giữa mọi ngày, người khách ấy viếng các thửa vườn này đã dọn dẹp sẵn để ở được chỉ trong một thời gian quá ngắn, một địa kỳ.

Tôi hạ cánh một tối mát trời. Đây, thành Punta Arenas. Tôi đứng tựa vào thành một giếng nước nhìn các thiếu nữ đi qua. Đứng gần những nàng con gái kiểu diêm ấy, tôi cảm được rõ hơn sự mẫu nhiệm của con người. Trong một thế giới mà sự sống dễ tìm theo sự sống, mà các loài hoa theo trong lòng gió lẫn lộn cùng nhau, mà mỗi con nga nào cũng quen thuộc cả loài nga nó, chỉ có con người mới xây dựng nổi cô đơn.

Đời sống tinh thần còn chia cách họ biết bao nhiêu! Người thiếu nữ, trong giấc mơ, đang cách biệt hẳn với tôi, làm sao đây cho gặp nàng trong ấy? Ta có thể biết chỉ đang rợn rã trong lòng người con gái lần từng bước nhẹ về nhà, đôi mi khẽ hé và lòng rạo rục một nỗi vui riêng, thăm tính cách nào đây để che đậy tâm sự mình bằng những lời lừa dối đáng yêu? Nàng đã xây dựng được cho nàng một Thế-giới, với những ý nghĩ, với giọng nói, với những khi im lặng, của chàng con trai đã chiếm được lòng nàng. Cho nên, từ đây, ngoài chàng ra, ai khác đối với nàng chỉ là những kẻ man di. Nàng dấu trong tim, tôi tưởng chừng còn kín hơn dấu trong một quả hành tinh, những nỗi niềm riêng, những lối đi về, và những vang âm trầm thẳm của nhiều lời âu yếm nàng còn vắng vắng bên

tai. Nàng con gái của các hòa-diêm-sơn, của những đồng cỏ mượt, của màu muối biển ấy, mới hăm qua, nay đã quá thành ra một nàng tiên kiều diễm.

Punta Arenas ! Tôi tựa lưng bên thành một giếng nước. Nhiều người đàn bà già đến lấy nước ở đây. Đời sống họ là tấn kịch gì, tôi chỉ biết có một màn là công việc nặng họ đang làm đấy. Một đứa bé con ngựa cõ vào tường yếu lạng khóc. Ngày mai đây, nhà đến em, tôi chỉ thấy có đứa trẻ con kháu khỉnh, lệ chẳng bao giờ khô. Tôi chỉ là người lạ đến đây. Tôi có biết chi đâu. Tôi không thuộc vào Thế-giới họ.

Cả tấn kịch vĩ đại của người đời, gồm những thương, những ghét, những chuyện vui mừng, đã diễn ra trong một khung cảnh hẹp ! Sống trên một vùng núi lửa đất còn chưa nguội hẳn, lại còn đang lo ngại trước sự hăm dọa của cát và của tuyết, làm thế nào con người còn thêm khát vô biên ? Vắc hóa họ ở đây chỉ như một lớp thép vàng mỏng mảnh : một ngọn núi lửa có lẽ sẽ xóa hẳn đi, hay một góc biển mới, một cơn bão cát nào đây.

Thành phố này tưởng chừng như cất trên một giải đất thực mà người ta tin là có được lắm bề sâu như ở vùng Beauce. Người ta chỉ quên có một điều là, đâu cũng như đâu, sự sống bao giờ cũng là chuyện xa xỉ và dưới bước chân của con người, không có mảnh đất nào đủ gọi là có bề sâu. Nhưng cách thành phố Punta Arenas chừng mười cây số, tôi gặp một cái hồ đã vạch rõ điều ấy cho tôi. Nó nằm giữa một vùng cây cối cằn cỗi, hai bên bờ nhà cửa thấp thòai tối tăm, khiến nó có vẻ tối tăm như một cái ao tù nằm trong sâu một cái trại nào đó. Nhưng không hiểu vì sao nó cũng theo nước triều ngoài biển mà lên xuống hằng ngày. Nằm ngay trong một khung cảnh hiên lành, lau sậy xôn xao, trẻ con đùa nghịch cái hồ ấy ngày đêm nhịp đều hơi thở nó theo những định luật không phải để áp dụng ở đây. Dưới mặt nước phẳng lì, dưới lớp giá băng không động đây, dưới chiếc thuyền hư độc nhất ở đây, mặt trăng đang dùng sức mình hút nước. Dưới tầng sâu của lớp nước hồ đen ấy, biển đã chen vào, từ eo biển Magellan, xuyên không sâu qua dưới lớp cỏ hoa quanh đấy. Cái hồ chừng trăm thước

động này, nằm sát vách một thành phố, trong đó con người sống bình an, nằm ngay trong chính đất đai người, đã nhịp đều theo mạch biển.

III

Chúng ta sống trên một tinh cầu di động. Lâu lâu, nhờ chiếc phi cơ, ta nhận ra nguồn gốc nó : cái hồ trên kia, liên lạc thẳng với mặt trăng, đã phơi bày những tinh bà con dấu điểm. Nhưng tôi còn biết những dấu hiệu khác.

Từ Cap Juby đến Cisneros, dọc bờ biển bọc theo giải Sahara, lâu lâu một lần, ta lại bay ngang trên một cao nguyên mang hình nón cắt ngang thân mà bề rộng, nơi chừng ba trăm thước, nơi đến ba mươi cây số. Nhưng đáng chú ý là bề cao chúng lại đều nhau : ba trăm thước. Không phải chúng chỉ cao bằng nhau, chúng lại còn giống hệt nhau về màu sắc, về địa chất và về hình thức nữa. Nếu ta gấp, nhỏ chơ vơ trên cát, những chiếc cột của một đền thờ, thì những chân cột ấy nhắc cho ta biết là trước kia chúng nằm chung trong một tòa nhà bảy giờ sụp đổ. Những cột chơ vơ này cũng thế, chúng phải nằm chung trong một giải cao nguyên đồ sộ ngày xưa.

Trong mấy năm đầu mới mở con đường Casablanca-Dakar, ở cái thời phi cơ còn mong manh lắm, chúng tôi thường vì hỏng máy, hoặc đi tìm những phi cơ lạc, hay đi cứu những phi cơ rơi, mà phải hạ cánh trong vùng phiến loạn. Cát thì lại phình phờ : ta tưởng là nó chắc, không dè có lúc phải sa lầy. Còn những giải ruộng muối xưa, ta bước lên trên, tiếng chân đập dồn, tưởng đâu chắc chắn như đi trên nhựa trải đường, có khi lún dưới sức nặng của bánh phi cơ. Lớp muối nê đôi, mở rộng một thảm bùn đen hôi thối. Vì thế, chúng tôi thà hạ cánh trên các cao nguyên kia mỗi khi hạ được. Chỉ vì chúng không dấu một bầy cạm náo.

Sở dĩ chắc chắn như thế là nhờ ở đấy có một thứ cát hạt rắn và nặng, do những vỏ bào, vỏ hến, lẫn lẫn, dồn lại thành một đồng

rất to. Trên mặt cao nguyên thì nó còn nguyên vẹn, nhưng theo lần một bên triển mà xuống, ta thấy nó chỗ vỡ ra nhiều mảnh, chỗ lại dính chặt với nhau. Và xuống sâu đến dưới chân, nơi các thứ vỏ dồn lại lâu ngày hơn hết, ta chỉ thấy toàn có một thứ đá vôi nguyên chất.

Lúc hai anh bạn Reine và Serre bị bọn phiến loạn bắt cầm tù, tôi có dịp chờ một phái viên người Maure hạ cánh trên một trong những cao nguyên này. Trước khi từ giả người ấy, tôi cùng anh ta tìm thử có con đường nào đưa xuống được chăng. Nhưng vô hiệu, bốn mặt đều như bức tường thẳng xuống vực sâu. Không lối nào thoát được.

Nhưng trước khi cất cánh bay tìm nơi khác, tôi còn nắm ná hồi lâu ở nơi đây. Tôi vui cái vui, có lẽ ngày thơ, được đặt dấu chân ở một mảnh đất, từ thuở sơ khai đến nay, người cũng như vật chưa bao giờ phạm tới. Không một người Maure phiến loạn nào có thể lên thấu chiến lũy thiên nhiên này mà tấn công tôi được. Không người Âu nào đã đến thám hiểm ở đây. Tôi bước đi trên một thứ cát hoàn toàn hoang vắng. Và là kẻ đầu tiên, tôi hốt một tay đề lừa qua tay khác, như một thứ bụi vàng quý giá, những bụi cát hến hàu này. Người đầu tiên phá sự yên tĩnh chốn này. Trên mặt cao nguyên giống hệt một phiến băng dương, từ thuở khai thiên vẫn chưa hề có qua một ngọn cỏ, tôi như một hạt giống gió vừa mang lại, bằng chứng đầu tiên cho sự sống ở đời.

Một ngôi sao đã mọc, tôi nhìn lên nó. Tôi nghĩ rằng cái mặt phẳng trắng này, từ muôn vạn kỷ, chỉ ngửa nhìn lên tinh tú. Một tấm thảm trắng trinh, trải dưới một nền trời trong sáng. Và tìm tôi nhói mạnh, như người bắt đầu một phát minh vĩ đại, khi tôi tìm ra cách tôi chừng vài mươi thước, một hòn sỏi đen trên tấm thảm kia.

Tôi đề lên một lớp vỏ dày những ba trăm thước vỏ hến, vỏ hàu. Tất cả cái khối đồ sộ ấy là một bằng chứng cho ta biết chắc chắn là một hòn đá không thể có ở đây. Chắc trong lòng sâu bên dưới đất, do sự sáo trộn của quả địa cầu, một ít viên đá lửa có thể lẫn lộn chen vào, nhưng phép lạ nhiệm mầu nào lại có thể đưa

được một hòn sỏi lên tận mãi trên đây, nơi địa chất còn mới hơn nhiều lắm. Tôi hồi hộp nhặt cái của tôi vừa tìm được. Nó là một thứ sỏi rắn, đen, to bằng một nắm tay, nặng như kim khí và tượng hình một giọt nước mắt.

Một tấm thảm trải dưới một gốc táo, chỉ hứng được những quả táo thôi. Một tấm thảm trải dưới vòm sao, chỉ hứng được bụi của các vì tinh tú. Chưa bao giờ một tinh thạch chỉ rõ được cội nguồn mình đến thế.

Và lẽ tự nhiên, ngẩng nhìn lên cao, tôi nghĩ rằng từ ngọn táo trời kia, tất còn rơi nhiều quả khác. Tôi sẽ tìm thấy chúng ngay nơi chúng đã rơi, vì từ nghìn vạn kỷ, chưa có khi xưa chúng đi nơi khác. Vì chúng không giống một chất khác ở đây. Và tức khắc, tôi tìm tôi đề minh xác giả thuyết tôi.

Nó đúng thật. Tôi góp nhặt được nhiều cuội ấy, trung bình mỗi mẫu một viên. Viên nào cũng là một thứ đá lửa nguội. Viên nào cũng rắn như huyền. Trên giải cao nguyên, lượm lặt những mảnh sao rơi như xem chương nhiều dấu hiệu, tôi vụt sống lại được rõ ràng cảnh mưa lửa chậm, qua nhiều thế kỷ, từ các vì sao.

IV

Nhưng kỳ diệu nhất là giữa cảnh này, giữa tấm thảm nam châm kia và trời sao nọ, trí óc một con người lại có thể chen vào để nhận ra được cơn mưa lửa ấy như một hình ảnh nào nhòa ngay trong một tấm gương soi. Ngồi trên một nền khoáng chất, phải là một phép lạ mới mơ được một giấc mơ. Và tôi nhớ có lần tôi đã mơ...

Một lần khác, rơi trên một vùng cát dày, tôi chờ trời sáng. Nhiều ngọn đồi vàng hướng lên trắng những sườn sáng tỏ, và những sườn tối bên kia men lẫn lên đến vách phân biệt hai bề. Khung cảnh nửa sáng nửa tối này, trầm lặng như một xưởng trại trong giờ nghỉ việc mà cũng im lìm như một cạm bẫy, tôi thiu thiu ngủ, trong khung cảnh ấy.

Khi tôi sực tỉnh, tôi không thấy chi ngoài cái vòm trời đêm, vì tôi đang nằm thẳng lưng trên chính đỉnh ngọn đồi, hai tay vòng trên ngực và mặt ngẩng nhìn lên cái lồng sao. Chưa kịp hiểu đang đứng trước vực sâu nào thế, tôi rùng mình thấy sắp rơi vào đó như rơi trong nước, vì giữa tôi và vực thẳm, không có chi ngăn giữ được tôi, một rễ cây, một nhánh lá, một cái nhà, cũng không.

Nhưng tôi không rơi. Từ đầu đến chân, tôi nhận ra tôi đang dính liền vào đất và khoan khoái vì gởi được cho đất cả sức nặng người tôi. Sức hút của đất, đối với tôi, thiêng liêng như tình ái.

Tôi cảm thấy đất đỡ lưng tôi, đất nâng tôi lên, đất giữ tôi lại, đất đưa tôi vào quầng đêm dày. Tôi thấy mình dán chặt vào quả đất do một sức mạnh như sức mạnh dán chặt ta vào cổ xe gặp những khúc xe quanh. Tôi khoan khoái được kê vai vào đất, được hưởng sự chắc chắn của nó, được nó giữ cho an lành, và bên dưới lưng tôi, tôi nhận rõ được cái boong cong của chiếc tàu đang chở người tôi.

Tôi cảm thấy rõ tôi đang được chở đi, nên tôi không lạ gì mà nghe được, từ trong đất phát ra, tiếng rên rỉ của các bộ phận chiếc tàu đang chuyển, tiếng cọ siết của những chiếc thuyền buồm cũ kỹ đang chen vào bến trợ, tiếng chạn chát của những chiếc phà nhỏ nhẹ. Nhưng trong lòng đất, yên lặng còn nguyên. Mà cái sức hút người tôi, nhận rõ ở hai vai, tôi thấy nó êm đềm, bền bỉ, không thêm không bớt đến vô cùng. Tôi ở yên lành trên cội đất của tôi, giống xác những kẻ đi thuyền, phủ nặng thêm một lớp chì, nằm yên trong lòng biển cả.

Rồi tôi gắm đến số phận tôi, lạc lõng trong sa mạc, nguy hiểm nhiều, trơ trọi giữa cát và sao, lọt hẳn ra ngoài phạm vi đời sống của tôi, vì cách trở qua nhiều yên lặng quá. Tôi hiểu là muốn quay về được vào trong mà không chắc phải chờ nào tìm thấy được tôi, phải không biết bao nhiêu ngày, bao nhiêu tuần, bao nhiêu tháng lang thang, nếu may ra, mai đây, bọn người Maure không gặp tôi mà giết trước. Ở đây, tôi không còn chi nữa của đời. Tôi chỉ là một người lạc lõng giữa cát và sao, chỉ ý thức được một chút vui là vẫn thỏ...

Thế nhưng tôi bắt chợt mình đang dấy mơ mộng.

Những giấc mơ đến không rõ ràng, như nước giông trong mạch đất, khiến tôi, ban đầu, chưa hiểu nổi gì khoan khoái đang xâm nhập người tôi. Không tiếng, không hình, nhưng nghe chừng có một sự gần gũi, một tình bằng hữu sắp đến nơi, và đã đoán được nửa chừng. Tôi hiểu ngay, nhắm mắt lại, triển miên theo những kỷ niệm êm đềm.

Một thửa vườn, đầu đây, đây cả tưng và cả bờ dề, và một ngôi nhà cũ tôi yêu. Tôi có cần biết nó gần hay nó xa, tôi có cần biết nó có sưởi ấm được người tôi đâu, và cũng không chứa chấp chi tôi được, vì nó chỉ là một ngôi nhà trong mộng. Nhưng đủ lắm rồi, nó có đẩy để gần tôi trong suốt đêm nay. Tôi không còn là một tấm thân lạc rớt giữa hoang vu, tôi quen đường lối, tôi là đứa trẻ của ngôi nhà, mang đầy kỷ niệm những hương quen trong đó, ngây ngất tâm trong hơi mát của các dây hành lang, rộn những tiếng vui đùa ở đây từng vang dội. Cả đến những tiếng ếch nhái trong hồ tôi cũng vừa nghe thấy lại. Tôi cần có trăm nghìn mốc thế để tìm thấy lại được chính tôi, để thấm nhận cảnh sa mạc này được vị của bao nhiêu là xa vắng, để tận hiểu nỗi cô tịch xây bằng muôn nghìn yên lặng, trong đó ếch nhái cũng ngừng kêu.

Không, tôi có còn lạc đâu giữa cát và sao. Ngoại vật đối với tôi, tôi chỉ lơ mơ ý thức. Cả cái hương vị của vô cùng tôi tưởng nó mang lại cho tôi, bây giờ tôi mới hiểu đã từ đâu đến. Tôi thấy lại mấy cái tủ lớn trịnh trọng dựng trong ngôi nhà. Chúng hé lộ phượng chông chần trắng tinh như tuyết. Chúng hé lộ những thức ăn lạnh bao đầy tuyết. Người U già loay xoay như một con chuột, đi từ tủ này qua tủ khác, hai tay không ngớt soát tìm, rồi tung ra, rồi xếp lại, rồi đếm từng cái chần trắng và kêu, « Trời ơi ! Khốn nạn quá », mỗi khi có chỗ mòn rách nào đang làm thiệt hại cho sự bất diệt của ngôi nhà. Những khi ấy, liền tay, U chạy lại dưới ánh đèn, lim dim thêm mắt để cố mạng vá ngay cho được những tấm thảm rộng như một mảnh buồm, bối hã như một việc gì thiêng liêng lắm.

U già ơi, có phải nói nhiều ít về U. Những khi đi xa về, tôi bao giờ cũng thấy U tay kim, tay chỉ, lấp ló người trong lớp chần

tinh trắng, mỗi năm mặt một nhăn nheo thêm, tóc một bạc thêm, tay chăm sóc làm sao cho chẵn chúng tôi ngủ không nhàu, cho khăn bàn tiệc chúng tôi không vá chắp, cho tiếm tất những của quý trong bóng sáng choang này.

Tôi vào phòng U may, tôi ngồi trước mặt U, tôi kể U nghe những nguy hiểm giết người để làm U khiếp đảm, để cho U biết chút ít về thế giới của ta, và cũng để lung lạc U. Nhưng U chế là tôi không thay đổi chút nào. Khi còn bé, tôi thường nghịch cho rách áo — Trời ơi ! Khốn nạn quá ! — cho lở gối, rồi mò về cho U băng bó, giống hệt tối nay. Không, không, U già ẹ ! tôi không phải ngoài vườn chạy về với U đâu, mà tự nơi tận cùng quả đất về đây, mang theo lại với tôi mùi cay cực của các miền cổ tịch, cánh gió bụi của một cơn bão cát, và những đêm trắng lộng lẫy cuối trời xa ! Cố nhiên U bảo tôi rằng bọn trẻ con chỉ biết nhảy đùa, chỉ biết bẻ cho gãy tay chân, rồi tưởng là mình rất khỏe. Không, không, U già ẹ ! tôi đã thấy xa hơn thửa vườn nhà. Nếu U hiểu bóng cây vườn nhà là nhỏ ! Đối với sự vĩ đại của các vùng mệnh mỏng những cát, mệnh mỏng những đá, mệnh mỏng những rừng sâu thẳm, mệnh mỏng những bùn lầy của quả đất. U có biết chẳng những vùng man rợ, kẻ nào khác chợt gặp ta đã vội ti súng lên vai ? U có biết là có những vùng sa mạc, ngủ trong đó là nằm trong giá lạnh, không nhà, không giường, không nệm, U ơi !...

— Trời ! Dã man, U bảo.

Tôi không bao giờ phá nổi lòng cố chấp của U, nó khó khăn hơn khi muốn phá đức tin của một người đàn bà giúp việc nhà thờ. Và tôi ái ngại cho căn số tầm thường của U làm cho U thành như người đui, điếc...

Nhưng chính đêm nay, nằm trong bãi Sahara, chơ vơ giữa biển cát và trời sao, tôi cảm thấy U không phải là không có lý.

Tôi không hiểu những gì đã xảy đến trong tôi. Sức hút của đất dán chặt tôi vào nó trong khi các vì sao đều có sức nam châm. Nhưng một chất hút khác lại kéo tôi về lại với tôi. Tôi cảm thấy sức nặng của tôi đang lôi tôi theo nhiều chuyện quá ! Những chuyện

tôi đang mơ còn thực hơn những đụn cát, thực hơn mảnh trăng, thực hơn những gì đang có ở đây. Ôi ! Thú vị của một ngôi nhà, không phải là vì nó che đậy ta, không phải vì nó sưởi ấm ta, không phải vì ta là chủ nhân của các bức tường trong đó. Thú vị của một ngôi nhà chính ở chỗ nó lần hồi ghi giữ lại cho ta không biết bao nhiêu nguồn thương mến. Ở chỗ, từ bao lâu, trong đáy lòng ta, nó luyện sẵn một quặng đất tối mờ, để từ trong đấy, như nguồn nước mạch, tuôn cho ta những giấc mơ màng...

.

ANTOINE DE SAINT-EXUPÉRY

BUI XUÂN BẢO & HỒ SĨ KHUÊ dịch

ĐANG BÁN TỚI NGÀN THỨ BA

JEAN-PAUL SARTRE

KÍN CỬA

TRẦN THIỆN-ĐẠO giới thiệu, dịch và chú giải

GIAO ĐIỂM xuất bản

t h u t u ồ i t r ẻ

(LETTRES DE JEUNESSE)

Lá thư dưới đây là một trong những bức thư St-Ex viết gửi một người bạn gái Renée de Saussine trong khoảng thời gian từ 1923 đến 1931. Những bức thư này đã được gom góp và in thành sách dưới nhan đề « Lettres de Jeunesse » và do nhà Gallimard xuất bản.

Những lá thư này phản ánh chín năm tươi trẻ và hy vọng, chín năm hành động và suy tưởng của cuộc đời Saint-Exupéry.

Casablanca 3-1-1927

Mới có một giờ sáng. Năm tiếng nữa, thì tôi lên đường nhưng tôi không thấy buồn ngủ. Tuy nhiên tôi vẫn ngoan ngoãn nằm nghỉ.

Hình như viết thơ cho Rinette sẽ làm cho tôi thích thú. Tôi nghĩ giờ này Rinette đang ngủ yên nên tôi có thể kể tất cả những gì thoáng qua trong đầu tôi.

Trời bão. Cửa kính đập theo một nhịp lạ kỳ. Ngôn ngữ của TSF hay của những âm hồn. Tôi gắng sức tìm hiểu

nhưng không nổi. Tuy nhiên vẫn có thật nhiều điều tôi muốn biết.

Trong thành phố đang yên giấc, những chiếc tắc-xi hiếm hoi gây ra một tiếng động ào ạt. Tôi không thích cả những bước đi ngoài đường phố. Tất cả những gì chạm tới tôi đều làm tôi lo lắng, trong khi tôi có thể thật sung sướng. Căn phòng của tôi thật đẹp. Chỉ tiếc là tôi chót đề đôi giày trên bàn. Làm hỏng cả khung cảnh. Rinette, ban đêm tôi không còn là tôi nữa. Nhiều khi nằm trong giường, hai mắt mở, tôi cảm thấy hơi khác khoải. Tôi không thích người ta báo cho tôi là có sương mù. Ngày mai tôi không muốn ngộ nạn. Thế gian thì chẳng mất mát gì nhưng tôi thì mất tất cả. Rinette hãy nghĩ xem những gì tôi sở hữu về tình bạn. Kỷ niệm và mặt trời ở Alicante. Và cả tấm thảm Ả-rập mà tôi vừa mua ngày hôm nay, làm tôi nặng trĩu tâm trạng một chủ nhân, tôi mà trước đây thật lảng lảng và chẳng có gì.

Rinette, tôi có một người bạn, tay bị bỏng. Tôi không muốn tay tôi bị bỏng. Tôi ngắm chúng và thấy yếu chúng. Chúng biết viết, biết thắt dây giày, bịa đặt ra những « opéras », mà Rinette chẳng ưa gì nhưng vẫn làm tôi cảm động vì đòi hỏi hai mươi năm tập dượt. Và nhiều khi, chúng giam những khuôn mặt, một khuôn mặt. Rinette thử nghĩ xem.

Rinette, đêm nay tôi thấy lo lắng như một con thỏ rừng và tôi chẳng ưa gì vạ Dakar. Ở đây những gì người ta bảo tôi là tình hình đang « nóng bỏng ». Những phi công nào bị hỏng máy sẽ bị quân Maures tàn sát. Bị quân Maures tàn sát. Tôi không thích nghe câu này kêu vo vo ban đêm. Ban đêm mọi sự đối với tôi đều mong manh. Và cả những gì gắn bó tôi với những người thân yêu. Nhưng người thân yêu đang ngủ. Nằm trên giường canh chừng đêm, tôi lo lắng hơn cả người gác bệnh nhân. Tôi giữ rất kém những kho tàng của tôi. Khi tôi coi chúng.

Tôi hơi dần một chút. Ban ngày mọi sự đều giản dị. Tôi rất thích lên đường và sự nguy hiểm. Nhưng chỉ ban ngày mà thôi. Ban đêm tôi thích được êm ấm và tôi ngại cho tôi.

Tôi còn phải kể cho Rinette một câu chuyện buồn nữa. Tôi có một người bạn tuyệt diệu chết cách đây ba tháng ở Tanger. Tôi đến Tanger để làm một cuộc viếng thăm kỷ dị. Tôi đã đi kiếm hân. Biết kiếm ở đâu bây giờ. Tôi nghĩ đến những cô ả « bán bar ». Hân tuyệt diệu : nhẽ ra các cô ả phải yêu hân. Rinette, họ đã không biết giữ hân. Họ đã bội bạc, họ đã để mất đi tất cả những kỷ niệm quý báu nhất. Mặc dầu đúng là phải kiếm ở nơi đây ; đó là cố gắng trung thực nhất bởi vì người ta cho những ai người ta có thể cho và những gì người ta có. Và cả gia đình hân nữa. Tuyền là những đứa ngu. Những cô ả đã không hiểu được giá trị của những gì thỉnh thoảng người ta cho. Và những gì khả ái nhất, duyên dáng nhất, họ đã cướp của hân mà không biết lấy làm thần phục.

Rinette, tôi chả hiểu gì về cuộc sống cả. Nhưng tôi cũng phải giã từ Rinette. Đôi giày làm tôi khó chịu, tôi đi tắt đèn đây.

ANTOINE

P.D.H. dịch

ĐÃ PHÁT HÀNH

b à t h à n h

thơ. HOÀNG THỊ THỦY-TIÊN

bìa. VŨ THỦY THỤY-CA

xuất bản. NGƯỜI HÔM NAY

thư gửi tướng X...

(LETTRE AU GÉNÉRAL X...)

Bức thư dưới đây, St-Ex đã viết ít lần trước ngày qua đời, gửi một ông tướng không nêu rõ danh tánh. Được đăng lần đầu trên báo *LE FIGARO LITTÉRAIRE* như một di cảo, bức thư sau đó được trích đăng trên nhiều báo và nhiều sách khảo luận về St-Ex.

Nhiều vấn đề của thời đại đã được ngòi bút tài tình của St-Ex đề cập tới trong thư này.

Tôi vừa bay vài vòng trên chiếc P. 38. Thứ máy này tốt. Tuổi hai mươi nếu được xử dụng tặng vật này thì tôi đã sung sướng. Tôi hơi buồn nhận thấy rằng nay đã bốn mươi ba tuổi, sau khoảng 6500 giờ bay dưới đủ vòm trời thế giới, tôi không còn tìm thấy trong trò này nhiều thú vị nữa. Nó chỉ là một khí cụ di chuyển — trong trường hợp này là một chiến cụ. Vì dầu tôi có quy thuận theo tốc độ và cao độ ở vào cái lứa tuổi lão thành phục vụ nghề nghiệp, chính là đề khỏi phải từ chối những loại chuyện không đâu của thế hệ tôi, hơn là đề hy vọng tìm lại những thích thú thuở nào.

Điều này có lẽ là hơi buồn, nhưng cũng có lẽ không. Chắc hẳn hồi hai mươi tuổi tôi nhầm lẫn. Mùa thu 1940, trở về từ Bắc-Phi là nơi đoàn 2/33 di sang, vì chiếc xe bạc théch của tôi bị dẹp vào một nhà chứa bụi bặm nào đó, tôi đã khám phá ra cỗ xe hai bánh và con ngựa. Xuyên qua chiếc xe là cỏ của đường đi, đàn cừu và đám cây ô-liu. Vai trò những cây ô-liu kia đâu phải là đánh nhịp ở sau lằn cửa kính với 130 cây số giờ. Chúng xuất hiện theo cái nhịp chính của chúng là sản xuất từ tốn những quả ô-liu. Đàn cừu không có mục đích nhất thiết phải là làm hạ mức trung bình. Chúng nó trở lại những con vật sống. Chúng nó cho phân thật và sản xuất len thật. Và cỏ cũng mang một ý nghĩa vì đàn cừu ăn nó.

Và tôi cảm thấy tái sinh trong cái góc trời độc nhất này mà bụi đất có mùi thơm (tôi bất công, bụi ở Hy-lạp cũng có mùi thơm như ở miền Provence). Và hình như suốt đời tôi đã ngu ngốc...

Bấy nhiêu điều là để giải thích cùng ông rằng cuộc sống tập thể ở trung tâm một căn cứ Mỹ như thế này, những bữa ăn phải thanh toán đứng trong vòng mười phút, sự đi đi về về của những chiếc 600 mã lực một chỗ ngồi, trong một thứ nhà gạch bí hiểm với mỗi phòng ba người sống chõng lên nhau, tóm lại cái sa mạc ghê khiếp của con người nơi đây, không có được cái gì ve vuốt lòng tôi. Đây, cũng như những phi vụ bất lợi hay vô hy vọng trở về đạo tháng sáu 1940, cơn bệnh này là cơn bệnh phải trải qua. Tôi « bệnh » trong một thời gian không lường nổi. Nhưng tôi không cho rằng mình có quyền từ khước cơn bệnh đó. Thế thôi. Hôm nay tôi buồn sâu xa, buồn theo chiều sâu. Tôi buồn cho thế hệ tôi rỗng mát cả chất người. Thế hệ chỉ biết có quán rượu, toán học cùng những Bugatti làm thành hình thức đời sống tinh thần, ngày hôm nay nó ở trong một hành động thuần tập thể không còn có một sắc màu nào. Người ta không biết nhận định thế. Ông hãy lấy hiện tượng quân sự trăm năm về trước mà xem. Ông hãy xét thấy nó hàm chứa nhiều nỗ lực biết bao, nhằm mục đích đáp ứng đời sống

tinh thần, đời sống thì vợi hay chỉ là đời sống người của người. Hôm nay đây chúng ta đã khô còn hơn gạch, chúng ta cười chê những đại đột đó. Ý trang, cờ xí, ca khúc, âm nhạc, chiến thắng (ngày nay không có chiến thắng, không có gì có cái dày dạn thực tế của một Austerlitz). Chỉ có những hiện tượng tiêu hóa chậm hay nhanh. Thứ trừ tình nào nghe ra cũng lỗ bịch và con người không chịu thức tỉnh đón một đời sống tinh thần nào cả. Họ làm một thứ việc giầy chuyền một cách lương thiện. Giống như thanh niên Mỹ bảo : chúng tôi bằng lòng cái « việc bạc bẽo » (*) đó một cách lương thiện, và sự tuyên truyền sát hại nhau tuyệt vọng trên khắp thế giới. Bệnh của họ không do thiếu tài năng đặc biệt, nhưng là do sự cấm đoán dù không có vẻ lệ liễu không cho phép họ nương vào những huyền thoại lớn làm bóng mát. Từ bi kịch Hy-lạp, nhân loại rơi xuống đến kịch của ông Louis Verneuil (không thể đi xa hơn nữa). Thế kỷ của quảng cáo, của hệ thống Bedeau, của những chính thể độc tài, của những quân đội không kèn không cờ, không lễ tôn giáo cho người chết. Tôi ghét thời đại tôi hết sức. Con người chết khát thời này.

Ô ! Thưa Đại-tướng, chỉ có một vấn đề, vấn đề độc nhất trên khắp thế giới. Trả lại cho con người ý nghĩa tinh thần, những đau lo tinh thần. Mưa móc lên đầu chúng nó một thứ như thánh ca. Nếu tôi có đức tin, chắc chắn qua khỏi cái thời đại của « việc cần thiết và bạc bẽo » này, tôi sẽ chỉ còn chịu đựng nỗi Solesmes mà thôi. Người ta không thể sống bằng tủ lạnh, bằng chính trị, bằng tổng kê và bằng ô chữ nữa, ông thấy đấy. Không thể được nữa. Không thể sống không thì ca không màu sắc không tình yêu được nữa. Chỉ nghe mỗi bài hát quê của thế kỷ 15, người ta đo được triển dốc đi xuống. Chỉ còn tiếng nói của người máy tuyên truyền mà thôi (xin lỗi ông). Hai tỷ người chỉ còn nghe mỗi người máy, chỉ còn hiểu mỗi người máy, hóa thân làm người máy. Tất cả những rạn vỡ cuối cùng của ba mươi năm cuối cùng.

(*) « job ingrat »

chỉ có hai nguyên nhân : những bế tắc của hệ thống kinh tế thế kỷ 19, nỗi tuyệt vọng tinh thần. Tại sao Mermoz đã theo viên đại tá thậm ngu, nếu không phải là vì khát ? Tại sao Nga-sô ? Tại sao Tây-ban-nha ? Con người đã từng thử những giá trị duy lý. Ngoài khoa vạn vật, họ chẳng thành công bao nhiêu. Chỉ có một vấn đề, vấn đề độc nhất : một lần nữa khám phá ra rằng còn có một đời sống tinh thần cao hơn đời sống trí tuệ, đời sống độc nhất làm thỏa mãn con người. Nó vượt ra ngoài vấn đề đời sống tôn giáo vốn là một dạng thức của nó (mặc dù có thể rằng đời sống tinh thần phải đưa đến đời sống tôn giáo đi nữa). Và đời sống tinh thần khởi sự khi mà đơn vị sinh vật « đơn nhất » được quan niệm vượt lên trên chất liệu làm nên nó. Tình yêu mái nhà — thứ tình yêu không được biết đến ở Hoa-kỳ — đã là đời sống tinh thần.

Và hội hè ở làng, và sự thờ người chết (tôi kể điều này vì từ khi tôi đến đây có hai hay ba người linh nháy dù tự sát nhưng người ta nhem mắt : những người linh trước đó đã hết phục vụ). Cái đó là của thời đại, không là của Mỹ : con người không còn ý nghĩa.

Tuyệt đối phải nói với con người.

Chiến thắng để làm gì nếu chúng ta còn chịu đựng đến trăm năm khủng hoảng do bệnh cách mạng ? Chứng nào vấn đề Đức được kết thúc xong, tất cả những vấn đề chính đáng mới bắt đầu đặt ra. Không hẳn sự nghiêng cứu về hàng dự trữ ở Mỹ là đủ để giải tỏa phiền muộn chính đáng cho nhân loại một khi hết giặc, như hồi 1919. Thiếu mất một luồng tinh thần mạnh thì sẽ mọc lên như năm ba mươi sáu phái chia rẽ lẫn nhau. Chủ nghĩa mác-xít cũng thế, đã quá còm cõi, sẽ phân hóa thành vô số tân-mác-xít đối chọi nhau. Người ta đã nhận rõ điều đó ở Tây-ban-nha. Trừ phi một César người Pháp đặt chúng ta vào một trại tập trung của tân xã hội chủ nghĩa đến mãi đời.

Ô ! Đêm thật lạ, đêm nay, khi hậu thật lạ. Tôi nom thấy

từ phòng tôi những cánh cửa sổ thấp sáng của những ngôi nhà gạch không mặt mũi. Tôi nghe đủ thứ máy ra-đi-ô phát ra loại nhạc bình dân cho đám đông nhân cư đến từ bên kia những biển, những người không biết nhớ cả quê hương.

Người ta có thể lẫn lộn sự bằng lòng ăn nhận đó với óc hy sinh hay sự cao cả tinh thần. Nếu thế thì đó là một nhầm lẫn đáng yêu. Những hệ lụy tình yêu buộc người hôm nay vào với người khác cũng như với vật rất ít căng thẳng, rất ít dày dạn đến độ con người không còn cảm nhận ra sự thiếu vắng như xưa. Chính đó là cái chữ ghê gớm trong câu chuyện Do-thái « Mày quyết đi đến đó ? Mày sẽ xa nhĩ ! — Xa nơi nào ? » Cái « nơi nào » mà họ đã lia bỏ chỉ còn là một bó tập quán. Ở thời đại của lý dị này, người ta lý dị với đồ vật cũng dễ như nhau. Tủ lạnh có thể đổi cho nhau. Và nhà cửa cũng thế nữa nếu như chúng chỉ là một sự gán ghép. Còn đàn bà ? Còn tôn giáo ? Còn đảng phái ? Người ta không thể bất trung nữa chứ đừng nói gì : nếu bất trung thì bất trung đối với gì ? Xa nơi nào và bất trung đối với gì ? Sa mạc loài người.

Kề ra họ ngoan ngoãn và ôn hòa thật, bọn người hợp toán kia. Tôi, tôi tưởng đến những người lính thủy Bretagne xưa kia đổ bộ ở Magellan, đến đạo quân lê-dương thả vào thành phố, đến những thất nút phức tạp làm bằng ham muốn tàn bạo lẫn tình hoài hương không cầm lòng nổi khi nào cũng gây ra do những thằng đàn ông bị cầm cổ hơi quá khát khe. Muốn canh giữ họ, luôn luôn cần đến những cảnh binh mạnh hay những nguyên tắc mạnh hay những đức tin mạnh. Thế mà không một ai trong bọn người kia khiếm lễ đối với một người đàn bà chần ngồng nào hết. Con người hôm nay, người ta canh giữ nó cho yên là nhờ bờ-lốt hay bridge, tùy theo nơi. Chúng ta thật đã bị truất hữu lạ lùng. Trong tình trạng đó, cuối cùng chúng ta được tự do. Người ta cắt cụt tay chân chúng ta, sau đó để chúng ta tự do bước đi. Nhưng tôi ghét thời đại này trong đó con người dưới một chế độ độc tài phổ quát đã trở thành đàn cừ

hiền, lễ độ và ôn hòa. Người ta muốn chúng ta coi đó là một tiến bộ tinh thần. Cái mà tôi ghét ở chủ nghĩa mác-xít là chủ nghĩa độc tài mà nó hướng đến. Con người được định nghĩa ở đây như người sản xuất, vấn đề thiết yếu là vấn đề phân phối. Như trong những trang trại kiểu mẫu. Cái mà tôi ghét ở chủ nghĩa dân-xã Đức là chủ nghĩa độc tài mà nó nhắm tới từ trước ngay trong bản chất của nó. Cho thợ thuyền vùng Ruhr đi duyệt qua trước một bức họa của Van Gogh, một bức họa của Cézanne và một bức hình màu. Dĩ nhiên họ biểu quyết cho bức hình màu. Đó là chân lý của bình dân. Người ta cùm kỹ trong trại tập trung những ửng cử viên Cézanne, những ửng cử viên Van Gogh, tất cả những kẻ vô kỷ luật hạng nặng và nuôi đàn cừu thần phục bằng những bức hình màu. Nhưng Hoa-kỳ đi về đâu, và chúng ta nữa, chúng ta đi về đâu, gặp thời đại công chức phổ quát này? Con người máy, con người mỗi một, con người đóng đưa từ việc làm giấy chuyển hệ thống Bedeau đến bài bờ-lốt. Con người bị truất tất cả quyền sáng tạo, không biết đến ngay cả sáng tạo một điệu vũ hay một ca khúc từ bên trong làng quê của nó. Con người được nuôi bằng văn hóa làm sẵn, văn hóa liệt kê, cũng giống như bò được nuôi bằng rạ. Thế đấy, con người hôm nay.

Và tôi, tôi nghĩ rằng, cách đây gần ba trăm năm, người ta có thể viết cuốn *La Princesse de Clèves* hay có thể giam mình trong nhà kín trọn đời vì một mối tình đánh mất, bởi lẽ nó nồng cháy tình yêu. Hôm nay đã đành có nhiều người tự sát. Những nỗi khổ của họ ngang hàng với sự đau hành của răng. Không thể chấp nhận. Không liên quan gì đến tình yêu. Đã hẳn đấy là giai đoạn đầu. Tôi không thể chịu đựng nỗi ý nghĩ đồ hàng thế hệ những trẻ Pháp vào bụng hung thần Đức sát nhi. Chính cái phần cốt yếu đang bị lâm nguy. Nhưng khi nó được cứu giải rồi thì vấn đề nền tảng sẽ đặt ra, tức là vấn đề của thời đại chúng ta. Tức là vấn đề ý nghĩa con người. Và không có lời giải đáp nào được đề nghị và tôi có cảm tưởng đang bước đi về hướng những thời đen tối nhất của thế giới.

Tôi có chết trận cũng thế thôi. Giữa những cái tôi yêu, còn lại gì cho tôi? Cũng như tôi nói đến người, tôi nói đến thói quen, đến những âm điệu không thể thay thế, đến một thứ ánh sáng tinh thần nào đó. Đến bữa ăn trưa trong trang trại miền Provence dưới những cây ô-liu, đến Haendel nữa. Cái đáng kể là sự sắp lớp thế nào đó giữa những vật vô tri. Văn hóa là một thứ của cái vô hình vì văn hóa không dựa trên vật vô tri mà trên những liên hệ vô hình buộc chặt vật này vào vật kia, như thế và không thể khác. Chúng ta có những nhạc cụ hoàn hảo phát hàng loạt nhiều, nhưng người chơi nhạc đâu? Nếu tôi chết trận, tôi bất kể. Hoặc nếu tôi lên cơn điên, tôi bất kể những thứ phi logic không tham dự gì vào cuộc bay mà lại làm cho người phi công biến thành một viên trưởng kế toán giữa những nút bấm giữa những mặt đồng hồ (cuộc bay cũng là một thứ trật tự về liên hệ). Nhưng nếu tôi trở về còn sống sau cái «việc cần thiết và bạc bẽo» kia, chỉ một vấn đề sẽ đặt ra cho tôi: có thể nói gì, phải nói gì cho kẻ khác?

Mỗi lúc tôi càng không hiểu tại sao tôi kể tất cả bao nhiêu điều với ông. Có lẽ vì muốn thờ lạy cùng một người, vì đây không phải là những cái tôi có quyền kể. Phải giúp cho tha nhân yên ổn thêm và không nên làm những vấn đề rối lại. Lúc này tốt hơn nên làm viên trưởng kế toán trong phi cơ đánh trận của chúng ta.

Từ lúc tôi viết thư, hai người bạn đã ngủ trước mặt tôi trong phòng. Tôi cũng phải đi nằm vì tôi đoán ánh đèn làm họ khó chịu (tôi thiếu chỗ riêng cho tôi thật).

Hai người bạn kia, cõ họ, là rất tốt. Thắng thần, cao quý, trong sạch, trung thành. Và tôi không hiểu sao, nhìn họ ngủ tôi lại cảm thấy một cái gì như lòng trắc ẩn bất lực. Vì nếu họ không hiểu nỗi lo âu của chính họ, thì tôi lại cảm thấy rõ lắm. Thắng thần, cao quý, trong sạch, trung thành, phải, nhưng cũng vô cùng đáng thương. Họ rất cần một đấng nào đó. Xin ông tha lỗi cho tôi nếu ngọn đèn điện tôi tàn tôi sắp tắt đây cũng đã ngăn cản giấc ngủ của ông và xin ông tin tưởng ở tình thân ái của tôi.

ANTOINE DE SAINT-EXUPÉRY

BỮU - Ý dịch

● thơ văn mùa giáng sinh ●

ý - nghĩa

NGUYỄN-THẢO-NGUYỄN

có một đêm tình yêu thể hiện
anh đi hoang qua rừng sâu
tìm suối cổ thấy mình hiện diện
em ban anh ngôn ngữ ngọt ngào

có một đêm tình yêu thể hiện
anh biến thành tên mọi phi-châu
lòng ngoan đạo suốt đời cầu nguyện
em ban anh tư tưởng cao sâu

có một đêm tình yêu thể hiện
anh biến thành loài cá đại dương
tìm cung điện ngàn xưa mắt tích
em ban anh ý nghĩa yêu đương.

, những ngày phục sinh

LÂM - PHONG

Đó là khoảng thời gian rất thánh thiện, rất êm đềm
những chiếc buýt đến rồi đi thật thơ ngây
người ta nói mùa mưa đến rồi, đến rồi
sài-gòn mát dịu hơn

đàn bà con gái xứ này tắm gội xong
dợi chờ ngày phục sinh đến.

Đó là khoảng thời gian chiếc dương cầm thức dậy
với người tình đến thăm em buổi chiều

dưới bóng mát tàng cây vú sữa
từng chú chim sâu chúc tụng nhau
em ơi, em ơi

bản thánh kinh bắt đầu lễ nhất

hãy nói lên đi, những điều em hằng ấp ủ.

Đó là khoảng thời gian người ta đến giáo đường
trên lối đi khu vườn tuổi thơ

có cụ già và đứa trẻ ngồi nơi ghế đá

cụ già làm dấu thánh âm thầm

đứa trẻ ôm bó hoa ngũ gât

tội nghiệp tuổi già, tội nghiệp tuổi - thơ.

Đó là khoảng thời gian dòng sông đổi màu

người ta nhắc về những mùa xuân cũ

những mùa đông xám buồn

ở đó nước mắt long lanh tình yêu

ở đó rèm mi đen thì thầm lời ru

Đó là khoảng thời gian anh ước ao được chết

Đó là khoảng thời gian anh vô cùng yêu em.

đêm giáng sinh trên bờ sông

TỪ-KẾ-TUỜNG

giọt nến cuối cùng đã hoàn thành một đỉnh tháp sáng
gió len lõi qua từng khe hở của núi đến nằm trên bãi cỏ xanh
dàn nhạc để chấm dứt và lên nhạc trưởng đội chiếc mũ đỏ to tướng
đứng lên nói với những giọt sương rằng các anh hãy^{*} bóng loáng
hơn nữa
khi mà ở đây mọi cánh hoa đều muốn soi gương và chờ giờ trang điểm

•
tên để mèn để thật nhiều rân đứng lên cất tiếng gáy
chiếc kiệu đóm đóm bảy giờ được khiêng đến đặt trước hang đá
lất cả chim chóc đứng nghiêm trang trên cành cây
để lắng nghe nàng hát bài thánh ca
và khi tiếng hát chấm dứt
mọi người đều cầu nguyện cho mọi thương yêu may mắn
trong đó chắc hẳn phải có chàng

•
nàng đứng trên một cánh hoa nở nở giữa trời thành phố
tất cả nhà cửa đều xanh um
những cây nến trắng to lớn được cắm trên mỗi cột lồng đèn
và một bầy chim đang di nhịp nhàng trên đó
chúng lấy chân khảy lên mỗi dây điện
hóa thành bản nhạc nàng ưa thích nhất

•
cuộc lễ bắt đầu khi hồi chuông giáo đường đều rộn tan
những dây pháo dài được đốt sớm nhất
nàng theo mọi người ra bờ sông
bãi cát đen và lượn sóng trắng xóa quần lấy chân nàng
những con ốc đủ màu đang du đưa trên phiến đá
thời chiếc vỏ cứng của mình thành một điệu nhạc loạn cuồng
cho nàng nhảy múa

•
đêm đã muộn trăng mọi người đã kéo nhau về thành phố
chỉ còn có nàng
một mình nằm trên bãi cát
dưới bầu trời đen, những cánh mây lần lượt đi qua
và tiếng sóng thì thầm thì thầm.

MỘT CHUYỆN ĐỀ KÈ TRONG MÙA GIÁNG SINH

FERENC MOLNÁR

chuyện ru ngủ

TRẦN PHONG-GIAO dịch

FERENC MOLNÁR (1878-1952) là một kịch tác gia nổi tiếng nhất của Hung-gia-ly trong thế kỷ này. Ông sinh trưởng tại Budapest và di cư sang Hoa-kỳ khi chế độ độc tài cộng sản chế ngự quê hương ông. Ý nghĩa hài hước nhẹ nhàng, tế nhị trong những đoạn kịch của ông đã chiếm được cảm tình quần chúng một cách dễ dàng và sâu rộng. Những tiểu thuyết hoàn toàn chứng tỏ ông là một nhà văn có tài quan sát tình huống đã ghi nhận được nếp sống phồn tạp của đám dân thành thị. Những kịch bản của ông phần lớn đều được quay thành phim ảnh và đều gặt hái được những thành quả vẻ vang ở khắp mọi nơi. Tác phẩm mới nhất của ông là « BẠN LƯU VONG ». Nhân vật chính là cô thư ký Wanda, người giúp việc ông trong nhiều năm luôn lạc ở quê người.

Đoản thiên CHUYỆN RU NGỦ trình bày dưới đây dịch theo bản Anh-dịch của Paul Tabori (nhân BEDTIME STORY) đăng trong ARENA (số 7, tháng 5 năm 1962) — tập san của những nhà văn lưu vong do Trung-trang Văn-Bút Quốc-tế ấn hành tại London.

Ít ngày trước khi nhắm mắt lìa đời tại một bệnh viện ở New York vào tháng 4 năm 1952. Ferenc Molnár đã gửi bản thảo thiên truyện ngắn này cho tòa soạn tuần báo AZ EMBER, một tạp chí Hung-gia-lợi tự do, lúc đó đang sửa soạn ấn hành một số kỷ niệm đặc biệt. Ngoài bản thảo, tác giả còn gửi thêm ít dòng giới thiệu tác phẩm, mà chúng tôi cũng dịch nguyên văn dưới đây vì nghĩ rằng lời giới thiệu đó có thể giúp ích đôi phần cho độc giả trong việc tìm hiểu một áng văn mà phần lớn giá trị lại chứa đựng trong ẩn ý...



Tôi gửi tới quý bạn một bản văn lựa trong sưu tập cổ xưa của tôi, một truyện gọi được là kỳ thú mà tôi đã viết cách đây đến gần năm chục năm. Có hai nguyên cớ khiến tôi gửi tới quý bạn câu 'Chuyện ru ngủ' này. Thoạt tiên bởi vì, nói theo cách này, chuyện đó đối với tôi thật là thân thiết: nó đã được dùng làm nền tảng để dựng nên kịch bản 'LILIOM'. Thứ nữa, bởi vì tại quê hương Hung-gia-lợi, giờ đây nó có thể coi như là vật hiếm có.

Cuốn sách mà nó đã góp phần xây dựng đã bị hỏa thiêu, nhục mạ, khai trừ và đẩy ải từ trước năm 1944, một vài cuốn sách sống sót, lẩn trốn ở dưới nền đất Hung-gia-lợi, lại đã bị đốt cháy, nhục mạ, khai trừ và đẩy ải thêm một lần thứ hai cách đây không bao lâu, cùng với toàn bộ tác phẩm của tôi. Trong sơ bản, câu chuyện được đề tựa bằng những dòng sau: 'Chuyện này dành cho những bà sương phụ để ru ngủ trẻ con — hoặc là dành cho những em nhỏ ngoan ngoãn để hát lên lời ca ru ngủ những phụ huynh già nua và mệt nhọc của chúng. Truyện phải được kể một cách dịu dàng, bình thản và lưu loát; đoạn mở đầu phải diễn tả một cách linh động tưởng như thuật lại một sự thật: đoạn cuối phải kể chậm hơn và dịu dàng hơn để cho tới khi dứt chuyện, người nghe cũng vừa buông mình vào trong giấc ngủ'.



I

Tại khu công viên thành phố, ở một trong những căn lều, có một người kỳ lạ. Tên hắn là Závoczki. Cái anh chàng Závoczki này quả là một đồ vô lại thực thụ. Hắn chửi bới không kiêng nể một ai, gây lộn với nhiều người, đôi khi còn rút dao đâm chém đến thành thương tích. Hắn là một kẻ trộm cắp, lường gạt, cướp giật — nhưng mặc dầu có những thói hư tật xấu đó hắn vẫn là người có bản tính tốt, và vợ hắn rất yêu thương hắn.

Bởi lẽ vợ hắn là một người tớ gái bình dị, nhỏ nhắn, hồi đó mới mười bảy tuổi, làm công cho mấy người Do-thái ; và rồi cô ta đã gặp Závoczki tại công viên thành phố vào một ngày chúa nhật, ngày cô ta được nghỉ đi chơi. Bữa đó hắn ta mặc một cái quần hai màu, một ống quần màu đỏ, còn ống kia thì màu vàng. Trên mái tóc hắn có một cái lông gà con, cột vào sợi dây nhỏ, đoạn cuối sợi dây buông xuống túi áo và Závoczki nắm lấy để kéo lên giật xuống, khiến cho cái đuôi gà nhảy nhót ở trên đầu.

Xem hắn ta làm trò đó mọi người đều cười thích thú lắm, và người tớ gái đẹp đẽ nhất lại thường có mặt trong đám đông người bao quanh lấy Závoczki để xem hắn làm trò hề. Chính tại nơi đó cô tớ gái bình dị và nhỏ nhắn nọ đã gặp Závoczki và đã ở lại bên cạnh hắn suốt cả ngày ; và mặc dầu cô phải trở về nhà lúc 10 giờ, cô đã ở lại công viên thành phố suốt đêm hôm đó.

Tới ngày hôm sau cô không còn dám trở về nhà. Cô ở lại với cái anh chàng có gắn lông gà trên mái tóc, cô không trở lại làm việc nữa, và vì cô ta hiền hậu quá, thủy mị quá, xinh đẹp quá khiến Závoczki đã dẫn cô tới phòng hộ tịch và kết hôn với cô.

Hắn ta quả là tên vô lại tồi bại nhất trong toàn khu công viên thành phố. Trong một thời gian hắn sống nhờ nghề cờ bạc bịp.

Mỗi khi trộm cắp được vật gì, hắn cứ ngồi lì ở nhà ăn chơi không thềm làm công việc gì khác cho đến khi số tiền ăn trộm đã hết hắn mới thôi. Đôi khi hắn bị giam giữ trong ít ngày và những dịp đó vợ hắn lại kêu khóc suốt cả ngày đêm ; và tuy biết

chắc là hân ta chưa được tha khỏi nhà tù, đêm đêm vẫn sửa soạn giường chiếu đang hoàng sẵn sàng chờ đợi lúc hân thông thả trở về.

Ngay trong ngục thất Zivoczki cũng vẫn lảo xược và chính vì vậy hân ta đã bị giam trong ngục riêng. Những lúc đó hân rên khóc thật cay đắng, và thường than thở : sao tôi khổ đến chừng này !

Trong nhà cạ tiền và Zivoczki lấy làm xấu hổ vì trong túi rỗng trơn. Hân đau đớn trong lòng khi thấy cô tớ gái đẹp đẽ và xanh xao chỉ có mỗi một mẩu vỏ bánh mì cho qua bữa tối, nhưng bởi vì cô ta lại không thấu hiểu gì tới nỗi đau lòng của hân, nên hân ta đã giận dữ la mắng cô :

‘ Mày đã tiêu phí hết tất cả số tiền của tao kiếm được. Mày như thế... như thế đó hả ! ’

Và cô tớ gái xanh xao nhỏ nhắn lại ngược mắt nhìn hân một cách thật buồn rầu, rưng rưng muốn khóc. Và Zivoczki vung nắm tay lên :

‘ Mày đừng có khóc chứ... Tao lại nện cho một trận nát xương bây giờ ! ’

Đoạn hân ta bước ra ngoài, xô cửa đánh rầm, lách mình trong sân và âm ức khóc suốt đêm. Cô gái xanh xao cũng vẫn không dám khóc khi còn lại một mình, bởi vì hân ta và sợi lông trên mái tóc đã ngăn cản cô, và cũng bởi vì địa bà thường biết cách ngăn giữ không cho nước mắt trào ra. Chuyện như vậy đó.

Rồi suốt cả ngày hai người đều suy nghĩ cách riêng và Zivoczki không nói thêm lấy nửa lời. Vào những dịp đó hân thường đánh người gác cửa, và khẽ đâm lên vào lưng một cánh sắt viên rồi bỏ chạy. Hân quả là một tên hung bạo, một tên du đảng lộng hành, đáng giao cho đao phủ trông dầy vào cớ.

Một ngày chúa nhật trời mưa, hân ngồi bên một bờ mương ở phía sau đường Hermina với một tay không công rồi nghề khác nữa. Họ ngồi chơi bài dưới trời mưa. Trời lúc đó đã ngả tối và họ khó trông thấy rõ những quân bài — dầu sao đi nữa, nước mưa

cũng đã làm tan mất những dấu vết bịp bợm ghi trên quần bài. Điều đó cũng không làm phiền Závoczki trong việc nói lên sự thật, bởi lẽ hắn vẫn có thể nhìn vào lưng quần bài mà gọi ra tên trùng phong phúc, nhưng nhà « quý phái » kia lại quyết định ngưng không chơi nữa.

« Xin cảm ơn ông, » ông ta nói và quảy quả đứng lên.

« Chơi gì kỳ cục vậy, » Závoczki hét lên « Dấu tôi có chơi bịp đi nữa, anh đã được hết tiền của tôi, cả ba « bó » mà tôi có. Lại đây, chơi nữa đi ! »

Nhưng người kia đồ tại trời mưa và đêm đã trở khuya, và hẹn đến ngày mai sẽ đánh lại cho « anh bạn » gỡ ; đoạn hắn bỏ chạy, nhanh như một mũi tên. Đôi chân không khua vang cả rãnh bùn.

Giờ đây Závoczki rút con dao làm bếp ra khỏi vỏ, đi băng qua đường Francia tới phía đề cao của thiết lộ hoàng-gia Hung-gia-lợi. Đó là nơi mà ông Linzman, viên thủ quỹ của sở thuộc da, thường hay đi qua, và có mang theo số tiền phát lương cho đám thợ mỗi buổi chiều thứ bảy. Hắn trườn xuống mé dưới bờ đường sắt đắp cao, đợi ông Linzman đi qua để lén đâm ông và cướp giật tiền. Nhưng hắn uổng công chờ đợi. Hắn nhận thấy hắn đã tới đó chậm quá.

Giờ đó chắc ông Linzman đã phát xong tiền lương trong sở thuộc da — không, ông ta đã sách cái cặp đựng tiền rỗng không trở về dưới phố mất rồi. Cờ bạc quả thật là một đam mê đáng tởm. Mê đánh bạc, người ta có thể lãng quên giờ hẹn của những công việc làm ăn vô cùng quan trọng khác.

Thế rồi Závoczki leo lên mặt đường sắt cao của Công-ty Thiết-lộ Hoàng-gia Hung-gia-lợi, hai dòng nước mắt lăn trên khuôn mặt đóng đầy bụi than, hắn đột nhiên trở nên xanh xao, hắn mỉm cười và kêu lên : « Julia Zeller ! Julia Zeller ! » bởi vì đó là tên người vợ của hắn.

Rồi hắn nắm chặt con dao làm bếp trong hai bàn tay và cắm sâu vào trái tim của hắn. Hắn chết rất nhanh chóng, lăn mình từ trên mặt đường đắp cao của Công-ty Thiết-lộ Hoàng-gia Hung-

gia-lợi, với một bộ bài nhor bần ở trong túi, với ba quả bóng bằng xương trắng mà hần thường dùng để đỡ trò múa rối, với sợi lông gà gắn trên mái tóc, và với tên người tớ gái nhỏ nhắn và hiền hậu ở trên môi : « Julia Zeller ! Julia Zeller ! »

II

Závoczki chết vùi rập trong một đường mương và thật chẳng thể nào có chuyện đức Tổng-giám-mục giáo-trưởng xứ Hung-gia-lợi tới dâng lễ cầu hồn ở bên mộ hần. Nhưng vợ hần có đó, mặc bộ đồ đen mà chính tay cô ta đã khâu trong suốt đêm hôm trước. Tất cả mọi người tới nhà đều ngỏ lời an ủi nàng Julia mặt trắng, khuyên nhủ cô ta rằng : « Ôn phước của Chúa thật vô lượng vì Ngài giải thoát cho những nữ tỳ nhỏ bé khỏi nỗi dầy ải của những kẻ quen áp bức người khác. »

« Thừa bà thân mến, bà còn trẻ lắm, Chúa cứu rồi linh hồn ông nhà, nhưng như vậy lại là hơn. Chúa nhân từ lắm, và bà thì hãy còn trẻ trung ». Và Julia lặng lẽ gật đầu, tỏ ý tán thành những lời an ủi của các bạn láng giềng bằng những tia mắt buồn rầu. Đôi khi nàng nói : « Xin cảm ơn bà gác-dan, bà thật tử tế quá. Thừa bà Braun, tôi xin cảm ơn bà. Xin đa tạ bà Stufenberg, quý bà thật là chu đáo quá... ». Hơn thế nữa, nàng còn nói : « Thừa ngài Thanh-tra, ngài thật có lý, việc xảy ra như thế lại là hơn. Chúa hằng cứu rồi những người đã khuất. »

Trước mặt bọn cảnh-sát, Julia lấy làm xấu hổ bởi vì nàng đã chót yêu thương một tên du đảng sấu sa như là Závoczki, mà điều đó, dù cho giờ đây hần đã nằm yên dưới lòng mộ, chẳng cần bàn cãi cũng thấy ngay là chuyện đáng hổ thẹn lắm thay. Rồi ngay bữa sau ngày đưa đám chôn, nàng đã khởi công may nhiều quần áo cho con nít vì nàng cần sửa soạn đón đưa con nàng sẽ ra đời trong tháng sau.

Về phần Závoczki buổi chiều hôm đó họ vùi xác hần trong ngôi mộ dành cho kẻ khó nhưng hần chỉ ở lại nơi đó tới tối mà thôi.

Những ai thông rành luật pháp cũng đều biết rằng mỗi buổi tối cỗ xe màu xanh lá cây lại hiện ra trước cửa bắt cảnh sát để bắt những kẻ mà các cảnh sát viên đã theo suốt ngày một cách thật mẫn cán để gửi đi các trại giam cầm. Cũng theo lối đó, mỗi đêm lại có một cỗ xe to lớn sơn màu xanh lá cây đi tới các nghĩa trang để bắt những tay du đảng đã dùng chính tay họ để hủy hoại cuộc sống.

Bọn đó không (1) đi thẳng xuống địa ngục bởi lẽ họ còn phải tới một nơi tối luyện cho trong sạch linh hồn trước đã. Tại nơi đó họ được thẩm vấn về tội trạng. Mọi nỗi rắc rối đều được phân xét. Nhiều người trong bọn họ sau chót lại được lên cõi thiên đàng.

Và như vậy Závoczki bị đẩy lên chuyển xe màu xanh lá cây cùng lúc với nhiều người khác, với con dao lớn cắm lút trong trái tim hắn. Ngồi bên cạnh hắn là một người đàn ông trót sùng và hắn ta trót sùng vì đã tự trầm mình trong dòng sông Danube. Đối diện với hai người là một phụ đàn bà có một sợi giây thừng quấn vòng quanh cổ. Đó là một thiếu phụ hằm phẫn đã tự tay treo cổ để kết liễu cuộc đời. Còn những người khác thì không có dấu vết rõ ràng nào. Trong thân thể họ có những đầu đạn nhỏ mà chính tay họ đã ghim vào. Và cỗ xe chở bọn họ đi. Xe đi ngang qua phố phường và quay về phía nhà lao chìm trong đêm tối. Xe cứ tiếp tục chạy và chạy mãi cho tới khi trời bắt đầu hừng sáng. Rồi đột nhiên những con ngựa bắt đầu phóng nhanh, trong nhịp đua nước kiệu điên cuồng. Závoczki thoáng nhìn qua một khe hở và trông thấy cỗ xe đang chạy như bay dọc theo một con đường rộng thênh thang đi vào một thung lũng tràn ngập làn sương mù màu hồng. Tới đó thì cỗ xe bay lên, những bánh xe quay tròn trong không khí, bỏ rơi những thành thị và làng mạc lui lại dưới xa. Nhưng tất cả cảnh sắc đó cũng chẳng khiến cho Závoczki mũi lòng đau đớn bởi vì chính con dao cắm trong tim hắn đã ngăn cản không cho bất cứ điều gì làm cho hắn ta đớn đau hơn nữa.

Rồi họ dừng lại. Từng người một họ bước ra khỏi xe và toán cảnh binh dẫn họ vào trong văn phòng rộng lớn ; họ phải chờ đợi ở

(1) Trong nguyên bản, in chữ xiên.

trong một phòng đợi là nơi bị cấm hút thuốc nhưng có nhiều người đã coi thường và giờ đây người ta vẫn còn ngửi thấy mùi khói thuốc. Hồi lâu có một viên chức mang mắt kính bước ra và gọi tên từng người một trong bọn họ. Sau chót tới lượt Závoczki.

« Mấy tên chi ? » viên quan lại hỏi, mắt không buồn rời khỏi tờ giấy lớn mà trên đó ông ta đang điền vào nhiều ô khác.

« Endre Závoczki » :

« Tuổi ? »

« Ba mươi hai »

« Nơi sanh ? »

Závoczki chẳng thể trả lời câu hỏi đó. Viên quan lại cũng vẫn chưa buồn ngó tới anh. Ông nói :

« Nơi sanh ? không biết hả ? »

Závoczki gật đầu. Lúc đó viên quan mới ngược nhìn hắn :

« Mấy có quyền trở lại đương thế ít ngày nếu như mấy còn bỏ quên trên cõi đời điều chi. Nhưng người từ trần theo đường lối thông thường thì không cần trở lại bởi vì họ không bỏ sót lại gì cả. Nhưng đối với những kẻ tự vẫn, thì lối chết của họ không được đáng hoàng, như vậy nhiều lúc họ có lãng quên đời điều gì rồi sau này tạo nên sự thống khổ trong cõi dương trần. Hãy trả lời tao xem nào. »

Và viên quan chăm chú nhìn hắn, nghiêm khắc như người ta thường nhìn những ai tự vẫn. Závoczki đáp :

« Tôi quên không đợi nhìn mặt đứa con chưa đẻ của tôi. Sau này tôi có tiếc là đã không ráng đợi như lòng tôi hằng mong muốn, nhưng thôi, giờ đây đã quá muộn rồi. Thật là buồn thảm lắm nhưng tôi đây là một người và một khi tôi đã bỏ đi rồi thì tốt hơn tôi nên ở lại đây luôn. Xin cảm ơn ông nhiều lắm. »

Hắn vênh vác ưỡn ngực ra, nhìn thẳng vào mắt viên quan một cách thật khiêu khích, và cặp mắt của hắn ta sáng ngời lên giống như nước thép của con dao làm bếp đang cắm trong tim hắn.

« Hãy đem tên vô lại bắt bắt nhân này nhốt vào ngục thẩm cho ta ! », viên quan lại hét lên và toán cảnh binh túm lấy Závoczki, xô đẩy hắn ra xa ; và Závoczki, với lưỡi dao cắm sâu trong trái tim, vẫn cười cợt suốt chặng đường rồi vừa lắc đầu vừa nói : « Chúng mày thật là bọn cớm bẩm thiếu, bọn kỹ sinh trùng ăn hại, đồ ngu, quân đại lặn ! »

Tức thì bọn cảnh sát đánh đập hắn thật tàn nhẫn trong khi một người trong bọn họ lấy tay nắm lấy chuôi con dao để nó không thể rơi khỏi trái tim của hắn.

III

Závoczki ngồi trong Hỏa-ngục suốt 16 năm trường. Thật lão như cuội nếu ai nói rằng ngọn lửa trong hỏa ngục thiêu đốt phạm nhân. Ngọn lửa tại Hỏa-ngục không là gì khác hơn một làn ánh sáng màu hồng thật đậm trong đó tội nhân phải ngồi qua nhiều năm tháng cho tới khi nào làn ánh sáng đó đã làm tan biến những tính xấu trong người. Lẫn theo thời gian Závoczki trở nên quen thuộc với làn ánh sáng và cảm thấy tâm tính đã được thanh lọc một phần lớn.

Giờ đây hắn đã sẵn sàng dựng nên thật nhiều dự tính bởi vì trái tim hắn ta đã được rửa sạch mọi tội lỗi, và hắn có ý muốn được nhìn mặt đứa con mà cho đến giờ đây hắn cũng chẳng hề được biết nó là trai hay gái. Thế rồi nhân bữa có viên quan Án-sát đi ngang qua lò lửa màu hồng và hỏi mọi người xem có ai kêu ca điều gì về cách đối xử của các chức việc không thì Závoczki xin phép được nói vài lời. Hắn nói :

« Bẩm quan, giờ đây tôi có còn được phép trở lại dương gian lấy một ngày để xem lại đôi điều tôi còn bỏ quên trên đó ? »

« Được lắm », quan Án-sát nói thật dịu dàng bởi vì những ai đã ngồi Hỏa-ngục trong thời gian quá lâu như thế đều đã biết ăn nói bằng giọng có lẽ độ hơn xưa.

« Người chỉ cần trình cho ta rõ ».

Ngay ngày hôm sau Závoczki đệ lời trình. Quan Án-sát cho hắn một mảnh giấy nhỏ chứng rằng hắn được phép đi chơi trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ. Thế rồi hắn được mang xuống phía dưới hầm và người ta rút con dao ra khỏi trái tim của hắn.

Hắn được phát cho một thẻ gửi đồ nhận giữ con dao mà hắn nhét vào trong túi. Đoạn hắn khởi hành, nhẹ nhàng và chậm rãi bước đi mãi tới khu nhà máy dệt bao gai. Tới đó hắn lễ phép hỏi thăm xem bà quả phụ Závoczki — lúc ấy đang làm việc trong nhà máy — hiện đang ở đâu. Người ta chỉ nhà cho hắn và hắn lại tiếp tục bước đi.

Vợ hắn sống ở trong một căn nhà nhỏ của giới công nhân, loại nhà thường xây cất từng giầy sáu căn, căn này giống hệt căn kia. Bữa đó, nhằm sáng Chúa-nhật, và bầu trời đẹp nắng. Vợ hắn vẫn còn nguyên vẹn vóc dáng một ả nữ tỳ mặt trắng và nhỏ bé, chỉ có điều khác là giờ đây nàng đã già hơn xưa. Závoczki trông thấy vợ vì lúc đó nàng đang ngồi khâu bên cửa sổ. Có hai bình hoa đỏ loại thường đặt bên cửa sổ và phía sau những bông hoa có mắc một tấm màn cửa. Nhưng bên cạnh tấm màn vẫn còn một khoảng trống đủ để hắn nhìn thấy nàng. Khuôn mặt nàng thật là nghiêm trang và thùy mị.

Závoczki gõ cửa. Cánh cửa mở rộng và một thiếu nữ bước ra. Cô gái trạc chừng 16 tuổi và hắn nhận ra ngay người đó chính là con gái hắn. Cô gái hỏi với một giọng nghiêm trang :

« Ông muốn hỏi gì ? »

Závoczki đưa bàn tay trái đặt lên chỗ trái tim để cô gái không trông thấy cái lỗ thủng trên áo mà chính hắn đã đâm rách.

Rồi hắn cảm thấy giờ đây hắn có thể quay trở về Hỏa-ngục vì hắn đã nhìn thấy mặt con. Nhưng hắn còn phải nói một đôi lời.

Bởi vì con hân đã bồi xem hân muốn điều chi. Hân cho bàn tay phải vào trong túi móc ra ba quả bóng bằng xương mẫu trắng mà hân thường dùng để làm trò múa rối khéo léo như trò ảo thuật.

« Thưa cô... » hân nói, « tôi có thể làm đủ mọi trò vui... »

Và hân cố công làm điệu bộ cốt làm cho cô con gái vui cười. Nhưng cô gái không cười. Cô thật nghiêm trang và đứng đắn giống hệt như bà mẹ. Cô nói : « Thôi, ông đi đi... »

Rồi cô nắm lấy nắm cửa định đóng cửa lại để khỏi bị ông khách nghèo khổ này quấy rầy. Cô có một bàn tay nhỏ nhắn, nước da trắng muốt và năm ngón búp măng. Lúc đó toàn thân Závoczki bị tràn ngập bởi tất cả sự giận dữ mà ngọn lửa của Hỏa-ngục đã làm cho lắng đọng trong suốt 16 năm trường. Giống như sóng cả đại dương, lòng thù oán dâng lên trong lòng hân. Và hân đánh vào cánh tay trắng nuột đã đóng sập cánh cửa, vình viển khép chặt trước mặt hân. Cô gái chăm chú nhìn hân đoạn lại đưa tay ra khóa cửa. Tiếng chìa khóa trong ổ khóa, Závoczki bị bỏ rơi ở mé ngoài. Lúc đó cơn giận của hân đã nguôi và hân cảm thấy hổ thẹn vì đã đánh con gái hân.

Hân bối rối quảy quả nhìn quanh và cảm thấy trái tim bị đâm thủng của hân bắt đầu đau trở lại. Hân vội vàng bỏ đi. Hân cũng không biết rõ là hân bỏ đi đâu. Nhưng, người đã chết chỉ có thể đi về một hướng : trở lại cõi âm ty.

Đêm đã trở về khuya khi hân về tới căn nhà đồ xộ mà từ nơi đó hân đã khởi hành chuyến đi hồi sớm. Ở đó người ta đã biết rõ mọi việc xảy ra. Tên gác cửa ngồi ở chòi canh cười mà chế nhạo hân. Hân cúi gục đầu xuống và nín lặng leo lên trên lầu để trình với ngục quan. Quan Án-sát đã sẵn sàng chờ đợi hân. Họ thu hồi tấm thẻ gửi đồ và dúi con dao vào trong tay hân. Họ la mắng hân :

« Mi là tên du đảng vô lại nhất trần gian ! Mi từ thế giới bên kia trở về để đánh đập con mi ! »

Hân không nói lấy nửa lời. Con dao lại được cắm sâu vào tim hân, và rồi hân khẽ buông một tiếng thở dài. Họ tóm lấy hân, nhét

hắn vào trong một cái xe bằng sắt nhỏ hẹp đoạn đẩy hắn xuống tít dưới Địa-ngục. Từ lò lửa màu hồng Závoczki lẫn mình vào trong lò lửa đỏ, và ở nơi đó hắn bị vớt vào vực dầu để mà đốn đau kêu thét trong muôn đời vạ kiếp về sau. Và đó là chuyện đã xảy đến với Závoczki.

Phần cô con gái nhỏ bé của hắn ta lúc bước vào trong phòng bà mẹ, cô lên tiếng nói :

« Người vừa gọi cửa là một tên ăn mặc thật rách rưới. Hắn ta làm điệu bộ nom thật khó coi ; vì thế con đã đóng chặt cửa để sua đuôi hắn đi cho rồi. Trong mắt hắn ta bùng cháy một ánh lửa kinh khủng. Mắt hắn ướt đầm nước mắt mà mặt hắn lại rạng rỡ tươi cười. Vì vậy nên con muốn đóng cửa lại và hắn đã đánh con. Hắn đánh con thật mạnh, tiếng đập tay nghe rõ lớn. »

Thiếu phụ cúi nhìn xuống nền nhà làm như muốn tìm kiếm vật gì. Đoạn bà lên tiếng run run hỏi :

« Thế rồi sao hở con ? »

« Thế rồi hắn bỏ đi mẹ ạ. Và giờ đây con hãy còn run cả người lên đây này. Hắn đánh con thật mạnh nhưng con không thấy đau đớn gì cả. Làm như có ai đó vừa đụng vào tay con một cách thật nhẹ nhàng. Bàn tay chai cứng sần sùi của hắn khi đụng vào tay con lại dịu dàng như cặp môi ai áp vào — hoặc là khẽ đụng vào một trái tim ai. »

« Mẹ hiểu rồi, » thiếu phụ nói rất dịu dàng và lại tiếp tục khâu.

Rồi hai mẹ con không ai nhắc lại chuyện đó bao giờ và họ tiếp tục cuộc sống cho tới khi nhắm mắt buông tay, và câu chuyện thần tiên chấm dứt nơi đây. Hãy ngủ cho ngon, nào, con gái bé bỏng đáng yêu của mẹ.

FERENC MOLNÁR

TRẦN PHONG-GIAO dịch

(theo bản Anh-dịch của PAUL TABORI)

ANDRÉ MAUROIS

ANTOINE DE SAINT-EXUPÉRY

(Tiếp theo trang 64)

Trong cái thế giới anh dũng này, vai trò của người đàn bà ra sao? Trong tác phẩm của Kipling, người đàn bà xuất hiện hoặc như một người bạn gái đồng dự vào những sự nguy hiểm và những công việc (*Trong Vạ đói — En Famine*) hoặc như một ả quyến rũ kéo người đàn ông ra khỏi nghề nghiệp (*Câu chuyện gia đình Gadsby — Histoire des Gadsby*). Đôi khi người ta thấy, trong những câu thuyết của Saint-Exupéry, đi qua, ở hậu cảnh, những người vợ của các phi công, hiền dịu, đầy lòng thương yêu và nhẫn nhục sống trong sự chờ đợi bất tuyệt một người đàn ông mà cái chết rình rập mỗi ngày. Đã có những thời kỳ mà con người hành động lý tưởng hóa người đàn bà mà mình phải xa cách. Cũng như những Nghĩa-binh Thánh-giá làm phát sinh những ‘Phu-nhân mỹ-miệu’, những ‘Phu-nhân chính-chuyên’ trong những bản anh hùng ca. Nhưng, nếu người ta quan sát những vai chính trong tác phẩm của Saint-Exupéry, thì hình như nhà phi hành rất ít thời giờ hơn những người lính trên bộ và những thủy thủ đề mơ tưởng đến người đàn bà vắng mặt. Đối với y, cái nguy hiểm của nghề nghiệp thì trực tiếp hơn và bất biến hơn. Một cái động cơ hỏng và đó là cái chết. Phi cơ bay vào độ cao, một ống dưỡng khí bung ra, và y ngã vào giấc ngủ ngàn thu. Đối với một người đàn ông như thế thì những thành phố và những người đàn bà là những cái thá gì? Một cô thiếu nữ mà y gặp gỡ đã khiến y bồi hồi một lúc vì cái sắc đẹp mặn mà của nàng (*Phi-công Chiến-trận*). Nhưng sao đây? Cần phải bay đi.

Trong tất cả những con người hành động khác, nhà phi hành cũng khác biệt bởi vì thế giới của y thì hư ảo một cách lạ thường. Từ trên cao như thế nhìn xuống thấy trái đất trống không. Chín giờ trên mười giờ, phi cơ bay trên đại dương, hay trên sa mạc, hay trên rừng rậm. Giữa Marrakech và Dakar, con người, bay trên hành tinh, chỉ hơi bị mắc vướng. Giữa Dakar và xứ Ba-tây, chẳng có gì cả. Và ngay ở Ba-tây, có biết bao những con rạch và những khu rừng mà con người không bao giờ đi sâu vào cả. Đối với người hành khách trên không gian, những khí hậu, những mùa không còn có nghĩa gì nữa. Y đi từ mùa xuân sang mùa đông đề vài giờ sau trở về với mùa hạ. Đối với y, cuộc đời thật sự là một giấc chiêm bao. Cuộc đời có cái điên khùng, có những cảnh thay đổi đột ngột của giấc chiêm bao. Saint-Exupéry kể lại rằng lần đầu tiên ông hạ xuống lãnh thổ Phi-châu, ông chỉ ở lại đó có ba mươi giây đồng hồ. Một chiếc phi cơ khác đang đợi ông, cạnh nó người ta ra hiệu cho ông sắp đặt phi cơ của ông khi ông ở trên trời xuống. « Anh lại chở thư đi Pháp », viên chỉ huy của chàng nói với chàng. Và ông lại đi ngay lập tức. Làm thế nào để Phi-châu của ông sẽ có thể là Phi-châu của những kỵ binh Thổ và những lính đồng được ? Đối với người phi công, rất nhiều thành phố chỉ là một phi trường, một bãi hạ cánh. Dù y đi Melbourne hay Tchoung-King, đi Calcutta hay New York, đi Tunis hay Rio, y cũng sẽ chỉ thấy những phi đạo, những cơ xưởng, một xe cam-nông ét-xăng, cát, đất nện và có thể là vài ngọn cây ở xa.

Đối với y, thực tại ở chỗ khác. Thực tại về con người, chính là phi đội, là những người bạn chung đường bay ; thực tại tự nhiên, y biết nó qua phi cơ. Y biết nó như người nhà quê biết : « Đất dạy chúng ta biết về thực tại nhiều hơn tất cả những sách vở. Bởi vì đất chống cự lại chúng ta. Con người tự khám phá ra mình khi nó độ sức với những trở ngại. Nhưng muốn đạt tới cái đó, nó cần phải có một dụng cụ. Người nhà quê, trông công việc cày bừa, dần dần lấy được vài bí quyết của thiên nhiên, và cái chân lý mà y moi ra được thì phổ quát. Phi cơ cũng vậy, cái dụng cụ của những đường bay, trộn lẫn con người vào tất cả những vấn đề xưa cũ. ». Biển, những dòng nước, những dấu hiệu tiên báo của những cơn giông bão, những khoảng trời quang đãng, người đi

biên am tường chúng và hiểu biết chúng bởi vì y phải cứu cái vỏ thuyền bằng gỗ hay bằng thép của y. Nhà phi hành học cách bỏi những đám mây, những cái nhồi trên những đường hàng không và những chướng ngại ở mặt đất. Hãy xem, trong cuốn Đất của những Con người, viên phi công lão thành đã tả cho bạn nghe về xứ Tây-ban-nha như thế nào, xứ Tây-ban-nha mà bạn y phải bay trên đó lần đầu tiên. Y không nói về những thành phố, những con người, nhưng nói về một con suối, một con suối làm lên một cánh đồng cỏ một cách phán trắc, về ba cái cây gây trở ngại cho một sự hạ cánh, về một bầy cừu nổi cơn hoảng hốt một cách nguy hiểm. Và bây giờ đọc xem cuộc rút lui vào năm 1940, được nhìn thấy từ trên cao, như thế nào : ‘ Tôi bay bên trên những con đường đen của một thứ nước xi-rô vô tận không ngừng chảy. ’ Đối với một nhà phi hành nói đến một con sông người thì không phải là một hình ảnh của thơ, mà chính là sự diễn tả thường và đúng về cái mà y thấy. Một quang cảnh không có ý nghĩa nếu không qua một nghề nghiệp. Viên phi công sống ở cái nấc thang giữa những đám tinh tú và những giải lục địa. Nhưng một người công chức cạo giấy thì có thể biết cái chi về thế giới ?

Hỡi người công chức già, hỡi người bạn của tôi hiện thời ở đây, chẳng có cái gì đã từng khiến anh thoát khỏi anh và anh cũng không hề có trách nhiệm gì về cái đó. Anh đã xây dựng sự yên lành cho anh bằng cách lấy xi-măng bít kín tất cả những lối thoát ra ánh sáng, như những con suối. Anh đã cuộn tròn mình trong sự an toàn trưởng giả của anh, trong các công việc thường lệ, những nghi lễ làm nghẹt thở của đời sống quê mùa của anh ; anh đã dựng bức lũy tầm thường để ngăn cản những cơn gió, những đợt thủy triều và những ngôi sao. Anh không hề muốn bận tâm về những vấn đề trọng đại, anh đã phải khó nhọc lắm để quên cái thân phận con người của anh. Anh không hề là một kẻ sống trên một linh cầu lang thang, anh không hề đặt những câu hỏi không có giải đáp : anh là một tay tiểu-trưởng-già ở Toulouse. Không một ai đã nắm lấy vai anh lúc khi hầy còn thì giờ. Giờ đây, cái đất tho tạo thành con người anh đã khô lại rồi, đã cứng rắn lại rồi, từ đây trở đi, có lẽ không còn ai sẽ biết đánh thức người nhọc sĩ đang ngủ, hay nhà thơ hay nhà thiên văn, có thể đã ăn nón trong anh từ trước... Tôi không còn than phiền vì những trận mưa nữa. Sự kỳ diệu của nghề nghiệp đang mở cho tôi một thế giới, ở đó,

nội hai giờ nữa, tôi sẽ đương đầu với những con rồng đen và những mớ tóc được những tia chớp xanh quấn chung quanh, ở đó, đêm tối tới, được giải thoát, tôi sẽ đoán ra những lối đi của tôi trong những vì tinh tú...

Con người hành động là một thi sĩ, theo nghĩa mạnh của tiếng đó, bởi vì y là « kẻ làm, kẻ sáng tạo ». Tôi ưa nghe Saint-Ex (tôi nói đến con người chứ không nói đến nhà văn) tả một việc xảy ra. Đôi khi, và ngay cả khi ở giữa các bạn bè, ông cứ giữ sự im lặng hồi lâu. Đột nhiên, bởi vì một trong những đề tài ông vốn ấp ủ trong lòng được gọi ra, ông khởi sự và vọt lên. Đề cập một vấn đề về chiến lược, hoặc ngay cả về chính trị, ông làm nó trở nên giản dị bởi ông từ trên cao nhìn nó. Ông nói với phong thái một người hiểu rộng biết nhiều, với một sự chính xác hết sức về ngữ vựng và lý luận. Nhưng cùng lúc, ông nói với phong thái một nhà thơ. Những người và những sự vật tái sinh trong giọng nói của ông. Câu nói rộng rãi, được ngắt đoạn, không bao giờ có vẻ hùng biện, thì như một cử chỉ điều chỉnh cho ý tưởng. Những hình ảnh thì mới mẻ và tự nhiên, thường phát xuất từ chính nghề nghiệp ra. Tất cả một nhóm người, thích thú, lắng tai nghe cho đến khi, đã kết thúc bài thơ hay sự chứng minh của mình, Saint-Ex lại rơi vào sự im lặng của ông, làm trò bằng mấy cây bài hoặc hát một bài ca. Bởi chính đó còn là trong những luật lệ của hành động anh hùng khiến nó làm nảy sinh ra những con người khó thể gặp người lại trước những quy ước xã giao và xã hội.

III TÁC PHẨM

Những tiểu thuyết ? Một chút tính chất tiểu thuyết thôi. Cái phần của tưởng tượng giảm dần từ tác phẩm này sang tác phẩm khác. Bảo là những tiểu luận về sự hành động, về những con người, về trái đất, về cuộc sống thì đúng hơn. Tám « phong », gần như luôn luôn trình bày một phi trường. Không phải vì ham thích tả về ta đây là một chuyên viên về hàng không, nhưng vì sự thành thật. Tác giả nghĩ và sống như thế đấy. Tại sao ông lại không miêu tả cho chúng ta thấy cái thế giới qua nghề phi công của ông, bởi vì ông giao tiếp với thế giới như thế đó.

Phi cơ chở thư miền Nam là một truyện lãng mạn hơn cả trong số những truyện của Saint-Exupéry. Nhà phi hành Jacques Bernis, phi công của tổ chức Phi-bưu, trở lại Paris và ở đó chàng gặp lại nàng Geneviève Herpin, một cô bạn thời thơ ấu. Nàng có một người chồng tâm thương, con nàng chết ; nàng yêu Bernis ; nàng nhận lời đi trốn với chàng. Nhưng ngay lập tức Bernis biết rằng đời họ không được tạo ra người nọ cho người kia. Chàng tìm tòi cái gì ? Một « kho tàng » trong chân lý, cái « tiếng đáng kể nhất ». Mới đầu chàng đã tưởng tìm thấy nó nơi một người đàn bà. Thất bại. Sau đấy chàng hi vọng tìm thấy nó như Claudel ở nhà thờ Đức Bà, nơi chàng đã bước vào bởi vì chàng rất đau khổ ; cái hi vọng này cũng tan vỡ. Có thể là lời giải đáp nằm trong nghề nghiệp, và quyết tâm và can đảm, Bernis lái chiếc phi cơ chở thư của Dakar bay trên vùng Rio del Oro. Một hôm tác giả tìm thấy xác của Bernis bị những viên đạn của những người Ả-rập giết chết. Nhưng chiếc phi cơ chở thư được cứu thoát. Nó sẽ tới Dakar vào lúc hữu ích.

Cuốn *Bay Đêm* thuộc thời kỳ Saint-Exupéry sống ở Nam-Mỹ. Đề những thư tín từ Patagonie, từ Chili và từ Paraguay tới Buenos-Aires kịp thời, điều cần thiết là các phi công của tổ chức Phi-bưu phải bay ban đêm trên những giãy núi bạt ngàn. Nếu họ gặp bão bất thần, nếu họ lạc đường, tính mệnh họ ắt lâm nguy. Nhưng Rivière, viên chỉ huy của họ, hiểu rằng sự liều mạng này phải được chấp nhận. Cùng với ông, cùng với Robineau, một trong những viên thanh tra của ông, cùng với người vợ của phi công Fabien, chúng ta bay theo ba chiếc phi cơ qua cơn giông bão. Một trong ba phi cơ ấy, phi cơ của Fabien, bị lạc trong trận bão. Tất cả dãy núi Cordillère hình như tự đóng lại đằng trước chàng. Nhà phi hành, chỉ còn có nửa giờ xăng, tự biết không còn hy vọng gì nữa. Lúc bấy giờ chàng bay lên giữa đám các ngôi sao nơi sẽ chẳng còn sự sống nào ngoài sự sống của chàng. Là nhà chinh phục những kho tàng trong thần thoại, Fabien sắp chết. Người vợ trẻ ấy, ngọn đèn thấp lên ấy, bữa ăn tối được sửa soạn với rất nhiều tình yêu ấy sẽ chờ đợi chàng một cách vô ích. Tuy nhiên Rivière, kẻ cũng yêu mến Fabien theo kiểu riêng của ông, đã lạnh lùng và buồn khổ ra lệnh

cho chiếc phi cơ chở thư đi Âu-châu lên đường. Rivière lắng tai nghe chiếc phi cơ xuyên Đại-tây-dương « nổi lên, gầm rú rồi nhỏ dần », như bước chân hùng hổ của một đoàn quân tiến đi giữa các vì sao, và trước cửa sổ, ông suy nghĩ :

« Thắng... bại... những tiếng đó không có nghĩa gì... Một sự chiến thắng có khi đã làm suy yếu một dân tộc ; một sự thất trận thức tỉnh một dân tộc khác... Chỉ có việc đang xảy ra mới đáng được chú trọng tới. Trong năm phút nữa, các đài vô tuyến sẽ cấp báo các trạm bay. Trên quãng đường bay dài mười lăm ngàn cây số, những xao động của cuộc sống sẽ giải quyết tất cả mọi vấn đề. Tiếng phi cơ như tiếng đại phong cầm đã bắt đầu nổi lên. Và Rivière, với những bước đi chậm chạp, trở lại với công việc giữa đám thư ký đang cúi xuống dưới cái nhìn khắc nghiệt của ông. Đó là Rivière-Kẻ-Vĩ-Đại, Rivière Kẻ-Chiến-Thắng khoác sự đặc thắng nặng nề của ông ta. »

Cuốn Đất của những Con người (Terre des Hommes) là một tập những bài tùy bút rất hay, mà một số mang hình thức những tản truyện. Truyện về chuyến bay đầu tiên trên miền Pyrénées, về bài học khai tâm do những tay lão thành chỉ bảo, về chuyến đi và về sự vật lộn với « ba vị thần linh căn bản : núi, biển và bão. » Những chân dung của các bạn cùng nghề, của Mermoz, kẻ bị mất tích trong Đại-dương, của Guillaumet, kẻ thoát chết khỏi vùng núi Andes nhờ sức bền bỉ của mình. Luận về « phi cơ và hành tinh », những cảnh trên trời, những ốc đảo, vụ hạ cánh trong sa mạc giữa đám người Maures, và câu chuyện về cái ngày mà, bị lạc lõng trong những vùng cát của xứ Libye như trong đám nhựa bầy chim, tác giả đã suýt chết khát. Nhưng các đề tài không quan trọng lắm ; cái đáng kể chính là ở chỗ kẻ ngồi trên cao đến thế nhìn xuống đất của những con người, hiểu rằng « chỉ có Tinh-thần, nếu hà hơi vào đám đất sét, có thể tạo ra con người. » Từ hai mươi năm nay, quá nhiều nhà văn đã nói cho chúng ta nghe về những sự hèn yếu của con người. Nhưng ở đây mới có một nhà văn nói cho chúng ta nghe về sự vĩ đại của con người. « Cái mà tôi đã làm, bạn thấy chẳng », Guillaumet nói, « hẳn không một con vật nào có thể làm nổi. »

Sau hết Phi-công Chiến-trận là một cuốn sách mà Saint-Ex

viết sau một thời kỳ giao tranh ngắn — và sự thất trận — của năm 1940... Trong cuộc tấn công của quân đội Đức vào nước Pháp, Đại-úy Saint-Exupéry và toán của ông nhận từ viên chỉ huy của họ, thiếu tá Alias, lệnh thi hành một chuyến bay thám thính trên vùng Arras. Ở đó họ có thể bị chết dễ dàng, một cái chết vô ích, bởi vì người ta yêu cầu họ thu thập những tin tức mà họ sẽ không bao giờ có thể truyền đi được. Những ngã đường sẽ bị tắc nghẽn, những máy điện thoại sẽ hư hỏng; bộ Tham-mưu sắp di chuyển. Chính thiếu tá Alias, người ra lệnh cũng hiểu rằng lệnh này vô lý. Nhưng nói gì đây? Ai nghĩ đến thân phận? Người ta trả lời: « Vâng, thưa Thiếu-tá... Được, thưa Thiếu-tá... » Và người ta lên đường để thi hành cái nhiệm vụ vô ích này.

Cuốn sách là bài suy gẫm của viên phi công trong lúc y bay về phía Arras, rồi từ đó trở về giữa những đạn trái phá và những phi cơ khu trục của địch. Một bài suy gẫm rất hay. « Được, thưa Thiếu-tá... » Tại sao viên thiếu tá Alias lại truyền lệnh cho những người vốn là bạn thiết của ông đi tới một cái chết vô ích? Tại sao hàng ngàn những người trai trẻ lại chấp nhận cái chết trong một trận chiến lúc ấy có vẻ như đã thua rồi? Bởi vì họ cảm thấy rằng, bằng cuộc chiến đấu vô hi vọng này, họ duy trì được kỷ luật của quân đội, và sự thống nhất của nước Pháp. Họ hiểu rằng không phải trong vài lúc, bằng vài cử chỉ, bằng sự hy sinh của vài mạng sống, mà họ sẽ đổi được những kẻ chiến bại thành những kẻ chiến thắng. Nhưng họ cũng biết rằng sự thất trận có thể sẽ tự tỏ ra cho nó con đường đi tới sự phục sinh. Tại sao họ chiến đấu? Vì thất vọng? Nhưng không:

Có một chân lý cao hơn những sự phát biểu của tri tuệ. Có một cái gì đi qua chúng ta và thống trị chúng ta, tôi phải chịu đựng nó mà không thấu tóm được nó. Một cái cây không có ngôn ngữ. Chúng ta là một cái cây. Có những chân lý hiển nhiên mặc dầu không đặt vào công thức được. Tôi không hề chết để chống lại cuộc xâm chiếm, bởi vì chẳng có nơi trú ẩn nào cả để tôi núp với những kẻ tôi ghét. Tôi không hề chết để cứu cái danh dự mà tôi từ chối không muốn nó bị thử thách: tôi không thừa nhận những thăm phán. Tôi cũng không hề chết vì tuyệt vọng. Và tuy nhiên Dauterle, kẻ đang dò bản đồ,

sau khi tỉnh ra Arras nằm ở vị trí đằng kia, tôi cảm thấy rằng trước ba mươi giây đồng hồ nữa y sẽ nói với tôi :

— Lấy hướng một trăm bảy mươi nhăm, thưa Đại-úy..

Và tôi sẽ ưng thuận. »

Một phi hành gia Pháp suy gẫm như thế, trong lúc y chờ đợi cái chết bên trên vùng Arras đang bốc cháy, và cũng lâu như những ai đó sẽ có những ý tưởng nào đó và sẽ phát biểu chúng trong một ngôn ngữ cũng đẹp như thế, nền văn minh Pháp sẽ không tiêu tan. « Được, thưa thiếu tá... » Saint-Exupéry và các bạn đồng đội sẽ không nói gì khác cả. « Ngày mai chúng tôi cũng sẽ chẳng nói gì khác cả. Ngày mai, đối với các chứng nhân, chúng tôi sẽ là những kẻ chiến bại. Những kẻ chiến bại phải im lặng. Như những hạt giống. »

Người ta kinh ngạc khi đã có những nhà phê bình nghi rằng quyền sách đẹp đẽ này thì « chủ bại ». Tôi không biết một cuốn sách nào cho chúng ta nhiều sự tin tưởng hơn về tương lai của nước Pháp :

« Bại... Thắng... (ông nhắc lại sau Rivière). Tôi hiểu sai cách dùng những công thức này. Có những sự thắng trận làm hưng khởi, có những sự thắng trận khác làm suy nhược. Có những sự bại trận giết hại, có những sự bại trận làm thức tỉnh. Cuộc đời không thể được phát biểu bằng những tình trạng, nhưng bằng những sự diễn tiến. Chỉ có một sự đặc thắng mà tôi không thể nghi ngờ đó là sự đặc thắng ẩn trong quyền năng của những hạt giống. Ươm hạt giống khắp những vùng đất đen việc đó đã có tính cách đặc thắng rồi. Nhưng phải giải thời gian ra để tham dự sự thắng trận của nó trong hạt lúa mì... »

Những hạt giống pháp sẽ nảy mầm. Chúng đã nảy mầm từ cái mùa mà cuốn *Phi-công Chiến-trận* được viết ra, và mùa gặt mới đã tới rồi. Nhưng nước Pháp, nước đã đau khổ và đã kiên nhẫn chờ đợi mùa xuân mới, hiện vẫn biết ơn Saint-Exupéry ở chỗ ông không hề từ bỏ nó :

« Bởi vì tôi ở trong bọn họ, tôi sẽ không bao giờ từ bỏ những người thân của tôi, dù họ làm gì đi nữa. Tôi sẽ không bao giờ thuyết

giảng chống họ trước mặt kẻ khác. Nếu có thể, tôi sẽ bênh vực họ, tôi sẽ bảo vệ họ. Nếu họ làm tôi đầy hồ thẹn, tôi sẽ nhốt sự hồ thẹn này trong trái tim tôi, và tôi sẽ im lặng. Dầu mà lúc đó tôi nghĩ về họ ra sao đi nữa, tôi sẽ không bao giờ dùng đến nhân chứng kết tội. Như thế tôi sẽ không bao giờ làm mất tinh đoàn kết của một sự chiến bại, sự chiến bại thường khi khiến tôi tủi nhục. Tôi ở phía nước Pháp. Nước Pháp đã tạo ra những Renoir, những Pascal, những Pasteur, những Guillaumet, những Hoche. Nước Pháp cũng đã tạo ra những tên bất tài, những chính trị gia giả hiệu và những tên lừa bịp. Nhưng tôi thấy có vẻ quá dễ dàng trong việc vin vào những kẻ này và chối bỏ mọi thân tình với những kẻ kia. Sự bại trận chia rẽ người ta. Sự bại trận phá cái đã được tạo ra. Ở đó có sự đe dọa chết người: tôi sẽ không tham dự vào những sự chia rẽ này để đổ trách nhiệm về sự tai hại lên những kẻ trong số những người thân của tôi nhưng nghĩ khác tôi. Chẳng rút được điều lợi gì trong vụ án không có thẩm phán này. Tất cả chúng tôi đều đã là những kẻ chiến bại... »

Chấp nhận cho chính mình, như cho những kẻ khác, những trách nhiệm về sự bại trận thì đó không phải là sự chủ bại; đó là lẽ công bình. Khuyên người Pháp giữ sự đoàn kết có thể tạo ra một sự vĩ đại tương lai, thì đó không phải là chủ bại; đó là lòng ái quốc. Trong văn học sử Pháp, *Phi-công chiến-trận* chắc hẳn sẽ vẫn là một cuốn sách cũng quan trọng như cuốn *Servitude et Grandeur Militaires* (của Alfred de Vigny.)

Chắc chắn tôi sẽ không « cắt nghĩa » cuốn *Ông Hoàng Nhỏ*. Cuốn sách của các trẻ em dành cho những người lớn này có đầy rẫy những biểu tượng đẹp để bởi chúng hình như cùng lúc trong sáng và tối tăm. Đức tính cần thiết của các tác phẩm nghệ thuật chính là ở chỗ tự nó có nghĩa của nó, không cần kêu gọi tới những ý niệm trừu tượng. Người ta không phê bình một ngôi nhà thờ: người ta không chú thích vòm trời đầy sao. Chớ gì *Ông Hoàng Nhỏ* là hiện thân của Tonio thời thơ ấu, tôi tin điều đó. Nhưng khi mà cuốn *Alice trong Xứ Thửa-tiên* (*Alice au Pays des Merveilles*) đã vừa là một truyện dành cho các cô gái nhỏ, vừa là một tập sách châm biếm cái xã hội dưới triều đại nữ hoàng Victoria, thì cuốn *Ông Hoàng*

Nhỏ, trong cái vẻ buồn rầu thơ mộng của nó, chứa đựng cả một triết lý. Ở đó, Đức Vua được người ta vâng lời khi nào ông chỉ truyền lệnh về cái mà có lẽ rồi thế nào cũng sẽ tới. Ở đó, người thấp đèn ngoài đường được kính trọng bởi vì y lo về cái khác với chính y. Ở đó, nhà kinh doanh bị chế nhạo bởi vì y ngỡ rằng người ta có thể « chiếm hữu » những ngôi sao hoặc những đóa hoa ; ở đó, con cáo tự đề mặc người ta dạy mình cho thuần cốt để biết tiếng bước chân sẽ khác biệt với tất cả những tiếng bước chân khác. « Người ta chỉ biết những sự vật mà người ta dạy cho thuần, con cáo nói. Nhưng con người mua những vật dụng đã làm sẵn nơi các người bán hàng. Nhưng khi không có những người bán những bạn hữu, thì những con người không còn có bạn hữu nào nữa. » Ông Hoàng Nhỏ là tác phẩm của một người anh hùng khôn ngoan và hiền dịu, người anh hùng có những bạn hữu.

Bây giờ phải nói đến cuốn *Thành-trị* (*Citadelle*) tập di cảo, mà Saint-Ex đã để lại cho nó rất nhiều ghi chú, nhưng ông đã không có thì giờ để soạn lại chúng và rửa mài chúng. Do đấy, tất cả sự phán đoán đều khó khăn. Chắc hẳn tác giả ràng buộc vào cuốn *Thành-Trị* một sự quan trọng lớn. Đó là một cuốn toàn thư, một thông điệp, một di chúc. Georges Péliissier, vốn đã là người bạn tâm giao của Saint-Ex tại Alger, quả quyết rằng phải tìm trong tác phẩm này cái chủ yếu của tư tưởng của Saint-Ex. Georges Péliissier cho chúng ta biết rằng một nguồn tư tưởng đầu tiên đã xuất hiện dưới nhan đề *Seigneur Berbère* và rằng Saint-Ex có lúc đã gọi cái bài thơ xuôi này bằng nhan đề *La Calé*, rồi trở lại với nhan đề *Citadelle*, ý kiến đầu tiên của ông. Một người bạn khác là Léon Werth viết : « Bản văn của cuốn *Thành-trị* là một thứ bản quặng. Và là thứ ở bên ngoài hơn cả. Đó là những ghi chú đọc vào dictaphone, những ghi chú được nói ra, những ghi chú bay lùa... Cuốn *Thành-trị* là một tập ứng khâu. »

Có những ý khác có vẻ mập mờ hơn. Luc Estang, người rất thán phục Saint-Ex của *Bay Đêm*, của Đất của những Con người thú nhận là ông chống đối cái « bài hát ẽ a của ông Hoàng tồ-phụ Á-đông » này. Và cái bài hát ẽ a này cứ tiếp tục suốt hàng trăm trang giấy. Cái chảy tàn nhẫn của cát. « Người ta lượm được một nắm

trong cát đó : những vảy vàng đẹp dễ sáng lấp lánh nhưng bị vùi lấp lấp tức trong cái vẻ đều đều tẻ nhạt, chỗ mà chính độc giả cũng bị sa lầy. Sự chú ý loảng ra ; sự buồn chán nhận chìm sự thần phục. » Đúng thế. Ngay cả đến cái bản chất của tác phẩm cũng nguy hiểm. Luôn luôn có một cái gì giả tạo, đối với một người Âu-châu ở thời kỳ chúng ta, ở việc dùng cái giọng trong sách của Job. Những dụ ngôn trong sách Phúc-Âm thì cao siêu, nhưng ngắn và huyền bí, trong khi cuốn *Thành-trị* thì dài và có tính cách giáo huấn. Hẳn nhiên có cuốn *Zarathoustra*, và cuốn *Những Lời của Một Tín-đồ* của Lammenais ; hẳn nhiên là triết lý nằm trong cái triết lý của cuốn *Phi-công Chiến-trận*, nhưng ở đây thiếu cái trụ chống đỡ cụ thể.

Dẫu vậy những vảy vàng, còn lại trong cái sàng sau khi đọc cuốn sách này, là vàng ròng. Đề tài có tính chất Saint-Ex một cách cao độ. Ông vua già của sa mạc, kể truyền thụ sự khôn ngoan và kinh nghiệm của ông cho chúng ta, là một người du mục. Rồi ông đã hiểu rằng con người chỉ có thể tìm thấy sự bình yên nếu nó xây dựng thành trì của nó. Con người cần có một nơi ở, một lãnh thổ, một xứ sở để yêu mến. Một đồng gạch và đá không là gì cả ; ở đó thiếu mất linh hồn của kiến trúc sư. Lúc đầu thành trì ở trong trái tim con người. Nó được tạo thành bởi những kỷ niệm và những nghi lễ. Điều cần là phải trung thành với nó « bởi chúng ta sẽ không bao giờ làm đẹp cho một ngôi đền được nếu cứ mỗi lúc ta lại khởi công làm lại nó. » Nếu con người xô đổ những bức tường để tự bảo toàn sự tự do thì chỉ còn lại « cái thành lũy bị triệt hạ » thôi. Lúc bấy giờ sự lo âu vì không còn là gì cả bắt đầu. « Lãnh thổ của ta quả là cái gì khác với những con cừu này, những cánh đồng này, những nơi ở này và những núi non này, nhưng là cái thống ngự chúng và *thất* được chúng với nhau ».

Thành trì và nơi ở nằm trên một cái nút thắt của những mối liên lạc. « Và những nghi lễ trong thời gian là cái mà nơi ở trong không gian là. » Thật là tốt đẹp khi chính thời gian cũng là một công trình được xây cất và khi con người đi từ hội hè này đến hội hè khác, từ kỷ lễ niệm này đến lễ kỷ niệm khác và từ mùa hái nho này đến mùa hái nho khác. Auguste Comte và Alain cũng đã biện hộ cho những nghi lễ, và những cuộc kỷ niệm, bởi vì thiếu những cái đó

sẽ không có xã hội. « Ta thiết lập lại những đẳng cấp ». Vị Chúa-tể của sa mạc nói. « Từ sự bất công của hôm nay, ta tạo ra sự công bằng của ngày mai. Và như thế, ta làm cho đế quốc của ta thành cao quý ». Saint-Ex, cũng như Valéry, ca ngợi những sự cường bách. Bởi vì nếu người ta phá bỏ những sự cường bách, và nếu người ta quên lãng chúng, con người sẽ lại trở thành man rợ. « Tên bẻm mép ngu ngốc » trách cái cây bách hương đã không bao giờ là cây cọ, muốn nhất hóa mọi sự và hướng về hỗn độn. « Nhưng cuộc sống chống đối sự vô trật tự và những cái dốc thiên nhiên. »

Cũng cùng một sự nghiêm khắc như vậy trong ái tình. « Ta giam hãm người đàn bà trong hôn nhân và truyền lệnh ném đá người vợ ngoại tình ». Và chắc chắn ông hiểu rằng người đàn bà thì rất bồi hồi, phải chịu cực hình vì đã mềm yếu và hiểu rằng nàng kêu gọi suốt cả đêm. Nhưng nàng đã từ chiếc áo choàng này qua chiếc áo choàng khác một cách hoài công, bởi không có người đàn ông nào để làm nàng mãn nguyện. Thừa nhận sự thay đổi chồng có ích gì. « Ta chỉ cứu người đàn bà nào tìm thấy sự hân hoan của mình trong những giới hạn của chính mình. Ta cứu người đàn bà không hề thích ái tình, nhưng thích khuôn mặt đặc biệt nào đấy mà ái tình đã bắt lấy ». Người đàn bà cũng phải có thành trì trong trái tim mình.

Ai truyền phán như thế ? Vị Chúa-tể của Sa mạc. Và ai truyền phán cho vị Chúa-tể của Sa-mạc ? Ai đọc cho ông ta ghi chép sự kính trọng những sự cường bách và những sợi giây liên lạc ? « Lòng vẫn quyết, ta leo lên phía Thượng-đế để hỏi ngài về lý lẽ của những sự vật. Nhưng trên đỉnh núi ta đã chỉ khám phá ra một phiến đá hoa cương đen nặng nề, cái đó là Thượng-đế ». Và ông nài nỉ Thượng-đế chỉ dạy cho ông. Nhưng phiến đá hoa cương vẫn cứ là vật không thể dò đoán được. Nó vẫn cứ mãi là phiến đá. Một Thượng-đế để cho dò đoán được thì không còn là một Thượng-đế nữa. « Nếu vâng theo lời cầu nguyện thì cũng không còn là Thượng-đế nữa. Và lần đầu tiên, ta đoán rằng sự cao cả của lời cầu nguyện ngự trị trước hết trong cái không hề được trả lời và rằng cái xấu xa của sự buôn bán không bao giờ đi vào sự đời chắc này. Và rằng việc học tập sự cầu nguyện là việc học tập sự im lặng. Và rằng

tình yêu chỉ bắt đầu ở cái chỗ không còn sự dâng hiến để chờ đợi nữa mà thôi. Tình yêu trước hết là luyện tập sự cầu nguyện và sự cầu nguyện là luyện tập sự im lặng ».

Cái đó có thể là lời cuối cùng của một chủ thuyết anh hùng huyền bí.

V

TRIẾT LÝ

Có một số người hẳn đã muốn rằng Saint-Exupéry phải bằng lòng là một tiểu thuyết gia, một du khách trên trời, và họ nói : « Tại sao ông ta lại cứ muốn nói triết lý trong khi ông ta không phải một triết gia ? » Tôi thì tôi lại ưa thích Saint-Exupéry nói triết lý.

« Cần phải suy nghĩ bằng hai bàn tay », khi xưa Denis de Rougemont đã viết thế. Nhà phi hành suy nghĩ bằng thân thể mình, và bằng dụng cụ của mình. Cái khuôn mặt đẹp nhất mà Saint-Exupéry đã vẽ, đẹp hơn ngay cả khuôn mặt của Rivière, chính là khuôn mặt của một người đàn ông can đảm một cách giản dị đến nỗi có lẽ sẽ là lỗ bịch nếu tả những hành động can đảm của anh ta :

« Hodeché là một cựu hạ sĩ quan, mới rồi được thăng cấp thiếu úy. Chắc hẳn là anh ta chỉ có một trình độ văn hóa tầm thường. Có lẽ y sẽ không biết tìm hiểu chút chi về chính mình. Nhưng anh thì vững vàng, hoàn bị. Cái danh từ bốn phận, khi liên quan đến Hodeché, đã mất tính chất kiểu cách của nó. Người ta hẳn muốn chịu đựng được việc bốn phận như Hodeché chịu đựng nó. Trước mặt Hodeché, tôi tự trách cứ về tất cả những sự thoái thác nhỏ nhặt của tôi, những sự sơ suất của tôi, những sự lười nhác của tôi, và trên tất cả, nếu có, những sự hoài nghi của tôi. Đó không phải là dấu hiệu của đức tính nhưng hẳn là dấu hiệu của sự ganh tị. Có lẽ tôi muốn sinh tồn như Hodeché sinh tồn. Một cái cây thì đẹp đẽ, rất vững chãi trên đám rế của nó. Sự thương trực của Hodeché thì đẹp. Hodeché có lẽ sẽ không thể làm thất vọng... »

Sự can đảm không thể sinh ra từ một bài diễn văn soạn thật hay nhưng từ một trực giác biến thành hành động. Sự can đảm là một sự kiện. Cái cây là một sự kiện, Cái phong cảnh là một sự kiện. Chúng ta có lẽ sẽ không thể dùng sự phân tích để phân giải những ý niệm này; cái đó có lẽ sẽ vô ích và sẽ làm chúng suy yếu đi. Hodeché không tự nguyện theo kiểu bởi vì... Anh ta tự nguyện một cách tự nhiên. Đối với cái tri tuệ tàn mác, Saint-Exupéry chỉ có sự khinh thị thôi. Ông không có chút lòng tin nào vào những lý thuyết suông. Có lẽ ông sẵn lòng nói, như Alain: « Đối với tôi tất cả chúng có thì như nhuốc một cách rõ ràng. » Làm sao những tiếng trù tượng có thể sẽ chứa đựng cái chân lý về con người được? « Chân lý không thể nào là cái đã được chứng minh. Nếu trong khoảng đất ấy, mà không trong khoảng đất khác, những cây cam mọc được những rễ chắc chắn và đầy trái, thì cái khoảng đất ấy chính là chân lý của những cây cam. Nếu tôn giáo ấy, nền văn hóa ấy, những cái nấc thang giá trị ấy, cái hình thức hoạt động ấy, mà không phải những cái khác, khiến cho con người dễ dàng đạt được sự sung mãn, đẩy ra khỏi con người một vị lãnh chúa ngu ngốc, thì những nấc thang giá trị ấy, nền văn hóa ấy, hình thức hoạt động ấy chính là chân lý của con người. Còn sự luận lý thì sao? Chớ gì nó phải tự xoay trở để hiểu biết đời sống. »

Ai có lý? Phe Hữu hay phe Tả? Đảng này hay đảng kia? Các bạn đừng chờ đợi ở Saint-Exupéry một câu trả lời về những câu hỏi quá vô ích như vậy. Hình như đối với ông những sự tranh chấp đó thật đáng thương. Cái đáng kể chính là cái nâng con người lên cao hơn con người. Nhưng cái nâng cao kẻ này lại hạ thấp kẻ khác. Tất cả sự chuyển động, như Péguy đã nói, có những sự kỳ bí của nó và những mảnh lời của nó.

«Kẻ nào không nghĩ ngờ cái tên lạ mặt ngủ trong hân, nhưng cảm thấy tên ấy thức tỉnh chỉ một lần trong một hàm rượu của bọn vô-chính-phủ, ở Barcelone, bởi sự hy sinh, bởi sự tương trợ, bởi một hình ảnh nghiêm khắc của công lý, thì kẻ đó đã chỉ hiểu biết có một chân lý thôi: chân lý của những người vô-chính-phủ. Và kẻ nào sẽ chỉ một lần canh gác để bảo vệ một đám những nữ tu sĩ quý gỏi, hoảng sợ, trong những tu viện ở Tây-ban-nha, thì kẻ đó sẽ chết cho Giáo-hội...»

Chân lý là gì ? Chân lý không phải là một chủ nghĩa, một giáo điều. Người ta không thấu đạt được chân lý bằng cách gia nhập một môn phái, một trường phái hay một đảng phái. « Đối với con người, chân lý chính là cái làm cho nó thành một con Người... »

« Để hiểu rõ con người và những nhu cầu của nó, để biết rõ con người trong cái thiết yếu của nó, kẻ này và kẻ kia không nên mang sự hiên nhiên về những chân lý ra để đối chọi nhau. Vâng, bạn rất có lý. Bạn hoàn toàn có lý. Sự luận lý chứng minh tất cả. Ngay cái kẻ đã trút tất cả những sự khờ sở của trần gian vào những người gù cũng vẫn có lý. Nếu chúng ta tuyên chiến với những người lưng gù, chúng ta sẽ biết hằng hơi một cách mau chóng. Chúng ta sẽ trả thù những tội ác của bọn gù. Và chắc chắn là bọn gù cũng phạm những tội ác... Cần chi bàn cãi về những lý thuyết suông ? Nếu tất cả những lý thuyết đều tự chứng minh được, thì chúng cũng vẫn đối chọi nhau được, và những cuộc bàn cãi như vậy làm tuyệt vọng sự siêu thoát của con người. Lúc bấy giờ con người, khắp nơi, chung quanh chúng ta, bày tỏ cùng những nhu cầu giống nhau... Chúng ta muốn được giải thoát. Kẻ bỏ một nhát cuộc muốn cho nhát cuộc của mình một ý nghĩa. Và nhát cuộc của kẻ tội đồ làm cho kẻ tội đồ nhục nhã không hề là nhát cuộc của người tìm mỏ làm cho người tìm mỏ trở thành vĩ đại. Nhà tù không ở nơi những nhát cuộc được bỏ xuống. Nó không từ sự ghé thăm về vật chất mà ra. Nhà tù ở nơi những nhát cuộc được bỏ xuống mà không hề có ý nghĩa, không ràng buộc người bỏ những nhát cuộc với xã hội loài người... »

Kẻ nào tạo thành từ chân lý cái ý tưởng hoàn toàn tương đối không thể trách những kẻ khác là có những sự tin tưởng khác với những sự tin tưởng của mình. Nếu chân lý của mỗi người là cái làm cho kẻ đó thành vĩ đại, thì tôi và anh, không cùng trong một sự vâng phục, chúng ta có thể cảm thấy gần nhau bởi cái thị hiếu chung về sự vĩ đại, bởi tình yêu chung của chúng ta về tình yêu. Trí tuệ chỉ có giá trị trong việc phụng sự tình yêu.

« Chúng ta đã lầm lẫn quá lâu về vai trò của trí tuệ. Chúng ta đã lơ là với bản chất của con người. Chúng ta đã ngỡ rằng sự kỳ tài của những tâm hồn thấp kém có thể giúp cho sự chiến thắng

của những lý do cao thượng, rằng sự ích kỷ khéo léo có thể kích thích tinh thần hy sinh, rằng sự khô cạn của trái tim có thể, do cơn gió của những bài diễn thuyết, xây dựng một tình huynh đệ hay tình yêu. Chúng ta đã lo-là với cái Bản-thể. Dù muốn dù không, hạt giống cây bách hương sẽ trở thành cây bách hương. Hạt giống cây ngậy sẽ trở thành cây ngậy. Từ đây trở đi, tôi sẽ từ chối không phán đoán con người theo những công thức biện hộ cho những quyết định của nó... »

Cái điều cần hỏi về vấn đề của mọi người, không phải là : « Y theo chủ nghĩa nào ? Y mang nhãn hiệu nào ? Y gia nhập đảng nào ? ». Điều nên hỏi, chính là : « Y là người thế nào ? ». Là người thế nào, và không cá nhân thế nào. Điều đáng kể chính là con người góp một phần trong một đoàn thể, trong một xứ sở, trong một nền văn minh. Những người Pháp đã viết vào mí những đài kỷ niệm của họ : Tự-do, Bình-dẳng Bác-ái. Họ đã có lý : đó là một tiêu ngữ hay. Saint-Exupéry nói thêm : với điều kiện là người ta hiểu rằng những con người chỉ có thể được tự do, bình đẳng và là anh em nơi một người nào đó, một sự vật nào đó.

« Thế nào là giải thoát ? Nếu trong một bãi sa mạc tôi giải thoát cho một người không cảm thấy điều gì cả, thì sự tự do của y có nghĩa gì ? Chỉ có sự tự do ở một kẻ nào đó đi một nơi nào đó. Giải thoát cho kẻ ấy có lẽ là dạy cho hắn khát nước và vạch một con đường tới một cái giếng. Chỉ lúc đó hắn mới tự đề nghị với mình những sự vận động có lẽ sẽ không thiếu ý nghĩa nữa. Giải thoát cho một hòn đá không có nghĩa gì cả nếu nó không có chút trọng lượng nào. Bởi vì hòn đá, một khi tự do, sẽ không đi đâu cả... »

Cũng cùng phương thức đó « người lính và viên đại úy thì bình đẳng nơi quốc gia. » Những tin đồn thì bình đẳng nơi Thượng-đế.

« Xung tưng Thượng-đế, họ thì bình đẳng nơi những quyền lợi của họ. Phụng sự Thượng-đế, họ thì bình đẳng nơi những bổn phận của họ. Tôi hiểu tại sao một sự bình đẳng được thiết lập nơi Thượng-đế không lôi kéo theo sự mãn thuẫn cũng như sự hỗn độn. Một chính sách mù dân lẫn vào khi, thiếu biện pháp chung, nguyên

tắc binh đẳng suy đổi thành nguyên tắc đồng nhất. Lúc bấy giờ người lính từ chối không chào viên đại úy bởi vì khi chào viên đại úy tức thì người lính kia tôn kính một cá nhân chứ không phải một Quốc-gia... »

Và sau hết là tình huynh đệ :

« Tôi hiểu nguồn gốc tình huynh đệ của loài người. Những con người là anh em nơi Thượng-đế. Người ta chỉ có thể là anh em ở nơi một cái gì đó. Nếu không có nút giây nào kết hợp họ, những con người chỉ kề bên nhau chứ không được ràng buộc với nhau. Người ta không thể là anh em một cách cộc lốc. Các bạn đồng đội của tôi và tôi là anh em với nhau nơi toán 2/33; những người Pháp, nơi nước Pháp. »

Chúng ta hãy tóm tắt : đời sống hoạt động thì nguy hiểm ; cái chết thì luôn luôn ở rất gần ; chân lý tuyệt đối không có ; nhưng sự hy sinh đào tạo những con người sẽ làm chủ thế giới bởi vì họ làm chủ chính họ. Đó là triết lý nghiêm khắc của người phi công. Điều lạ là ông đã rút từ cái triết lý đó ra một hình thức của sự lạc quan. Những nhà văn ngồi ở một chỗ nấu nướng lại ý tưởng trong những nỗi thống khổ của họ thì bị quan bởi vì họ cô quạnh. Con người hành động không biết tới sự ích kỷ bởi vì hắn chỉ tự biết mình là một phần của đoàn thể. Người chiến sĩ ít để ý tới những cái nhỏ mọn của loài người, bởi vì hắn nhìn thấy mục đích. Những kẻ làm việc chung với nhau, những kẻ cùng chung trách nhiệm, bay bên trên sự thù oán.

Bài học của Saint-Ex vẫn còn sống động. Ông Hoàng Nhỏ nói : « Tôi sẽ có vẻ là chết nhưng cái đó sẽ không đúng sự thật » ; và cậu ta cũng nói : « Và khi bác thấy lòng khuấy khuấy (người ta luôn luôn tự khuấy khuấy) bác sẽ lấy làm hài lòng vì đã biết tôi. Bác sẽ luôn luôn là bạn của tôi ». Chúng ta lấy làm hài lòng vì đã biết ông ; chúng ta sẽ luôn luôn là bạn của ông.

ANDRÉ MAUROIS

LÊ HUY OANH dịch

• truyện thơ sáng tác •

b u ồ i v ề

TRẦN-MỸ-HUYỀN

loang sương che vực non chiều
lá ngám buổi muộn động xiêu gió về
rừng thưa xuống vụng ủ ê
xuôi thân bóng bụi bồi thề sớm hôm

•
rêu thâm lưng đá ngùi trông
vết xanh chìm mất âm dòng tháng năm
nghe ra rạn nứt âm thầm
kẻ đen ngấn lệ nuôi mầm cỏ hoang

•
chìm muông trở dáng bàng hoàng
triền ngơ gác rộng cây ngàn hạ chân
mỏn nghiêng giấc nước tang bồng
miền cao tiếng thú cầm lòng cuộc quen.

TRẦN MỸ HUYỀN

(PHẦN THỨ BA) **UNG THU**
TRUYỆN DÀI CỦA THANH TÂM TUYẾN

CHƯƠNG BA

— Chú Liêm này, tôi có mang.

Câu nói không gây ngay xúc động, lẫn trong tiếng ve sầu kêu ran theo hàng cây dài ngoài phố vắng trong buổi chiều đã thật tối. Đầu óc lười biếng, mồ hôi khô rít trên da trần, lưng nằm ngửa trên nệm giường nhàu nhẽo nóng bức. Không một cơn gió, đám lá cây ngoài cửa sổ với ánh điện đường mờ nhạt vừa bật lên lấp ló im phắc. Vợ Hồ không nói thêm và câu nói đã mất hút không còn chút vang động nào. Máu trần vôi trắng nhiều vết hoen lang vàng khé, những vết lở lói của vôi, vữa từ ngày nào, nhòa lẫn vào bóng mờ của gian phòng. Tôi có mang, một đứa con, Hồ bị bắt, một đứa con với vợ Hồ. Những ý nghĩ diễn qua lặng lẽ rưng rưng như bầu không khí buổi chiều mùa hè trong một phố khuất không tiếng xe cộ, không tiếng trẻ con nô đùa. Người đàn bà ngồi nhồm lên, bới lại đầu tóc, da thịt nhẽ nhại coát ra một hơi thở nồng khó chịu; hai cẳng chống lên, đầu cúi, lưng nghiêng về đằng trước, cặp vú hơi chảy xệ đọng vào bắp đùi. Liêm với tay, tuột đầu khỏi gối, đặt lên chiếc bụng da căng không có một dấu hiệu nào khác lạ, hỏi: «*Mấy tháng?*», «*Hai tháng*»

(*) Xem từ VĂN số 31.

‘Đúng không?’ Người đàn bà cười rúc một cách vô duyên, buông mình ngã xấp lên người Liêm. ‘Còn phải hỏi nữa. Con mình chứ con ai’. Con mình, không bao giờ tưởng tượng ra như thế. Rồi làm sao? Vợ Hồ không đã động gì thêm nữa, mãi lo đùa nghịch. Liêm lạnh mình, chợt nghĩ: bây giờ Hồ nằm ở đâu? Liêm du người đàn bà sang một bên, ‘làm đau người ta, bắt đền bây giờ’, bảo: ‘Đi ra bờ hồ cho mát’. Vợ Hồ phụng phịu xong cũng ngoan ngoãn chiều ý. Xuống dưới đường, Liêm quay cõ nhìn vào khách sạn trong khi vợ Hồ cẩn thận buộc chiếc chìa cửa khóa phòng vào khăn mù-xa. Trên tấm bảng hiệu treo một bóng điện vàng bám bụi và muối, trên đầu bờ rào bằng giấy thép gai với cọc sắt như trại lính. Đi vài bước bờ hồ đã tối ngay dưới bóng những cây me già. Vợ Hồ hỏi: ‘Đi đâu?’ Liêm nghi giá vợ Hồ ở lại trong buồng, được thông thả một mình sướng hơn. Xung quanh bờ hồ đông người dạo mát, các quán nước đều chật khách, những chỗ cỏ tốt đều có người chiếm. Vợ Hồ sung sướng ra mặt ‘anh ấy chưa bao giờ đưa tôi đi bóng mát bờ hồ buổi tối, chị ta nhìn ngắm những người qua lại tò mò. Đi qua đoạn đường sáng, bến tàu điện đầu bờ hồ, vợ Hồ nhìn chăm chăm vào mặt Liêm hỏi: ‘Thích không? Có con thích không?’ Ngồi xuống bờ cỏ bên bờ hồ, chỗ tối, Liêm gọi mua kem vừa ăn vừa nhìn mặt nước lấp loáng đằng xa, nghe tiếng vọng của máy phát thanh từ bên kia bờ hồ. Vợ Hồ vẫn nói luôn miệng những chuyện đầu đầu. Thích không? Có con thích không? Tiếng xe, tiếng chân bước, tiếng cười nói vắng dần, chỉ những quán nước còn tụ tập được khách. ‘Bây giờ hết tàu điện về Bạch-mai rồi nhỉ’ ‘Hết lâu quá rồi’, Liêm nghĩ sợ đêm nóng bốc ngột ngạt này, giấc ngủ sẽ bị khuấy động từng lúc vì người đàn bà, chắc chắn như thế, trong gian phòng chỉ có chiếc giường nệm là chỗ nằm được. Và Hồ phải giục hai ba bận Liêm mới chịu đứng lên. Ở đâu ngã tư, Liêm giữ người đàn bà đứng đợi cho hai ba tên Lê-dương say đi với gái vào khách sạn một lúc lâu rồi mới tiến tới. Vợ Hồ lúi cúi mở khóa cửa Liêm nhìn bằng quơ những cánh cửa đóng, chữ số viết bằng sơn trắng trên gỗ. Bước chân vào buồng, quơ quạng trong tối, Liêm có cảm tưởng vào trong nhà tù. Liêm ngồi ngáy trên giường như người mất hồn, ánh điện bật lên

trơ trẽn. Vợ Hồ đứng rửa mặt trước tấm gương ở góc phòng mỉm cười khi lau mặt và cởi cả áo cánh mặc ngoài bỏ nửa thân trần. Nhìn mặt Liêm, đột nhiên người đàn bà quay mặt gắt : « Cấm nhìn người ta » rồi chạy đi tắt điện. « Bức quá, cởi quần áo ra cho mát » và trong bóng tối trần ngập Liêm nghe người đàn bà chậm chạp cởi bỏ nốt những những gì còn lại mang treo lên mắc rồi thông thả đi về phía Liêm ngồi. Liêm không thể cưỡng được những cử động, cũng tự động trút hết áo quần trên người. « Như thế này có phải sướng không ». Vào khuya Liêm nghe hàng quạ rao không phân biệt được rõ tiếng dưới đầu phố, anh linh Tây say hát lè nhè qua ngoài cửa buồng, súng nổ âm rền một góc trời xa trong không khí lặng thình không cản trở. Liêm chợt nhớ đến Bích, tới về Hà-nội đã nửa năm. Nửa năm¹ giờ, ý định trở lại Sài-gòn đã quên khuấy. Tại sao khi ở Sài-gòn mười năm không khi nào có cảm giác tạm bợ nhất thời, còn ở đây trong thành phố này cứ thấy như mình bập bênh trôi nổi ? Năm bên cạnh tôi lúc này, không phải là anh chàng thanh niên chán đời ngày mới đặt chân xuống đất Bắc, một người đàn bà cũng mệt mỏi rã rời và một đứa con của tôi đang thành hình trong bụng. Vì đời sống tan nát vậy quách chẳng ? Bà mẹ Hải với hai đứa con trai lớn theo kháng chiến không biết mất còn, đứa con gái mệnh yếu và ông chồng mất không kiếm thấy xác. Và Khôi, Khôi không biết đã tìm được công việc làm chưa hay còn ở nhà Tể-Bần. Thành phố này thật nhỏ thật xa. Hồ bị bắt và vợ Hồ nằm đây. Liêm đi ra cửa sổ nhìn xuống phố đang trong giờ giới nghiêm. Một con chuột chạy nhón nhợ ra vào ở một lỗ cống gần bãi rác dưới ánh điện văng vặc. Những mảnh chai nhọn cắm dài trên đầu tường. Tôi đã trông thấy những gì, nghe thấy những gì ? Tại sao thế ? Ngày mai nhìn từ thành phố này rắc rối bất trắc. Sài-gòn yên ổn, dễ dãi và đơn giản cách xa mấy ngàn cây số. Liêm đói bụng, quay trở vào giường, không thể ra chợ kiếm thức ăn bất cứ giờ nào như ở Sài-gòn. Trong giấc mơ, Liêm thấy mình trở lại Sài-gòn, gặp Hạnh và Hạnh bỗng một đứa con đứng trước cửa quán, Sài-gòn chỉ còn nhà cửa đường phố không như trong những ngày bom Nhật.

Sáng Liêm thức dậy sớm nhưng người đàn bà còn ôm giữ lại,

« còn sớm mà », rồi cuộc đấu Liêm nặng như khối chì đặc. Người Liêm ráo hoảnh, nổi gai trong buổi sớm không gió. « Tôi về trước. Chị ở lại về sau. » Như buổi sáng nào, Liêm ra khỏi khách sạn một mình, đi bộ về chợ Hôm ăn quà sáng. Hè phố còn vắng và dơ bẩn, trời mùa hè trắng như trần nhà. Chưa đến tám giờ đã bắt đầu thấy nắng. Ở nhà in, Hải hỏi : « Đêm qua anh ngủ đâu ? » « Ở nhà người quen. Đi tìm chỗ vận động cho cái anh bị bắt » « Được không ? » « Chưa biết ». Buổi trưa về nhà, mẹ Hải cho ăn bún chả khai trương món hàng mới của bà. Com nước xong bà bỏ ngủ trưa với gánh hàng ra phố. Gần đến kỳ thi, Hải xanh xao gầy sút trông thấy. Vợ Hồ vẫn lên xuống, bụng mang mỗi lúc thêm rõ, Hồ vẫn chưa được thả. Ngày nào Hồ về không còn được tỉnh tới nữa. Chủ nhật Liêm về nhà Hồ ở cả ngày, vợ Hồ bảo : « Chú về nhà cho có đàn ông để họ đỡ bắt nạt tôi, nhà thương đang muốn đuổi nhà. » Liêm cười, nghi cứ tình thế này kéo dài không biết mình sẽ đi đến đâu. Hàng xóm chắc cũng biết chuyện, Liêm có ngượng nhưng thấy vợ Hồ thân nhiên cũng yên tâm. Một hôm trong bữa cơm, mẹ Hải bảo : « Cả hai cậu dạo này đều xanh đấy. Phải giữ sức mới được. » Liêm soi gương chỉ nhận thấy mình già hơn nửa năm trước. Hải thức đêm mỗi lúc một khuya hơn, mặt mày hốc hác ngơ ngác trông tội nghiệp. Liêm khuyên Hải không nên cố gắng quá và Hải nói : « Tôi phải học như đi ăn cướp vậy. Không cách nào khác hơn anh tính nếu tôi muốn thoát khỏi cảnh ngộ của tôi. » Liêm tự hỏi : còn tôi làm cách nào thoát khỏi được cảnh ngộ của tôi ? Làm cách nào ? Cuối cùng vợ Hồ cũng phải dọn nhà ra khỏi nhà thương, thuê một gian nhà lá ở Kim-mã trong một ngõ dốc bên đường tàu điện Ở Cầu Giấy. Con đường nhỏ lát gạch như đường vào làng chạy giữa những bụi chuối, bụi dứa đại xanh mát, nhà ở trước một ngôi từ đường đồ nát nằng bị các gia đình lao động xâm chiếm chia nhau thuê từng buồng trừ gian chính cửa vẫn đóng im ỉm bụi bặm. Về đây Liêm không còn sợ ai dòm ngó và mỗi tháng ngoài bốn trăm đưa cho mẹ Hải, Liêm còn phải đưa cho vợ Hồ ba trăm. Mặc dầu vợ Hồ khuyên Liêm nên về ở chung đỡ tốn, Liêm không chịu, bảo : « Thế nào anh ấy cũng còn về chứ. » Nhưng Liêm vẫn lui tới thăm nom, sờ tay lên bụng người đàn bà nghe cái thai

mấp máy. Và chờ ọi danhững ngày tháng sắp tới trong tâm trạng ù lỳ buồn bã. Những ngày tháng sẽ tới trong thành phố ngợp ngụa lạ hoặc mà khi trở về tôi tự nhận là quê hương của mình.



Nắng chợt tắt nhanh, gió thổi là trên mặt cỏ. Chỗ Đồng nằm là khoảng cỏ thoải nhiều gốc cây giữa hai con đường, dưới lưng một lớp lá khô ròn. Trong đám cỏ nhìn sát được phóng lớn, những con kiến đen bóng chạy loăng quăng không thành đường, một con leo bò dọc theo cánh tay dưới, gân phồng ở dưới làn da, buồn buồn. Thật xa cùng trên giải cỏ, chỗ nghiêng vòng thấp hơn, hai thiếu nữ áo trắng ngồi trên hai chiếc nón mở ngửa dưới hai gốc cây đối chệch bút cỏ chuyện trò. Họ vừa từ trong Nha Học-chính ra, dựa xe dưới đường thấp lên ngồi đấy ; có lẽ họ đi lấy phiếu báo danh, lát nữa họ sẽ vòng xuống Cờ-ngư ăn bánh tôm. Buổi chiều êm mát lười biếng trong vườn, nắng không lên nữa. Gió đang bắt đầu bốc lên cao, trên các con đường không tiếng động nào khác hơn những chiếc lá khô cuốn chạy. Sắp mưa, những trận mưa rào giống gió sẽ dập tắt mùa hè. Mùa hè như tiếng cười trong sắp sữa trời xa, đôi bạn gái đã đi khuất sau các gốc cây lên xe đi. Hai chiếc xe, bàn đạp quay ngược từng nửa vòng một, từ từ qua ở con đường dưới họ im lặng cùng quay đầu nhìn lên chỗ mình đang nằm. Hân đang mơ mộng những gì ? Hết cả hình ảnh đề mơ mộng, trừ nỗi cô đơn gói kín. Nỗi cô đơn của một thời gian quay vòng tròn, trời khít dần. *Eternel retour*. Đồng đứng lên phúi quần áo, dắt chiếc xe đạp dựa gốc cây, đẩy lên đường trên, đạp ngược dốc về nhà. Dốc là *octe sexmel*, mặt hồ xanh biếc dưới xa tít nhìn ngấm hằng ngày là cái bộ phận của người đàn bà, vừa vượt dốc vừa thở và nhìn Hồ Tây ; Trí óc đang hư hỏng dần như cái máy chạy không. Gió thổi ngược ào ào như trận mưa đã tới, chiếc xe đạp chao nghiêng muốn đứng im. Đồng đứng nhòe lên khỏi yên xe, hai tay nắm chặt, môi bặm lại, nhấn bàn đạp. Tiếng người gọi nhau ới ới trong các sân nhà lan truyền, cây gạo Quảng-bá đã chìm mau vào màn mưa trắng.

Đồng đẩy xe chạy mau xuống lối dốc sau nhà, đập cửa thình thịch, chỉ nghe tiếng thở dồn lung bùng trong tai. Cánh cửa bật mở tự động, Đồng nhấc xe qua cửa, nhảy lên yên đạp lách qua các gốc cây, đầu cúi thấp tránh những cành cây xòa chắn ngang. Vào đến sân gạch tiếng chó sủa quăng ngoài cổng trước cùng tiếng mưa bắt đầu rơi lộp độp trên ngói, náo động. Đồng cho xe chạy thẳng vào nhà ngang, chỉ gặp u già đang loay hoay xếp mấy mẹt cau khô vừa bung cất. Đồng nghe tiếng gọi của chị Đạo ở nhà trên : Có người hỏi cậu ngoài cổng ; chị ngồi ở bậc cửa trên thêm tay cầm quyền truyện tóc vừa gội còn rũ hoong. Đồng đứng thờ nghĩ một nghĩ : còn ai đến tìm mình. Ai đến tìm mình nhỉ ? Mẹ Đồng tay che tóc, chạy vào suýt vấp vào hai con chó theo bèn gót, mắng : Tiên nhân cha con để mẹ mày... Không biết Đồng đã về, bà lên ngay nhà trên, chị Đạo hỏi : Ai hỏi gì đấy cụ ? Mưa trút ào ào át hết mọi tiếng động khác, Đồng nhìn lên chỉ thấy mẹ đang đứng nói chuyện với chị Đạo. Chị Đạo đứng lên, chỉ tay về phía Đồng, bà quay lại giơ tay vẫy gọi. Đồng nghe răng sua tay lắc đầu, cố sức la lớn : Con không nghe gì cả. Bà bước ra đầu thêm gần lối xuống nhà ngang, chị Đạo đi theo một tay vẫn cầm quyền sách, một tay vuốt đuôi tóc, chỗ ấy ống máng đổ nước xuống ào ào dẫn vào cái bể đầu nhà. Chị Đạo nói to : Cụ bảo... Thạch... Đồng bắc loa tay vào miệng : Đề chốc nữa con lên, rồi cười đi vào ngồi xuống cái ghế con nhặt một miếng cau trong mẹt cọ rằng. U già ngàng lên bảo : « Cậu hút thuốc nhiều quá. Tay vàng hết. » « Cả ngày ngồi một chỗ buồn quá » « Các cậu ấy đi đâu cả không thấy xuống chơi nhà nữa. Còn cậu Thạch để đến cả năm không thấy về. » « Bây giờ người nào có công việc này, đầu như đạo còn đi học nữa u. » U già bỏ dở câu chuyện, đi lại bếp ghế nồi cơm. U vừa vằn nồi cơm trên bếp vừa hỏi : « Tại sao mợ Đạo ra vào luôn được mà cậu Đạo không về chơi nhỉ, cậu Đồng ? » Đồng cười : « U lần thần. Ai người ta cho về. Mà cậu Đạo cũng sắp về u khỏi lo. » U nghiêng đầu, hấp háy đôi mắt kém hỏi : « Sắp yên rồi hở cậu Đồng ? » Đồng gật đầu, vút miếng cau sơ ướm ra sân. Mưa đã vơi nhẹ nhưng trời tối xăm, *sans amour et sans haine, mon coeur a tant de peine*. Đèn nhà trên đã thấp, mẹ ngồi trên phản với cháu ngồi giữa hai chân tay đang múa.

may. Chị Đạo có lẽ đã lên nằm ở văng. Đồng xách chiếc nón lá của u già đội lên đầu, chạy ù qua sân, nước bắn tung toé. Mẹ Đồng ngừng lên nói : « Cậu Thạch cho người nhận về cậu ấy bị thương nằm trong nhà thương Bạch-mai » Đồng khựng lại ở ngưỡng cửa, cúi đặt cái nón xuống đất, vuốt lại tóc. Một lát hỏi : « Có nặng không mẹ ? » Bà bồng cháu đứng xuống : « Tôi cũng không biết. Mai cậu có vào thăm cho tôi đi với » « Phòng số mấy hở mẹ ? » « Vội quá tôi cũng quên không hỏi ». Đồng nói : « Mai mẹ đừng đi, xa lắm. Để con xuống trước đã » và Đồng vào buồng thay quần áo, nằm dài lên giường. Trên đầu giường quyển *La chute de Paris*, trang đầu có chữ ký của Cảnh với An, nằm dưới cùng chồng sách. Mưa đã tạnh, Đồng cũng không mở cửa sổ buồng, bóng tối đặc quánh dần trong mắt. Trống bữa cơm chị Đạo hỏi Thạch là ai, mẹ bảo bạn học của Đồng. Tại sao lại đi lính cho Tây ? Cậu ấy bị động viên. Bao nhiêu người bị động viên đều trốn, sao cậu ấy không trốn ? Chị Đạo nhìn hỏi Đồng và Đồng chỉ cười. Không có ai thương nó cả, đáng đời nó, nó tưởng mình là anh hùng, anh hùng theo cái kiểu của nó. Nếu Thạch chết ? Mai tôi xuống đến nơi, nó có thể chết rồi. Sau bữa cơm Đồng vào ngồi trước bàn viết, lật quyển sổ ghi những ý nghĩ vụn vặt hằng ngày từ khi đi làm. Câu thơ khắc, cộc lốc không nhớ được những cảm xúc phát sinh ; những câu thơ chép lại, ý tưởng không đầu đuôi. Tôi già hay tôi trưởng thành ? Trưởng thành là một ý thức, ý thức về mình về người và về sự vật một cách rõ rệt. Tôi không làm gì được cho Thạch và nó cũng bất cần. Đồng lên giường đắp chăn nghe mưa bắt đầu rơi trên mái.

Buổi sáng trời trong mát mẻ. Đồng dắt xe ra ngõ, mẹ Đồng gọi với theo hỏi có tiền mang theo ghé chợ Đồng-xuân mua cam cho Thạch. Đồng dựng xe trước cổng, quay trở vào bảo : « Cụ có tiền thì cho con thêm cũng được. » Bà miễn mò mở cái túi vải đựng tiền, đưa cho Đồng một trăm, dặn dò : « Cậu nói tôi sẽ xuống thăm cậu ấy » Đồng cười khì : « Sợ nó chết mất rồi. » Bà mắng : « Cậu chỉ độc mồm độc miệng » Đường nhựa còn ướt như xe phua nước vừa đi qua. Xe đạp nhẹ hơn ngày thường, cây lá xanh tươi rậm rạp. Đường Cổ-ngư hàng phượng đỏ ối bên bờ nước thẳm. Còn

lâu nằng mới lên. Biệt thự gia đình Nga không thay đổi, im lặng thâm nghiêm, các cửa sổ mở rộng, sau những đám lá trong vườn. Đồng tạt vào chợ Đồng-xuân, mua nửa cân cam, đeo sau xe và đến hiệu ảnh xin phép nghỉ. Cúc bảo : « Anh cứ đi. Tôi sẽ nói lại với chú tôi. » Cúc mặc áo dài xanh nhạt, nàng cũng vừa đến, mặt hồng hào khỏe mạnh hơn ngày mới hồi cư đến tìm ông chú để xin được giúp đỡ. « Cô phải trông hộ tôi một đấy » « Không sao. Thứ bảy, chủ nhật anh giúp lại tôi. Tuần này tôi cũng có việc bận » Đồng bặm trợn đùa : « Hẹn với ai thế ? Cô dạo này trông đặc Hà-nội rồi đấy. » Cúc cười không tỏ vẻ khó chịu, cặp mắt liếc tránh vào phía trong. Tại sao không yêu Cúc nhỉ ? Đồng nhớ trong một nhịp rung mau tâm trạng của người mới lớn, khoan khoái thanh thoi. Tôi có thể làm thơ được. Và bây giờ thì sẽ đọc những bài thơ tình cho Cúc nghe, không giấu giếm sợ hãi để rồi ném theo dòng nước cuốn. Trên đường xuống nhà thương, Đồng đạp xe thong dong, từ lâu rồi, từ ngày Nga đi, mất cái thú đi chơi các vùng lân cận thành phố. Những ngày tháng chật hẹp, bất giác nghiêng ngả một cách âm thầm. Con đường tàu điện ngắt lửng chừng giữa một khoảng đồng trống. Gió còn lùa nhưng nắng bắt đầu hé. Sau lũy tre xa, tiếng còi tàu Văn-diễn mất hút. Xong đến cổng nhà thương, Đồng mới nghe một rã rời. Gửi xe ngoài cổng, Đồng hỏi thăm, đi lòng vòng đến mười lăm phút mới tìm ra chỗ Thạch. Trong phòng hai giường, Thạch nằm quay đầu nhìn ra cửa sổ, một chân bó bột treo đặt trên một mảnh gỗ, Thạch như chợt thức giấc mở mắt nhìn Đồng và mỉm cười. Đồng ôm gói cam, đứng gần ngơ quan sát bạn, nó không chết. Giọng của Thạch trầm yếu hơn lúc thường. Thạch chỉ Đồng kéo chiếc ghế sơn trắng pha màu xanh loảng đến ngồi gần. Đồng hỏi : « Thấy thế nào ? » « Đỡ rồi. Đợi tuần sau tháo bột là xong. May không phải cưa là phúc. Hai hôm đầu mê man chẳng biết gì đâu. Cậu nhận được tin hôm nào ? » Thạch đắm phải mình ở Hưng-yên, được trực thăng chở ngay về Hà-nội, khi tỉnh là yêu cầu báo tin cho Đồng biết. Thạch nói đùa « Làm gì mua quà như đàn bà đến thăm chồng thế. » « Của bà cụ. Bà cụ sẽ xuống thăm cậu » Đồng nhìn quanh gian phòng, người nằm giường bên bó kín ngực và băng quấn quanh đầu che cả mắt. « Hẳn có lẽ mà » Đồng gửi mùi ế-te phảng phất, mùi y được sức nồng, chóng mặt. Đáng lẽ chỗ của tôi phải ở

trong nhà thương này, cái không khí yên tĩnh biệt lập một màu trắng xóa giống như những ngày tôi đang sống, hợp với tôi. Ở đây lắng nghe bệnh trạng của mình, tha hồ đuổi theo những ý nghĩ, tưởng tượng.

« Có tin tức gì của Cảnh với An không ? » Đồng lắc đầu, nếu nó không bị thương, nếu nó chết ngay tức khắc, tôi cũng chẳng hay biết. « Còn tình hình thế nào ? » « Tình hình. Có gì thay đổi đâu. Cậu biết hơn tôi chứ » Thạch quay nghiêng mặt ra ngoài một cách khó khăn : « Từ ngày đi lính như mù mắt. Chẳng hay biết chuyện gì cả. » Đồng sức nhớ cuộc gặp gỡ với Nghiêm và nói : « Cách đây một tháng tôi có gặp Nghiêm. Nhớ Nghiêm không ? Có nghe hắn nói chuyện chính trị. Hắn bảo tình hình sắp sửa có nhiều chuyện lạ. Chiến tranh Đông-dương sẽ phải chấm dứt bằng hòa ước như Cao-ly và có thể mình cũng bị cắt đôi chia cho hai phe giống như Đức với Cao-ly. » Ranh giới sẽ rõ rệt. Tình hình thế giới đầy đến như thế. Hắn có hỏi thăm tôi về các cậu và bảo chúng mình nên hy vọng. Thời cơ sẽ đến với những người đang ở ngỗ bí. » Thạch đưa tay xuống gãi chân hỏi : « Nhưng hắn, thái độ của hắn vẫn mơ màng như cũ hả ? Vẫn cái lịch sử của dân tộc Việt nhai mãi hả ? » « Hắn nói mình nghe, tôi cũng chẳng hỏi thêm. Cậu nghĩ thế nào ? » « Lâu lắm tôi hết nghĩ rồi. Nghĩ cũng vô ích, vô ích một cách ghê gớm. Nói chuyện cậu đi » « Tôi, chuyện tôi. Chẳng có gì đáng nói. Không còn cả chuyện yêu đương nữa. » Đồng tự chế riễu mình, nhắm mắt nhủ mảy, Đồng hỏi : hút thuốc được không ? và rút châm cho Thạch một điếu, nhặt một chiếc hộp các-tông để trên đầu giường làm gậy tàn. Không ai vào thăm Thạch, hắn sẽ phải nằm cả tuần lễ như thế này, với bộ lót dưới mông, điều dưỡng giúp cho ăn uống, thay quần áo « Mai tôi phải đi làm không xuống thăm được. Cậu cần gì không ? » Thạch muốn có sách đọc, nhưng sách gì Đồng đang đọc. Trời bên ngoài nắng lớn, Đồng ngại trở về, xuống trước cửa nhà thương ăn cơm trưa rồi lên trở vào với Thạch. Thạch mệt, nhắm mắt ngủ chập chờn chốc chốc lại hỏi Đồng một câu vu vơ, Đồng cũng ngồi ngủ gật trên ghế. Buổi trưa không cả tiếng chân người ngoài hành lang, nghe rõ tiếng một con nhặng vo ve lọt vào buồng bay quần cao ở trên trần, tiếng ve kêu ran ở hàng

cây lúp sau dãy nhà song song đối diện. Thạch tỉnh táo hoàn toàn từ lúc nào và cũng như đang đồng tai nghe ngóng tiếng động trưa nắng trong bệnh viện. Đồng bỗng nói : « Ngồi ở nhà thương gần người bệnh, tôi cứ nghĩ đến truyện của Tchékov ». Thạch hỏi : « Có ở nhà không ? Cho tôi đọc Tôi chưa đọc Tchékov ». Ý tưởng bất chợt đến Đồng nói : « Nhìn cậu, nghĩ đến bọn mình, tôi thấy giống như bọn thanh niên Nga hồi thế kỷ 19 mà Tourgueniev tả, *Idéalistes*, *utopistes* mỗi đứa một cách. Đọc Gogol, Dostoievski xong mới hiểu nổi Tchékov. Tchékov như sự rớt xuống tầm thường hay sự trở về đời sống hằng ngày cũng thế. Tôi chắc là cậu sẽ không thích Tchékov. Chỉ có một điều khác là bọn mình không phải là bọn *aristocrates*. » Thạch cựa quậy, chân bị đung mạnh, nhắm mắt kêu khẽ và nhắm mắt đợi cơn đau dịu xuống : « Chắc không ? Có chắc mình không phải là một bọn *aristo*. không ? Tôi nghĩ có khi mình là bọn *aristo* mới của cái xã hội đang phân hóa. Cậu có thể được chấp thuận vì cậu là *poète*, hã, còn như thằng An hay tôi hay thằng Cảnh hã, *nous sommes condamnés à mort, condamnés à se détruire...* Tôi có ý nghĩ ấy từ lần trước khi tôi đưa một tên đồng đội về nhà thương này, gặp cái bọn cùng lớp với mình nội trú ở đây. Tôi nhìn bọn chúng, vẻ quan trọng của chúng trước đám bệnh nhân và thấy chính mình cũng có thể trở thành như thế. Chỉ một vài năm nữa thôi, nếu không có gì thay đổi, hã, cậu sẽ là *poète* nổi tiếng của nước này và ở mọi ngành khác đi đến đâu cậu cũng gặp bọn quen với cậu từ những năm còn đi học. Mình không phải là *aristo* còn là gì nữa ? Cậu có thể nguyện rửa chúng nó, chúng nó có tức cũng chỉ cười, *car nous sommes des amis, quoi ?* Thạch mở mắt, nhếch mép cười hỏi : « Cậu có can đảm gọi tôi bằng phản động không ? Không, chắc chắn là không. Chúng mình đồng lõa. Tôi hiểu rõ như thế. Cách đây mấy tháng tôi phải đứng dàn chào đón các phái đoàn chính phủ đến quan sát mặt trận có ông bố thằng An. Ông ta bắt tay tôi, nhìn tôi hồi lâu như cố nhớ, rồi ông ta hỏi : Mobilisé ? Oui. Thiếu úy trước ở Hà-nội ? Tôi bảo : Không, tôi chưa hề ở Hà-nội. Ông ta đã nhìn thấy ở tôi cái dấu hiệu nào đó của sự đồng lõa với ông : cái *marque* Hà-nội. Cậu thấy không ? Một ngày nào cậu cũng sẽ bị chúng nó bảo : À, thằng Đồng ấy à, cùng *promo* đấy mà, biết nhau

quá. Cùng lắm có ghét cậu chúng cũng chỉ bảo : nó « tặc-kê ». Hòa cả làng. » Đồng rung rung lưng ghế, tưởng như bọn An với Cảnh cũng có mặt trong buồng : « Mà tôi đã bảo đời nào tôi trở thành *pòete* được. *Jamais*. » Người bệnh cũng phòng rên rĩ, Thạch bấm chuông gọi : « Cô y tá sẵn sóc bọn này khá lắm. Để cậu xem. Hẳn bị cùng một lượt với tôi. Đêm nó rên nghe mới sợ. » Cô y tá vào đến bên giường Thạch, trong khi Đồng ra đứng tựa cửa sổ, lên tiếng hỏi : « Thiếu úy cần gì ? » Thạch bảo : « Cô xem hộ tên kia. Vừa rồi nghe nó rên. » « Ông thấy trong người thế nào ? Ông uống nước không ? Tối rồi ông nên ngủ cho khỏe » Đồng cười thầm, trờn nắng dịu trong, quay mình nhìn cô y tá đang cho bệnh nhân uống nước. Ngày vẫn còn dài, Đồng lại ngồi xuống ghế, bóc cam cùng ăn với Thạch. Thạch như quên lửng câu chuyện đã qua, nói chuyện khác. Những cái chết vô nghĩa hằng ngày trước mắt, cảnh tang tóc khi ruộng trong các làng bỏ ngổ, những cơn hung bạo của bọn dưới tay phải chấp nhận, đêm tối bơ vơ rình rập và bị rình rập. Cậu không thể tưởng tượng đến được. Cái nguy là tôi bắt đầu quen. Năm đây nhớ mới chết. Tôi cũng mong như tên Nghiêm nói chấm dứt cho xong xem mình thế nào. » Đồng đưa khăn tay của mình cho Thạch lau miệng bảo : « Cái gì rồi cũng quen. Tôi thì bắt đầu quen với cái đời ngày hai buổi đi làm đều đặn. Không biết bây giờ thất nghiệp thì sẽ ra sao nữa » Vào khoảng bốn giờ Đồng từ biệt Thạch và nói : « Lúc nào tôi rỗi, tôi sẽ vào hỏi. Đừng buồn. Cần gì nữa không ? » Thạch đáp : « Cậu gửi cho tôi mượn *Tchékov*. »

Trên đường về, Đồng rẽ vào đường Cỏ-ngư, ngồi bên hồ Trúc-bạch nhìn những lưng nhà lô xô men bờ mạn Quan-thánh và trong Ngũ-xã. Tôi đang ở phía sau của thành phố, thành phố mà Thạch cho là một dấu tích túi hồ phải từ chối. Những giọng cười đùa trong trẻo phía xa, những cánh bướm trắng lững lờ, những chiếc *périssoires* ở ngoài khơi hồ Tây... cả buổi chiều mùa hè quang đãng đang nhẹ bay này cũng đều là tội lỗi như những xúc cảm của tôi. Quá khích, nó vẫn là đùa quá khích. Lăn quắt ở ngoài hay ở trong những vang vọng quen của những câu thơ muốn thành hình, nhưng tôi nhất định không viết, và chỉ chốc lát sẽ tan hút vào đáy sâu của bản thể và bản thể sẽ tiêu mòn cùng ngày tháng. *Jamais*. Đồng

bước vào nhà, cảm tưởng như đã đi vắng xa lâu ngày, phải trả lời những câu hỏi sẵn đón của mẹ. Sau bữa cơm Đồng chỉ dẫn đường đi cho bà và suốt buổi tối bà loay hoay sửa soạn làm giở như ngày hôm sau đi lễ đền chùa nơi xa. Chị Đạo bảo : « Đề mai con đưa cụ đi luôn thế cho biết. Cho cả cháu nó đi chơi nữa. » Đồng bỏ vào buồng nằm nghỉ, giấc ngủ đến thật mau, bóp siết đặng sau lưng ẽ ỉm rời rã, Đồng không kịp dậy mặc màn.



Mùa hè đã hết. Những trận mưa rào cuối mùa không còn. Đêm tối vắng bật tiếng ếch nhái trong đầm ao, bắt đầu nghe gió thổi nhẹ ngoài những bãi trống lúa vào nhà lay động màn ngủ và ngọn đèn dầu soi bài học cho Hải. Đã gần tuần lễ không xuống Kim-mã, Liêm như quên hẳn vợ Hồ và cũng không thấy chị lên tìm ở nhà in. Liêm ngại trông thấy cái bụng đã trương phình, dáng điệu uể oải mệt nhọc của người đàn bà. Trong giấc ngủ Liêm nghe chấp chờn tiếng đọc tài thẫm hoặc tiếng ho húng hắng của Hải cùng tiếng trở mình thở dài của bà mẹ. Thường khi bà cụ hỏi : Đi ngủ chưa con, và Hải vừa đập muỗi dưới chân vừa trả lời : Chưa mười hai giờ mà mẹ. Buổi sáng ngày Hải đi thi, hai mẹ con dậy từ tờ mờ sáng. Bà đưa tiền cho Hải, nói với Liêm : « Hôm nay tôi khao hai cậu ăn phở. Anh đi ăn phở cùng với em cho vui. » Liêm đeo Hải trên xe đạp của Hải ra phố lúc trời còn nhò nhem. Hải nói : « Anh đeo tôi đi một vòng chơi cho thoáng lấy tinh thần, chốc nữa vào làm bài. » Và Liêm đạp xe ra đường, bờ sông. Dải đê cao cỏ tối chạy dài như một bức tường. Đèn đường còn thấp nhưng ánh sáng tỏa xuống mặt nhựa đang tan. Gió từ sông thổi vào gợn lạnh. Đến Cột Đồng-hồ, Liêm vòng lại xuống bờ Hồ. Hải gõ tay xuống ghi-dông làm nhịp hát : **Đêm nay tôi khao hai cậu ăn phở. Anh đi ăn phở cùng với em cho vui. Liêm đeo Hải trên xe đạp của Hải ra phố lúc trời còn nhò nhem. Hải nói : « Anh đeo tôi đi một vòng chơi cho thoáng lấy tinh thần, chốc nữa vào làm bài. » Và Liêm đạp xe ra đường, bờ sông. Dải đê cao cỏ tối chạy dài như một bức tường. Đèn đường còn thấp nhưng ánh sáng tỏa xuống mặt nhựa đang tan. Gió từ sông thổi vào gợn lạnh. Đến Cột Đồng-hồ, Liêm vòng lại xuống bờ Hồ. Hải gõ tay xuống ghi-dông làm nhịp hát :**

Liêm rẽ vào đường Trường-thị, nhìn vòm cây xanh mát dài đến cuối tầm mắt. Hải chun miệng thổi sáo vang lừng. Những bông hoa ngáy mai, đón tương lai vào tay. Những xuân đời mỉm cười ca hát lên... Ngưng hát Hải quay ngược lên nhìn mặt Liêm nói : « Tôi đồ kỹ này, tôi sẽ phải tìm việc khác chiếm ít thì giờ hơn để học tiếp. Tại sao anh không cố học thêm ? Liêm bỏ một tay sờ hàm râu lởm chồm một ngày không cạo : « Tôi già rồi. Tôi bỏ học hằng chục năm nay. Chỉ tại có Ái-Liên. Hôm nọ thấy ảnh in trên báo cổ ấy bây giờ già cú đố. Cậu còn trẻ, nhiều hy vọng lắm. » Hải gặp người xuống, khuỳnh hai khuỷu tay chống lên ghi-đông nhìn thẳng trước mặt : « Mai kia xã hội mới, cách mạng rồi, anh sẽ phải học. Được học là sướng nhất. Đi học không còn là đặc quyền của bọn nhà giàu. » Liêm bảo : « Cậu trông tầm ngấm thế mà ghê hà. » Liêm đứng xe trước cửa hàng phở gần chợ Hàng Da, Hải khóa xe cẩn thận trước khi vào. Trong hàng phở, Hải không nói thêm gì nữa. Liêm vừa ăn vừa ngắm Hải cũng vui lây về hy vọng cương quyết. Liêm nghĩ : mình đã đại bỏ về Bắc, chỉ cần một lòng tin và hoạt động với những người thân sẽ có đủ mọi thứ. Liêm không hiểu mình đang buồn hay vui. Ở hàng phở ra, Liêm đeo Hải trở lại trường thi. Vẫn sớm, bọn học sinh còn tụ tập trên vỉa hè trước cổng trường. Liêm đứng cùng với Hải dưới gốc cây sát vệ đường. Hải nhìn những đứa học trò khác qua lại có bạn bè bằng đôi mắt xa lạ. Hải nói : « Anh thấy không. Tôi đi học như tên ăn trộm lên được vào nhà. » Liêm cười xòa : « Thế mới hay chứ. » Khi tiếng trống nổi trong sân trường, Hải dục Liêm về nhà in cho kịp và dặn : « Hôm nào thi xong tôi sẽ nói chuyện với anh lâu hơn. » Liêm đi bộ về nhà in trong buổi sáng mùa thu mới chớm với nhiều cảm xúc mới lạ để chịu. Tâm thần thoải mái, những nặng nhọc của ngày hè đã tan. Hà-nội khoác một bộ mặt quyến rũ hơn trong màn trời và cảnh phố. Trong khi làm việc không còn phải cỏi trần, ấm nước chè tươi khi ngưởi lạnh có mùi vị đặc biệt, và những hơi thuốc lá đầu tiên trong ngày thơm dịu. Buổi trưa ăn cơm nhưng giấc ngủ ngả ngùi âm u mệt mỏi như trời đất. Tối phải

đắp chân đơn, Hải trong mấy ngày thi cũng ngủ sớm hơn thường lệ, bọn trẻ cũng vẫn reo cười khắp xóm nhưng không còn thức khuya như những đêm mùa hạ. Hải ốm, bà mẹ mừng chảy nước mắt. Anh em trong nhà in khao Hải một chầu Siêu-Nhiên và xi-nê. Mọi người uống thật say và khi kéo nhau ra khỏi hiệu mà, ông già San chấp choạng ôm lấy Hải suýt ngã xuống cổng bảo : « Đâu con về lại đây với bố. » Cả bọn được mẽ cười thỏa thích khi ông San đẩy lưng bắt Hải phải đi vào ngõ hàng Giấy. Cái ngõ hẻm chật tối bần thiu nhiều lính Tây và những ả mặt phác, Hải kêu trời nhưng cả bọn phụ họa thúc dục « bố vợ cho con đi chơi cho biết mùi đời » khiến ông San không buông tha Hải. Chỉ khi một tên Tây đen đang đứng giữa ngõ chặn lối nắm lấy Hải, ông San si sà si sồ đối đáp bị nó xô ngã, và đẩy ép Hải vào trong tường, mọi người mới tỉnh rượu. Tuất nóng mặt xông vào đánh thẳng Tây đen, cả bọn vội ùa theo trợ lực. Cả ngõ náo loạn : bọn lính trong các nhà chứa đồ ra kéo theo bọn gái điếm, bọn con gái trở mặt quay đánh lính Tây thêm mấy bác xích-lô bỏ xe chạy vào đánh hội. Liêm bị một chiếc đòn gánh nước phang vào lưng tỉnh hẳn, bỏ chạy ra khỏi ngõ, mua vé chui vào trong rạp tuồng ở phố hàng Bạc. Giờ đồng hồ sau, Liêm bỏ ra khỏi không khí nồng nực hơi người, phố xá đã thưa vắng hồ Gươm đang thiếp ngủ trong heo may. Hải đã về đến nhà, mặc màn ngủ. Bà mẹ Hải hỏi : « Các anh làm gì nó thế ? » Liêm đáp : « Không có gì. » Sáng đến nhà in vắng mặt ông San và Long, Tuất sưng vù một bên mắt, Ngọc bị một vết trầy bầm máu ở cánh tay phải. Hải bầm một bên gò má, Chỉ có Liêm không mang dấu vết gì nhưng đau ê ở bả vai. Một lát cô con gái ông San đến báo cho Ngọc biết bố mệt cảm không đi làm được. Tuất cười khúc khích trong góc nói khẽ với Hải : « Chỉ tại cô ấy thôi » Hải nghiêm mặt lừ mắt. Mãi tới mười một giờ Long mới đến, hắn bị giữ ở quận cảnh sát « suýt nữa thì bị chở xuống trại Ngọc-hà, tôi phải cãi mãi là chưa đến tuổi ». Long đang nói chuyện huyền thuyên, Liêm nhìn ra cổng nhác thấy bóng vợ Hồ. Anh thầy cò gọi : Anh Liêm ơi. Liêm còn cầm theo bản vở mo-rát ra đưa cho anh này, nói vài câu bằng quơ, xong mới đi ra cổng. Liêm giật mình khi nhận ra Hồ đứng lấp sau cột gạch ngoài vỉa hè. Trông anh già và gầy nhom, mắt lơ lơ ngơ

ngác. « Hổ nói : « Tôi mới được ra ba bốn hôm nay. Đợi không thấy chú xuống chơi. Nhân tiện đi qua ghé thăm, cảm ơn chú. Nếu không nhờ chú giúp đỡ trong thời gian tôi bị bắt, vợ tôi lại có mang, thì chắc là... » Hổ lúng túng không nói tiếp, mắt anh thành thực đáng thương. Liêm ngượng ngập đáp : « Có gì đâu anh. Anh cũng đã giúp tôi nhiều lắm. » Hổ bảo : « Chiều chú về nhà ăn cơm với vợ chồng chúng tôi. » Liêm chỉ biết nói theo : « Vâng ». Trước khi quay đi, vợ Hổ ân cần : « Chú xuống sớm đừng để vợ chồng tôi đợi. » Trong mắt người đàn bà không tiết lộ tình ý gì. Liêm trở lại bàn đứng làm việc ngơ ngác như người mất hồn. Buổi chiều, Liêm mượn xe đạp Hải nói thác phải đi ăn giỗ tối về cho tiện. Sau mấy tháng bị giam Hổ đổi hẳn tính trông thấy, thâm trầm kín đáo hơn xưa. Anh nói anh chưa biết làm gì, ít nhất cũng phải nắm dưỡng tinh thần nửa tháng mới lo kiếm việc được. Anh cầm bát đĩa ăn cơm, không còn đòi dùng dao phết-sét như ở dưới nhà thương, không thấy chê bai cách ăn ở thiếu vệ sinh của người Việt-nam. Vợ Hổ chốc chốc liếc Liêm mỉm cười âu yếm một cách tự nhiên như người trong gia đình cũng săn sóc một người thân. Liêm hoang mang không biết nói năng cách nào, chỉ ngồi im nghe, thỉnh thoảng nghe giọng cười lạc lõng của mình nổi lên. Lúc Liêm ra về, trong ngõ xóm đêm như đã khuya, dắt xe đẩy trong bóng tối rậm rịt cây lá. Lên đến trên tường Liêm ngơ ngác bên đường tàu điện trông nhìn những căn nhà lụp sụp tối om ở ngã ba Kim-mã, hàng điện thẳng chấp chới dẫn vào trong phố. Gió thổi từ ô vào vỉ vút, trên cao phía sau lưng những đám cây cao trên đồi Giảng-võ rào rào. Bây giờ tôi phải làm gì ? Liêm tự hỏi. Tôi phải làm gì ?

(Còn nữa. Kỳ sau đăng tiếp)

THANH-TÂM-TUYỀN

VĂN số 49 & 50

GIAI-PHẨM XUÂN BÌNH-NGO

ĐỂ KHỎI LỠ MUA NHƯ NĂM NGOÀI, BẠN HÃY ĐẶT
TRƯỚC NGAY TỪ BÂY GIỜ TẠI CÁC ĐẠI LÝ CỦA VĂN

SỐ VĂN ĐẶC-BIỆT

Giai-phẩm Xuân Bính-Ngo

- tuyển tập thơ văn,
gồm những sáng tác mới nhất của :

ĐÔNG HỒ. VI HUYỀN ĐẮC. HỒ HỮU TƯỜNG. ĐỖ THỨC
VỊNH. GIẢN CHỈ. NGUYỄN MẠNH CÔN. TẠ TỴ. BÙI
KHÁNH ĐÀN. DOÃN QUỐC SỸ. VÕ HỒNG. NGUYỄN SA.
THANH TÂM TUYỀN. Y UYÊN. TƯỜNG HÙNG. DUY LAM.
DƯƠNG NGHIÊM MẬU. NHẢ CA. NGUYỄN ĐÌNH TOÀN.
THẾ UYÊN. ĐẶNG TIẾN. HOÀNG ANH TUẤN. PHAN LẠC
TIẾP. HOÀNG BẢO VIỆT. TRẦN DẠ TỬ. TRẦN ĐỨC UYÊN.
PHẠM CÔNG THIỆN. THẾ VIÊN. MAI TRUNG TÌNH.
NGUYỄN QUANG HIỆN. HOÀI KHANH. CAO XUÂN TỬ. LÝ
MINH. MỖ LĂNG VĂN. NH-TAY NGÀN. TÚ KẾU. XUÂN
HIẾN. NGUYỄN PHAN THỊNH. TÀN HOÀI DẠ VŨ...

THƠ BẠN TRẺ : TUỔI TRẺ, CHIẾN TRANH VÀ TÌNH YÊU.

- tranh phụ bản của :

TẠ TỴ. THÁI TUẤN. DUY THANH. NGỌC DŨNG. NGUYỄN
TRUNG. TƯỜNG HÙNG. NGHIÊU ĐỀ. ĐẶNG GIAO...

- bìa in offset nhiều màu :

TRÌNH BÀY TRANG NHÀ CỦA HỌA SĨ VĂN-THANH.

MỠ LÀNG VĂN

thương xác với ông Nguyễn-văn Trung VỀ HUYỀN THOẠI NGƯỜI LỚN

Tối chủ nhật 21 tháng Một vừa qua, giáo sư Nguyễn-văn Trung có phát biểu ý kiến trong mục Diễn-đàn Tự-do của đài Sài-gòn về đề tài « Biện-hộ cho trẻ con hay Huyền-thoại người lớn ». Bài nói chuyện của ông, sau đó, đã được đăng trên nhiều tờ báo, nhật báo hay báo có kỳ hạn (1). Trong giới trí thức, người ta bàn luận không ít đến nó. Như vậy, nếu nói rằng phát biểu một ý kiến bao giờ cũng có mục đích là gọi ra những ý kiến khác, thì giáo sư Nguyễn-văn Trung có thể tự hào ông đã thành công một phần nào đó rồi.

Sự thành công của ông có lẽ không do những tư tưởng mà ông trình bày, mà do cách thức trình bày luôn luôn khẳng định của ông. Đề trách mấy hăng làm đồ chơi mấy móc kiểu người lớn — như hỏa tiễn, phi cơ, tàu ngầm nguyên tử — và một số nhà giáo dục — không phải, một số người làm công việc giáo huấn — vô tình đòi hỏi trẻ con phải mau thành người lớn, giáo sư Trung đi đến « tổng quát hóa » vấn đề một cách dễ dàng. Ông nói :

(1) Nhật báo Tiền-tuyến. Bản nguyệt san Bách-khoa số 214.

« Mắng đánh trẻ dễ quá, vì chúng nhỏ bé, có sợ chúng đánh lại mình đâu, và do đó, không đánh trẻ mới khó. Cũng như nắm chính quyền rồi thì phạt, cấm những người làm bậy bao giờ cũng dễ. Cái khó là làm sao không phạt, cấm, mà vẫn trừng trị được người có lỗi ».

Ý kiến này tất nhiên rất đúng. Cách đây có ngoài 20 thế kỷ, Khổng-tử hay Socrate cũng đã khuyên những lời tương tự. Nhưng các bậc thánh hiền đó dạy người là một việc, mà biết lời dạy khó theo là một việc, nên không bao giờ nói một cách khẳng định và trùu lóp. Như giáo sư Trung đặt câu hỏi :

« Cha mẹ chỉ nghĩ đến dạy trẻ con mà không nghĩ đến dạy chính mình... Nhưng điều trầu trọng hơn, là cha mẹ nhân danh tiêu chuẩn gì, mà dạy dỗ, mắu, phạt con cái ? Cha mẹ muốn đào tạo con cái theo tiêu chuẩn nào ? Cha mẹ thường mong cho con cái giống mình. Nhân danh những tiêu chuẩn của xã hội người lớn để đào tạo con trẻ trở thành người lớn. Nhưng phải chăng người lớn là một huyền thoại ? »

Giáo-sư Trung sẽ tự trả lời câu hỏi của ông. Về tư tưởng, đây là một quan niệm hiện sinh có pha mùi mác-xít, qua câu hỏi « Có thực người lớn mà đứng đắn, khôn ngoan, lịch thiệp, hay chỉ là làm ra vẻ đứng đắn, đóng vai người lịch thiệp, giả vờ khôn ngoan ? » và trả lời bằng một thí dụ lấy ngay ở bản thân ông :

« Tôi là giáo sư... Trước khi đến lớp, tôi biết tôi sắp đóng vai giáo sư, nhất là tôi chỉ giả vờ làm giáo sư trước mặt sinh viên, nhưng vì cứ đóng mãi, rút cục tôi tưởng tôi là giáo sư thật. Tôi đã giả vờ tin và sau cùng tin thật mình không giả vờ. Nhưng thực ra đó chỉ là một thái độ nguy tín ». Người lớn chỉ làm ra vẻ người lớn để dạy dỗ, hướng dẫn, cai trị trẻ con, còn trong thực tế, xã hội người lớn thường là một xã hội bần thiêu, lường gạt, gian lận, giả hình, nói tóm lại, là hoàn toàn vong thân về kinh tế, chính trị, văn hóa.

Giáo-sư Trung nói như thế rồi kết luận về tư tưởng rằng « huyền thoại người lớn là một công cụ người lớn dùng để bịp trẻ con, đồng thời bịp cả chính mình, vì người lớn bịp mà không biết mình bịp, lừa dối người khác rồi rút cục lại tin sự lừa dối đó là thật ». Kết luận phần tư tưởng hết sức nguy hiểm và đầy khẳng định này sẽ

đưa N. V. T. đến một kết luận thực sự về giáo dục, gồm 2 điểm không những hợp lý mà còn được thu hẹp trong một lãnh vực nào đó của công việc giáo dục trẻ con mà thôi.

Sự khôn ngoan của đoạn đầu và đoạn cuối làm cho người nghe hiểu ý định thật của giáo sư Nguyễn-văn Trung. Đoạn giữa có thể được coi như có tác dụng khiêu khích sự chú ý của thính giả. Như một nhân vật giáo huấn vẫn làm trong lớp học và ngoài đời. Ví dụ kể truyện tiên để khuyên trẻ con làm điều thiện, kể truyện quỷ ở địa ngục để dạy chúng tránh việc ác. Những chữ « bịp trẻ con » và « bịp cả chính mình », có lẽ theo giáo sư Trung, chỉ có tác dụng lôi cuốn sự chú ý của thính giả.

Nếu giáo sư Trung có ý nghĩ thật như thế thì trách nhiệm về sự trình bày của ông đã nhẹ đi được nhiều phần. Nhưng vẫn còn những hậu quả tai hại của nó. Tôi xin bắt chước ông, thuật ra đây một trường hợp điển hình mà tôi đã chứng kiến tận mắt. Là bên cạnh nhà tôi có một gia đình khá giả, ngoài ông bố đã hơn 50, bà mẹ ít học, còn có 6 người con, lớn nhất 30, nhỏ khoảng 13, 14. Sau khi nghe giáo sư Trung phát biểu trên làn sóng điện, bà mẹ tức giận hét lên rằng « Nhà giáo mà dạy trẻ như thế là phá gia đạo nhà người ta, là dạy con chửi lại bố mẹ ! » Ông bố trầm tĩnh giải thích gần giống như tôi vừa được hân hạnh trình bày. Nhưng người con lớn lại nói : « Không phải đâu ! Giáo-sư Trung đã dạy con mà. Con biết ông nghĩ thế thật đấy. Ông nói luôn, viết luôn đến trạng thái nguy tin của con người, và trạng thái vong thân của xã hội. » Hai cha con bàn cãi rất lâu, trong khi mấy em nhỏ theo dõi cuộc thảo luận với những con mắt long lanh, tai quái. Tôi nghĩ, và tin chắc chúng mà không sợ phải đòn, tất sẽ nói với cả cha lẫn anh chúng rằng : « Thôi, mấy người đừng có làm bộ người lớn làm gì ! Tôi biết rồi. Giáo sư vừa nói là bịp, bịp hết ! Bịp mà không biết mình bịp, mới tồi tệ làm sao chứ ! »

Đó là câu truyện thật xảy ra. Tôi muốn thuật lại để thương xác với giáo sư Trung một vài điểm.

ĐIỂM THỨ NHẤT, nói về phương pháp. Phương pháp quá dụ (?) — người Pháp gọi là *hyperbole* — không phải là một sáng kiến

mới lạ gì. Nhưng những người dùng phương pháp đó thường rất thận trọng, để luôn luôn giữ cho kết luận nổi bật hơn ví dụ. Và, hơn nữa, người nói bao giờ cũng nhằm đúng đối tượng của họ. Giáo-sư Trung, ở trong lớp Triết ban Văn trường Đại-học, có quyền dùng những quá dụ... quá đáng. Vì dù sao đi nữa, các sinh viên của ông đã có một số tuổi, một số kiến thức tạm đủ, trên lý thuyết, khiến họ chú ý hơn đến bài giảng.

Tuy nhiên, trong khi dùng phương pháp quá dụ, giáo sư Trung ít nhất cũng phải có sự thận trọng tối thiểu là chỉ sử dụng nó như một phương tiện nguy hiểm, và thu xếp thế nào cho các quá dụ chìm vào phần luận lý, nếu không bị những ví dụ chính xác hơn đánh bật đi. Nói một cách khác, người ta dùng quá dụ để thu hút sự chú ý của đối tượng, rồi lập tức bước sang khu vực khác của đề tài. Người nghe chỉ còn có cảm tưởng thích thú chứ không chú ý đến lời nói quá đáng nữa. Giáo-sư Trung đã không làm như vậy. Trong một bài nói — và viết, vì sau đó đã được đăng báo — gồm khoảng 3.500 chữ, ông đã đề 900 chữ để thuật lại các ví dụ « mở đầu », khoảng 2.200 chữ để buộc tội người lớn, và ngót 700 chữ để kết luận. Kết luận tuy phải chăng, nhưng không có gì có tác dụng làm nhẹ lời buộc tội ở đoạn giữa. Thành thử do sự bất quân bình giữa các đoạn — với sự say sưa mà người đọc cảm thấy trong đoạn giữa — làm cho bài của giáo sư Trung thay vì là một bài kêu gọi các nhà giáo dục đặt lại vấn đề giáo huấn thiếu nhi, vẫn có tính chất của một bài đả kích xã hội.

DIỄN THỨ HAI, nói về nơi chốn và thời gian trình bày. Sự trình bày, về kỹ thuật, do đài phát thanh Sài-gòn phụ trách. Giáo-sư Trung cũng đã được biết trước, vì mục Diễn-đàn Tự-do đã có từ lâu, về thời gian và, do đó, về thành phần thính giả của ông. Từ 9 giờ 40 đến 10 giờ tối : một phần trẻ em, con cái những gia đình nền nếp, đã đi ngủ rồi. Điều này làm nhẹ bớt trách nhiệm của ông. Nhưng không phải tất cả các thiếu nhi đã đi ngủ. Những trẻ em còn thức đến 10 giờ lại thuộc vào hạng « khó dạy » hơn cả. Và lại như tôi sẽ trình bày sau đây, thính giả của đài Sài-gòn không hoàn toàn thuộc giới trí thức. Những ví dụ về tầng lớp hiện đang lãnh đạo xã hội (quan tòa, cha mẹ, ông cảnh binh, ông giám đốc, ông bác sĩ,  

ông, và cả chính ông : giáo sư) làm cho một số người không nhỏ ngạc nhiên, **ông giáo sư Trung nói chuyện với trẻ con một lý tưởng : trở thành người lớn. Người lớn là cái đích của học vấn, giáo dục. Người lớn là người hiểu biết, người hiểu đời, người trưởng thành, người đứng đắn, coi việc làm lung, ăn nói giao thiệp, lập công danh sự nghiệp là quan trọng... Xã hội con người, mọi tổ chức theo quan niệm, quy luật của người lớn. và có khi trong một hoàn cảnh tệ hại nào đó của người đàn ông, về mọi phương diện, luân lý, giao tế, chính trị, văn hóa giải trí... Giáo dục trẻ con là dạy cho trẻ con biết những quy luật đó và tập cho chúng giữ gìn thực hiện.**

ĐIỀM THỨ BA, nói về nội dung của bài nói chuyện, giáo-sư Trung cho rằng :

« Người ta đề nghị với trẻ con một lý tưởng : trở thành người lớn. Người lớn là cái đích của học vấn, giáo dục. Người lớn là người hiểu biết, người hiểu đời, người trưởng thành, người đứng đắn, coi việc làm lung, ăn nói giao thiệp, lập công danh sự nghiệp là quan trọng... Xã hội con người, mọi tổ chức theo quan niệm, quy luật của người lớn. và có khi trong một hoàn cảnh tệ hại nào đó của người đàn ông, về mọi phương diện, luân lý, giao tế, chính trị, văn hóa giải trí... Giáo dục trẻ con là dạy cho trẻ con biết những quy luật đó và tập cho chúng giữ gìn thực hiện. »

Sau đó, giáo sư Trung nói đến đồ chơi (tàu hỏa, xe tăng, máy bay v.v...) mà người lớn làm cho trẻ con « làm cho trẻ con quen với thế giới người lớn » thay vì « tạo ra những đồ chơi nhằm phát triển óc sáng kiến của trẻ con. » Như thế, nếu tôi không nhầm, giáo sư Trung chỉ phản nộ với những cảnh tượng thu hẹp, trong một số hoàn cảnh thu hẹp nào đó của xã hội mà thôi : cảnh tượng, hoàn cảnh của những gia đình có nhiều tiền mua đồ chơi máy móc cho con cái, đồng thời cũng bắt con cái phải tập cư xử cho nghiêm chỉnh, đồng thời phải học tập cho giỏi, cho nhanh, cho « rạng vẻ », cha ông. Tôi xác nhận những gia đình này có thật, nhưng những người chủ gia đình đó hiện ở những địa vị mà, tôi chắc thế, lời nói của giáo sư Trung không được kể vào đâu hết.

Lời nói của một giáo sư đại học còn trẻ nhưng đã có những hoạt động hăng hái như giáo sư Trung được chú ý hơn cả trong tầng lớp trung lưu của xã hội. Lớp người này rất ít, nếu không phải là không hề mắc những tật « văn minh quá trớn » như giáo sư Trung nói. Nếu muốn thấy rõ, ông chỉ có việc vào chơi một ngõ hẻm nào đó vào buổi chiều, hay đến thăm một trường trung học ngoại ô nào đó vào giờ ra chơi, ông sẽ thấy các em nhỏ, các học sinh có đồ chơi gì, và chơi thế nào : nào điều, nào cầu, nào gậy, nào đuổi bắt, nào ô-ăn-quan bay đánh đinh, đánh đáo. Tình trạng

học làm người lớn, với những đồ chơi máy móc, thật ra còn xa xôi lắm.

Đó là nói về đồ chơi. Còn nói về sự dạy dỗ, giáo-sư Trung thuật truyện một thầy giáo tỏ ý miệt thị hai em nhỏ bị xếp hạng cuối lớp. Ông cho rằng làm như thế là hành hạ chúng và tạo cho chúng những mặc cảm (có thể ám ảnh suốt đời đứa trẻ và, vì thế, có thể đánh hỏng cả cuộc đời nó). Tôi sợ giáo sư Trung chỉ nói thế vì thuộc sách — sách Tây-phương — mà thôi. Loại sách hiện đang được hoan nghênh ở Hoa-kỳ, chuyên kể những 'trường hợp đặc biệt' đe dọa nạt các bà mẹ, đưa khách hàng đến cho mấy nhà phân tâm học y khoa. Tác giả những cuốn sách đó là những nhà chuyên môn dùng kỹ thuật thống kê làm 'nhân người' mấy ông bố, bà mẹ giàu có, và có những đứa con đã hiếm hoi lại yếu đuối.

Tôi không phải là người tàn nhẫn. Cũng không phải tôi cậy mới có hơn 30 tuổi đã có 4 đứa con bình thường, để gạt bỏ những trẻ em yếu đuối về tinh thần ra ngoài lề học đường. Nhưng tôi xin nói thật, tôi là người thực tế và tôi biết nỗi khổ của một nhà giáo phải chăm nom một lớp mấy chục đứa trẻ từ 8 đến 10 tuổi. Tôi hoàn toàn đồng ý với ông ta, nếu ông ta trả lời giáo sư Trung rằng bộn bề của ông là dạy-và-dỗ cả một bầy trẻ, cho nên ông ta chỉ có thể nhìn vào số đông, những thành phần quan trọng. Muốn khuyến khích học sinh, ông ta mới hơi nhấn mạnh — theo giáo sư Trung: ông ta chỉ đọc tên chúng to hơn và nhắc đi nhắc lại, như thể cho mọi học sinh khác cùng biết — rằng có hai em bị đứng cuối sổ. Mới có thể giáo sư Trung đã sợ cho hai trẻ nhỏ có mặc cảm, bị ám ảnh và hỏng cả đời. Tôi muốn biết giáo sư Trung có học qua lớp Tiểu-học hay không, và nếu có, thì ông có bị rơi nào vào đấy, và nếu cũng có nữa — vì bị đồn ở Tiểu-học là rất thường, cách đây 20 năm — thì ông có mang mặc cảm nào không, và có bị hỏng cuộc đời ông không?

Tôi trình bày như thế để kết luận về điểm này là giáo sư Trung quá sách vở. Áp dụng lý thuyết về một tối thiểu số vào cuộc đời, ông gián tiếp muốn một giáo chức sẵn sóc đến tâm hồn riêng của mỗi em nhỏ, và đem sự sẵn sóc đó tác động vào sự dạy dỗ chung cho một lớp trẻ em đông đảo. Sự đòi hỏi càng quá mức, nếu

người ta biết giáo sư Trung không thể, và cũng không hề có ý định làm như vậy với tất cả các sinh viên của ông ?

DIỄN THỨ 4, nói về xã hội người lớn. Nhà văn Vũ Hạch, đề trả lời giáo sư Trung (2), có viết rằng mặc dù giáo sư Trung « có quan niệm rằng chức vị của mình chỉ là một nguy tin (3) chúng ta vẫn tin tưởng ở các chức năng của các giáo sư Đại-học như là một cái thực tại cao quý cần được củng cố... » Lời xác định thật là đau đớn. Nhưng tôi nghĩ việc làm cho ông đau đớn không quan trọng bằng nói lại cho rõ vấn đề. Và, muốn như thế, tôi thiết tưởng không gì cần bằng tìm hiểu nguyên nhân của thái độ và lập trường của giáo sư Trung.

Người ta biết giáo sư Trung thuộc lớp người trẻ. Sau khi du học về, ông được cử dạy ở một trường Đại-học Việt-nam. Tuy thế, giáo sư Trung không có thì giờ học chữ Hán, chữ Phạn để tìm hiểu nền triết học Đông-phương tận gốc. Rất có thể ông có đọc một số sách vở do người Âu-châu viết về Khổng-tử, Lão-tử, Phật Thích-ca v.v... nhưng với tư cách người được học ở chủng viện từ khi còn bé, đến lớn vượt tường vào đời, ông là người hiểu thấu nền triết học La-Hy — thiết yếu là nền giáo lý Kitô — bao nhiêu, thì ông càng hiểu biết về tư tưởng Đông-phương một cách thiếu thốn bấy nhiêu. Các sinh viên của ông, nói về số đông, cũng không khỏi mang nặng sự khiếm khuyết đó. Chính vì thế nên họ không thể làm gì hơn là tiếp tục con đường đã vạch sẵn, càng ngày càng tiến sâu vào thái độ tinh thần bế tắc, do một nền văn minh vật chất hoàn thành, trên con đường phá sản của nó.

(2) Xin xem Bách-Khoa số 124 dẫn thượng.

(3) Giáo-sư Trung dùng chữ nguy tin để dịch chữ *mauvaise foi* (có ghi chú bằng chữ Pháp). Tôi nghĩ ông dùng sai trường hợp. Chữ *foi* là tin ngưỡng không được dùng trong chữ *mauvaise foi*, vì chữ này không có nghĩa là một sự tin tưởng sai lầm, mà chỉ có nghĩa là sự thiếu thành thật (Xem tự điển *Littre*, chữ *foi*, số 4.) Như vậy, giả tác giả cứ dùng chữ Việt không thôi, và khỏi mất công ghi chú, có lẽ độc giả còn dễ hiểu hơn.

Nền văn minh vật chất của Âu-châu nói chung, của nước Pháp nói riêng, có thể được ví như một con sông lớn, do nhiều ngọn suối chảy vào mà thành. Ba ngọn suối lớn nhất, sau 14 thế kỷ im lìm, thoái hóa — từ kỷ nguyên La-mã đến thời kỳ Phục-hưng Pháp và Ý — là ba lần đổi mới về tư tưởng : lần đầu với nhóm Bách-khoa (Pháp), lần thứ hai với K. Marx và F. Engels, lần thứ ba với Heidegger và J.P. Sartre. Nhóm Bách-khoa đưa đến cuộc Cách-mạng 1789, Marx-Engels đưa đến cuộc Cách-mạng vô-sân, đều nhằm phá những nền nếp suy tư cũ nhiều hơn xây dựng một nền nếp suy tư mới. Heidegger-Sartre có chủ tâm xây dựng ý thức hệ rõ rệt hơn (vì không có chủ tâm đấu tranh chính trị) nhưng không đến được mục đích ấy.

Nói một cách tổng quát thì, sau thời đại phong kiến đến thời kỳ phục hưng (*renaissance*) và kinh điển (*époque classique*), cuộc cách mạng 1789 đặt vấn đề xác định các bậc thang giá trị trong xã hội đối với cá nhân. Đẳng cấp quý phái hết thời, chế độ quyền hành tổ truyền chấm dứt, con người bình đẳng với nhau hơn và được tự do hơn. Nhưng, cũng lúc đó, khoa học và kỹ thuật mở đầu cho một hiện tượng đế quốc, thực dân rộng lớn. Chế độ tự do mậu dịch (*Le libre échange*) làm cho hiện tượng giai cấp đấu tranh hiện ra rõ rệt hơn trước, nhờ kỹ nghệ và thương mại đồng thời phát triển. Đó là điều đã được Karl Marx trình bày trong phần lớn tác phẩm của ông. Karl Marx rất thiện về khoa buộc tội : chính ông là người thâm tòm được các nguyên nhân của tình trạng gay gắt của xã hội Âu-châu vào đầu thế kỷ thứ 19 vào một số nhận định về vai trò của giới trung gian (thương mại) về trạng thái tập trung tư bản v.v... Lời buộc tội của Karl Marx, trên một số phương diện và ở một số địa phương nào đó, vẫn còn có thể được áp dụng ngay cho thực tại. Có lẽ chính vì thế mà giáo sư Trung thích đọc và ưa nói đến Karl Marx : ông không phải là người đã có đua tranh nhau từ thiếu thời, nên sau khi đã « vào đời » hơi muộn, ông dễ dàng kinh ngạc trước những lời buộc tội của Karl Marx. (Nói như thế không phải là có ác ý buộc ông là người thân Cộng-sản ; chỉ thích đọc và tìm hiểu Marx, ông rất có thể ở một phương vị khác hay trái với những người cộng sản hiện tại) Ông dễ dàng nhắc lại những ý kiến của Marx, có lẽ đôi khi chỉ vì vô tình nhớ sách mà thôi.

Sau Karl Marx đến triết lý hiện sinh. Phần trình bày chủ thuyết mới có vẻ cũng không thuyết phục được giáo sư Trung, nhưng phần trình bày những hoài nghi về nếp sống cũ, nếp suy tư cũ, có đặc tính thỏa mãn của một đa số rất lớn ở nhà trí thức mới vào đời như ông. Nhất là sau (hay đang) khi có chiến tranh, con người thường phải dùng đến những thủ đoạn sau cùng để tranh sống, rồi sau đó lại thường dùng đến sự thành thật sau cùng để xét mình... Gian khổ, nguy nan, sự phản bội, cái chết, xảy đến hàng ngày khiến cho người ta thấy rõ tính chất vô-tích-sự của bất cứ một thủ đoạn nào, cũng như của bất cứ sự giấu giếm nào. Ai cũng nghĩ rằng mình có thể chết ngay ngày mai, nên, thay vì giả dối để bảo đảm một vị trí xã hội, người ta thích nói phăng sự thật ra. Để làm gì? — Để tỏ mình kháng cự lại được thói xấu, hay để tỏ mình sáng suốt, và can đảm, có thể thấy được sự thật trong lòng mình và dám nói toạc sự thật đó ra.

Như vậy, một thái độ của giáo sư Trung đã có đến hai nguyên nhân triết học. Đã phá con người vong thân, xã hội sa đọa là con người mác-xít —  — còn tự phá mình, tự hủy những giá trị mà mình có thật (hay mình tin mình có thật cũng được) là con người hiện sinh. Tôi dám chắc giáo-sư Trung chỉ có thể viết văn, hoặc nói với sinh viên, rằng ông chỉ « giả vờ » đóng vai giáo sư, khi câu văn, lời nói ấy không gây nên một tác dụng nào khác lời phê bình đại ý rằng « giáo sư Trung quả là một nhà trí thức rất tiến bộ ». Tôi dám chắc ông sẽ vô cùng bất bình nếu có người dám nói ông ít học, học chưa tiêu, bằng cấp thiếu bảo đảm, không xứng đáng dạy ở Đại-học... mặc dù ông vẫn nhớ dạy học chỉ là giả vờ, mặc dù lời nói kia rất có thể trái hẳn với sự thật.

Nhà văn Vũ-Hạnh đã có ý tương tự, mà ông trình bày dưới hình thức ngọt ngào hơn. Tôi thiết tưởng không cần viết gì thêm vào bài của nhà văn Vũ-Hạnh, để nhấn mạnh về cái « thực tại » người lớn : người lớn làm ái tình, sinh ra trẻ con, nuôi dưỡng con cái một cách vô cùng vất vả, người lớn học hỏi suốt đời để truyền tiếp sự học hỏi ấy cho con cái, người lớn thương yêu con cái bằng những tấm tình cao sâu vô hạn. Những sự kiện gần như những sự thật

muôn đời này, tôi chúc cho giáo sư sớm được biết đến chúng : tôi chúc giáo sư sớm có những đứa con đẹp và ngoan và khỏe mạnh, để được thấy thực tế xác nhận với ông rằng chưa nói gì đến ảnh hưởng với mặc cảm, ông (với bà Trung) làm thế nào — kể cả quát thét, roi vọt — cho lũ con của ông bà có lễ phép (biết chào các bác các chú, biết nói « cháu không dám » để từ chối gói quà mà, có khi vì tự trọng, ông bà không muốn cho chúng nhận) và chịu khó học hành, thi, như vậy, là ông bà có quyền tự coi như đã thành công nhiều trong sứ mệnh giáo dục con trẻ.

Vấn đề giản dị có thể thôi. Sự chứng minh tương đối dễ dàng. Tôi sẽ không viết bài này, nếu không có những ý định quan trọng hơn. Về thực trạng xã hội hôm nay của chúng ta.

Xã hội hôm nay của chúng ta đang bị sỉ vả, mạ lỵ tàn tệ. Nhất là thành phần « trẻ » của xã hội. Một nhà chuyên môn, hiện lãnh đạo một cơ quan trung ương về tuổi trẻ, đã phải đăng đàn diễn thuyết, đề công khai lên án lớp người trẻ tuổi, nhất là trẻ tuổi ở đô thành. Ông nói rất hay, buộc tội rất gắt. Nhưng tôi không đồng ý với ông. Mặc dù tôi thuộc giới sinh hoạt xã hội thấp hơn ông, ở nhà trong hẻm nhỏ và phải giao thiệp hàng ngày với nhiều hạng người. Mặc dù tôi có quen biết hẳn hoi những nhà trí thức, thuộc lớp người có quyền hành, có những đứa con cao-bồi-chuyên-nghiệp (đâm chém thuê lấy tiền hút thuốc phiện), hoặc có đứa con hằng đêm lúi đao vào bụng người đến xóm nhà nó đánh bạc để lột bóp, đồng hồ, giấy truyền. Những đứa nhỏ đó đều chưa đến 18 tuổi. Cũng chưa đến 18 tuổi, bọn trẻ thường mặc giả quân nhân, đón đánh đề cướp bút máy, đồng hồ của những em học sinh đến học chậm tại một trường tư đường Cống Quỳnh. Nhân danh những điều tôi đã thấy tận mắt, tôi nghĩ tôi có quyền lên án tuổi trẻ lắm.

Nhưng tôi không muốn nông nổi như vậy. Vì, ngoài số trẻ em hư hỏng, tôi lại còn biết những em rất ngoan ngoãn. Đó là mấy đứa con của một vị thẩm phán, đó là mấy đứa cháu con bà chị tôi, đó là con trai ông thợ mỗi tháng cắt tóc cho tôi hai lần, đó là con gái của bà hàng gạo cứ 10 ngày lại đem cho vợ tôi 20 ký gạo quê... những đứa trẻ đã học, đã đỗ Tú-tài toàn phần ưu hạng năm 16 tuổi, có đứa đỗ Cử-nhân Toán năm 20, có đứa đỗ kỹ sư thủy điện, có

nọ. Nhưng dù sao, hoàn cảnh cũng trả lời hộ tôi câu buộc tội thứ nhất. Ngót 3 lần 6 tháng qua rồi, xã hội vẫn tồn tại. Ông bạn của tôi đã bị quan quá. Mặc dù sự tồn tại không bảo đảm rằng xã hội ta không bị xáo động, người ta vẫn phải xác nhận rằng bên ngoài, ở trên, ở sau những lực lượng và cá nhân muốn tác loạn, vẫn còn có những thế lực và những người sáng suốt cố gắng dàn xếp những vụ lộn xộn đã xảy ra. Đó là nói về lời khiển trách thứ nhất.

Còn ba lời khiển trách sau, tôi đã phải cố gắng trả lời những người nói ra chúng. Thứ nhất, về sự học hành và thi cử, tôi nhận không biết rõ nội dung vụ đó ra sao, nhưng tôi đã ngẫu nhiên nói về một điểm mà càng về sau tôi lại càng thấy nó quan trọng. Tôi đã nói đại ý rằng nhóm Phong-hóa Ngày-nay hồi tiền chiến có lẽ đã mắc mưu thực dân trong một khu vực rất nguy hiểm, về chính trị văn hóa. Người Pháp đề cho một số người Việt học lấy những quan niệm của họ về một cuộc sống văn minh tiến bộ, theo con đường kỹ thuật và vật chất. Những người đã chới mắt vì những thực hiện mới mà họ thấy ở ngoại quốc, nên không tự hỏi về giá trị căn bản của nền văn minh của dân tộc mình, cũng không tự hỏi về khả năng hấp thụ nền văn minh mới của dân tộc mình. Họ dùng dùng chê bai tất cả những cái cũ, khuyên phá hủy tất cả những tập quán cổ truyền, để tiến nhanh cho kịp đà văn minh thế giới. Cái tai hại về văn hóa lại chính là cái may mắn về nghệ thuật. Nhóm P.H.-N.N. mở đường cho thể hệ văn chương hiện đại, nhưng, đồng thời cũng bằng uy tín của họ, gây cho thể hệ sau những hiểu lầm khó gột rửa về thời đại tiền-Pháp-thuộc. Tôi nói đến một ví dụ là sự học hành và thi cử theo lối xưa. Sự học hành thì khó khăn mơ hồ, thiếu bổ ích thiết thực; sự thi cử rành rang đầy tàn tích phong kiến, tác phong của mấy ông đồ thật lỗ bịch, còn mấy ông Cử, ông Nghè lại quan liêu — hễ nói đến « quan » là đáng ghét lắm rồi! — và lạc hậu, cố chấp vô cùng trước làn sóng văn minh, tân tiến. Chính tôi đã nhận những lời chê bai ấy là đúng. Và phải chờ 20 năm sau, với khoảng cách của hai cuộc chiến tranh và hai chuyển veng gia thất thồ, tôi mới nghĩ ra rằng chương trình học « văn minh » còn mơ hồ hơn, phức tạp gấp nghìn lần, và cũng chẳng bổ ích thiết thực gì cho học sinh, nếu họ không thi đỗ, để dùng mình bằng làm cái cần câu cơm... y như trước. Nhưng còn

rất nhiều điều không bằng như trước. Ví dụ sự học ngày xưa không tốn tiền quá như sự học ngày nay : con nhà nghèo, miễn có bát ăn, là có thể đi học. Học có một phần về khoa học, nhưng chú trọng nhiều hơn đến hai điều : phép xử thế và thuật trị dân. Người học trò, không kể giàu nghèo sang hèn, đều có quyền đi thi. Trường thi được tổ chức rất nghiêm. Đề tài phần nhỏ về thơ phú, phần lớn về việc nước. Học trò thi đỗ, tức khắc được dự vào giai cấp lãnh đạo quốc gia, dù có ra làm quan hay không. Học trò đi thi chỉ có một trường hợp bị cấm, là xuất thân từ cái nghề « giả vờ », tức là nghề ca hát, tuồng chèo !

Tôi thiết tưởng một xã hội khó có thể có tinh thần dân chủ hơn, khi tiêu chuẩn độc nhất để đánh giá con người là sự học. Thế mà, cách đây 20 năm, khi mới biết đọc sách, đọc báo, tôi đã tin ngay xã hội cũ là hủ bại, là yếu hèn. Tôi hăng hái đi vào con đường văn minh, để đến nỗi, 20 năm sau, tôi vẫn chưa biết mình ở đâu và đi đâu. Nghi như thế, tôi lại thấy chúng ta không nên vội vã kết án sự thi cử. Đã đành là sự đã lỡ rồi. Chúng ta có quá nhiều sinh viên, và sắp có quá nhiều bằng cấp. Các môi trường doanh thương không đủ chỗ dung người mới đậu. Vậy chúng ta lo giải quyết vấn đề thi cử. Nhưng giải quyết chỉ là cải thiện chứ không bao giờ bỏ hẳn được. Vấn đề là chế độ chính sách chứ không phải là thi cử và bằng cấp. Tôi tin chắc một nọh năm sau, sự chọn lựa nhân tài vẫn phải đi qua vòng thi cử, và sau mỗi cuộc thi, người ta vẫn phải cấp cho những người tốt nghiệp những tờ chứng chỉ, là bằng cấp. Như vậy, sự chống đối thi cử, bằng cấp chỉ là một hành động sai lầm, do những ý muốn tiến bộ quá nóng nảy mà có. Tôi bỗng nhiên lại có ý nghĩ lẫn lộn là nếu nhà cách mạng của tôi hồi còn trẻ có đậu bằng tiến sĩ chẳng hạn, thì chưa chắc ông đã... có tên trong hàng ngũ cách mạng ! (4)

Bây giờ đến trường hợp 3 và 4. Tôi thú thật đã tỏ ra lạc hậu một cách thật tình. Tôi đã đồng ý với một bạn đồng nghiệp hơn tuổi của tôi, rằng ở bất cứ xã hội nào cũng có tham nhũng và hối

(4) Thiết tưởng nên nói thêm là tôi không có bằng cấp nào hết.

lộ, và ở bất cứ xã hội có chiến tranh, có loạn ly nào cũng có nhiều tham nhũng và hối lộ. Tôi ví dụ ngay xã hội Pháp, từ 1941 đến 1945, không thiếu gì Pháp-gian, me Đức, chợ đen và hối lộ. Tôi ví dụ ngay khu vực Việt-minh, năm 1949-50, mới có mấy phố nhỏ có nơi « ăn-hút » ở Thanh-hóa mà đã có một Trần Dụ-Châu, ; và năm 1950, trong khi giành chính, Việt-Minh đã tìm thấy cả nghìn « đồng chí tinh thần cao » phạm tội thụt két, hối lộ, hủ hóa (rượu, gái, cờ bạc, thuốc phiện, đủ cả !). Tôi ví dụ ngay thời bành, giữa nước Mỹ, còn có luật cho những người phạm một số tội tiêu hình được ký quỹ tiền để ra tại ngoại rồi... đi thẳng. Đã đành đạo luật có những tác dụng tốt của nó, nhưng không thiếu gì kẻ giàu có dùng tiền đi thay tội, trong khi người nghèo phạm tội nhẹ hơn, vẫn ở tù như thường. Bấy nhiêu thí dụ cốt để nói rằng xã hội ta có xấu thật, nhưng không phải một mình ta xấu mà thôi.

Cũng không phải một mình ta hèn yếu. Nhìn một khía cạnh, ta không có những lâu đài đồ sộ là kém ; nhưng nhìn một khía cạnh khác, ta sở dĩ không có những lâu đài đồ sộ vì các vua chúa, tướng lãnh của ta vừa không muốn hao tổn công quỹ, làm khổ dân chúng, lại vừa có tinh thần khiêm tốn trước lịch sử. Làm ông vua thương dân, làm ông tướng thẳng giặc, quý vị đó ý thức được rằng họ mới chỉ làm vừa đủ bổn phận của họ. Vậy lập đài kỷ niệm làm gì ? Và lại người đã chết, đã không sống lại được, thì nào có còn thấy được lâu đài dinh thự nào nữa đâu !

Một quá khứ gần gũi như thế ấy, một thực trạng xã hội như thế này, tôi thật thà chẳng thấy gì đáng xấu hổ hết. Tôi, trái lại, còn thấy kiêu hãnh. Rằng ít ra tôi cũng không theo ông Mác, ông Xác một cách quá sách vở, và tôi cũng không bị cái chiến dịch mạt ly, xuyên tạc của Cộng-sản làm cho tôi mắc vào cái mắc cảm phạm tội, hễ lúc nào ngồi miệng nói, tay viết, đề nguyên rửa đồng bào tôi và chính tôi, thì trong lòng lại áy náy không yên.

Tôi biết chắc rằng cách đây một thế kỷ, tổ tiên chúng ta đã đi đến được một tổ chức xã hội quân bình, một trạng thái tinh thần yên ổn. Sự thành công đã đành chỉ có vào khoảng 100 năm, trong quá khứ, tôi không đại gì mà hy vọng đem nguyên vẹn cái

nếp sống xưa đặt vào thực trạng hiện nay. Tôi cũng chịu nhận rằng nếp sống cũ tuy có yên ổn nhưng làm cho mòn yếu sinh lực quốc gia. Nhưng tôi lại nghĩ rằng Việt-Cộng ngày nay có quân đội mạnh **■**, nhưng không biết họ có dùng nó để đánh lại Trung-Cộng được không? Và tôi lại nghĩ thêm rằng miền Nam chúng ta — hay nói cho đúng là thủ đô Sài-gòn — còn có nhiều tự do để cho tầng lớp trí thức công khai công phá một chút yên vui còn lại của tinh thần xã hội (mà không đề nghị bất cứ gì để thay thế), thì không biết nếu cái tinh thần ấy tan nát thật sự, và Cộng-sản vào được khu phố Nguyễn Trung-Trực được rồi, thì họ có cử chỉ nhân đạo tối thiểu, là để cho mấy nhà trí thức nói trên sống nốt chuỗi ngày thất nghiệp của các vị đó hay không? Nếu câu trả lời là « có », thì tôi xin tuyên bố, ngay từ giờ phút này, rằng mỗi khi tôi viết có câu nào xúc phạm đến các đồng chí ngoài Bắc, thì đó chỉ là tôi... giả vờ đóng vai chống Cộng đó mà thôi!

Còn nếu câu trả lời dứt khoát là « không », thì tôi trông thấy con đường đi của tôi : là những giá trị cũ, tuy không còn hợp thời nhưng tất phải có những nguyên nhân của chúng. Tôi, thay vì phàn nàn, oán trách, chê bai, có bốn phận phải tìm hiểu đến nơi, để có thể bắt đầu lại từ chỗ bắt đầu nguyên thủy. Tôi chẳng hy vọng làm được gì lớn, nhưng ít ra một số công việc ngay thẳng, với những cố gắng tâm thành, cũng tránh cho tôi khỏi mất thì giờ chê bai, oán trách... Tôi chưa hề có tham vọng làm một người trí thức bao giờ!

MỖ LẠNG VĂN

PHÁT HÀNH ĐÚNG MÙNG 6 TẾT

tuổi nước độc

truyện dài của DƯƠNG-NGHIÊM-MẬU

Tập-san VĂN xuất-bản : sách hay, in đẹp, bán rẻ



CHÉM TRẦN DẠ TỪ

(Một tờ báo của mấy chú nhỏ tổ cáo Trần Dạ Từ ăn rất nhiều tiền của Chương-trình Công-tác Hè 65. Từ là bạn thân của Tú mà nó không chia cho Tú đồng nào, vậy bèn lôi ra chém.)

Ôi tên thối nát, my dám ăn tiền
Ăn được bao nhiêu, ăn nhiều hay ít ?
Ăn trong đêm tối hoặc giữa thanh thiên ?
Luýnh quýnh làm sao cho thiên hạ biết ?

Chúng nó con nít không lẽ nói sai (1)
Vậy nếu biết điều my hãy cung khai
Bạc cất ở đâu, mấy nhà băng giữ
Chuyến ngân mấy lần, ăn chơi mấy củ ?

Ôi ta với my tình như ruột thịt
Đã bao năm nay chúng mình khăng khít
Làm ăn to thế sao nỡ giấu nhau
Phớt tỉnh ăng-lê, toan hề bùng bít ?

(1) Tục-ngữ : « Ra đường hỏi già, về nhà hỏi trẻ. »

My ăn một mình không chia ta với.
 Bạn thân quái gì thắng no thắng đói?
 Cũng đếch khao nhau Chuồng Chó, Chuồng Bò
 Nghìn năm một thuở đã tưởng êm ro!

Đồ thừa, chất thải my lại giấu luôn
 Không cho thiên hạ, chúng nó to mồm
 Chúng nó chửi my, nghĩ thì cũng phải
 Trần Dạ Từ ơi, già đời còn đại.

Món tiền lớn ấy my định làm gì
 Hay tính cù lần cưới cô vợ nữa
 Mua xe cho đi, xây nhà cho ở
 Mướn chúng nó về cắt nhau hầu hạ

Thắng thói nát ời, my sung sướng quá!

TÚ KẾU

SÁCH HAY. IN ĐẸP. BÁN RẺ

Tập san VĂN xuất bản

TUỔI NƯỚC ĐỘC

TRUYỆN DÀI MỚİ NHẤT, ĐẶC SẮC NHẤT

của DƯƠNG NGHIỄM MẬU

Giới thiệu Sách mới



Tòa soạn **VĂN** vừa nhận được những tác phẩm mới dưới đây do tác giả hoặc nhà xuất bản gửi tặng. Xin chân thành cảm ơn người tặng sách và trân trọng giới thiệu cùng độc giả của **VĂN** :

★ **VĂN MINH VIỆT NAM**, biên khảo của Lê-văn Siêu do Nam-Chi tùng-thư xuất bản. Sách dày 350 trang, giá 150 đồng.

Ấn bản mới tu chỉnh những sơ khảo cũ và cụ soạn thành một ấn bản duy nhất. Sách gồm 3 phần chính : 1 — Những cơ sở tinh thần. 2 — Nếp sống tinh cảm. 3 — Cuộc sống lễ nghi. Phụ bản có bản đồ thành Thăng-long ; thành Hà-nội năm 1873 ; và bản nhạc « Tình Ca » của Phạm Duy.

Biên soạn công phu, tài liệu phong phú, trình bày giản minh, sách đã đề cao được những giá trị tinh thần cổ hũu của nền văn minh Việt-nam.

● **CHỦ NGHĨA HIỆN SINH**, Thụy-Nhân dịch P. Foulquié do Nhị-Nùng xuất bản. Sách dày 180 trang, giá 60 đồng.

Sách khảo luận về triết học, đã được dịch ra bằng ngoại ngữ.

★ **TRUYỆN HAY CÁC NƯỚC**, Trạng - Thiên dịch do Thời Mới xuất bản. Sách dày 96 trang, 34 đồng.

Truyện hay các nước, tập II, gồm 5 truyện ngắn dịch của Zochchenko, Pilniak, Andritch, Moravia và Kafka.

● **TRÁI CẨM**, truyện dài của Hoài-Điệp Tử do Sông Hậu xuất bản. Sách dày 330 trang, bản đặc biệt không ghi giá.

Tác phẩm thứ ba của Hoài-Điệp-Tử. Theo lời giới thiệu của Hoàng-Anh-Tuấn thì : « Cây bút của Hoài là một con dao, chặt mạnh, cứa sâu vào những vết thương của cuộc sống chúng ta... »

★ **LÀ RỤNG VỀ CỘI**, truyện dài của Trần Châu Hồ do Mãn Ảnh xuất bản. Sách dày 352 trang, giá 81 đồng.

Tác phẩm thứ tư của Trần-Châu-Hồ, một cây bút trẻ mới xuất hiện nhưng đang viết « hùng » nhất hiện nay.

THƯ ĐÌ *Bình luận*

★ Quý bạn gửi bài và thư :

Để tránh thất lạc, mong quý bạn, nhất là từ miền Trung và Cao-nguyên, gửi thư và bài về tòa soạn **VĂN** bằng máy bay.

* NHẮN TIN CHUNG :

Tập bản thảo bị thất lạc trước đây đã được một bạn đọc đem tới trả lại tòa soạn. Kết quả tuyền chọn, mong quý bạn xem trong số báo này.

● em Thùy-Linh, Hội-an.

Rất tiếc không chỉ dẫn cho em được. Em nên biên thư hỏi nhật báo « Tiền Tuyến », chắc chắn sẽ được thỏa mãn đó.

* bạn Lê Khắc Quảng, Huế.

Đồng ý đổi số 26 + 27. Gửi ngay VĂN số 3 về.

● bạn Nguyễn Đức Hùng, Chi-hòa.

Sẽ nghiên cứu các đề nghị xây dựng của bạn. Xin cho biết trong số VĂN nào, bài nào không có tit ?

* bạn Võ Ngọc Bửu, Nha-trang.

Còn 36, 39 và 41. Cả cước phí 40 đồng. Có thể trả bằng tem thư.

● em Hà-thị Thao, Huế.

Nên tiếp tục gửi các bài khác về.

* bạn H.T.

Có vài đoạn viết được nhưng nhìn chung thì không có gì lạ cả. Cái nhan truyện hay lắm đó. Nên gửi thêm truyện khác xem sao,

● ông Cung Trường Thoi.

Chúng tôi cũng nghĩ ngài là một thiên tài ; nhưng, thưa ngài, thiên tài này, xét ra, nên cất kỹ thì hơn.

* quý bạn Nguyễn Phan Thịnh, Tân-hoài Dạ-vũ.

Chân thành cảm ơn. Mong gửi cho bài khác.

● em Chyn Chya, Gia-định.

Em cứ đem tới cho tòa soạn mượn 2 số báo đó.

* bạn Nguyễn Anh Dũng, Đà-nẵng.

Các sách do Giao-diêm xuất bản đều có bán tại nhà sách Lam-Son. Bạn mua ở đó tiện hơn vì gửi sách ra Đà-nẵng rất tốn cước phí.

● Cô P.T.X.N. — Đà-nẵng.

Đã nhận được thư cô. Chân thành cảm tạ. (N.Đ.T.)

* bạn Yến, Bạc-liêu.

Số 8-11 và 16 còn, gửi 30 đồng tem thư. Hai thắc mắc bạn nên viết hỏi thẳng báo đó thì hơn.

● bạn Trương Quang - Trung, Quảng-ngãi.

Những số báo cũ bạn cần, còn đầy đủ. 270 đồng cả cước phí.

* bạn Lê Hoàng Vinh, Đà-nẵng.

Đã nhận được tem. Sẽ gửi về địa chỉ mới của bạn.

● ông Vũ-văn Nguyên, Kiến-tương.

« Kín Cửa » cả cước phí 50 đồng. Có thể trả bằng tem thư.

* bạn Nguyễn-văn Ngữ, Huế.

Đừng bao giờ viết bản thảo cả hai mặt giấy.

● bạn Phạm Ngọc Liên, Qui-nhơn.

Từ 31 đến 38 còn đủ. 130 đồng cả cước phí. Xin gửi tiền vào.

* bạn Y-choi Kpa, Kbc. 6029.

1) Xin xem bài đăng trên VĂN số 45, trang 29-30. 2) Bạn viết thư gửi về tòa soạn VĂN sẽ chuyển giao tới các nhà thơ đó.

● bạn Viên-Sa, Qui-nhơn.

Những con nai của bạn không « mới » đâu: Chúng « làm dáng trí thức » đó thôi!

* bạn Trầm-Mi, Sài-gòn.

Xin liên lạc gấp với tòa soạn.

NHÂN TIN RIÊNG :

● bạn K.M. Sài-gòn.

Lâu lắm không thấy M. gọi điện thoại tới. Bất dẫu thấy nhớ giọng nói ngọt ngào của K.M. rồi đó.
(T.P.G.)

* bạn Trang, Sài-gòn.

Mong được gặp Trang. (Tinh)

MƯỢN BÁO CŨ :

1) Bạn đọc nào còn giữ được tuần báo THANH-NIÊN xuất bản ở Hà-nội khoảng 1951-1952.

2) Tuần báo CỐNG ĐÀN số 1-2-3 (bìa in màu, hình tài tử, trong có đăng truyện LẤY MÁU của Nghiêm Hoát) xuất bản ở Sài-gòn, khoảng 1960.

Xin vui lòng cho tòa soạn VĂN mượn trong ít bữa.

(Chúng tôi có thể cử người tới coi tại nhà quý vị. Xin biện thư cho họ.)

CẦN MUA SÁCH XƯA :

Tòa soạn Văn cần dùng những sách dưới đây và xin mua theo giá quý bạn định.

1) Tác - phẩm Nguyễn - Tuân Nguyễn, Quê-hương, Tùy bút (Cộng lực), Tóc chị Hoài...

2) Sở - cường Lê - Du : Bạc vãn-am Thi-văn-lập (1930).

3) Phút Ném của Vũ Khắc Tiệp (2 tập : 197 và 190 trang).

4) Tập văn họa kỷ niệm Nguyễn Du (Huế, 1942).

5) Ngô Tất Tố (dịch) : Kinh dịch (đã in 4 tập, Hà-nội, 1944, 1945).

6) Hùng Sơn - Nguyễn Du Ngung (dịch Thanh - Tâm Tà Nhân) : Kim Vân Kiều tiên thuyết (1928).

CẦN MUA MÁY CHỮ :

Tòa soạn Văn cần mua lại một máy đánh chữ cũ, còn tốt, loại sách tay, chữ có dấu Việt-ngữ.

CẦN MUA LẠI BÁO CŨ :

Ty trị sự Văn cần mua lại nhiều báo Văn số 3, số 14 và số 29, theo đúng giá bán. Bạn đọc dư dùng mà không muốn bán lại, có thể đổi 1 tập VĂN số 3 hoặc 2 tập 14 và 29 lấy một cuốn sách dịch Anh hùng thất mệ. Ở Sài-gòn, xin liên lạc thẳng với tòa báo. Ở xa, xin gửi nhà bưu điện.

